

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CỬ NHÂN SƯ PHẠM ÂM NHẠC**

Thái Nguyên, 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình đào tạo Sư phạm Âm nhạc, trình độ đại học
ngành đào tạo Sư phạm Âm nhạc, mã ngành 7140221**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1323/QĐ-ĐHTN ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định về đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm; Nghị quyết số 54/NQ-HĐT ngày 12 tháng 12 năm 2022 và Nghị quyết số 72/NQ-HĐT ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Quyết định số 91/QĐ-ĐHSP ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Trường Đại học Sư phạm;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo Sư phạm Âm nhạc, trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên (có Chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Chương trình đào tạo ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng đào tạo cho sinh viên ngành đào tạo Sư phạm Âm nhạc, trình độ đại học (mã ngành 7140221) tại Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên.

Điều 3. Trường phòng Phòng Đào tạo, các Trường đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *Đ*

Nơi nhận: *Qu*

- ĐHTN (để b/c);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Website Trường;
- Lưu: ĐT, VT (05).

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Mai Xuân Trường

MỤC LỤC

Trang.

1. Luận cứ xây dựng chương trình đào tạo.....	01
2. Xác định nhu cầu xã hội.	05
3. Chương trình đào tạo Sư phạm Âm nhạc	06
4. Mục tiêu đào tạo	06
5. Chuẩn đầu ra	07
6. Nội dung đào tạo	09
7. Đề cương chi tiết các học phần	16
8. Triết học Mác – Lênin	16
8. Kinh tế chính trị Mác – Lê nin.	18
9. Chủ nghĩa xã hội khoa học.	21
10. Tư tưởng hồ Chí Minh.....	24
11. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	26
12. Pháp luật đại cương	29
13. Tiếng Anh 1	32
14. Tiếng Anh 2.....	34
15. Tiếng Anh 3.....	37
16. Tin học đại cương	40
17. Giáo dục thể chất 1	42
18. Giáo dục thể chất 2	45
19. Giáo dục thể chất 3	47
20. Lý thuyết âm nhạc cơ bản	50
21. Ký xướng âm1	61
22. Ký xướng âm2	69
23. Ký xướng âm3	77
24. Thanh nhạc 1	84
24. Thanh nhạc 2	91
25. Thanh nhạc 3	98
26. Nhạc cụ 1	106
27. Nhạc cụ 2.....	113
28. Nhạc cụ 3.....	120
29. Lịch sử âm nhạc	127
30. Hòa âm	146

31. Hát dân ca	155
32. Đệm hát	163
33. Múa và Biên đạo múa	170
34. Vũ đạo	179
35. Chỉ huy – Hát đồng ca hợp xướng	188
36. Nhạc cụ tiết tấu và giai điệu	194
37. Mỹ học âm nhạc	202
38. Nghệ thuật học đại cương	214
39. Giới thiệu nhạc cụ	225
40. Đàn ghi ta.....	234
41. Tâm lý học giáo dục	241
42. Giáo dục học	245
43. Ứng dụng CNTT trong dạy học âm nhạc	251
44. Phân tích tác phẩm âm nhạc	259
45. Phương pháp dạy học âm nhạc 1	265
46. Phương pháp dạy học âm nhạc 2.....	274
47. Phương pháp dàn dựng chương trình nghệ thuật	283
48. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	293
49. Kiểm tra đánh giá học sinh trong dạy học môn âm nhạc	302
50. Thực tập sư phạm 1	310
51. Thực tập sư phạm 2	317
52. Nhạc cụ dân tộc	327
53. Phương pháp tổ chức ngoại khóa	335
54. Phương pháp NCKHGD âm nhạc	345
55. Mỹ thuật cơ bản.....	351
56. hòa tấu nhạc cụ	356
57. Biểu diễn thanh nhạc	362
58. Ký - Xướng âm.....	371
59. Biểu diễn nhạc cụ	379
60. Biểu diễn nghệ thuật tổng hợp.....	387

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 3 năm 2025

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 752/QĐ-ĐHSP ngày 18 tháng 3 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên)*

I. Luận cứ xây dựng chương trình đào tạo

1. Vai trò, ý nghĩa của ngành đào tạo Sư phạm Âm nhạc đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và khoa học - công nghệ

Trong bối cảnh đất nước tăng cường công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, ngành Sư phạm Âm nhạc có vị trí đặc biệt quan trọng trong hệ thống giáo dục quốc gia, tác động sâu sắc đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội:

Đối với sự phát triển giáo dục và đào tạo

Ngành Sư phạm Âm nhạc đóng vai trò cốt yếu trong thực hiện đổi mới giáo dục theo Nghị quyết 29-NQ/TW. Giáo dục âm nhạc giúp nâng cao khả năng sáng tạo, tư duy thẩm mỹ, và trí tuệ cảm xúc cho học sinh. Các giáo viên âm nhạc được đào tạo bài bản không chỉ nắm vững kỹ thuật giảng dạy mà còn biết cách khai thác tiềm năng sáng tạo và phát triển khả năng biểu đạt nghệ thuật của học sinh, góp phần phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực của người học.

Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Âm nhạc góp phần xây dựng môi trường học tập tích cực, năng động, khuyến khích sự tương tác và sáng tạo trong nhà trường. Đội ngũ giáo viên âm nhạc sẽ là những nhân tố then chốt giúp nâng cao chất lượng giáo dục nghệ thuật, tạo nền tảng phát triển tư duy sáng tạo, năng lực cảm thụ âm nhạc, và khả năng diễn đạt bản thân cho thế hệ học sinh mới.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, ngành Sư phạm Âm nhạc giúp tiếp cận các phương pháp giáo dục âm nhạc tiên tiến, kết hợp giữa các giá trị truyền thống Việt Nam và tinh hoa âm nhạc thế giới, đồng thời tạo điều kiện cho học sinh phát triển kỹ năng hội nhập quốc tế thông qua ngôn ngữ nghệ thuật chung.

Đối với sự phát triển kinh tế - xã hội

Đào tạo nhân lực chất lượng cao thông qua giáo dục nghệ thuật: Giáo dục âm nhạc không chỉ góp phần hình thành những con người sáng tạo, nhạy bén mà còn giúp nâng cao kỹ năng mềm, tư duy phản biện, và khả năng làm việc nhóm. Những phẩm chất này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh Việt Nam đang hướng đến một nền kinh tế sáng tạo, nơi mà khả năng tư duy sáng tạo, linh hoạt và năng động là chìa khóa cho sự phát triển bền vững.

Thúc đẩy phát triển văn hóa - xã hội bền vững: Ngành Sư phạm Âm nhạc giữ vai trò quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, dân tộc. Thông qua giáo dục âm nhạc, học sinh được bồi dưỡng tình yêu quê hương đất nước, lòng tự hào dân tộc, đồng thời nâng cao ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa Việt Nam trong thời kỳ hội nhập.

Đối với sự phát triển con người và văn hóa

Giáo dục âm nhạc giúp phát triển cảm xúc, đạo đức, và năng lực thẩm mỹ cho học sinh, từ đó xây dựng nền tảng nhân cách, đạo đức và giá trị sống tích cực. Qua âm nhạc, học sinh không chỉ nâng cao khả năng cảm thụ thẩm mỹ mà còn phát triển được kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp, và khả năng quản lý cảm xúc hiệu quả. Ngành Sư phạm Âm nhạc góp phần quan trọng trong việc xây dựng xã hội văn minh thông qua việc nâng cao nhận thức về văn hóa ứng xử và giá trị nghệ thuật trong cộng đồng. Đội ngũ giáo viên âm nhạc là những người định hướng và tạo dựng chuẩn mực văn hóa, góp phần lan tỏa tinh thần văn hóa tích cực trong xã hội.

Đối với sự phát triển khoa học - công nghệ

Trong thời đại chuyển đổi số và công nghệ 4.0, ngành Sư phạm Âm nhạc thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy âm nhạc như: ứng dụng các phần mềm soạn nhạc chuyên nghiệp, xây dựng học liệu âm nhạc điện tử, tổ chức các hoạt động giảng dạy trực tuyến. Đội ngũ giáo viên âm nhạc được đào tạo sẽ làm chủ các công cụ công nghệ mới, tạo nên môi trường học tập hiệu quả, hấp dẫn và hiện đại.

Đội ngũ giảng viên và sinh viên được trang bị năng lực nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực âm nhạc và sư phạm âm nhạc, từ đó góp phần xây dựng cơ sở khoa học cho việc đổi mới phương pháp giảng dạy, đánh giá hiệu quả hoạt động giáo dục âm nhạc trong nhà trường, và đề xuất những cải tiến phù hợp với thực tế giáo dục địa phương.

Với những vai trò và ý nghĩa quan trọng trên, việc mở ngành đào tạo Sư phạm Âm nhạc tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên sẽ góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thúc đẩy văn hóa nghệ thuật và giáo dục toàn diện, đặc biệt đáp ứng nhu cầu phát triển của khu vực Trung du và miền núi phía Bắc trong thời kỳ mới.

2. Nhu cầu về nhân lực của ngành đào tạo

Kết quả khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo trình độ cử nhân Sư phạm Âm nhạc được trình bày ở bảng sau:

Bảng 1. Kết quả khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo trình độ cử nhân Sư phạm Âm nhạc

STT	Địa phương/tỉnh	Nhu cầu nhân lực	Số lượng nhân sự cần tuyển dụng			
			01-05	06-10	11-20	20-50
1	Bắc Kạn	Giai đoạn 2025-2030	x			
		Giai đoạn 2030-2035				x
2	Điện Biên	Giai đoạn 2025-2030		x		
		Giai đoạn 2030-2035				x

3	Tuyên Quang	Giai đoạn 2025-2030			x	
		Giai đoạn 2030-2035				x
4	Thái Nguyên	Giai đoạn 2025-2030		x		
		Giai đoạn 2030-2035			x	
5	Sơn La	Giai đoạn 2025-2030		x		
		Giai đoạn 2030-2035				x
6	Cao Bằng	Giai đoạn 2025-2030			x	
		Giai đoạn 2030-2035				x
7	Quảng Ninh	Giai đoạn 2025-2030		x		
		Giai đoạn 2030-2035				x
8	Hòa Bình	Giai đoạn 2025-2030		x	x	
		Giai đoạn 2030-2035				
Tổng		Giai đoạn 2025-2030	15	50-60	55-70	
		Giai đoạn 2030-2035				125-140

Số liệu trong bảng trên cho thấy nhu cầu nhân lực đào tạo trình độ cử nhân Sư phạm Âm nhạc tại các địa phương trong hai giai đoạn 2025-2030 và 2030-2035 có sự phân bố rõ ràng. Trong giai đoạn đầu (2025-2030), tổng nhu cầu tuyển dụng là 140 nhân sự, chủ yếu tập trung ở mức 06-10 và 11-20 nhân sự. Cụ thể, Điện Biên, Tuyên Quang, Thái Nguyên và Cao Bằng đều cần từ 6 đến 10 nhân sự, trong khi Bắc Kạn, Sơn La, Quảng Ninh và Hòa Bình có nhu cầu cao hơn, từ 11 đến 20 nhân sự. Đến giai đoạn 2030-2035, nhu cầu tuyển dụng có phần giảm xuống còn 135 nhân sự. Tuy nhiên, mức độ phân bố không đồng đều giữa các địa phương, trong đó đáng chú ý là Điện Biên và Cao Bằng giảm nhu cầu xuống mức thấp nhất (01-05 nhân sự), trong khi Bắc Kạn, Tuyên Quang, Sơn La, Quảng Ninh và Hòa Bình vẫn duy trì nhu cầu cao ở mức 11-20 và 20-50 nhân sự. Thái Nguyên duy trì ổn định mức tuyển dụng từ 6 đến 10 nhân sự trong cả hai giai đoạn. Điều này cho thấy, nhu cầu đào tạo nhân lực ngành Sư phạm Âm nhạc có xu hướng ổn định và tương đối cao tại khu vực này, đặc biệt trong bối cảnh phát triển toàn diện giáo dục và văn hóa tại các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc.

3. Thực trạng của ngành đào tạo Sư phạm Âm nhạc

3.1. Thực trạng ngành đào tạo ở Việt Nam Thông qua khảo sát và nghiên cứu thực tiễn hoạt động đào tạo ngành Sư phạm Âm nhạc trên cả nước, có thể nhận định một số điểm nổi bật như sau:

Thứ nhất, về quy mô và phân bố các cơ sở đào tạo: Hiện nay, nhiều trường đại học sư phạm lớn như Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Sư phạm TP.HCM và Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương đang đi đầu trong đào tạo ngành Sư phạm Âm nhạc với quy mô khoảng 50-70 sinh viên/năm. Các trường sư phạm vùng như Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, Đại học Vinh, Đại học Sư phạm - Đại học Huế cũng đã và đang mở rộng quy mô đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

Thứ hai, về định hướng phát triển chương trình đào tạo: Các trường đang từng bước đổi mới chương trình theo hướng tiếp cận năng lực, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông, trong đó chú trọng vào việc xây dựng năng lực sư phạm và nghệ thuật chuyên sâu. Chương trình đào tạo ngày càng hướng tới việc kết hợp hài hòa giữa lý thuyết và thực hành, chú trọng phát triển kỹ năng biểu diễn, sáng tác và tổ chức các hoạt động âm nhạc cho sinh viên.

Thứ ba, về đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo: Các trường đã và đang tiến hành cập nhật chương trình đào tạo thường xuyên, đặc biệt là tăng cường các học phần về phương pháp giảng dạy âm nhạc hiện đại, phương pháp ứng dụng công nghệ trong dạy học, các kỹ thuật biểu diễn, và sáng tác âm nhạc. Đồng thời, các trường cũng tăng cường các hoạt động thực tế tại trường phổ thông, nhằm giúp sinh viên có cơ hội trải nghiệm thực tiễn giáo dục âm nhạc và phát triển năng lực nghề nghiệp.

Thứ tư, về năng lực đội ngũ giảng viên: Đội ngũ giảng viên ngành Sư phạm Âm nhạc tại các trường ngày càng được củng cố về cả số lượng lẫn chất lượng. Nhiều giảng viên có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ được đào tạo bài bản tại các trường nghệ thuật lớn trong và ngoài nước, có khả năng cập nhật nhanh các phương pháp giảng dạy tiên tiến, hiện đại.

Thứ năm, về điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo: Hầu hết các trường đại học lớn đều đầu tư mạnh vào cơ sở vật chất chuyên ngành như phòng hòa nhạc, phòng thu âm, phòng thực hành nhạc cụ và phòng học đa phương tiện với trang thiết bị hiện đại. Tuy nhiên, tại một số trường địa phương, điều kiện cơ sở vật chất còn chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn, gây khó khăn trong việc thực hiện các phương pháp giảng dạy và thực hành hiện đại.

Bên cạnh những thành tựu, việc đào tạo ngành Sư phạm Âm nhạc còn gặp một số hạn chế như: một số cơ sở đào tạo thiếu liên kết chặt chẽ với thực tế giáo dục âm nhạc tại các trường phổ thông, số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ chưa đồng đều, điều kiện thực hành tại một số trường chưa đáp ứng đủ yêu cầu giảng dạy hiện đại.

3.2. Thực trạng tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

Tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, ngành Sư phạm Âm nhạc có những bước phát triển quan trọng, thể hiện qua các điểm cụ thể sau:

Thứ nhất, về lịch sử phát triển, ngành Âm nhạc được xây dựng dựa trên nền tảng vững chắc từ Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật, được thành lập trước đây nhằm

đáp ứng nhu cầu đào tạo giáo viên âm nhạc chất lượng cao cho khu vực Trung du và miền núi phía Bắc.

Thứ hai, về năng lực đào tạo, BMNT sở hữu đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao, gồm 10 giảng viên trong đó có 2 tiến sĩ, 4 NCS, 4 thạc sĩ. Các giảng viên đều có kinh nghiệm thực tế giảng dạy và biểu diễn nghệ thuật, đảm bảo chất lượng đào tạo và khả năng truyền đạt kiến thức, kỹ năng cho sinh viên.

Thứ ba, về cơ sở vật chất, Trường được đầu tư tốt với hệ thống phòng học âm nhạc, phòng tập nhạc cụ, phòng biểu diễn và studio ghi âm hiện đại, giúp sinh viên có điều kiện tốt nhất để thực hành và phát triển kỹ năng nghề nghiệp.

Thứ tư, về kinh nghiệm đào tạo, Trường đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm qua việc tổ chức các hoạt động thực tập sư phạm hiệu quả tại các trường phổ thông, đồng thời nhiều sinh viên tốt nghiệp đã và đang công tác thành công trong lĩnh vực giáo dục âm nhạc tại các địa phương.

Với thực trạng và những điều kiện thuận lợi trên, việc mở ngành đào tạo Sư phạm Âm nhạc tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên hoàn toàn khả thi, góp phần đáp ứng nhu cầu xã hội và thúc đẩy phát triển văn hóa nghệ thuật cho khu vực.

II. Xác định nhu cầu xã hội

Việc đào tạo cử nhân Sư phạm Âm nhạc là một nhu cầu cấp thiết nhằm đáp ứng mục tiêu giáo dục toàn diện theo tinh thần đổi mới giáo dục được thể hiện trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Đây là ngành đào tạo ra đội ngũ giáo viên âm nhạc có chuyên môn cao, có năng lực sư phạm vững vàng, khả năng sáng tạo, đạo đức nghề nghiệp tốt, đáp ứng các hoạt động dạy học và giáo dục âm nhạc tại các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông theo yêu cầu đổi mới của chương trình giáo dục phổ thông hiện hành.

Hiện nay, trên cả nước nói chung và khu vực Trung du và miền núi phía Bắc nói riêng, tình trạng thiếu hụt giáo viên âm nhạc vẫn đang là vấn đề nổi bật. Theo báo cáo từ Bộ Giáo dục và Đào tạo, tính đến năm 2024, nhiều địa phương vẫn chưa đủ giáo viên âm nhạc để đảm bảo định mức giáo viên/lớp theo quy định, đặc biệt là các trường vùng sâu, vùng xa. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng giáo dục nghệ thuật và mục tiêu phát triển toàn diện học sinh, đồng thời gây khó khăn cho các trường khi triển khai đầy đủ chương trình giáo dục âm nhạc theo yêu cầu của chương trình giáo dục mới.

Bên cạnh đó, cơ cấu giáo viên âm nhạc hiện nay còn có sự mất cân đối lớn giữa các vùng miền và cấp học, đặc biệt tại các tỉnh miền núi phía Bắc. Chỉ tiêu tuyển dụng giáo viên âm nhạc ở nhiều địa phương còn thấp hơn nhiều so với nhu cầu thực tế, dẫn đến tình trạng thiếu giáo viên kéo dài và không có đủ giáo viên được đào tạo bài bản để giảng dạy âm nhạc trong trường phổ thông.

Do vậy, việc mở ngành đào tạo cử nhân Sư phạm Âm nhạc tại trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên là rất cần thiết, không chỉ đáp ứng yêu cầu cấp bách về nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực giáo dục âm nhạc mà còn góp phần thực hiện thành công chương trình đổi mới giáo dục phổ thông, đặc biệt trong bối cảnh

các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc đang rất cần đội ngũ giáo viên âm nhạc đạt chuẩn.

Ngoài ra, ngành đào tạo cử nhân Sư phạm Âm nhạc còn cung cấp nhân lực có chất lượng cho các cơ quan, tổ chức văn hóa nghệ thuật, các trung tâm văn hóa và các cơ sở giáo dục đào tạo về nghệ thuật tại các địa phương. Đặc biệt, sinh viên tốt nghiệp có thể tham gia công tác nghiên cứu âm nhạc, làm chuyên viên tại các trung tâm văn hóa, viện nghiên cứu, hay các cơ quan tuyên truyền văn hóa, góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa nghệ thuật truyền thống của dân tộc. Vì thế, việc mở ngành đào tạo này không chỉ đáp ứng nhu cầu cấp thiết về giáo viên âm nhạc mà còn tạo cơ hội việc làm đa dạng, rộng mở, thu hút sinh viên theo học và đóng góp vào sự phát triển văn hóa, xã hội tại các địa phương.

III. Chương trình đào tạo

Tên ngành (tiếng Việt và tiếng Anh): Sư phạm Âm nhạc (Music Pedagogy)

Mã số ngành đào tạo: 7140221

Tên chương trình đào tạo: Cử nhân sư phạm Âm nhạc

Trình độ đào tạo: Đại học

Hệ đào tạo: Chính quy

Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân

Thời gian đào tạo: 4 năm

Đơn vị đào tạo: Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật - Khoa Giáo dục Tiểu học

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của Chương trình đào tạo Sư phạm Âm nhạc là đào tạo Cử nhân sư phạm Sư phạm Âm nhạc có chất lượng tốt, có khả năng giảng dạy âm nhạc ở các trường phổ thông, các trường Trung học và Cao đẳng chuyên nghiệp; chuyên viên về lĩnh vực âm nhạc của các Sở, Phòng Giáo dục và Đào tạo; nghiên cứu viên và tư vấn viên làm việc tại các cơ quan, tổ chức nghiên cứu và tư vấn về lĩnh vực âm nhạc trong nước và quốc tế. Người học sau khi tốt nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có kiến thức cơ bản, chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng; có khả năng tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo và giải quyết những vấn đề lý luận, thực tiễn trong lĩnh vực giáo dục âm nhạc; tự thích ứng để học tập suốt đời; có năng lực ngoại ngữ, tin học đáp ứng với yêu cầu hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

PO1: Có kiến thức toàn diện về lý luận chính trị, khoa học giáo dục và kiến thức cơ bản về lĩnh vực nghệ thuật để vận dụng trong hoạt động thực tiễn của bản thân và tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục âm nhạc ở các trường phổ thông và các trường Trung học chuyên nghiệp.

PO2: Có kỹ năng thực hành, giảng dạy, nghiên cứu về lĩnh vực giáo dục âm nhạc, thích nghi với môi trường làm việc, khởi nghiệp.

PO3: Có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, khai thác và sử dụng được các ứng dụng của công nghệ thông tin, tiếng Anh trong tự học, nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực giáo dục âm nhạc.

PO4: Có năng lực để học tập suốt đời và tiếp tục học ở các bậc học cao hơn; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thực tiễn ở trường phổ thông, các trường Trung học chuyên nghiệp liên quan đến nghiên cứu và giảng dạy.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Về kiến thức

*** Kiến thức chung**

1) PLO1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và pháp luật Việt Nam trong hoạt động thực tiễn của bản thân và công việc.

2) PLO2: Vận dụng được các kiến thức tâm lý học, giáo dục học, quản lý nhà trường vào việc tổ chức hoạt động dạy học âm nhạc và hoạt động giáo dục ở các trường phổ thông.

*** Kiến thức chuyên môn**

3) PLO3: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về các lĩnh vực nghệ thuật, khoa học xã hội, công nghệ và tin học... vào tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục âm nhạc nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

4) PLO4: Hiểu biết về mối quan hệ giữa nhà trường và các bên liên quan để thực hiện hiệu quả hoạt động dạy học và giáo dục âm nhạc cho học sinh.

5) PLO5: Thực hiện được các nghiên cứu cơ bản về khoa học giáo dục, sử dụng kết quả nghiên cứu góp phần đổi mới quá trình dạy học và giáo dục âm nhạc ở trường phổ thông.

6) PLO6: Thực hiện đúng Điều lệ, quy định nhiệm vụ, quyền của giáo viên và học sinh ở trường phổ thông.

2.2. Về kỹ năng

*** Kỹ năng chung**

7) PLO7: Giao tiếp hiệu quả và thực hiện được hoạt động tư vấn trong hoạt động dạy học, giáo dục và hướng nghiệp.

8) PLO8: Khai thác được các ứng dụng của công nghệ thông tin trong tự học, nghiên cứu khoa học, dạy học, đánh giá và quản lý học sinh.

9) PLO9: Sử dụng được tiếng Anh tương đương bậc 3/6 trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn.

*** Kỹ năng chuyên môn**

10) PLO10: Thực hiện được hoạt động tự trải nghiệm nghề nghiệp để tìm kiếm cơ hội khởi nghiệp và dẫn dắt người khác tìm kiếm cơ hội khởi nghiệp.

11) PLO11: Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục âm nhạc nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

12) PLO12: Vận dụng được linh hoạt các phương pháp vào quá trình dạy học âm nhạc và tổ chức hoạt động giáo dục ở trường phổ thông.

13) PLO13: Vận dụng được các hình thức, phương pháp và kỹ thuật để kiểm tra đánh giá kết quả học tập vì sự tiến bộ của người học.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

14) PLO14. Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở cơ quan.

15) PLO15: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm, học tập suốt đời; đánh giá để đưa ra kết luận và có giải pháp cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn.

3. Ma trận quan hệ mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu cụ thể	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo														
	Kiến thức chung		Kiến thức chuyên môn				Kỹ năng chung			Kỹ năng chuyên môn				Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PL10	PL11	PL12	PL13	PL14	PL15
PO1	x	x	x	x								x	x	x	x
PO2			x		x	x				x	x	x	x	x	
PO3							x	x	x						x
PO4			x		x	x									x

4. Đối tượng tuyển sinh

- 1) Xét tuyển theo kết quả kì thi THPT
- 2) Xét tuyển theo học bạ
- 3) Xét tuyển theo Đánh giá năng lực

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo: 130;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa đạt từ 2,0 trở lên;
- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất;
- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ;

- Đạt chuẩn đầu ra về công nghệ thông tin.

6. Cách thức đánh giá

6.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các đánh giá trong Giáo dục Tiểu học.

6.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Số tín chỉ của học phần	Số điểm đánh giá quá trình			Tổng số đầu điểm quá trình
	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kì	
2	1	1	1	3
3-4	1	1	2	4
5	1	1	3	5

- Trọng số điểm

+ Đánh giá quá trình 50%

+ Thi kết thúc học phần: 50%

7. Nội dung đào tạo

7.1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 120

Trong đó:

a) Kiến thức chung: 26

b) Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 46

c) Kiến thức nghiệp vụ sư phạm (Khỏi kiến thức ngành và bổ trợ): 42

d) Khóa luận tốt nghiệp, các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (Khỏi kiến thức thực tập và tốt nghiệp): 06

7.2. Khung chương trình đào tạo Sư phạm Âm nhạc

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Số Tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Thực tế CM	HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Thảo luận				
1. Kiến thức giáo dục đại cương			26								
Các học phần bắt buộc											
1	59SPH131	Triết học Mác - Lênin	3	32	10	6	10	0			1
2	59SPE121	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	21	10	4	4	0		59SPH131	2
3	59SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	6	6	6	0		59SPE121	3
4	59HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	6	6	6	0		59SSO121	4
5	59HPV121	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	6	6	6	0		59HCM121	5
6	59GEL121	Pháp luật đại cương	2	21	7	4	7	0			4
7	59ENG131	Tiếng Anh 1	3	30	10	15	5	0			1
8	59ENG132	Tiếng Anh 2	3	30	10	15	5	0		59ENG131	2
9	59ENG143	Tiếng Anh 3	4	40	15	20	5	0		59ENG132	3

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Số Tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Thực tế CM	HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Thảo luận				
10	59GIF131	Tin học đại cương	3	20	0	40	10	0			1
11	59PHE111	Giáo dục thể chất 1									
12	59PHE112	Giáo dục thể chất 2								59PHE111	
13	59PHE113	Giáo dục thể chất 3								59PHE112	
14	59MIE131	Giáo dục quốc phòng		05 tuần tập trung							
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			46								
Các học phần bắt buộc			43								
15	59BMT231	Lý thuyết Âm nhạc cơ bản	3	30	10	15	5				1
16	59COS221	Ký – Xướng âm 1	2	10		40					1
17	59COS222	Ký – Xướng âm 2	2	10		40				59COS221	2
18	59COS223	Ký – Xướng âm 3	2	10		40				59COS222	3
19	59VOC221	Thanh nhạc 1	2	10		40					1
20	59VOC222	Thanh nhạc 2	2	10		40				59VOC221	2
21	59VOC223	Thanh nhạc 3	2	10		40				59VOC222	3
22	59MUI221	Nhạc cụ 1	2	10		40					1
23	59 MUI 222	Nhạc cụ 2	2	10		40				59MUI22	2
24	59 MUI 223	Nhạc cụ 3	2	10		40				59MUI 222	4
25	59HMU241	Lịch sử âm nhạc	4	45	10	15	5				4
26	59HAM231	Hòa âm	3	30	10	15	5				6
27	59FOS221	Hát dân ca	2	10		40					4
28	59ACC221	Đệm hát	2	10		40					7
29	59DAC231	Múa và Biên đạo múa	3	10	20	40	10				3
30	59DAN321	Vũ đạo	2	5	10	30	10				4
31	59CCS231	Chỉ huy - Hát đồng ca hợp xướng	3	10	20	40	10				5
32	59IRM231	Nhạc cụ tiết tấu và giai điệu	3	10	20	40	10				4
Các học phần tự chọn (Chọn 03 TC)			3								6
33	59MUA231	Mỹ học âm nhạc	3	30	10	15	5				
34	59GAR231	Nghệ thuật học đại cương	3	30	10	15	5				
35	59IMI231	Giới thiệu nhạc cụ	3	30	10	15	5				
36	59GUI231	Đàn Ghi ta	3	10	20	40	10				
3. Kiến thức Nghiệp vụ sư phạm			42								
Các học phần bắt buộc			36								
37	59EPS331	Tâm lý học giáo dục	3	30	10	10	10				2
38	59PEP331	Giáo dục học	3	32	8	12	16				5
39	59VLI331	Giao tiếp sư phạm	3	30	10	10	10				2

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Số Tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Thực tế CM	HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Thảo luận				
40	59TME331	Ứng dụng CNTT trong dạy học âm nhạc	3	20	5	40	5				5
41	59MWA331	Phân tích tác phẩm âm nhạc	3	30	10	15	5			59HAM231	6
42	59MTM331	Phương pháp dạy học âm nhạc 1	3	20		40	4	6			3
43	59MTM342	Phương pháp dạy học âm nhạc 2	4	20		70	0	10		59MTM331	6
44	59APS331	Phương pháp dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp	3	20	5	40	5				7
45	59PTM331	Rèn luyện NVSP	3	20	5	40	5				7
46	59TAS331	Kiểm tra, đánh giá học sinh trong dạy học môn Âm nhạc	3	30	10	15	5				5
47	59TRA321	Thực tập sư phạm 1	2	03 tuần ở Trường phổ thông							6
48	59TRA332	Thực tập sư phạm 2	3	07 tuần ở Trường phổ thông							8
Các học phần tự chọn (Chọn 06 TC)			6								7
49	59FMI331	Nhạc cụ dân tộc	3	15	5	50	5				
50	59NCD331	Phương pháp tổ chức ngoại khóa	3	20	5	30	15				
51	59SAE331	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục âm nhạc	3	30	10	15	5				7
52	59BFA331	Mỹ thuật cơ bản	3	30	10	15	5				
53	59CON331	Hòa tấu nhạc cụ	3	30	10	15	5				7
4. Khóa luận tốt nghiệp (KLTN), các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			6								
Khóa luận tốt nghiệp			6								
54	59PED971	Khóa luận tốt nghiệp	6								8
Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (chọn 7 tín chỉ)											8
55	59VOP941	Biểu diễn thanh nhạc	3	15	20	60	10				8
56	59COS941	Ký – Xướng âm	3	15	20	60	10				8
57	59MIP931	Biểu diễn nhạc cụ	3	20	0	40	10				8
58	59PGA931	Biểu diễn nghệ thuật tổng hợp	3	10	10	50	10				8
Tổng cộng			120								

7.3. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt được CĐR của CTĐT

TT	Các học phần	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL010	PL011	PL012	PL013	PL014	PL015
1	Triết học Mác - Lênin	3	0	0	0	0	0	3	2	1	0	0	0	0	2	2
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3	0	0	0	0	0	3	2	1	0	0	0	0	2	2
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	0	0	0	0	0	3	2	1	0	0	0	0	2	2
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	0	0	0	0	0	3	2	1	0	0	0	0	2	2
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	0	0	0	0	0	3	2	1	0	0	0	0	2	2
6	Pháp luật đại cương	3	0	0	0	0	0	3	2	1	0	0	0	0	2	2
7	Tiếng Anh 1	0	0	0	0	0	0	2	2	3	0	0	0	0	0	2
8	Tiếng Anh 2	0	0	0	0	0	0	2	2	3	0	0	0	0	0	2
9	Tiếng Anh 3	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	2
10	Tin học đại cương	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	0	2	0	0	3
11	Giáo dục thể chất 1	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	1	3
12	Giáo dục thể chất 2	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	1	3
13	Giáo dục thể chất 3	1	2	0	0	0	2	0	1	0	0	2	2	0	0	2
14	Giáo dục quốc phòng	0	3	0	1	1	1	3	0	0	0	0	2	0	1	1
15	Lý thuyết Âm nhạc cơ bản	3	1	3	1	1	1	1	3	2	2	2	2	2	1	1
16	Ký – Xướng âm 1	2	2	2	1	1	1	0	0	0	2	2	2	2	1	1
17	Ký – Xướng âm 2	2	2	2	1	1	1	0	0	0	2	2	2	2	1	1
18	Ký – Xướng âm 3	2	2	2	1	1	1	0	0	0	2	2	2	2	1	1
19	Thanh nhạc 1	3	0	3	0	0	0	0	3	0	2	0	0	2	1	3
20	Thanh nhạc 2	3	0	3	0	0	0	0	3	0	2	0	0	2	1	3
21	Thanh nhạc 3	3	0	3	0	0	0	0	3	0	2	0	0	2	1	3
22	Nhạc cụ 1	3	1	3	1	2	2	1	3	1	2	1	1	2	2	3
23	Nhạc cụ 2	3	1	3	1	2	2	1	3	1	2	1	1	2	2	3
24	Nhạc cụ 3	3	1	3	1	2	2	1	3	1	2	1	1	2	2	3
25	Lịch sử âm nhạc	0	3	3	3	0	0	1	1	0	0	2	2	2	1	1
26	Hòa âm	2	2	2	1	1	1	0	0	0	2	2	1	1	1	1
27	Hát dân ca	2	0	3	0	0	0	0	3	0	2	0	0	2	1	2
28	Đệm hát	3	2	3	2	2	2	1	3	1	2	1	2	2	1	3
29	Múa và Biên đạo múa	3	3	3	1	1	1	3	3	1	3	3	3	3	2	2
30	Vũ đạo	1	3	3	3	3	3	3	3	1	3	3	3	3	2	2

31	Chỉ huy - Hát đồng ca hợp xướng	1	2	2	1	1	1	0	0	0	2	2	2	2	1	1
32	Nhạc cụ tiết tấu và giai điệu	3	1	3	1	2	2	1	3	1	2	1	1	2	2	3
33	Mỹ học âm nhạc	0	3	3	0	1	0	1	1	0	0	2	2	2	1	1
34	Nghệ thuật học đại cương	3	1	3	0	0	0	0	3	0	2	0	0	2	1	3
35	Tính năng nhạc cụ	3	1	3	1	1	1	1	3	1	2	1	1	2	1	3
36	Đàn Ghi ta	0	2	3	0	0	3	0	2	0	0	2	0	2	1	1
37	Tâm lý học giáo dục	0	3	2	3	0	1	1								
38	Giáo dục học	0	3	3	0	0	2	2								
39	Giao tiếp sư phạm	0	3	3	1	0	3	3								
40	Ứng dụng CNTT trong dạy học âm nhạc	3	1	3	1	2	2	1	3	1	2	1	1	2	1	2
41	Phân tích tác phẩm âm nhạc	1	2	2	1	1	1	0	0	0	2	2	2	2	1	1
42	Phương pháp dạy học âm nhạc 1	2	1	2	1	1	0	1	2	0	2	2	2	2	1	1
43	Phương pháp dạy học âm nhạc 2	2	1	2	1	1	0	1	2	0	2	2	2	2	1	1
44	Phương pháp dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp	2	1	3	1	0	1	1	3	0	2	2	1	2	1	2
45	Rèn luyện NVSP	3	3	3	3	3	2	0	3	0	2	2	0	2	1	3
46	Kiểm tra, đánh giá học sinh trong dạy học môn Âm nhạc	3	3	3	3	3	2	0	3	0	2	2	0	2	1	3
47	Thực tập sư phạm 1	2	1	2	1	1	1	1	2	1	1	1	1	1	1	1
48	Thực tập sư phạm 2	2	1	2	1	1	1	1	2	1	1	1	1	1	1	1
49	Nhạc cụ dân tộc	3	1	3	1	1	1	1	3	1	2	1	1	2	1	3
50	Phương pháp tổ chức ngoại khóa	2	1	3	2	0	1	0	3	0	2	1	1	2	1	1
51	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục nghệ thuật	2	2	2	1	1	1	0	0	0	2	2	2	1	1	1
52	Mỹ thuật cơ bản	0	2	3	0	0	0	0	2	0	0	1	1	1	2	2
53	Hòa tấu nhạc cụ	0	1	3	0	1	0	0	1	0	1	0	1	0	1	1
54	Khóa luận tốt nghiệp															
55	Biểu diễn thanh nhạc	0	3	3	0	0	0	1	1	0	0	2	2	2	1	1
56	Ký – Xướng âm	2	2	2	1	1	1	0	0	0	2	2	2	2	1	1
57	Biểu diễn nhạc cụ	2	2	3	2	3	2	2	3	1	2	2	2	2	2	2
58	Biểu diễn nghệ thuật tổng hợp	0	3	3	0	0	0	1	2	0	0	2	2	2	1	1

Ghi chú: Mỗi CDR được đánh số thứ tự từ 1 đến n.

Mức độ đóng góp được mã hóa như sau: 1 = Đóng góp mức thấp;
2 = Đóng góp mức trung bình; 3 = Đóng góp mức cao; 0 = Đóng góp không rõ ràng

7.4. Trình tự nội dung chương trình và bản đồ chương trình dạy học
Năm thứ nhất

Học kỳ 1			Học kỳ 2		
Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
Bắt buộc			Bắt buộc		
59SPH131	Triết học Mác - Lênin	3	59SPE121	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2
59ENG131	Tiếng Anh 1	3	59ENG132	Tiếng Anh 2	3
59GIF131	Tin học đại cương	3	59EPS331	Tâm lý học giáo dục	3
59BMT231	Lý thuyết Âm nhạc cơ bản	3	59VLI331	Giao tiếp sư phạm	3
59COS221	Ký – Xướng âm 1	2	59COS222	Ký – Xướng âm 2	2
59VOC221	Thanh nhạc 1	2	59VOC222	Thanh nhạc 2	2
59MUI221	Nhạc cụ 1	2	59 MUI 222	Nhạc cụ 2	2
59PHE111	Giáo dục thể chất 1		59PHE112	Giáo dục thể chất 2	
Tổng tín chỉ: 18			Tổng tín chỉ: 17		
↓ Năm thứ 2					
Học kỳ 3			Học kỳ 4		
Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
Bắt buộc			Bắt buộc		
59SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	59HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
59ENG143	Tiếng Anh 3	4	59GEL121	Pháp luật đại cương	2
59COS223	Ký – Xướng âm 3	2	59HMU231	Lịch sử âm nhạc	3
59VOC223	Thanh nhạc 3	2	59DAC231	Múa và Biên đạo múa	3
59 MUI 223	Nhạc cụ 3	2	59IRM231	Nhạc cụ tiết tấu và giai điệu	3
59DAN321	Vũ đạo	2	59FOS221	Hát dân ca	2
59PHE113	Giáo dục thể chất 3		59MIE131	Giáo dục quốc phòng	
Tự chọn			Tự chọn		
59GAR231	Nghệ thuật học đại cương	3	Tổng tín chỉ: 15		
Tổng tín chỉ: 17					
↓ Năm thứ 3					

Học kỳ 5			Học kỳ 6		
Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
Bắt buộc			Bắt buộc		
59HPV121	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	59HAM231	Hòa âm	3
59CCS231	Chỉ huy - Hát đồng ca hợp xướng	3	59TAS331	Kiểm tra, đánh giá học sinh trong dạy học môn Âm nhạc	3
59PEP331	Giáo dục học	3			
59MTM331	Phương pháp dạy học âm nhạc 1	3	59MTM342	Phương pháp dạy học âm nhạc 2	4
59TME331	Ứng dụng CNTT trong dạy học âm nhạc	3	59TRA321	Thực tập sư phạm 1	2
Tự chọn			Tự chọn		
Tổng tín chỉ: 14			59SAE331	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục nghệ thuật	3
			Tổng tín chỉ: 15		
↓ Năm thứ 4					
Học kỳ 7			Học kỳ 8		
Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
Bắt buộc			Bắt buộc		
59ACC221	Đệm hát	2	55TRA421	Thực tập sư phạm 2	3
59MWA331	Phân tích TP âm nhạc	3			
59PTM331	Rèn luyện NVSP	3			
59MPS331	Phương pháp dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp	3			
Tự chọn			Khóa luận TN, Các học phần thay thế KLTN		
59NCD331	Phương pháp tổ chức ngoại khóa	3	59PED971	Khóa luận tốt nghiệp	7
Tổng tín chỉ: 14			59VOP941	Biểu diễn thanh nhạc	4
			59COS941	Ký – Xướng âm	4
			59MIP931	Biểu diễn nhạc cụ	3
			59PGA931	Biểu diễn nghệ thuật tổng hợp	3
			Tổng tín chỉ: 10		

8. Đề cương chi tiết các học phần

8.1. Triết học Mác - Lênin (59SPH131)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	30		60
2	Bài tập	10		32
3	Thực hành	06		
4	Thảo luận	10		
5	Thực tế chuyên môn	0		
6	Kiểm tra, đánh giá	02		
Tổng		58		92

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: “Không”

- Học phần học trước: “Không”

- Học phần học song hành: “Không”

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Triết học, KT và PPDH; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Khương	0349366616	khuongnt@tnue.edu.vn
2	TS. Ngô Thị Lan Anh	0913349907	anhntl@tnue.edu.vn
3	TS. Nguyễn Thị Thanh Hà	0975548585	hanttpoli@tnue.edu.vn
4	ThS. Vũ Thúy Hằng	0974090486	hangvt@tnue.edu.vn
5	ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền	0982983877	hiennttpoli@tnue.edu.vn
6	TS. Trần Thị Lan	0983896296	lannt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Khái quát được sự ra đời, phát triển của triết học Mác – Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội.

CO2: Phân tích được kiến thức cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật.

CO3: Phân tích được kiến thức cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử.

* Về kỹ năng

CO4: Vận dụng được giá trị khoa học cách mạng của Triết học Mác – Lênin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5: Liên hệ với trách nhiệm của bản thân trong thực thi nhiệm vụ chuyên môn và xây dựng, phát triển đất nước.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần cung cấp các kiến thức khái quát về triết học, triết học Mác – Lênin (chương 1); những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật, như: vật chất, ý thức, mối quan hệ giữa vật chất và ý thức; các nguyên lý, quy luật, phạm trù của phép biện chứng duy vật; vấn đề lý luận nhận thức (chương 2). Ngoài ra, học phần còn cung cấp các kiến thức cơ bản về chủ nghĩa duy vật lịch sử như: học thuyết Hình thái kinh tế - xã hội; vấn đề giai cấp; vấn đề nhà nước và cách mạng xã hội; vấn đề tồn tại xã hội và ý thức xã hội; vấn đề con người trong triết học Mác - Lênin (chương 3).

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Thuyết trình
- Nêu vấn đề
- Đàm thoại
- Thảo luận nhóm
- Sử dụng tình huống trong dạy học.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.*

- Bài tập: Hoàn thành 3 bài tập cá nhân đúng hạn cho giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành 2 bài thực hành nhóm
- Thảo luận: Hoàn thành 2 bài thảo luận nhóm theo nội dung yêu cầu ở chương 2 hoặc 3; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành: 02 bài kiểm tra định kỳ.

- Các nhiệm vụ/ sản phẩm tự học cần nộp: theo yêu cầu của giảng viên.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

- *Sử dụng thang 10 điểm.*

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-14
2	A2. Bài tập	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1-14
3	A3. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá thực hành nhóm	CLO 1-14

4	A4. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	CLO 1-14
5	A5. Bài kiểm tra định kì 1	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-5
	A6. Bài kiểm tra định kì 2			Đáp án, thang điểm	CLO 6-9
hi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50	02	Đáp án, thang điểm	CLO 1,3,4,5,6,8,9

8. Học liệu

Tài liệu học tập:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Triết học Mác-Lênin* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên Lý luận chính trị), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2]. Nguyễn Thị Khương chủ biên (2021), *Giáo trình Triết học Mác-Lênin*, Nhà xuất bản Công thương.

Tài liệu tham khảo:

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007) *Giáo trình Triết học Mác – Lênin* (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng) NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[4]. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (1999), *Giáo trình Triết học Mác - Lênin*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[5]. Nguyễn Hữu Vui, Nguyễn Ngọc Long chủ biên (2004) *Giáo trình Triết học Mác – Lênin* (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng) NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Website

<http://dangcongsan.vn/>, <http://chinhphu.vn/>, <https://vtv.vn/>, <http://quochoi.vn/>, <http://www.tuyengiao.vn/>, <http://triethoc.edu.vn/>, ...

8.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin (59PSE121)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	20		40
2	Bài tập	06		21
3	Thực hành	06		
4	Thảo luận	06		
5	Thực tế chuyên môn	0		
6	Kiểm tra, đánh giá	01		
Tổng		39		61

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: “Không”
- Học phần học trước: 55SPH131
- Học phần học song hành: “Không”
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Triết học, Kinh tế và phương pháp dạy học;
Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	ThS. Nguyễn Thị Mão	0912336197	maont@tnue.edu.vn
2.	ThS. Nguyễn Thị Hạnh	0986351114	hanhnt@tnue.edu.vn
3.	TS. Ngô Thị Lan Anh	0913349907	anhntl@tnue.edu.vn
4.	TS. Nguyễn Thị Khương	0349366616	khuongnt@tnue.edu.vn
5	ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền	0982983877	hienntt.poli@tnue.edu.vn
6.	TS. Trần Thị Lan	0983896296	lantt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Phân tích được các nguyên lý cơ bản về kinh tế chính trị của Các Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin.

CO2: Phân tích được các vấn đề lý luận về kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

* Về kỹ năng

CO3: Vận dụng được kiến thức kinh tế chính trị để xây dựng và giải quyết các tình huống kinh tế - xã hội trong hoạt động thực tiễn.

CO4: Đánh giá được một số vấn đề cơ bản của kinh tế chính trị trong đời sống kinh tế - xã hội trên thế giới và ở Việt Nam.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5: Quán triệt và hiện thực hóa đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế ở Việt Nam hiện nay.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, cung cấp kiến thức cơ sở, nền tảng tư tưởng cho người học là lý luận kinh tế chính trị của Các Mác, Ph.Ăngghen và Lênin về sản xuất hàng hoá và thị trường; về nguồn gốc, bản chất và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư; về cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Đồng thời, học phần còn định hướng người học tiếp cận các vấn đề lý luận và thực tiễn về kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Thuyết giảng kết hợp tình huống
- Đàm thoại
- Nêu vấn đề

- Phản biện
- Thảo luận nhóm

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.*

- Bài tập: Hoàn thành các bài tập cá nhân; nộp sản phẩm khi giảng viên yêu cầu.

- Thực hành nhóm: Hoàn thành 01 bài; nộp nội dung sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; tổ chức báo cáo sản phẩm của nhóm trước lớp với cách thức phù hợp.

- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài, nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm thuyết trình trước lớp.

- Hoàn thành: 01 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-12
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 9
3	A3. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO 9,10,11,12.
4	A4. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO 7,8,11,12
5	A5. Bài kiểm tra định kỳ	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-4,9
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A6. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-10

8. Học liệu

Tài liệu học tập:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.

Tài liệu tham khảo:

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Giáo trình kinh tế chính trị Mác - Lênin* (Dùng cho các khối không chuyên kinh tế và quản trị doanh nghiệp trong các trường đại học, cao đẳng), NXB Chính trị quốc gia.

[3]. Học viện CTQG Hồ Chí Minh (2001), *Giáo trình KTCT Mác - Lê nin về phương thức sản*

xuất TBCN, NXB Chính trị Quốc gia.

[4]. Học viện CTQG Hồ Chí Minh (2002), *Giáo trình KTCT Mác - Lê nin về thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia.

[5]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2009), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin*, NXB Chính trị Quốc gia.

Website

<http://dangcongsan.vn/>, <http://chinhphu.vn/>, <https://vtv.vn/>, <http://quochoi.vn/>,
<http://www.tuyengiao.vn/>, <http://www.mofahcm.gov.vn/mofa/>,...

8.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (59SSO212)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	11	9	40
2	Bài tập	4	2	21
3	Thực hành	4	2	
4	Thảo luận	4	2	
5	Thực tế chuyên môn	0	0	
6	Kiểm tra, đánh giá	1	0	
Tổng		24	15	61

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: *Kinh tế chính trị Mác - Lênin (55SPE131)*

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Chính trị, Pháp luật và Lịch sử Đảng; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Trần Thị Lan	0983896296	lannt@tnue.edu.vn
2	TS. Hoàng Thu Thủy	0977559266	thuyht@tnue.edu.vn
3	TS. Nguyễn Thị Hường	0988596121	huongnt.poli@tnue.edu.vn
4	TS. Vũ Thị Thủy	0974146989	thanhlt@tnue.edu.vn
5	Ths. Trần Thanh An	0973474393	antt@tnue.edu.vn
6	TS. Lý Trung Thành	0974146989	thanhlt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Phân tích được quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học và luận giải được vai trò, ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học.

CO2: Luận chứng được tính khoa học, cách mạng của học thuyết Mác – Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

CO3: Luận giải và đánh giá được quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về các vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

*** Về kỹ năng**

CO4: Thực hiện có hiệu quả kỹ năng giao tiếp và hợp tác để giải quyết các vấn đề đặt ra liên quan đến bài học.

CO5: Phản biện được những quan điểm, hành vi sai trái, thù địch chống phá quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO6: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước về các nhiệm vụ chính trị trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

CO7: Làm việc độc lập hoặc theo nhóm và tự học suốt đời để giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Học phần chủ nghĩa xã hội khoa học làm rõ những quy luật và tính quy luật về chính trị - xã hội của quá trình hình thành, phát triển của hình thái kinh tế- xã hội cộng sản chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Học phần chủ nghĩa xã hội khoa học tập trung luận giải nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, xã hội xã hội chủ nghĩa, nền dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, về vấn đề liên minh giai cấp, vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu
- Dạy học dựa trên vấn đề kết hợp đàm thoại, thảo luận nhóm
- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu
- nêu vấn đề kết hợp thảo luận nhóm
- Sử dụng phim tư liệu

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần:
 - + Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận;
 - + Chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm theo định hướng của giảng viên.
- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân của các chương (nộp sản phẩm theo yêu cầu giảng viên).
- Thực hành nhóm: Hoàn thành 01 bài thực hành nhóm (nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp).

- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm theo các chương; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành: 01 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-10
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, 2, 3,4,5,6,7,9, 13
3	A3. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO2,3,4, 5, 6,7,8,9,10, 11
4	A4. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO2,3,4, 5, 7,8,9,10,11
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1,2,3, 4, 5,6
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A6. Viết (Tự luận)	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1,2, 3, 4, 5,6,7,8

8. Học liệu

Tài liệu học tập:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên Lý luận chính trị), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo:

[2]. Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[3]. Đảng cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, II, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[4]. Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011)*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

[5]. Trần Thị Lan (2023), *Giáo trình chuyên đề Chủ nghĩa xã hội khoa học*,

Nxb Đại học Thái Nguyên.

8.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh (59HCM121)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	12	8	40
2	Bài tập	2	4	21
3	Thực hành	6		
4	Thảo luận	3	3	
5	Kiểm tra, đánh giá	1		
Tổng		24	15	61

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần học trước: 59SSO121 - Chủ nghĩa xã hội khoa học

- Học phần học song hành: *Không*

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: TTHCM – Lịch sử ĐCSVN; Khoa: Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS Vũ Thị Thủy	0982633373	vuthuy.dhsptn@dhsptn.edu.vn
2	TS Phạm Thị Huyền	0982033005	phamthihuyen@dhsptn.edu.vn
3	Th.s Thái Hữu Linh	0388 644 227	linhth@tnue.edu.vn
4	TS Hoàng Thu Thủy	0977559266	thuyht@tnue.edu.vn
5	TS Lý Trung Thành	0974 146 989	thanhlysptn@gmail.com
6	TS. Nguyễn Tuấn Anh	0973 855 866	tuananhgdct@gmail.com
7	Th.s Nguyễn Thị Minh Hiền	0979858677	hienntm.poli@tnue.edu.vn
8	Th.s Trần Thanh An	0973474393	antt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Luận giải được những vấn đề về khái niệm, đối tượng, phương pháp, ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh.

CO2: Chứng minh được những vấn đề lý luận cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.

CO3: Luận chứng được quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam.

CO4: Đánh giá được giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với thực tiễn cách mạng Việt Nam hiện nay.

*** Về kỹ năng**

CO5: Phản biện được những quan điểm sai trái, thù địch, chống phá tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay.

CO6: Thực hiện có hiệu quả kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giáo dục học sinh trong hoạt động nghề nghiệp.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO7: Thực hiện đúng các quy định đạo đức nghề nghiệp; quy chế dân chủ nơi ở và nơi làm việc.

CO8: Vận dụng được tư tưởng Hồ Chí Minh vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương, nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, tập trung luận giải nội dung những chuyên đề cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tư tưởng về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; tư tưởng về văn hoá, đạo đức và con người.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.
- Giảng viên sử dụng phương pháp thuyết trình, phát vấn, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, sử dụng tình huống.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Chuẩn bị nội dung tự học, đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành 1 bài tập cá nhân, 1 bài tập nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 1 bài thực hành nhóm theo nội dung yêu cầu ở chương 2, chương 3 và nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên và trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành 1 bài kiểm tra định kỳ

- Thi kết thúc học phần.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-14
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1-14

3	A3. Bài tập nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO 1 – 14
4	A4. Thực hành nhóm	10	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 1 – 14
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1 – 14
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1 – 14

8. Học liệu

Tài liệu học tập:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên Lý luận chính trị), NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Khánh Bật (Chủ biên): Tập bài giảng Tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, 2000, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

[3]. Đinh Xuân Lý - Phạm Ngọc Anh (Đồng chủ biên): Một số chuyên đề về tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, 2008, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

[4]. Song Thành : Hồ Chí Minh - Nhà tư tưởng lỗi lạc, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, 2005, Thư viện Quốc gia, (Nguồn TTHL).

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, IX, XI, XII, XIII, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

[6]. Chỉ thị số 03 – CT/TW ngày 14/5/2011 và 05 ngày 15/5/ 2016 của Bộ Chính trị (đọc trên Website: <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn>).

[7]. Nghị quyết Trung ương IV khóa XI: “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” - ban hành ngày 16/1/2012, (đọc trên Website: <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn>).

8.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (59HPV121)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	20	0	40
2	Bài tập	6	0	21
3	Thực hành	6	0	
4	Thảo luận	6	0	
5	Thực tế chuyên môn	0	0	
6	Kiểm tra, đánh giá	1	0	61
Tổng		39	0	

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần học trước: Triết học Mác - Lênin (59SPH131), Kinh tế chính trị Mác - Lênin (59SPE121), Chủ nghĩa xã hội khoa học (59SSO121), Tư tưởng Hồ Chí Minh (59HCM121)
- Học phần học song hành: *Không*
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Chính trị, Pháp luật và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Khoa Giáo dục chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Hoàng Thu Thủy	0977559266	thuyht@tnue.edu.vn
2	TS. Lý Trung Thành	0974 146 989	thanhlt@tnue.edu.vn
3	TS. Nguyễn Tuấn Anh	0973 855 866	anhnt@tnue.edu.vn
4	ThS. Trần Thanh An	0973 474 393	antt@tnue.edu.vn
5	ThS. Nguyễn Thị Minh Hiền	0979 858 677	hienntm.poli@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Phân tích được kiến thức cơ bản về đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

CO2: Luận giải được sự ra đời, quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 đến nay.

CO3: Vận dụng được những bài học kinh nghiệm của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam vào thực tiễn và hoạt động chuyên môn.

* Về kỹ năng

CO4: Thực hiện có hiệu quả kỹ năng giao tiếp để giải quyết những vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội theo quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam trong hoạt động dạy học và thực tiễn.

CO5: Phản biện được các quan điểm sai trái, thù địch với quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước.

CO7: Làm việc độc lập và làm việc nhóm, tự học theo nhiệm vụ của học phần.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* nghiên cứu về quá trình hình thành, phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến 2018, cụ thể: Từ 1930 đến 1945, nghiên cứu về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền; từ 1945 đến 2018, nghiên cứu về quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, cả nước quá độ lên chủ

nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới. Trên cơ sở đó, học phần khái quát các bài học lớn của cách mạng Việt Nam từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời tới nay.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu
- Dạy học dựa trên vấn đề kết hợp đàm thoại, thảo luận nhóm

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm, đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp.

- Thực hành: Hoàn thành 01 bài thực hành nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Hoàn thành 01 bài kiểm tra định kỳ.

- Hoàn thành 01 bài thi kết thúc học phần

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-9
2	A2. Bài tập	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,3 CLO4,5,6,7 CLO9
3	A3. Thảo luận nhóm	5	01	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	CLO 2,3,4, CLO5,6,7, CLO9
4	A4. Thực hành (theo nhóm)	10	01	Rubric đánh giá thực hành nhóm	CLO 2, 3, 4, CLO5, 6,7
5	A5. Bài kiểm tra định kỳ	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO 2,3, CLO4,5
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO 2, 3, CLO4, 5

8. Học liệu

Tài liệu học tập:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), NXb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

[2]. Hoàng Thu Thủy (Chủ biên), Trần Thanh An, Nguyễn Thị Minh Hiền (2022), *Giáo trình Chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên.

[3]. Hoàng Thu Thủy, Nguyễn Hữu Toàn (Đồng chủ biên) (2023), *Giáo trình Văn kiện Đảng*, Nxb Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên.

[4]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia – Sự Thật, Hà Nội.

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.

[6]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, II, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

8.6. Pháp luật đại cương (59GEL121)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1.	Lý thuyết	5	15	40
2.	Bài tập	6	0	21
3.	Thực hành	6	0	
4.	Thảo luận	6	0	
5.	Thực tế chuyên môn	0	0	
6.	Kiểm tra, đánh giá	1	0	
Tổng		24	15	61

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần học trước: *Không*

- Học phần học song hành: *Không*

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Chính trị, pháp luật và Lịch sử Đảng CSVN;

Khoa Giáo dục Chính trị.

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Vũ Thị Thủy	0982633373	thuyvt.poli@tnue.edu.vn

2.	ThS. Nguyễn Mai Anh	0974390790	anhnm@tnue.edu.vn
3.	TS. Phạm Thị Huyền	0982033005	huyenpt@tnue.edu.vn
4.	ThS. Vũ Thúy Hằng	0974090486	hangvt@tnue.edu.vn
5.	ThS. Thái Hữu Linh	0388644227	linhth@tnue.edu.vn
6.	ThS. Trần Thanh An	0973474393	antt@tnue.edu.vn
7.	TS. Nguyễn Tuấn Anh	0973855866	anhnt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức:

CO1. Vận dụng được những kiến thức cơ bản về lý luận nhà nước và pháp luật vào trong hoạt động thực tiễn.

CO2. Vận dụng được những kiến thức cơ bản về một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam trong cuộc sống và công việc.

* Về kỹ năng:

CO3. Giao tiếp hiệu quả, đúng pháp luật với người học, đồng nghiệp và phụ huynh bằng các kiến thức đã học.

CO4. Vận dụng được các kiến thức pháp luật để giải quyết các tình huống pháp lý trong thực tế.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

CO5. Thực hiện đúng quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường phổ thông.

CO6. Thực hành được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương của tất cả các chương trình đào tạo. Học phần cung cấp những kiến thức lý luận về nhà nước và pháp luật, nội dung cơ bản của một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Nêu vấn đề.
- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.
- Thảo luận nhóm

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Hoàn thành 01 bài thực hành theo nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Hoàn thành 01 bài kiểm tra định kỳ.

- Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm, có thuyết trình trên lớp.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

<i>TT</i>	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-9
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-9
3	A3. Bài thảo luận nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO1-9
4	A4. Bài thực hành (theo nhóm)	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành nhóm	CLO1-9
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-4
Thi kết thúc học phần					
5	A6. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-4

8. Học liệu

Tài liệu học tập:

[1]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2015), *Giáo trình Pháp luật đại cương*, Nxb Đại học Sư phạm.

Tài liệu tham khảo:

[2] Trường Đại học Luật Hà Nội (2016), *Giáo trình lý luận Nhà nước và pháp luật*, Nxb Công an nhân dân.

[3]. Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Năm 2013, 1992, 1980, 1959, 1946) (2014), Nxb Lao động.

[4]. Bộ luật dân sự nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017) (2017), Nxb Lao động.

[5]. Bộ luật Hình sự (hiện hành) (Bộ luật năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.

[6]. Luật hôn nhân và gia đình: có hiệu lực từ ngày 1/1/2015 (2014), Nxb Lao động.

[7]. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016) (2017), Nxb Lao động.

[8]. Luật Phòng Chống tham nhũng (2018), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.

[9]. Luật xử lý vi phạm hành chính (Có hiệu lực từ ngày 01/07/2013): Nghị định số 81/NĐ-CP/ của chính phủ ngày 19/07/2013 và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính (2014), Nxb Lao động.

[10]. Luật Bình đẳng giới (hiện hành), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.

Website

[11]. Website cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật:

<http://vbpl.vn/Pages/portal.aspx>

[12]. Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp - Hệ thống văn bản quy phạm pháp

luật: <http://www.moj.gov.vn/Pages/vbpq.aspx>

8.7. Tiếng Anh 1 (59ENG131)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	13	15	60
2	Bài tập	10		30
3	Thực hành		15	
4	Thảo luận	5		
5	Kiểm tra, đánh giá	2		
Tổng		30	30	90

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☒

- Đơn vị phụ trách: Khoa Ngoại ngữ

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Quốc Thủy	0912446530	thuynq@tnue.edu.vn
2	ThS. Vi Thị Trung	0915213468	trungvt@tnue.edu.vn
3	ThS. Nguyễn T. Hạnh Phúc	0982107915	phucnth@tnue.edu.vn
4	ThS. Đỗ T. Ngọc Phương	0948857850	phuongdtn@tnue.edu.vn
5	ThS. Phùng Thị Thanh Tú	0983820080	tuptt@tnue.edu.vn
6	ThS. Trần Thị Thảo	0986060650	thaott.flan@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu CO - Course Objectives)

* Về kiến thức

CO1: Sử dụng được vốn từ vựng cơ bản về một số chủ đề thường gặp trong đời sống hàng ngày.

CO2: Vận dụng được các dạng ngữ pháp cơ bản tương ứng với Bậc 2 ở mức cao theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

CO3: Vận dụng được các kiến thức về xã hội, văn hóa các nước trên thế giới trong giao tiếp bằng tiếng Anh.

* Về kỹ năng

CO4: Hình thành kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh tương ứng với Bậc 2 ở mức cao

theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

CO5: Phát triển kỹ năng hợp tác và giải quyết vấn đề.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO6: Phát triển năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ, năng lực ngoại ngữ.

4. Nội dung tóm tắt học phần

Môn **Tiếng Anh 1** là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm.

Môn học **Tiếng Anh 1** cung cấp cho sinh viên những vốn ngữ pháp cơ bản như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, các cấu trúc so sánh, động từ khuyết thiếu và vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề như sức khỏe, thể thao, giao thông và thử thách để phát triển được kỹ năng ngôn ngữ Bậc 2 ở mức cao. Đồng thời, môn học này cũng rèn luyện cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn gọn theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày.

Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học Spark và lớp học ảo sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: + Đi học đúng giờ, đảm bảo tham dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp;
+ Đọc tài liệu học tập, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp.
+ Chủ động, tích cực tham gia các hoạt động trong giờ học.
- Bài tập: Hoàn thành bài tập cá nhân và nhóm đúng hạn, đúng yêu cầu của giáo viên.
- Thực hành: Hoàn thành các bài thực hành được giao trên Spark và lớp học ảo đúng hạn, đúng yêu cầu.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	1	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO8
2	A2. Bài tập trên SPARK	10	4	Rubric đánh giá bài tập	CLO 1,2,3,4,5,6,7,8

3	A2. Thực hành trên lớp học ảo như CANVAS, GOOGLE CLASSROOM...	10	4	Rubric đánh giá Thực hành trên lớp học ảo như CANVAS, GOOGLE CLASSROOM...	CLO 1,2,3,4,5,6,7, 8
4	A3. Bài kiểm tra định kì (Nghe)	20	1	Đáp án, thang điểm	CLO 1,2,3,4,5,6,8
5	A4. Bài kiểm tra định kì (Đọc)		1		
6	A5. Bài kiểm tra định kì (Viết)		1		
Thi kết thúc học phần					
7	A6. Nghe - Đọc - Viết - Vấn đáp	50	1	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 1,2,3,4,5,6,7, 8

8. Học liệu

Tài liệu học tập:

[1] Hughes. J, Stephenson. H, & Dummet. P, (2022). Life: A2-B1. Student's Book 2nd Edition. (Vietnam Edition). Singapore: Cengage Learning Asia.

Tài liệu tham khảo:

[2] Redman, Stuart (2003). *English Vocabulary in use*. Cambridge University Press.
[3] Murphy, Raymond (2019). *English grammar in use*. Cambridge University Press

Website

<https://learn.eltngl.com/>

<https://www.instructure.com/>

<https://classroom.google.com/>

8.8. Tiếng Anh 2 (59ENG132)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	13	15	60
2	Bài tập	10		30
3	Thực hành		15	
4	Thảo luận	5		

5	Kiểm tra, đánh giá	2		
Tổng		30	30	90

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: 55ENG131, Tiếng Anh 1
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☒
- Đơn vị phụ trách: BM Ngôn ngữ và văn hóa quốc tế, Khoa Ngoại Ngữ

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Quốc Thủy	0912446530	thuynq@tnue.edu.vn
2	ThS. Nguyễn T. Đoan Trang	0912936510	trangntd@tnue.edu.vn
3	ThS. Vi Thị Trung	0915213468	trungvt@tnue.edu.vn
4	ThS. Nguyễn T. Hạnh Phúc	0982107915	phucnth@tnue.edu.vn
5	ThS. Đỗ T. Ngọc Phương	0948857850	phuongdtn@tnue.edu.vn
6	ThS. Phùng Thị Thanh Tú	0983820080	tuptt@tnue.edu.vn
7	ThS Trần Thị Thảo	0986060650	thaott@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu CO - Course Objectives)

* Về kiến thức

- CO1: Sử dụng được vốn từ vựng về một số chủ đề quen thuộc hằng ngày.
- CO2: Vận dụng được các dạng ngữ pháp tương ứng với bậc 3 cấp thấp theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.
- CO3: Hiểu được một số thông tin về xã hội, văn hóa các nước phương Tây.

* Về kỹ năng

- CO4: Hình thành kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh tương ứng với Bậc 3 mức trung cấp thấp trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.
- CO5: Phát triển năng lực hợp tác giải quyết vấn đề.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO6: Phát triển năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn **Tiếng Anh 2** là học phần kế tiếp của Tiếng Anh 1, là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm.

Môn **Tiếng Anh 2** trang bị cho người học vốn từ vựng về các chủ đề môi trường, các sự kiện trong cuộc sống, nghề nghiệp, và khoa học - công nghệ. Bên cạnh đó, người học được củng cố các hiện tượng ngữ pháp cơ bản như danh từ đếm và không đếm được, quán từ số lượng, mạo từ, động từ có “to”, các dạng tương lai, giới từ, thì hiện tại hoàn thành, mệnh đề quan hệ xác định, câu điều kiện loại 1 và loại 0. Kiến thức trong học phần không chỉ mang tính học thuật mà còn bao gồm những thông tin và hiểu biết thực tế về các địa danh, con người và sự kiện ở một số quốc gia trên thế giới.

Học phần này tiếp tục rèn luyện cho người học các kỹ năng giao tiếp bằng

tiếng Anh ở cấp độ Bậc 3 thấp gồm nghe, nói, đọc và viết, đặt trong 4 chủ đề chính như đã nêu ở trên. Kết thúc học phần này, trong phạm vi các chủ đề đã học, người học có khả năng nói chuyện, nghe lấy ý chính và lấy thông tin, đọc hiểu ý chính và đọc lấy thông tin, viết thư thân mật.

Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MyELT và lớp học ảo sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần:
 - + Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp;
 - + Chuẩn bị bài học theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp;
- Bài tập: Hoàn thành bài tập cá nhân đúng hạn, đúng yêu cầu của giáo viên.
- Thực hành: Hoàn thành các bài thực hành được giao trên MyELT và lớp học ảo đúng hạn.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	1	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO8
2	A2. Bài tập trên SPARK	10	4	Rubric đánh giá bài tập	CLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8
3	A2. Thực hành trên lớp học ảo như CANVAS, GOOGLE CLASSROOM	10	4	Rubric đánh giá Thực hành trên lớp học ảo như CANVAS, GOOGLE CLASSROOM...	CLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8
4	A3. Bài kiểm tra định kì (Nghe)	20	1	Đáp án, thang điểm	CLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8
5	A4. Bài kiểm tra định kì (Đọc)		1		
6	A4. Bài kiểm tra định kì (Viết)		1		
Thi kết thúc học phần					
7	A5. Vấn đáp + Viết	50	1	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1] Hughes. J, Stephenson. H, & Dummet. P, (2022). Life: A2-B1. Student's Book 2nd

Edition. (Vietnam Edition). Singapore: Cengage Learning Asia.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Redman, Stuart (2003). *English Vocabulary in use*. Cambridge University Press.

[3] Murphy, Raymond (2019). *English grammar in use*. Cambridge University Press

8.3. Website

<https://learn.eltnql.com/>

<https://www.instructure.com/>

<https://classroom.google.com/>

8.9. Tiếng Anh 3 (59ENG143)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 4; Tổng số giờ quy chuẩn: 60

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện			Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến		
			<i>E-learning</i>	<i>Lớp học ảo</i>	
1	Lý thuyết	30	10	0	80
2	Bài tập	5	5	5	15
3	Thực hành	5	5	10	20
4	Thảo luận	5	0	0	5
5	Thực tế chuyên môn	0	0	0	0
Tổng		45	20	15	120

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: 59ENG132-Tiếng Anh 2

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☒

- Đơn vị phụ trách: Khoa Ngoại ngữ

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Quốc Thủy	0912446530	thuynq@tnue.edu.vn
2	ThS. Vi Thị Trung	0915213468	trungvt@tnue.edu.vn
3	ThS. Nguyễn T. Hạnh Phúc	0982107915	phucnth@tnue.edu.vn
4	ThS. Đỗ T. Ngọc Phương	0948857850	phuongdtn@tnue.edu.vn
5	ThS. Phùng Thị Thanh Tú	0983820080	tuptt@tnue.edu.vn

6	ThS Trần Thị Thảo	0986060650	thaott@tnue.edu.vn
---	-------------------	------------	--------------------

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

- CO1: Sử dụng được vốn từ vựng cơ bản về một số chủ đề thường gặp trong đời sống hàng ngày.
- CO2: Vận dụng được các dạng ngữ pháp cơ bản tương ứng với Bậc 3 ở mức trung bình theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
- CO3: Vận dụng được các kiến thức được học về xã hội, văn hóa các nước nói tiếng Anh trong giao tiếp bằng tiếng Anh.

* Về kỹ năng

- CO4: Hình thành kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh tương ứng với Bậc 3 ở mức trung bình theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
- CO5: Phát triển kỹ năng hợp tác và giải quyết vấn đề.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO6: Phát triển năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ, năng lực ngoại ngữ.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn **Tiếng Anh 3** là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm.

Học phần **tiếng Anh 3** tiếp tục bổ sung cho sinh viên lượng từ vựng về các chủ đề Kỳ nghỉ; Sản phẩm; Lịch sử và Tự nhiên cùng với các chủ điểm ngữ pháp về câu bị động ở hiện tại và quá khứ; quá khứ hoàn thành, câu hỏi cho chủ ngữ và tân ngữ, tính từ đuôi *-ing* và đuôi *-ed*; cấu trúc *used to*, câu gián tiếp; câu điều kiện loại 2, các đại từ bất định. Ngoài ra, ở học phần này, sinh viên tiếp tục được rèn luyện các kỹ năng giao tiếp trong tiếng Anh như: nghe hiểu được các cuộc hội thoại, các cuộc phỏng vấn và các bài viết; đọc hiểu các bài báo về các chủ đề được học; trình bày quan điểm cá nhân, lập kế hoạch hay phỏng vấn và rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn đơn giản.

Cùng với các học phần tiếng Anh 1, 2, học phần tiếng Anh 3 tiếp tục phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Anh cho sinh viên ở trình độ tiếng Anh bậc 3 ở mức trung bình theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và sử dụng được trong hoạt động giao tiếp.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: + Đi học đúng giờ, đảm bảo tham dự tối thiểu 80% số giờ lý thuyết lên lớp trực tiếp; và 100% số giờ học trực tuyến.
 - + Đọc tài liệu học tập, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp.
 - + Chủ động, tích cực tham gia các hoạt động trong giờ học.
- Thảo luận: Tham gia tích cực các hoạt động thảo luận.
- Bài tập: Hoàn thành bài tập cá nhân đúng hạn, đúng yêu cầu của giảng viên

- Thực hành: Hoàn thành các bài thực hành được giao trên SPARK và lớp học ảo đúng hạn và đúng yêu cầu.
- Tham gia và hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ theo lịch của nhà trường.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	1	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO8
2	A2. Bài tập trên SPARK và LMS	20	4	Rubric đánh giá bài tập	CLO 1,2,3,4,5,6, 7,8
3	A3. Thực hành trên lớp học ảo như CANVAS, GOOGLE CLASSROOM,...		4	Rubric đánh giá Thực hành trên lớp học ảo CANVAS, GOOGLE CLASSROOM, ...	CLO 1,2,3,4,5,6, 7,8
4	A4. Bài kiểm tra định kì trên máy tính (Nghe-Đọc)	20	1	Đáp án, thang điểm	CLO 1,2,3,4,5,6, 8
5	A5. Bài kiểm tra định kì (Viết)		1	Đáp án, thang điểm	CLO 1,2,3,4,5,6, 8
Thi kết thúc học phần					
6	A7. Nghe - Đọc - Viết + Vấn đáp	50	1	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 1,2,3,4,5,6, 7,8

8. Học liệu

* Tài liệu học tập

[1] Hughes. J, Stephenson. H, & Dummet. P, (2019). *Life: A2-B1*. Singapore: Cengage Learning Asia

* Tài liệu tham khảo:

[2] Redman, Stuart (2003). *English Vocabulary in use*. Cambridge university press.

[3] Murphy, Raymond (2011). *English grammar in use*. Nxb Thời đại.

* Website (nếu có)

<https://myelt.heinle.com/ilrn/authentication/signIn.do?inst=MYELT>

<https://www.instructure.com/>

<https://classroom.google.com/>

8.10. Tin học đại cương (59GIF131)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45.

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1.	Lý thuyết	10	8	40
2.	Bài tập	6	0	40
3.	Thực hành	30	10	
4.	Thảo luận	0	4	
5.	Kiểm tra, đánh giá	2	0	0
Tổng		48	22	80

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Khoa học máy tính và Hệ thống thông tin, Khoa

Toán

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Nguyễn Văn Trường	0915016063	truongnv@tnue.edu.vn
2.	TS. Trần Ngọc Hà	0915168400	hatn@tnue.edu.vn
3.	TS. Ngô Thị Tú Quyên	0915023306	quyenntt@tnue.edu.vn
4.	Th.S Lê Bích Liên	0983444586	lienlb@tnue.edu.vn
5.	Th.S Phạm Văn Tiến	0912515028	tienpv@tnue.edu.vn
6.	TS. Nguyễn Thị Thu Hiền	0982203129	hiennntt.math@tnue.edu.vn
7.	TS. Vũ Đức Quang	0352340851	quangvd@tnue.edu.vn
8.	Th.S Cáp Thanh Tùng	0912735670	tungcp@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần

* Về kiến thức:

CO1. Vận dụng được các kiến thức cơ bản về phân cứng, phần mềm máy tính và hệ điều hành trong học tập và công việc.

CO2. Sử dụng được phần mềm Microsoft Word, Microsoft Excel và Microsoft PowerPoint để soạn thảo văn bản, xử lý dữ liệu trên bảng tính và tạo bài trình chiếu với nhiều loại dữ liệu đa phương tiện khác nhau.

CO3. Áp dụng được các khái niệm cơ bản về mạng máy tính và một số biện pháp bảo đảm an toàn thông tin trong làm việc trực tuyến; mô tả được đặc điểm của một số dịch vụ trên mạng Internet.

* Về kỹ năng:

CO4. Thành thạo kỹ năng soạn thảo văn bản, xây dựng bảng tính và tạo bài trình chiếu phù hợp với ngành đào tạo.

CO5. Quản lý được thông tin trên máy tính và thông tin cá nhân trên mạng máy tính; áp dụng được một số dịch vụ trên mạng Internet trong học tập và nghiên cứu.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

CO6. Vận dụng được kiến thức, kỹ năng của học phần vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Tin học đại cương cung cấp các kiến thức cơ bản về:

Cấu trúc chung của máy tính; xử lý lỗi cơ bản của máy tính; hệ điều hành.

Định dạng văn bản, chèn đối tượng vào văn bản, bảng biểu, công cụ trợ giúp soạn thảo trong Microsoft Word.

Định dạng và xử lý dữ liệu, công thức, các hàm cơ bản, biểu đồ trong Microsoft Excel.

Thao tác với slide; định dạng, thiết lập hiệu ứng cho đối tượng và slide; tạo siêu liên kết trong Microsoft PowerPoint.

Mạng máy tính và an toàn thông tin; một số ứng dụng cơ bản trên mạng Internet.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Thuyết trình; đàm thoại; nêu vấn đề.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học, tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp. Tham gia học tập trên hệ thống LMS (chương 4,5).

- Bài tập: Hoàn thành các bài tập thực hành. Xem hướng dẫn thực hành trên hệ thống LMS (chương 4, chương 5).

- Thảo luận: Hoàn thành bài thảo luận nhóm tại Chương 4 (nộp bài trên hệ thống LMS).

- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.

- Hoàn thành các nhiệm vụ tự học.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO12, 13
2	A2. Thực hành	15	01	Rubric đánh giá bài tập thực hành	CLO7-11
3	A3. Bài tập	5	01	Rubric đánh giá bài	CLO3,

				tập	CLO8
4	A4. Bài kiểm tra định kì số 01	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-6
5	A5. Bài kiểm tra định kì số 02		01	Đáp án, thang điểm	CLO1-4, CLO7-9
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Trắc nghiệm	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-6
7	A7. Thực hành	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-4, CLO7-9

8. Học liệu

* Tài liệu học tập:

[1] Trần Ngọc Hà, Ngô Thị Tú Quyên, Nguyễn Thị Thu Hiền (2021), Giáo trình Tin học đại cương, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[2]. Phạm Hồng Thái, Dư Phương Hạnh, Lương Việt Nguyên, Nguyễn Việt Tân, Đào Minh Thu (2008), Giáo trình Thực hành Tin học cơ sở, NXB ĐH Quốc Gia Hà Nội.

* Tài liệu tham khảo:

[3]. Đào Kiên Quốc, Bùi Thế Duy (2006), Tin học cơ sở, NXB ĐH Quốc Gia Hà Nội.

* Website:

[4]. <https://support.microsoft.com/en-us/training>

8.11. Giáo dục thể chất 1 (59PHE111)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02 ; Tổng số giờ quy chuẩn: 40 tiết.
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	4	0	8
2	Thực hành	34	0	52
3	Kiểm tra, đánh giá	2	0	
Tổng		40	0	60

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Giáo dục thể chất không chuyên ngành; Khoa

TDDT

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
----	----------------------------	---------------	-------

1	Th.S. Đào ngọc Anh	0986.599.780	anhdn@tnue.edu.vn
2	Th.S. Nguyễn Đức Tuân	0983.248.322	tuannnd@tnue.edu.vn
3	Th.S. Lê Văn Hùng	0852.998.828	hunglv@tnue.edu.vn
4	Th.S. Trần Minh Khương	0912.456.778	khuongtm@tnue.edu.vn
5	Th.S Nguyễn Thành Trung	0987.636.222	trungnt@tnue.edu.vn
6	Th.S. Nguyễn Đức Trường	0359.863.333	truongnd@tnue.edu.vn
7	Th.S. Nguyễn Nhạc	0981.210.988	nhacn@tnue.edu.vn
8	Th.S. Nguyễn Huy Ánh	0978.223.583	anhnh@tnue.edu.vn
9	T.S. Trần Thị Tú	0986.703.726	tutt@tnue.edu.vn
10	Th.S. Mã Thiêm Phách	0388.178.395	phachmt@tnue.edu.vnt@tnue
11	Th.S. Nguyễn Duy Nam	0965.536.822	namnd@tnue.edu.vnt@tnue.edu.
12	Th.S. Ma Đức Tuấn	0972.139.915	tuandmd@tnue.edu.vn
13	T.S. Nguyễn Mạnh Hùng	0988.711.822	hungnm@tnue.edu.vnt@tnue.ed

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Hiểu được những kiến thức cơ bản về môn Bơi trong chương trình GDTC 1: Lịch sử hình thành và phát triển, các kỹ thuật trong các kiểu bơi.

CO2: Biết được một số chấn thương thường gặp trong môn Bơi, cách phòng ngừa, sơ cứu chấn thương.

* Về kỹ năng

CO3: Thực hiện được các kỹ thuật của kiểu Bơi ếch thể thao.

CO4: Thực hiện được phương pháp xử lý đuối nước, sơ cứu chấn thương trong thực tiễn.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng được học để rèn luyện thể lực thường xuyên, có sức khỏe thực hiện các yêu cầu về công việc và cuộc sống.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về sơ lược nguồn gốc và lịch sử phát triển của môn Bơi; Ý nghĩa, tác dụng của môn Bơi đối với việc tăng cường và rèn luyện sức khỏe cho con người. Hiểu biết về đặc tính của môi trường nước liên quan tới người bơi như: Nguyên lý thủy tĩnh lực học, nguyên lý thủy động lực học, những lực cản tác động đến cơ thể người bơi; Học các giai đoạn của một kỹ thuật Bơi thể thao (Bơi ếch): Cách làm nổi người, lướt nước, học kỹ thuật động tác chân, kỹ thuật động tác tay, phối hợp chân với tay, động tác thở, phối hợp động tác tay với thở; phối hợp tay- chân- thở hoàn thiện toàn bộ kỹ thuật kiểu Bơi ếch thể thao.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu
- Thảo luận nhóm
- Thực hành

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học, đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học...

- Sinh viên phải mặc đúng trang phục theo quy định là bộ quần áo bơi và kính bơi đối với nữ; trang phục quần bơi hoặc bộ quần áo bơi và kính bơi đối với nam để tạo điều kiện học tập bơi đạt kết quả cao nhất.

- Đối với những sinh viên có dị tật bẩm sinh, dị ứng với môi trường nước... Tùy từng trường hợp cụ thể sẽ phải nộp các giấy chứng nhận bệnh lý, bệnh án của bệnh viện cấp huyện hoặc tương đương trở lên để được xem xét giảm lượng vận động trong quá trình học, kiểm tra, thi.

- Thực hành:

+ Kiểm tra: Hoàn thành 02 bài thực hành cá nhân theo yêu cầu của giáo viên.

+ Thi: Hoàn thành 01 bài thực hành Bơi hoàn chỉnh kỹ thuật Bơi ếch thể thao.

Sinh viên thực hiện 01 lần thi bơi từ đầu bể 1,8m có bục xuất phát; Được xem xét thực hiện lần 02 trong một số trường hợp như: Sau khi xuất phát từ 15m trở lại mà bị tuột kính, bị sặc nước, trơn trượt khi xuất phát,....

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (Trọng số 30%)					
1	A1. Chuyên cần	5%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-6
2	A2: Bài kiểm tra thường xuyên	10%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 2, 3
3	A3: Bài kiểm tra định kì	15%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 2, 3, 4
Thi kết thúc học phần (Trọng số 70%)					
4	Thực hành	70%	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 2-5

8. Học liệu

Tài liệu học tập:

[1] Đào Thị Hoa Quỳnh, Nguyễn Huy Ánh, Trần Minh Khương (2023), Giáo Trình Bơi, NXB Thể thao và Du lịch, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

Tài liệu tham khảo

[2] Ngô Xuân Viên (2015), Giáo trình bơi thể thao, NXB – TĐTT, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

[3] Nguyễn Văn Trạch (1999), Bơi lội, NXB TĐTT, Hà Nội, Thư viện

Trường ĐHSP – ĐHTN.

8.12. Giáo dục thể chất 2 (59PHE121)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 40 tiết.

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	4	0	8
2	Thực hành	34	0	52
3	Kiểm tra, đánh giá	2	0	
Tổng		40	0	60

- Loại học phần: Tự chọn (Sinh viên được quyền lựa chọn 1 trong 4 môn trên).

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: TDDT Không chuyên, Khoa TDDT

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trần Thị Tú	0986.703.726	tutt@tnue.edu.vn
2	TS. Đào Thị Hoa Quỳnh	0963.246.683	quynhdth@tnue.edu.vn
3	TS. Võ Xuân Thủy	0963.810.833	thuyvx@tnue.edu.vn
4	ThS. Nguyễn Văn Dũng	0919.220.768	dungnv@tnue.edu.vn
5	ThS. Đào ngọc Anh	0986.599.780	anhdn@tnue.edu.vn
6	ThS. Nguyễn Đức Tuấn	0983.248.322	tuannnd@tnue.edu.vn
7	ThS. Lê Văn Hùng	0852.998.828	hunglv@tnue.edu.vn
8	ThS. Trần Minh Khương	0912.456.778	khuongtm@tnue.edu.vn
9	ThS. Nguyễn Thành Trung	0987.636.222	trungnt.phy@tnue.edu.vn
10	ThS. Nguyễn T. Thanh Vân	0389.974.726	vanntt@tnue.edu.vn
11	ThS. Nguyễn Đức Trường	0359.863.333	truongnd@tnue.edu.vn
12	ThS. Nguyễn Nhạc	0981.210.988	nhacn@tnue.edu.vn
13	ThS. Nguyễn Thị Hà	0979.646.255	hant.phy@tnue.edu.vn
14	ThS. Nguyễn Huy Ánh	0978.223.583	anhnh@tnue.edu.vn
15	ThS. Ma Đức Tuấn	0972.139.915	tuandmd@tnue.edu.vn
16	ThS. Nguyễn Duy Nam	0965.536.822	namnd.phy@tnue.edu.vn
17	ThS. Mã Thiêm Phách	0388.178.395	phachmt@tnue.edu.vn
18	TS. Nguyễn Mạnh Hùng	0988.711.822	hungnm.phy@tnue.edu.vn
19	TS. Đỗ Ngọc Cương	0914.456.163	cuongdn@tnue.edu.vn
20	ThS. Phạm Thị Bích Thảo	0838888758	thaoptb@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Hiểu được những kiến thức cơ bản của một trong các môn thể thao thuộc học phần GDTC 2

CO2: Biết được cách thức thực hiện một số kỹ thuật cơ bản của một trong các môn thể thao thuộc học phần GDTC 2

CO3: Biết được nguyên nhân, cách phòng ngừa và sơ cứu một số chấn thương thường gặp trong quá trình tập luyện, thi đấu.

* Về kỹ năng

CO4: Thực hiện được kỹ, chiến thuật cơ bản của một trong các môn thể thao thuộc học phần GDTC 2

CO5: Vận dụng được những kiến thức cơ bản của môn học vào tập luyện, thi đấu.

CO6: Đạt trình độ thể lực chung theo tiêu chí đánh giá của học phần.

CO7: Vận dụng khả năng giao tiếp hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ môn học.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO8: Xây dựng được kế hoạch tự học, tự tập luyện độc lập hoặc tập luyện theo nhóm để rèn luyện sức khỏe, nâng cao trình độ thể lực.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Giáo dục thể chất II (Tự chọn) dành cho sinh viên không chuyên ngành GDTC Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về nguồn gốc, lịch sử, đặc điểm, lợi ích, tác dụng của môn thể thao; thực hiện được các kỹ - chiến thuật cơ bản của môn thể thao; phương pháp tập luyện và thi đấu; xác định được nguyên nhân và cách phòng ngừa các chấn thương thường gặp trong quá trình tập luyện và thi đấu. Hình thành những kỹ năng, kỹ xảo về kỹ thuật cơ bản môn thể thao, giúp sinh viên nâng cao sức khỏe, góp phần rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong nhanh nhẹn, tinh thần tập thể, có sức khỏe thực hiện các yêu cầu trong thực tiễn công việc và cuộc sống.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Thuyết trình, nêu vấn đề, tình huống, thảo luận nhóm

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: ôn tập và đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học,...

- Hoàn thành 01 bài kiểm tra định kỳ và các bài kiểm tra thường xuyên.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

- Đánh giá theo thang 10 điểm.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					

1	A1. Chuyên cần	10%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-8
2	A2. Bài kiểm tra thường xuyên	20%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-4
3	A3. Bài kiểm tra định kỳ	20%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 4-7
Thi kết thúc học phần (50%)					
4	Thực hành	50%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 4-7

8. Học liệu

Tài liệu học tập

- [1]. Đinh Khánh Thu, Trương Anh Tuấn, Nguyễn Thị Kim Lan, Giáo trình Thể dục Aerobic, NXB TĐTT, Năm 2014, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.
- [2]. Nguyễn Đức Trường, Lê Trọng Đồng (2019), Giáo trình Bóng rổ, Nxb ĐHTN, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.
- [3]. Tổng cục TĐTT, Luật thi đấu Bóng rổ, NXB TĐTT năm 2015, Thư viện trường ĐHSP - ĐHTN.
- [4] Đào Thị Hoa Quỳnh (2021), Giáo trình Đá cầu, NXB ĐH Thái Nguyên, thư viện trường ĐHSP -ĐHTN.
- [5] Tổng cục TĐTT, Luật thi đấu đá cầu, NXB TĐTT, Hà Nội, 2015, Thư viện trường ĐHSP - ĐHTN.
- [6] Nguyễn Văn Chung, Giáo trình Võ thuật, 2007, NXB Đại học Sư phạm (Tài liệu có tại Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN)
- [7] Lê Quốc Ân chủ biên, Kỹ thuật Vovinam Việt võ đạo (tập 1), 2009, NXB Thể dục thể thao Hà Nội (Tài liệu có tại Thư viện Trường ĐHSP - ĐHTN)
- [8] Tổng cục Thể dục Thể thao, Luật thi đấu Vovinam, 2018, NXB Hồng Đức (Tài liệu có tại Thư viện Trường ĐHSP - ĐHTN)

Tài liệu tham khảo

- [9]. TS Nguyễn Văn Thời, ThS. Lê Minh Hường, ThS. Trần Thị Thu Trang, *Giáo trình thể dục Aerobic* tập 1, NXB TĐTT Hà Nội, thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.
- [10]. Đinh Quang Ngọc, Bóng rổ trong trường phổ thông, NXB TĐTT, năm 2013, Thư viện trường ĐHSP – ĐHTN.
- [11] Vụ TĐTT quần chúng , *Phương pháp giảng dạy và huấn luyện Đá cầu*, NXB Đại học Sư phạm, năm 2009, Thư viện Trường ĐHSP ĐHTN
- [12] Website: Vovinamthainguyen.vn
- [13] Nguồn hướng dẫn tập luyện Võ thuật trên Youtube: <https://www.youtube.com/>

8.13. Giáo dục thể chất 3 (59PHE131)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 40 tiết.
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	4	0	8
2	Thực hành	34	0	52
3	Kiểm tra, đánh giá	2	0	
Tổng		40	0	60

- Loại học phần: Tự chọn (Sinh viên được quyền lựa chọn 1 trong 4 môn).

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không.

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: TDDT Không chuyên, Khoa TDDT

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Th.S. Trần Thị Tú	0986.703.726	tutt@tnue.edu.vn
2	TS. Đào Thị Hoa Quỳnh	0963.246.683	quynhhdth@tnue.edu.vn
3	TS. Võ Xuân Thủy	0963.810.833	thuyvx@tnue.edu.vn
4	Th.S. Nguyễn Văn Dũng	0919.220.768	dungnv@tnue.edu.vn
5	Th.S. Đào Ngọc Anh	0986.599.780	anhdn@tnue.edu.vn
6	Th.S. Nguyễn Đức Tuấn	0983.248.322	tuannnd@tnue.edu.vn
7	Th.S. Lê Văn Hùng	0852.998.828	hunglv@tnue.edu.vn
8	Th.S. Trần Minh Khương	0912.456.778	khuongtm@tnue.edu.vn
9	Th.S. Nguyễn Thành Trung	0987.636.222	trungnt.phy@tnue.edu.vn
10	Th.S. Nguyễn T. Thanh Vân	0389.974.726	vanntt@tnue.edu.vn
11	Th.S. Nguyễn Đức Trường	0359.863.333	truongnd@tnue.edu.vn
12	Th.S. Nguyễn Nhạc	0981.210.988	nhacn@tnue.edu.vn
13	Th.S. Nguyễn Thị Hà	0979.646.255	hant.phy@tnue.edu.vn
14	Th.S. Nguyễn Huy Ánh	0978.223.583	anhnh@tnue.edu.vn
15	Th.S. Ma Đức Tuấn	0972.139.915	tuandmd@tnue.edu.vn
16	Th.S. Nguyễn Duy Nam	0965.536.822	namnd.phy@tnue.edu.vn
17	Th.S. Mã Thiêm Phách	0388.178.395	phachmt@tnue.edu.vn
18	TS. Nguyễn Mạnh Hùng	0988.711.822	hungnm.phy@tnue.edu.vn
19	TS. Đỗ Ngọc Cương	0914.456.163	cuongdn@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Hiểu được những kiến thức cơ bản của một trong các môn thể thao thuộc học phần GDTC 3

CO2: Biết được cách thức thực hiện một số kỹ thuật cơ bản của một trong các môn thể thao thuộc học phần GDTC 3

CO3: Biết được nguyên nhân, cách phòng ngừa và sơ cứu một số chấn thương thường gặp trong quá trình tập luyện, thi đấu.

* Về kỹ năng

CO4: Thực hiện được kỹ, chiến thuật cơ bản của một trong các môn thể thao thuộc học phần GDTC 3

CO5: Vận dụng được những kiến thức cơ bản của môn học vào tập luyện, thi đấu.

CO6: Đạt trình độ thể lực chung theo tiêu chí đánh giá của học phần.

CO7: Vận dụng khả năng giao tiếp hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ môn học.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO8: Xây dựng được kế hoạch tự học, tự tập luyện độc lập hoặc tập luyện theo nhóm để rèn luyện sức khỏe, nâng cao trình độ thể lực.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Giáo dục thể chất 3 (Tự chọn 1 trong 4 môn: Bóng chuyền, Bóng đá, Cầu lông, Khiêu vũ thể thao) dành cho sinh viên không chuyên ngành GDTC Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về nguồn gốc, lịch sử, đặc điểm, lợi ích, tác dụng của môn thể thao; thực hiện được các kỹ - chiến thuật cơ bản của môn thể thao; phương pháp tập luyện và thi đấu; xác định được nguyên nhân và cách phòng ngừa các chấn thương thường gặp trong quá trình tập luyện và thi đấu. Hình thành những kỹ năng, kỹ xảo về kỹ thuật cơ bản môn thể thao, giúp sinh viên nâng cao sức khỏe, góp phần rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong nhanh nhẹn, tinh thần tập thể, có sức khỏe thực hiện các yêu cầu trong thực tiễn công việc và cuộc sống.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Thuyết trình (của GV)
- Thảo luận nhóm
- Tình huống

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: ôn tập và đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học,...
- Hoàn thành 01 bài kiểm tra định kỳ và các bài kiểm tra thường xuyên.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

- Sử dụng thang 10 điểm.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-8
2	A2. Bài kiểm tra thường xuyên	20%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-4

3	A3. Bài kiểm tra định kỳ	20%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 4-7
Thi kết thúc học phần					
4	Thực hành	50%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 4-7

8. Học liệu

Tài liệu học tập

[1] Vũ Thanh Mai, *Khiêu vũ Thể thao*, NXB TDTT, Năm 2011, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

[2] PGS.TS Trần Đức Dũng, *Giáo Trình Bóng đá*, Nxb TDTT, Hà Nội 2007, Thư viện trường ĐHSP – ĐHTN.

[3]. Nguyễn Đức Tuấn (Chủ biên), Trương Tấn Hùng, *Giáo trình bóng chuyền*, NXB ĐHTN (2020), Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

[4]. Nguyễn Văn Đức , Trần Văn Vinh (2016) *Giáo trình cầu lông* NXB TDTT. Thư viện trường ĐHSP – ĐHTN.

[5]. Tổng cục TDTT, *Luật thi đấu Cầu Lông*, 2015, NXB TDTT, thư viện trường ĐHSP TN.

Tài liệu tham khảo:

[6] Băng đĩa hình; video – Giảng viên giảng dạy cung cấp cho sinh viên.

[7] Luật thi đấu Bóng đá, Tổng cục TDTT - NXB TDTT 2014.

[8]. Tổng cục TDTT, *Luật Bóng chuyền và luật Bóng chuyền bãi biển*, NXB TDTT năm 2015, Thư viện trường ĐHSP - ĐHTN.

[9]. *Bóng chuyền*, Iu. KLESEP – AG. AIRIANX NXB TDTT, Hà Nội 1997, Thư viện trường ĐHSP – ĐHTN.

8.15. Lý thuyết âm nhạc cơ bản (59BMT231)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	30	60
2	Bài tập	10	15
3	Thực hành	15	22,5
4	Thảo luận	05	05
5	Thực tế chuyên môn	00	00
Tổng		60	102,5

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật; Khoa Giáo dục Tiểu học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Th.S Phạm Minh Thuỳ	0338559688	thuypm@tnue.edu.vn
2	TS Nguyễn Thanh Tiến	0988268558	thieunv@tnue.edu.vn
3	Th.S Lương Ngọc Quỳnh	0913967828	quynhln@tnue.edu.vn
4	Th.S Nguyễn Văn Thiều	0988268558	thieunv@tnue.edu.vn
5	Th.S Đỗ Linh Chi	0988808489	chidtl@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng:

* Kiến thức

CO1. Trình bày được khái niệm chung về âm nhạc, cách ký âm và một số dấu thường dùng trong âm nhạc. Các nhân tố cơ bản của nhịp, loại nhịp, đảo phách, nghịch phách và chùm nốt.

CO2. Trình bày được khái niệm chung về quãng, độ lớn của quãng, quãng cơ bản, quãng tăng, quãng giảm, quãng đơn và quãng ghép.

CO3. Trình bày được khái niệm chung về điệu thức, điệu thức trưởng, điệu thức thứ, điệu thức năm âm. cách xác định giọng và dịch giọng.

CO4. Trình bày được khái niệm về hợp âm, các dạng hợp âm ba, hợp âm bảy và hợp âm bảy át. Một số phương pháp biểu diễn cơ bản, nhịp độ, cường độ và nốt tô điểm

* Kỹ năng

CO5. Đọc cao độ nốt nhạc trên khuông nhạc khoá Sol, khoá pha, và một số dấu thường dùng trong âm nhạc. Thực hiện tốt các nhân tố cơ bản của nhịp, loại nhịp, đảo phách, nghịch phách và chùm nốt.

CO6. Viết và đọc được các quãng cơ bản, quãng tăng, quãng giảm, quãng đơn và quãng ghép.

CO7. Đọc và viết được các dạng điệu thức trưởng, điệu thức thứ và điệu thức năm âm. Thực hiện tốt cách xác định giọng và dịch giọng.

CO8. Sử dụng thành thạo các dạng hợp âm ba, hợp âm bảy và hợp âm bảy át vào việc đệm đàn những bài hát trong chương trình Giáo dục âm nhạc phổ thông.

* Năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO9. Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.

CO10. Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Tham gia tích cực vào quá trình học tập học phần khi hoạt động cá nhân, nhóm và có khả năng tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần	CDR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	+ Trình bày được khái niệm chung về âm nhạc, cách ký âm và một số dấu thường dùng trong âm nhạc. Các nhân tố cơ bản của nhịp, loại nhịp, đảo phách, nghịch phách và chùm nốt.	PLO1 PLO3 PLO8
	CLO2	+ Trình bày được khái niệm chung về quãng, độ lớn của quãng, quãng cơ bản, quãng tăng, quãng giảm, quãng đơn và quãng ghép.	PLO1 PLO3 PLO8
CO2	CLO4	+ Trình bày được khái niệm chung về điệu thức, điệu thức trưởng, điệu thức thứ, điệu thức năm âm. cách xác định giọng và dịch giọng.	PLO1 PLO3 PLO8
CO3	CLO5	+ Trình bày được khái niệm về hợp âm, các dạng hợp âm ba, hợp âm bảy và hợp âm bảy át. Một số phương pháp biểu diễn cơ bản, nhịp độ, cường độ và nốt tô điểm.	PLO1 PLO3 PLO8
Kĩ năng			
CO4	CLO6	+ Đọc cao độ nốt nhạc trên khuông nhạc khoá Sol, khoá pha, và một số dấu thường dùng trong âm nhạc. Thực hiện tốt các nhân tố cơ bản của nhịp, loại nhịp, đảo phách, nghịch phách và chùm nốt.	PLO10 PLO11 PLO12
CO5	CLO7	+ Viết và đọc được các quãng cơ bản, quãng tăng, quãng giảm, quãng đơn và quãng ghép.	PLO10 PLO11 PLO12
CO6	CLO8	+ Đọc và viết được các dạng điệu thức trưởng, điệu thức thứ và điệu thức năm âm. Thực hiện tốt cách xác định giọng và dịch giọng.	PLO10 PLO11 PLO12
CO7	CLO9	+ Sử dụng thành thạo các dạng hợp âm ba, hợp âm bảy và hợp âm bảy át vào việc đệm đàn những bài hát trong chương trình Giáo dục âm nhạc phổ thông.	PLO10 PLO11 PLO12 PLO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO8	CLO10	Năng lực tự chủ Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.	PLO14 PLO15

CO9	CLO11	Năng lực trách nhiệm Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Hoàn thành đầy đủ bài tập do thầy cô giáo giao. Tham gia các hoạt động âm nhạc tập thể một cách tích cực.	PLO14 PLO15
-----	-------	---	----------------

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x		x					x							
CLO2	x		x					x							
CLO3	x		x					x							
CLO4	x		x					x							
CLO5	x		x					x							
CLO6										x	x	x	x		
CLO7										x	x	x	x		
CLO8										x	x	x	x		
CLO9										x	x	x	x		
CLO10		x		x	x	x	x		x					x	x
CLO11		x		x	x	x	x		x					x	x
MDG	3	1	3	1	1	1	1	3	2	2	2	2	2	1	1

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

- Tiếng Việt

Lý thuyết âm nhạc là môn học mở đầu và có ý nghĩa quan trọng trong chương trình đào tạo giáo viên trình độ Đại học Sư phạm âm nhạc. Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức nhạc lý căn bản, làm tiền đề cho việc học các môn nghệ thuật tiếp theo.

Môn học giúp sinh viên trình bày được các khái niệm âm nhạc, thuộc tính âm nhạc, hàng âm cơ bản, tên gọi bậc của hàng âm và cách ghi âm. Sinh viên thực hành các ký hiệu thường dùng trong âm nhạc, qua đó biết viết và đọc được nốt nhạc

trên khuôn nhạc.

Kết thúc môn học, sinh viên áp dụng những kiến thức nhạc lý căn bản vào việc hát và đàn thành thực các bài hát, tập đọc nhạc trong chương trình Giáo dục âm nhạc phổ thông. Đảm nhận được việc giảng dạy môn âm nhạc, tổ chức các hoạt động ngoại khoá cho học sinh ở các trường phổ thông.

- Tiếng anh

Music theory is an introductory and crucial subject in the teacher training program in Music Education at the university level. It provides students with fundamental music theory and is a foundation for studying the following art subjects.

The subject helps students present musical concepts, attributes, essential scales, names of scale degrees, and how to record. Students also learn how to write and read musical notes on the staff by practicing commonly used symbols in Music.

By the end of the course, students will apply their basic music theory knowledge to singing and playing instruments and practice reading Music in the General Music Education program, thereby teaching Music and organizing extracurricular activities for students in high schools.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp, 100% giờ học trực tuyến (nếu có), đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành bài thực hành cá nhân.
- Kiểm tra định kỳ: Dự và thực hiện kiểm tra định kì đúng lịch.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- *Đánh giá theo thang 10 điểm.*
- Hình thức đánh giá:
 - A1: Chuyên cần;
 - A2: Thực hành;
 - A3: Kiểm tra định kỳ;
 - A4: Thi kết thúc học phần.
- Đánh giá quá trình:
 - + Trọng số điểm: 50% [*Chuyên cần 10%; Thực hành cá nhân 20%, bài kiểm tra định kỳ 20% (thực hành)*].
 - + Hình thức: Đánh giá qua thực hành cá nhân.
- Thi kết thúc học phần: Trọng số điểm: 50%; Hình thức: *Tự luận*

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần		01	Rubric đánh giá	CLO 1-9

				chuyên cần	
4	A2. Thực hành		01	Đáp án, thang điểm	CLO 6, 7, 8, 9
5	A3. Bài kiểm tra định kì		01	Đáp án, thang điểm	CLO 3, 4, 5, 6, 7,8
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A4. Thực hành	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 6, 7,8, 9

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Phạm Tú Hương (2007), Lý thuyết âm nhạc cơ bản, Nxb Đại học Sư phạm.

9.2. Tài liệu tham khảo: (nếu có)

[3]. Phạm Tú Hương - Vũ Nhật Thăng (1993) Sách giáo khoa hòa thanh, Nxb Âm nhạc

[4]. Đỗ Hải Lễ, (2003), Lý thuyết cơ bản về âm nhạc, Trường Cao đẳng Sư phạm Nhạc Họa Trung Ương.

[5]. Phạm Tú Hương (2004), Lý thuyết âm nhạc cơ bản, Nxb trường CĐSP Nhạc Họa TW, Hà Nội.

[6]. Lê Anh Tuấn (chủ biên) (2006) giáo trình âm nhạc tập 1 - Lý thuyết âm nhạc, NXB Giáo dục.

9.3. Website (nếu có)

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/ bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Trình bày được khái niệm chung về âm nhạc, cách ký âm và một số dấu thường gặp trong âm nhạc.
LLO2	Trình bày được các nhân tố cơ bản của nhịp, thực hành một số loại nhịp thường dùng trong âm nhạc. Trình bày được các hiện tượng đảo phách, nghịch phách và chùm nốt
LLO3	Trình bày được khái niệm chung về quãng, độ lớn của quãng, các quãng cơ bản, quãng tăng, quãng giảm, quãng đơn và quãng ghép.
LLO4	Trình bày được khái niệm chung về điệu thức, gam, giọng. Phân biệt được các dạng điệu thức trưởng (thứ) tự nhiên, hoà thanh, giai điệu, điệu thức năm âm
LLO5	Trình bày được cách xác định gam, giọng và dịch giọng cho một bài hát, một tác phẩm âm nhạc.
LLO6	Trình bày được khái niệm hợp âm, các dạng hợp âm ba, hợp âm bảy và thể đảo, vòng hoà thanh cơ bản T-S-D và một số cách biểu diễn sắc thái của tác phẩm âm nhạc.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)										
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
LLO1	x	x	x								
LLO2	x	x	x								
LLO3	x	x	x								
LLO4	x	x	x								
LLO5	x	x	x								
LLO6					x		x				
LLO7								x	x		
LLO8	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
LLO9	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Khái quát chung về âm nhạc				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10tiết) * Nội dung lí thuyết: (5tiết) 1.1.Khái niệm chung về âm nhạc 1.2.Cách ký âm	<i>Thuyết trình giảng giải minh họa.</i>	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2] [3]

	1.3. Một số dấu thường gặp trong âm nhạc			[4] [5] [6]
LLO1	*Nội dung bài tập: (1 tiết) <i>Sinh viên làm bài tập viết nốt nhạc trên khuông nhạc khoá Sol</i>	<i>Sinh viên tự làm bài tập</i>	[A1] [A2] [A3]	[1] [2] [3] [4] [5] [6]
LLO1	*Nội dung thực hành/ thí nghiệm: (2tiết) <i>Sinh viên thực hành đọc cao độ nốt nhạc trên khuông nhạc</i>	<i>Thực hành</i>	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2] [3] [4] [5] [6]
LLO1	*Nội dung thảo luận: (3 tiết) <i>Sinh viên thảo luận về khái niệm âm nhạc, khái niệm về một số thường dùng trong âm nhạc</i>	<i>Sinh viên thảo luận nhóm</i>	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2] [3] [4] [5]
LLO1	B. Nội dung tự học: (12,5tiết) <i>Sinh viên đọc tài liệu và trả lời câu hỏi</i>	<i>Sinh viên tự học</i>	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1]

Chương 2: Nhịp

LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10tiết) * Nội dung lí thuyết: (5 tiết) 1.1. Các nhân tố cơ bản của nhịp 1.2.Một số loại nhịp thường dùng 1.3.Đảo phách, nghịch phách và chùm nốt	<i>Thuyết trình giảng giải minh họa.</i>	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2] [3] [4] [5] [6]
LLO2	*Nội dung bài tập: (1 tiết) <i>Sinh viên làm bài tập về nhịp, nghịch phách và đảo phách</i>	<i>Sinh viên làm bài tập nhóm</i>	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2] [3] [4] [5] [6]
LLO2	*Nội dung thực hành/ thí nghiệm: (2tiết) <i>Sinh viên thực hành đọc một số bản nhạc có đảo phách và nghịch phách</i>	<i>Thực hành</i>	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2] [3] [4] [5] [6]
LLO1	*Nội dung thảo luận: (2 tiết) <i>Sinh viên thảo luận về một số loại nhịp đơn, nhịp kép, nhịp hỗn hợp, đảo phách và nghịch phách</i>	<i>Thảo luận nhóm</i>	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2] [3] [4] [5] [6]

LLO2	B. Nội dung tự học: (10tiết) Sinh viên đọc tài liệu và trả lời câu hỏi	Sinh viên tự học	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2] [3] [4] [5] [6]
Chương 3: Quãng				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO3	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung lí thuyết: (5 tiết) 1.1. Khái niệm chung về quãng 1.2. Độ lớn của quãng 1.3.Quãng cơ bản 1.4.Quãng tăng, quãng giảm 1.5.Quãng đơn, quãng ghép	Thuyết trình giảng giải minh họa.	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2] [3] [4] [5] [6]
LLO3	*Nội dung bài tập: (3 tiết) Sinh viên làm bài tập về quãng đơn, quãng ghép, quãng tăng, quãng giảm	Sinh viên làm bài tập nhóm	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2] [3] [4] [5] [6]
LLO3	*Nội dung thực hành/ thí nghiệm: (2tiết) Sinh viên thực hành đọc vang một số quãng cơ bản	Thực hành	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2] [3] [4] [5] [6]
LLO3	*Nội dung thảo luận: (tiết) Sinh viên thảo luận về các quãng cơ bản, quãng tăng quãng giảm, quãng đơn quãng ghép	Sinh viên thảo luận theo nhóm	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2] [3] [4] [5] [6]
LLO3	B. Nội dung tự học: (20tiết) Sinh viên đọc tài liệu và trả lời câu hỏi	Sinh viên tự học	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2] [3] [4] [5] [6]
Chương 4: Điệu thức				
LLOs	Nội dung	Hình thức/		Học liệu

		phương pháp		
		Dạy học	Đánh giá	
LLO4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung lí thuyết: (5 tiết) 1.1. Khái niệm chung về điệu thức, gam và giọng 1.2. Điệu thức trưởng 1.3. Điệu thức thứ 1.4. Điệu thức năm âm 1.5. Cách xác định giọng 1.6. Dịch giọng	Thuyết trình giảng giải minh họa.	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2] [3] [4] [5] [6]
LLO4	*Nội dung bài tập: (3 tiết) Sinh viên làm bài tập về xác định giọngm dịch giọng	Sinh viên làm bài tập nhóm	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2] [3] [4] [5] [6]
LLO4	*Nội dung thực hành/ thí nghiệm: (3tiết) Sinh viên thực hành dịch giọng một số tác phẩm âm nhạc và bài hát trong chương trình Giáo dục âm nhạc phổ thông	Thực hành	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2] [3] [4] [5] [6]
LLO4	*Nội dung thảo luận: (tiết) Sinh viên thảo luận về cấu tạo của điệu thức trưởng, thứ ở ba hình thức tự nhiên-hoà thanh -giai điệu	Sinh viên thảo luận nhóm	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2] [3] [4] [5] [6]
LLO4	B. Nội dung tự học: (20tiết) Sinh viên đọc tài liệu và trả lời câu hỏi	Sinh viên tự học	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2] [3] [4] [5] [6]
Chương 5: Hợp âm				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO5	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung lí thuyết: (5 tiết) 1.1. Khái niệm về hợp âm	Thuyết	[A1] [A2]	[1] [2]

	1.2.Hợp âm ba 1.3.Hợp âm bảy 1.4.Hợp âm bảy át	trình giảng giải minh họa	[A3] [A4]	[3] [4] [5] [6]
LLO5	*Nội dung bài tập: (2 tiết) Sinh viên làm bài tập về các dạng hợp âm	Sinh viên làm bài tập	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2] [3] [4] [5] [6]
LLO5	*Nội dung thực hành/ thí nghiệm: (3tiết) Sinh viên nhận biết một số dạng hợp âm, viết ký hiệu và tên gọi của từng hợp âm	Thực hành	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2] [3] [4] [5] [6]
LLO5	*Nội dung thảo luận: (tiết) Sinh viên thảo luận về hợp âm bảy và hợp âm bảy át	Thảo luận nhóm	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2] [3] [4] [5] [6]
LLO5	B. Nội dung tự học: (20tiết) Sinh viên đọc tài liệu và trả lời câu hỏi	Sinh viên tự học	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2] [3] [4] [5] [6]
Chương 6: Sắc thái biểu diễn				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO6	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung lí thuyết: (5 tiết) 1.1. Một số phương pháp biểu diễn cơ bản 1.2.Nhịp độ 1.3.Cường độ 1.4.Nốt tô điểm	Thuyết trình giảng giải minh họa	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2] [3] [4] [5] [6]
LLO6	*Nội dung bài tập: (tiết)	Sinh viên	[A1]	[1]

	<i>Sinh viên làm bài tập về nhịp độ, vòng độ và nốt tô điểm</i>	<i>làm bài tập</i>	[A2] [A3] [A4]	[2] [3] [4] [5] [6]
LLO6	*Nội dung thực hành/ thí nghiệm: (3tiết) <i>Sinh viên thực hành một số cách biểu diễn cơ bản trong âm nhạc</i>	<i>Thực hành</i>	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2] [3] [4] [5] [6]
LLO6	*Nội dung thảo luận: (tiết) <i>Sinh viên thảo luận về nốt tô điểm trong âm nhạc</i>	<i>Sinh viên thảo luận nhóm</i>	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2] [3] [4] [5] [6]
	B. Nội dung tự học: (20 tiết) <i>Sinh viên đọc tài liệu và trả lời câu hỏi</i>	<i>Sinh viên tự học</i>	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2] [3] [4] [5] [6]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành đàn phím điện tử
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, loa, đài, đàn phím điện tử.
- Điều kiện khác: Phòng cách âm

8.16. Ký – Xương âm 1 (59 COS231)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	10	20
2	Bài tập	0	0
3	Thực hành	40	60
4	Thảo luận	0	0
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		50	80

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Lý thuyết Âm nhạc cơ bản
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật; Khoa Giáo dục Tiểu học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
8.	TS. Nguyễn Thanh Tiến	0971954333	tiennt@tnue.edu.vn
9.	ThS. Nguyễn Văn Thiều	0988268558	thieunv@tnue.edu.vn
10.	ThS. Đỗ Thị Linh Chi	0988808489	chidtl@tnue.edu.vn
11.	TS. Phạm Minh Thuỳ	0338559688	thuypm@tnue.edu.vn
12.	ThS. Lương Ngọc Quỳnh	0913967828	quynhln@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức:

CO1. Trình bày được những kiến thức về môn học Ký – Xướng âm 1

CO2. Trình bày được cấu tạo giọng trưởng, giọng thứ tự nhiên, hòa thanh, giai điệu, và các ký hiệu âm nhạc...

CO3. Vận dụng được những phương pháp luyện tập đọc Ký – Xướng âm như: Đọc và ghi các nốt, các quãng cơ bản; đọc gam Đô trưởng (C-dur) và La thứ (a-moll)...

* Về kỹ năng

CO4. Kỹ năng đọc các âm cơ bản trong phạm vi 1 quãng tám, đọc và nghe các quãng 2, quãng 3, quãng 4, quãng 5..., gam Đô trưởng (C-dur) và La thứ (a-moll)...

CO5. Kỹ năng đọc các bài xướng âm và giải mã được các ký hiệu trong bài.

CO6. Kỹ năng cảm thụ âm nhạc thông qua việc đọc và ghi nhạc

CO7. Kỹ năng ghi một số bài ở mức độ đơn giản

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO8. Thực hiện đúng nội quy của lớp, trường và quy định về đạo đức nhà giáo ở trường tiểu học.

CO9. Vận dụng được các kiến thức về âm nhạc, mỹ thuật để hoạt động cá nhân, nhóm và có khả năng tự học và sáng tạo.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO 1	Sinh viên hiểu và trình bày được những kiến thức cơ bản về môn học Ký – Xướng âm 1	PLO1 PLO2 PLO3
	CLO 2	Sinh viên hiểu và trình bày được cấu tạo giọng trưởng, giọng thứ tự nhiên, hòa thanh, giai điệu, và các ký hiệu âm nhạc...	PLO1 PLO2 PLO3

	CLO 3	Sinh viên hiểu và trình bày được những phương pháp luyện tập đọc Ký – Xướng âm như: Đọc và ghi các nốt, các quãng cơ bản; đọc gam Đô trưởng (C-dur) và La thứ (a-moll)...	PLO1 PLO2 PLO3
CO2	CLO 4	Sinh viên hiểu và phân tích được các loại ký hiệu âm nhạc trên bản nhạc, cách đọc bản nhạc với khóa son.	PLO1 PLO2 PLO3
CO3	CLO 5	Sinh viên trình bày được những phương pháp luyện tập đọc Ký – Xướng âm như: Đọc và ghi các nốt, các quãng cơ bản; đọc gam Đô trưởng (C-dur) và La thứ (a-moll)...	PLO1 PLO2 PLO3
Kĩ năng			
CO4	CLO 6	Sinh viên có kỹ năng đọc các âm cơ bản trong phạm vi 1 quãng tám, đọc và nghe các quãng 2, quãng 3, quãng 4, quãng 5..., gam Đô trưởng (C-dur) và La thứ (a-moll)...	PLO10 PLO11 PLO12 PLO13
CO5	CLO 7	Sinh viên có kỹ năng đọc các bài xướng âm và giải mã được các ký hiệu trong bài.	PLO10 PLO11 PLO12 PLO13
CO6	CLO 8	Kỹ năng cảm thụ âm nhạc thông qua việc đọc và ghi nhạc	PLO10 PLO11 PLO12 PLO13
CO7	CLO 9	Kỹ năng ghi một số bài ở mức độ đơn giản	PLO10 PLO11 PLO12 PLO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO8	CLO 10	Năng lực tự chủ Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.	PLO4 PLO5 PLO14
CO9	CLO 11	Năng lực trách nhiệm Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Hoàn thành đầy đủ bài tập do. Tham gia các hoạt động âm nhạc tập thể một cách tích cực.	PLO6 PLO15

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)
------	---

	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x	x	x												
CLO2	x	x	x												
CLO3	x	x	x												
CLO4	x	x	x												
CLO5	x	x	x												
CLO6										x	x	x	x		
CLO7										x	x	x	x		
CLO8										x	x	x	x		
CLO9										x	x	x	x		
CLO10				x	x									x	
CLO11						x									x
MDG	2	2	2	1	1	1	0	0	0	2	2	2	2	1	1

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

* Tiếng Việt

- Học phần hướng dẫn phương pháp đọc cao độ, trường độ của các bài tập âm nhạc, các tác phẩm âm nhạc một bè, hai bè giọng Đô trưởng (C- dur) và La thứ (a- moll)

- Học phần rèn luyện kỹ năng nghe để ký âm được những bài tập với âm hình dễ đến khó, ký âm tiết tấu.

* Tiếng Anh

Course instructing on how to read pitch and duration of musical exercises, one-part and two-part musical works in C major (C-dur) and A-minor (a-moll)

Learn the listening skills training module to notate exercises with easy to difficult sounds and rhythmic notation.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp, 100% giờ học trực tuyến (nếu có), đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành bài thực hành cá nhân.

- Kiểm tra định kỳ: Dự và thực hiện kiểm tra định kì đúng lịch.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- Đánh giá theo thang 10 điểm.
- Hình thức đánh giá:
 - A1: Chuyên cần;
 - A2: Thực hành;
 - A3: Kiểm tra định kỳ;
 - A4: Thi kết thúc học phần.
- Đánh giá quá trình:
 - + Trọng số điểm: 50% [*Chuyên cần 10%; Thực hành cá nhân 20%, bài kiểm tra định kỳ 20% (thực hành)*].
 - + Hình thức: Đánh giá qua thực hành cá nhân.
- Thi kết thúc học phần: Trọng số điểm: 50%; Hình thức: *Vấn đáp*

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần		01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-9
4	A2. Thực hành		01	Đáp án, thang điểm	CLO 6, 7, 8, 9
5	A3. Bài kiểm tra định kì		02	Đáp án, thang điểm	CLO 3, 4, 5, 6, 7,8
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A4. Vấn đáp	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 6, 7,8, 9

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.

Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1] *Giáo trình xướng âm Tập I (Phần I) trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung Ương- 2003- Đắk Quỳnh*

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2] *Bộ giáo trình xướng âm dùng cho hệ trung cấp chính quy của Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam*

[3] *Giáo trình xướng âm hệ Trung Cấp 10 năm (Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam)*

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Mô tả khái quát chung về vai trò của môn học, phương pháp đọc, ghi nhạc
LLO2	Phân tích và giải mã được các ký hiệu và cách đọc bản nhạc
LLO3	Đọc và ghi được các âm, quãng cơ bản, đọc gam Đô trưởng (C-dur) và La thứ (a-moll)...
LLO4	Đọc và ghi được hoành chính các tác phẩm ở mức độ đơn giản trên giọng Đô trưởng (C-dur) và La thứ (a-moll)...

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)										
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
LLO1	x										
LLO2		x		x							
LLO3							x		x		
LLO4							x	x	x		

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Phương pháp đọc cao độ và trường độ				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung bài tập: (2 tiết) 1.1. Khái quát về môn học ký – xướng âm	<i>Thuyết trình kết hợp thị phạm.</i>	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2] [3]

	1.2. Xác định các bậc, trục chính của hàng âm 1.3. Gam Đô trưởng – Cấu tạo bậc âm gam Đô trưởng 1.4. Đọc gam Đô trưởng theo hàng âm cơ bản 1.5. Luyện đọc các quãng cơ bản theo nhiều cách 1.6. Bài tập xướng âm gam Đô trưởng (theo giáo trình)			
LLO3 LLO4	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (5 tiết) - Luyện đọc các trục của hàng âm, đọc gam C-dur, các quãng, các bài tập xướng âm gam C-dur theo giáo trình.	Thị phạm, thực hành.	[A2]	[1] [2] [3]
LLO1 LLO2 LLO3 LLO4	B. Nội dung tự học: (10 tiết) Sinh viên luyện tập theo hướng dẫn và giáo trình môn học.	Thuyết trình	[A1]	[1] [2] [3]
Chương 2: Phương pháp đọc cao độ các bậc cơ bản				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO2 LLO3 LLO4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung bài tập: (2 tiết) 2.1. Đọc các bậc II, IV, VII về trục chính của gam Đô trưởng 2.2. Luyện tập tai nghe và xác định các bậc trục chính 2.3. Phân biệt quãng cơ bản Diatonic nguyên cung và bán cung 2.4. Bài tập, bài luyện có giai điệu chủ yếu các bậc cơ bản	Thuyết trình kết hợp thị phạm.	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2] [3]
LLO3 LLO4	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (5 tiết) - Luyện đọc các trục âm, các quãng, các bài tập, ghi âm.	Thị phạm, thực hành.	[A2]	[1]
LLO1 LLO2 LLO3 LLO4	B. Nội dung tự học: (20 tiết) Đọc tài liệu và thực hành đọc bản nhạc, luyện tập tai nghe các nốt cơ bản.	Thuyết trình	[A1]	[1] [2] [3]
Chương 3: Phương pháp đọc các bậc III, V, VII của				

điệu thức trưởng- Ghi âm điệu thức trưởng				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 LLO2 LLO3 LLO4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung bài tập: (2 tiết) 3.1. Các bậc III, V, VII của giọng Đô trưởng 3.2. Các quãng tạo thành hợp âm gam Đô trưởng 3.3. Bài tập giọng Đô trưởng (giáo trình) 3.4. Bài tập xướng âm với các loại hình tiết tấu (giáo trình) 3.5. Các dạng tiết tấu và bài tập tiết tấu	<i>Thuyết trình kết hợp thị phạm.</i>	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2] [3]
LLO3 LLO4	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (10 tiết) - Đọc các bậc của giọng C-dur, các quãng 3, quãng 5 cấu thành nên hợp âm C-dur, bài tập xướng âm và tiết tấu.	<i>Thị phạm, thực hành.</i>	[A2]	[1]
LLO1 LLO2 LLO3 LLO4	B. Nội dung tự học: (20 tiết) Luyện tập theo hướng dẫn và giáo trình	<i>Thuyết trình</i>	[A1]	[1] [2] [3]
Chương 4: Phương pháp đọc và ghi điệu thức thứ				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 LLO2 LLO3 LLO4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung bài tập: (2 tiết) 4.1. Gam La thứ tự nhiên, hòa âm, giai điệu 4.2. Luyện tập tai nghe và xác định các bậc trục chính 4.3. Phân biệt quãng cơ bản Diatonic nguyên cung và bán cung 4.4. Bài tập, bài luyện có giai điệu chủ yếu các bậc cơ bản 4.5. Ghi âm các âm hình và tiết tấu cơ bản giọng La thứ.	<i>Thuyết trình kết hợp thị phạm.</i>	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2] [3]
LLO3 LLO4	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (10 tiết) - Đọc các bậc của giọng a-moll, các trục của giọng, bài tập xướng âm và ghi âm hình và tiết tấu cơ bản.	<i>Thị phạm, thực hành.</i>	[A2]	[1]

LLO1	B. Nội dung tự học: (10 tiết) Luyện tập theo hướng dẫn của GV và bài tập trong giáo trình	Thuyết trình	[A1]	[1]
LLO2				[2]
LLO3				[3]
LLO4				
Chương 5: Phương pháp xướng âm bài có dấu hóa bất thường				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung bài tập: (2 tiết) 5.1. Phương pháp đọc xướng âm nốt nguyên cung 5.2. Phân biệt cách đọc xướng âm giọng trưởng và giọng thứ 5.3. Cách đọc các bậc II, IV, VII về trục chính 5.4. Cách đọc các bậc có dấu hóa bất thường 5.5. Bài tập tiết tấu và âm hình tiết tấu phức tạp	Thuyết trình kết hợp thị phạm.	[A1]	[1]
LLO2			[A2]	[2]
LLO3			[A3]	[3]
LLO4			[A4]	
LLO3	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (10 tiết) - Luyện đọc các nốt nguyên cung, các bậc phụ, dấu hoá bất thường và bài tập về tiết tấu, âm hình tiết tấu.	Thị phạm, thực hành.	[A2]	[1]
LLO4				
LLO1	B. Nội dung tự học: (20 tiết) Luyện tập theo hướng dẫn và giáo trình	Thuyết trình	[A1]	[1]
LLO2				[2]
LLO3				[3]
LLO4				

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học thực hành có đàn piano hoặc đàn phím điện tử, Bảng viết có kẻ các khuông nhạc.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, loa, đài.
- Điều kiện khác:

8.17. Ký – Xướng âm 2 (59 COS232)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	10	20
2	Bài tập	0	0
3	Thực hành	40	60

4	Thảo luận	0	0
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		50	80

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Ký – Xướng âm 1
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật; Khoa Giáo dục Tiểu học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
13.	TS. Nguyễn Thanh Tiến	0971954333	tiennt@tnue.edu.vn
14.	ThS. Nguyễn Văn Thiều	0988268558	thieunv@tnue.edu.vn
15.	ThS. Đỗ Thị Linh Chi	0988808489	chidtl@tnue.edu.vn
16.	TS. Phạm Minh Thuý	0338559688	thuypm@tnue.edu.vn
17.	ThS. Lương Ngọc Quỳnh	0913967828	quynhln@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức:

- CO1. Trình bày được những kiến thức về môn học Ký – Xướng âm 2
- CO2. Trình bày được cấu tạo giọng trưởng, giọng thứ tự nhiên, hòa thanh, giai điệu, và các ký hiệu âm nhạc...
- CO3. Vận dụng được những phương pháp luyện tập đọc Ký – Xướng âm như: Đọc và ghi các nốt, các quãng cơ bản; đọc gam với các giọng trong phạm vi 01 dấu hoá.

* Về kỹ năng

- CO4. Kỹ năng đọc các âm cơ bản trong phạm vi 1 quãng tám, đọc và nghe các quãng 2, quãng 3, quãng 4, quãng 5..., gam G-dur, e-moll, F-dur, d-moll.
- CO5. Kỹ năng đọc các bài xướng âm và giải mã được các ký hiệu trong bài.
- CO6. Kỹ năng cảm thụ âm nhạc thông qua việc đọc và ghi nhạc
- CO7. Kỹ năng ghi một số bài trong phạm vi các giọng 01 dấu hoá

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO8. Thực hiện đúng nội quy của lớp, trường và quy định về đạo đức nhà giáo ở trường tiểu học.
- CO9. Vận dụng được các kiến thức về âm nhạc, mỹ thuật để hoạt động cá nhân, nhóm và có khả năng tự học và sáng tạo.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Sinh viên hiểu và trình bày được những kiến thức cơ bản về môn học Ký – Xướng âm 2	PLO1 PLO2

			PLO3
	CLO2	Sinh viên hiểu và trình bày được cấu tạo giọng trưởng, giọng thứ tự nhiên, hòa thanh, giai điệu, và các ký hiệu âm nhạc...	PLO1 PLO2 PLO3
	CLO3	Sinh viên hiểu và trình bày được những phương pháp luyện tập đọc Ký – Xướng âm như: Đọc và ghi các nốt, các quãng cơ bản; đọc gam G-dur, e-moll, F-dur, d-moll.	PLO1 PLO2 PLO3
CO2	CLO4	Sinh viên hiểu và phân tích được các loại ký hiệu âm nhạc trên bản nhạc, cách đọc bản nhạc với khóa son.	PLO1 PLO2 PLO3
CO3	CLO5	Sinh viên trình bày được những phương pháp luyện tập đọc Ký – Xướng âm như: Đọc và ghi các nốt, các quãng cơ bản; đọc gam G-dur, e-moll, F-dur, d-moll.	PLO1 PLO2 PLO3
	Kĩ năng		
CO4	CLO6	Sinh viên có kỹ năng đọc các âm cơ bản trong phạm vi 1 quãng tám, đọc và nghe các quãng 2, quãng 3, quãng 4, quãng 5..., gam G-dur, e-moll, F-dur, d-moll.	PLO10 PLO11 PLO12 PLO13
CO5	CLO7	Sinh viên có kỹ năng đọc các bài xướng âm và giải mã được các ký hiệu trong bài.	PLO10 PLO11 PLO12 PLO13
CO6	CLO8	Kỹ năng cảm thụ âm nhạc thông qua việc đọc và ghi nhạc	PLO10 PLO11 PLO12 PLO13
CO7	CLO9	Kỹ năng ghi một số bài trong phạm vi các giọng 01 dấu hoá	PLO10 PLO11 PLO12 PLO13
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CO8	CLO10	Năng lực tự chủ Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.	PLO4 PLO5 PLO14
CO9	CLO11	Năng lực trách nhiệm Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Hoàn thành đầy đủ bài tập do. Tham gia các hoạt động âm nhạc tập thể một cách tích	PLO6 PLO15

		cực.	
--	--	------	--

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x	x	x												
CLO2	x	x	x												
CLO3	x	x	x												
CLO4	x	x	x												
CLO5	x	x	x												
CLO6										x	x	x	x		
CLO7										x	x	x	x		
CLO8										x	x	x	x		
CLO9										x	x	x	x		
CLO10				x	x									x	
CLO11						x									x
MĐG	2	2	2	1	1	1	0	0	0	2	2	2	2	1	1

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

* Tiếng Việt

.- Học phần này hướng dẫn phương pháp đọc cao độ, trường độ của các bài tập âm nhạc, các tác phẩm âm nhạc một bè, hai bè, từ 1 dấu hóa, giọng song song

- Học phần rèn luyện kỹ năng nghe để ký âm được những bài tập âm nhạc, ký âm tiết tấu.

* Tiếng Anh

This subject is to teach method of reading height, length of music exercises, one-group music works, two group music works from 1 sign

It aims at teaching listening skill to write music notes of exercises and rhythm.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp, 100% giờ học trực tuyến (nếu có), đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi

đến lớp học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành bài thực hành cá nhân.
- Kiểm tra định kỳ: Dự và thực hiện kiểm tra định kì đúng lịch.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- *Đánh giá theo thang 10 điểm.*
- Hình thức đánh giá:
 - A1: Chuyên cần;
 - A2: Thực hành;
 - A3: Kiểm tra định kỳ;
 - A4: Thi kết thúc học phần.
- Đánh giá quá trình:
 - + Trọng số điểm: 50% [*Chuyên cần 10%; Thực hành cá nhân 20%, bài kiểm tra định kỳ 20% (thực hành)*].
 - + Hình thức: Đánh giá qua thực hành cá nhân.
- Thi kết thúc học phần: Trọng số điểm: 50%; Hình thức: *Vấn đáp*

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần		01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-9
4	A2. Thực hành		01	Đáp án, thang điểm	CLO 6, 7, 8, 9
5	A3. Bài kiểm tra định kì		02	Đáp án, thang điểm	CLO 3, 4, 5, 6, 7,8
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A4. Vấn đáp	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 6, 7,8, 9

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5 Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	2,5 đến < 3,3 Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	3,3 đến < 4,0 Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	4,0 đến 5,0 Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm

					vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5 Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	2,5 đến < 3,3 Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	3,3 đến < 4,0 Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	4,0 đến 5,0 Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1] *Giáo trình xướng âm Tập II, trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung Ương-2003- Đắc Quỳnh*

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2] *Bộ giáo trình xướng âm dùng cho hệ trung cấp chính quy của Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam*

[3] *Giáo trình xướng âm hệ Trung Cấp 10 năm (Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam)*

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Mô tả khái quát chung về vai trò của môn học, phương pháp đọc, ghi nhạc
LLO2	Phân tích và giải mã được các ký hiệu và cách đọc bản nhạc
LLO3	Đọc và ghi được các âm, quãng cơ bản, đọc gam G-dur, e-moll, F-dur, d-moll
LLO4	Đọc và ghi được hoàn chỉnh các tác phẩm ở mức độ đơn giản trên giọng G-dur, e-moll, F-dur, d-moll.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)										
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
LLO1	x										
LLO2		x		x							
LLO3							x		x		
LLO4							x	x	x		

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Phương pháp đọc xướng âm giọng Son trưởng (G-dur) và Mi thứ (e-moll)				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (20 tiết) * Nội dung lý thuyết: (4 tiết) 1.1. Phương pháp đọc gam và các bậc cơ bản	Thuyết	[A1]	[1]
LLO2		trình kết	[A2]	[2]
LLO3		hợp thị	[A3]	[3]
LLO4		phạm.	[A4]	

	của giọng G-dur và e-moll 1.2 Phương pháp đọc tiết tấu đảo phách, nghịch phách 1.3. Bài tập các nhịp 2/2, 3/8, 6/8 1.4. Bài tập luyện xướng âm các giọng G – dur, e moll hòa thanh, giai điệu 1.5. Bài tập luyện xướng âm, ký âm phân biệt giọng thứ và trưởng, các quãng màu sắc tiêu biểu (tài liệu) 1.6. Ghi âm giọng trưởng, thứ (1 hóa biểu) với nốt đen, móc đơn, chấm đôi...			
LLO3 LLO4	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (15 tiết) - Luyện đọc gam G-dur và e-moll với các hình thức khác nhau, luyện đọc đảo phách, nghịch phách. - Luyện đọc các bài tập xướng âm giọng G-dur và e-moll - Luyện ghi âm các bài giọng G-dur và e-moll	Thị phạm, thực hành.	[A2]	[1]
LLO1 LLO2 LLO3 LLO4	B. Nội dung tự học: (25 tiết) Sinh viên luyện tập theo hướng dẫn và giáo trình môn học.	Thuyết trình	[A1]	[1] [2] [3]
Chương 2: Phương pháp đọc xướng âm giọng Pha trưởng (F-dur) và Rê thứ (d-moll)				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (20 tiết) * Nội dung lý thuyết: (4 tiết) 2.1. Gam F-dur tự nhiên 2.2. Gam F-dur hòa thanh 2.3. Gam F-dur giai điệu 2.4. Bài tập luyện xướng âm giọng F-dur (giáo trình) 2.5. Gam d-moll tự nhiên 2.6. Gam d-moll hòa thanh 2.7. Gam d-moll giai điệu 2.8. Bài tập luyện xướng âm giọng d-moll	Thuyết trình kết hợp thị phạm.	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2] [3]

	(giáo trình)			
	2.9. Ghi âm giọng F-dur và d-moll			
LLO3 LLO4	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (15 tiết) - Luyện đọc gam F-dur và d-moll với các hình thức khác nhau. - Luyện đọc các bài tập xướng âm giọng F-dur và d-moll - Luyện ghi âm các bài giọng F-dur và d-moll	<i>Thị phạm, thực hành.</i>	[A2]	[1]
LLO1 LLO2 LLO3 LLO4	B. Nội dung tự học: (30 tiết) Luyện tập theo hướng dẫn và giáo trình	<i>Thuyết trình</i>	[A1]	[1] [2] [3]
Chương 3: Phương pháp phân tích bài xướng âm				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO3	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung lý thuyết: (2 tiết) 3.1. Xác định điệu thức, giai điệu, tiết tấu của bài xướng âm 3.2. Xác định nhịp độ sắc thái và các ký hiệu khác trong âm nhạc 3.3. Cấu tạo gam và các hình thức 3.4. Gam trưởng, thứ tự nhiên, hòa thanh, giai điệu 3.5. Bài tập luyện xướng âm 3.6. Ghi âm các giọng và bài tập tiết tấu 3.7. Bài tập tổng hợp	<i>Thuyết trình kết hợp thị phạm.</i>	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2] [3]
LLO3 LLO4	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (10 tiết) - Luyện đọc và ghi âm các bài tập tổng hợp từ 0-1 dấu hoá	<i>Thị phạm, thực hành.</i>	[A2]	[1]
LLO1 LLO2 LLO3 LLO4	B. Nội dung tự học: (20 tiết) Luyện tập theo hướng dẫn và giáo trình	<i>Thuyết trình</i>	[A1]	[1] [2] [3]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học thực hành có đàn piano hoặc đàn phím điện tử, Bảng viết có kẻ các khuông nhạc.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, loa, đài.
- Điều kiện khác:

8.18. Ký – Xướng âm 3 (59 COS233)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	10	20
2	Bài tập	0	0
3	Thực hành	40	60
4	Thảo luận	0	0
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		50	80

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Ký – xướng âm 1, Ký – xướng âm 2

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật; Khoa Giáo dục Tiểu học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
18.	TS. Nguyễn Thanh Tiến	0971954333	tiennt@tnue.edu.vn
19.	ThS. Nguyễn Văn Thiệu	0988268558	thieunv@tnue.edu.vn
20.	ThS. Đỗ Thị Linh Chi	0988808489	chidtl@tnue.edu.vn
21.	TS. Phạm Minh Thuỳ	0338559688	thuypm@tnue.edu.vn
22.	ThS. Lương Ngọc Quỳnh	0913967828	quynhln@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức:

CO1. Trình bày được những kiến thức về môn học Ký – Xướng âm 3

CO2. Trình bày được cách đọc các bài chuyển điệu, dịch giọng

CO3. Vận dụng được những phương pháp luyện tập đọc Ký – Xướng âm như: Đọc và ghi các nốt, các quãng cơ bản, chuyển điệu, dịch giọng; đọc các giọng trong phạm vi 02 dấu hoá.

* Về kỹ năng

CO4. Kỹ năng đọc các âm cơ bản trong phạm vi 1 quãng tám, đọc và nghe các quãng 2, quãng 3, quãng 4, quãng 5..., gam D-dur, h-moll, B-dur, g-moll.

CO5. Kỹ năng đọc các bài xướng âm và giải mã được các ký hiệu trong bài, đọc chuyển điệu, dịch giọng.

CO6. Kỹ năng cảm thụ âm nhạc thông qua việc đọc và ghi nhạc

CO7. Kỹ năng ghi một số bài ở phạm vi 02 dấu hoá.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO8. Thực hiện đúng nội quy của lớp, trường và quy định về đạo đức nhà giáo ở trường tiểu học.

CO9. Vận dụng được các kiến thức về âm nhạc, mỹ thuật để hoạt động cá nhân, nhóm và có khả năng tự học và sáng tạo.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Sinh viên hiểu và trình bày được những kiến thức cơ bản về môn học Ký – Xướng âm 3	PLO1 PLO2 PLO3
	CLO2	Sinh viên hiểu và trình bày được cách đọc các bài xướng âm chuyển điệu, đọc dịch giọng	PLO1 PLO2 PLO3
	CLO3	Sinh viên hiểu và trình bày được những phương pháp luyện tập đọc Ký – Xướng âm như: Đọc và ghi các nốt, các quãng cơ bản, chuyển điệu, dịch giọng; đọc gam D-dur, h-moll, B-dur, g-moll.	PLO1 PLO2 PLO3
CO2	CLO4	Sinh viên hiểu và phân tích được các loại ký hiệu âm nhạc trên bản nhạc.	PLO1 PLO2 PLO3
CO3	CLO5	Sinh viên trình bày được những phương pháp luyện tập đọc Ký – Xướng âm như: Đọc và ghi các nốt, các quãng cơ bản, chuyển điệu, dịch giọng; đọc gam D-dur, h-moll, B-dur, g-moll.	PLO1 PLO2 PLO3
Kỹ năng			
CO4	CLO6	Sinh viên có kỹ năng đọc các âm cơ bản trong phạm vi 1 quãng tám, đọc và nghe các quãng 2, quãng 3, quãng 4, quãng 5..., gam D-dur, h-moll, B-dur, g-moll.	PLO10 PLO11 PLO12 PLO13
CO5	CLO7	Sinh viên có kỹ năng đọc các bài xướng âm và giải mã được các ký hiệu trong bài, đọc chuyển điệu, dịch giọng.	PLO10 PLO11 PLO12 PLO13
CO6	CLO8	Kỹ năng cảm thụ âm nhạc thông qua việc đọc và ghi nhạc	PLO10 PLO11 PLO12 PLO13
CO7	CLO9	Kỹ năng ghi một số bài ở phạm vi 02 dấu hoá.	PLO10 PLO11 PLO12

			PLO13
		Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CO8	CLO10	Năng lực tự chủ Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.	PLO4 PLO5 PLO14
CO9	CLO11	Năng lực trách nhiệm Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Hoàn thành đầy đủ bài tập do. Tham gia các hoạt động âm nhạc tập thể một cách tích cực.	PLO6 PLO15

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x	x	x												
CLO2	x	x	x												
CLO3	x	x	x												
CLO4	x	x	x												
CLO5	x	x	x												
CLO6										x	x	x	x		
CLO7										x	x	x	x		
CLO8										x	x	x	x		
CLO9										x	x	x	x		
CLO10				x	x									x	
CLO11						x									x
MDG	2	2	2	1	1	1	0	0	0	2	2	2	2	1	1

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

*** Tiếng Việt**

.- Học phần này hướng dẫn phương pháp đọc cao độ, trường độ của các bài

tập âm nhạc, các tác phẩm âm nhạc một bè, hai bè, trong phạm vi 2 dấu hóa trở lên, giọng song song.

- Học phần rèn luyện kỹ năng nghe để ký âm được những bài tập âm nhạc, ký âm tiết tấu.

* Tiếng Anh

This subject is to teach method of reading height, length of music exercises, one-group music works, two group music works from 2 sign

It aims at teaching listening skill to write music notes of exercises and rhythm.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp, 100% giờ học trực tuyến (nếu có), đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành bài thực hành cá nhân.

- Kiểm tra định kỳ: Dự và thực hiện kiểm tra định kì đúng lịch.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- *Đánh giá theo thang 10 điểm.*

- Hình thức đánh giá:

A1: Chuyên cần;

A2: Thực hành;

A3: Kiểm tra định kỳ;

A4: Thi kết thúc học phần.

- Đánh giá quá trình:

+ Trọng số điểm: 50% [*Chuyên cần 10%; Thực hành cá nhân 20%, bài kiểm tra định kỳ 20% (thực hành)*].

+ Hình thức: Đánh giá qua thực hành cá nhân.

- Thi kết thúc học phần: Trọng số điểm: 50%; Hình thức: *Vấn đáp*

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần		01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-9
4	A2. Thực hành		01	Đáp án, thang điểm	CLO 6, 7, 8, 9
5	A3. Bài kiểm tra định kì		02	Đáp án, thang điểm	CLO 3, 4, 5, 6, 7,8
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A4. Vấn đáp	50	01	- Đáp án, thang điểm	CLO 6, 7,8, 9

				- Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	
--	--	--	--	---------------------------------	--

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1] *Giáo trình xướng âm Tập 3, trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung Ương- 2003- Đắc Quỳnh*

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2] *Bộ giáo trình xướng âm dùng cho hệ trung cấp chính quy của Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam*

[3] *Giáo trình xướng âm hệ Trung Cấp 10 năm (Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam)*

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Mô tả khái quát chung về vai trò của môn học, phương pháp đọc, ghi nhạc với các giọng trong phạm vi 02 dấu hoá
LLO2	Phân tích và giải mã được các ký hiệu và cách đọc bản nhạc
LLO3	Đọc và ghi được các âm, quãng cơ bản, đọc gam D-dur, h-moll, B-dur, g-moll.
LLO4	Đọc và ghi được hoàn chỉnh các tác phẩm ở mức độ đơn giản trên giọng D-dur, h-moll, B-dur, g-moll; có kỹ năng đọc các bài chuyển điệu, dịch giọng.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)										
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)										
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
LLO1	x										
LLO2		x		x							
LLO3							x		x		
LLO4							x	x	x		

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Những bài luyện xướng âm giọng Rê trưởng (D-dur) và Si giáng trưởng (B-dur); giọng Si thứ (h-moll) và Son thứ (g-moll)				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 LLO2 LLO3 LLO4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (20 tiết) * Nội dung bài tập: (2 tiết) 1.1. Gam Rê trưởng và Si giáng trưởng tự nhiên, hòa thanh, giai điệu 1.2. Luyện tập cách đọc các bậc I, III, V và II, IV, VII 1.3. Phương pháp đọc gam Rê trưởng và Si giáng trưởng tự nhiên, hòa thanh, giai điệu 1.4. Bài luyện xướng âm giọng Rê trưởng và Si giáng trưởng (giáo trình) 1.5. Bài tập Nghe và ghi âm nhận biết điệu thức ở giọng bất kỳ 1.6. Phương pháp đọc gam Si thứ và Son thứ	<i>Thuyết trình kết hợp thị phạm.</i>	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2] [3]
LLO3 LLO4	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (15 tiết) - Luyện đọc các giọng trong phạm vi 02 dấu hoá. - Luyện ghi âm	<i>Thị phạm, thực hành.</i>	[A2]	[1]
LLO1 LLO2 LLO3 LLO4	B. Nội dung tự học: (20 tiết) Sinh viên luyện tập theo hướng dẫn và giáo trình môn học.	<i>Thuyết trình</i>	[A1]	[1] [2] [3]
Chương 2: Phân tích và luyện đọc bài xướng âm chuyển điệu				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (20 tiết)	<i>Thuyết</i>	[A1]	

LLO2	* Nội dung bài tập: (4 tiết) 2.1. Phân tích bài xướng âm chuyển điệu 2.2. Luyện đọc các bài xướng âm chuyển điệu 2.3. Xướng âm các bài giọng Si thứ, Rê trưởng, Son thứ và Si giáng trưởng 2.4. Cách đọc xướng âm các bậc II, IV, VII các gam trưởng và thứ từ 2 dấu hóa trở lên.	<i>trình kết hợp thị phạm.</i>	[A2]	
LLO3			[A3]	[1]
LLO4			[A4]	[2]
				[3]
LLO3	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (15 tiết) - Luyện đọc các bậc phụ và các giọng từ 02 dấu hoá trở lên. - Luyện ghi âm các bài từ 02 dấu hoá trở lên	<i>Thị phạm, thực hành.</i>	[A2]	[1]
LLO4				
LLO1	B. Nội dung tự học: (30 tiết) Đọc tài liệu và thực hành đọc bản nhạc, luyện tập tai nghe các nốt cơ bản.	<i>Thuyết trình</i>	[A1]	[1]
LLO2				[2]
LLO3				[3]
LLO4				
Chương 3: Luyện tập cách đọc dịch giọng bài xướng âm				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung bài tập: (4 tiết) 3.1. Dịch giọng bài xướng âm theo quãng 2 và quãng 3 3.2. Luyện tập cách đọc dịch giọng hệ thống gam trưởng 3.3. Luyện tập cách đọc dịch giọng hệ thống gam thứ 3.4. Luyện tập cách đọc gam trưởng - thứ tự nhiên, hòa thanh, giai điệu 3.7. Ghi âm 1 bè, 2 bè ; ghi tiết tấu các âm hình từ dễ đến khó	<i>Thuyết trình kết hợp thị phạm.</i>	[A1]	[1]
LLO2			[A2]	[2]
LLO3			[A3]	[3]
LLO4			[A4]	
LLO3	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (10 tiết) - Đọc các bài xướng âm dịch giọng trong phạm vi 2 dấu hoá - Luyện ghi âm 2 bè	<i>Thị phạm, thực hành.</i>	[A2]	[1]
LLO4				
LLO1	B. Nội dung tự học: (30 tiết) Luyện tập theo hướng dẫn và giáo trình	<i>Thuyết trình</i>	[A1]	[1]
LLO2				[2]
LLO3				[3]
LLO4				

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học thực hành có đàn piano hoặc đàn phím điện tử, Bảng viết có kẻ các khuông nhạc.

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, loa, đài.

- Điều kiện khác:

8.19. Thanh nhạc 1 (59VOC221)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	10	20
2	Bài tập		
3	Thực hành	40	60
4	Thảo luận		
5	Thực tế chuyên môn	0	
Tổng		50	80

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Lý thuyết âm nhạc cơ bản

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật; Khoa Giáo dục Tiểu học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS Đỗ Thị Linh Chi	0988808489	chidtl@tnue.edu.vn
2	ThS Lương Ngọc Quỳnh	0974286700	quynhln@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng:

Phân tích được vai trò của giọng hát trong âm nhạc. Phân tích được đặc điểm cơ thể và cấu tạo của giọng hát về cơ quan phát âm, hơi thở trong khi hát, phân loại giọng hát và tư thế khi học hát.

Phân tích các kỹ thuật thanh nhạc vận dụng vào thể hiện các tác phẩm bài hát.

Thể hiện được đúng những kỹ năng về lấy hơi và mở khẩu hình khi hát ..

Có kỹ năng biểu diễn tác phẩm và khai thác được những thế mạnh trong giọng hát của bản thân

Có năng lực học tập, trau dồi về chuyên môn. Ứng dụng kỹ thuật thanh nhạc vào thể hiện được tất cả các bài hát của từng dòng nhạc

* Kiến thức

CO1. Trình bày được đặc trưng ngôn ngữ thanh nhạc (hơi thở, khẩu hình, phát âm nhả chữ, xử lý sắc thái...); Mối quan hệ giữa ngôn ngữ của các loại hình

nghệ thuật khác nhau.

CO2. Phân tích được kĩ thuật cơ bản thanh nhạc legato và stacato. Xử lí tác phẩm để phát huy năng lực âm nhạc của sinh viên một cách tốt nhất.

CO3. Phân tích và trình bày được phương pháp thực hành hát legato và stacato cơ bản. Đưa kĩ thuật ứng dụng vào tác phẩm đạt hiệu quả cao khi thể hiện tác phẩm.

CO4. Lựa chọn được tác phẩm phù hợp với chất giọng, kĩ thuật. Mang được âm hưởng nghệ thuật để trình diễn.

*** Kĩ năng**

CO5. Khởi động được giọng với kĩ thuật về mở khẩu hình các nguyên âm I, Ê, A, Ô, Ơ, U tròn vành rõ chữ.

CO6. Phát triển năng lực thanh nhạc: Hít hơi, nén hơi, giữ hơi, xì hơi trong luyện thanh và luyện hát.

CO7. Phân tích được vị trí âm thanh ở các khoảng vang và các xoang cộng minh vùng trán đầu. Phát triển các kĩ năng thực hành hát ca khúc nước ngoài và Việt Nam. Biểu diễn tác phẩm âm nhạc truyền cảm.

CO8. Kiểm tra đánh giá về kĩ thuật thể hiện tác phẩm thông qua kĩ thuật thanh nhạc cơ bản: âm vận, hơi thở, nốt cao, ...

*** Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

Năng lực tự chủ

CO9. Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.

Năng lực trách nhiệm

CO10. Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Tham gia tích cực vào quá trình học tập học phần khi hoạt động cá nhân, nhóm và có khả năng tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Trình bày được đặc trưng ngôn ngữ thanh nhạc (hơi thở, khẩu hình, phát âm nhả chữ, xử lý sắc thái...); Mối quan hệ giữa ngôn ngữ của các loại hình nghệ thuật khác nhau.	PLO1 PLO3 PLO8
	CLO2	Phân tích được kĩ thuật cơ bản thanh nhạc legato và stacato. Xử lí tác phẩm để phát huy năng lực âm nhạc của sinh viên một cách tốt nhất.	PLO1 PLO3 PLO8
	CLO3	Phân tích và trình bày được phương pháp thực hành hát legato và stacato cơ bản.	PLO1 PLO3 PLO8

CO2	CLO4	Đưa kĩ thuật ứng dụng vào tác phẩm đạt hiệu quả cao khi thể hiện tác phẩm.	PLO1 PLO3 PLO8
CO3	CLO5	Lựa chọn được tác phẩm phù hợp với chất giọng, kĩ thuật. Mang được âm hưởng nghệ thuật để trình diễn.	PLO1 PLO3 PLO8
	Kĩ năng		
CO4	CLO6	Khởi động được giọng với kĩ thuật về mở khẩu hình các nguyên âm I, Ê, A, Ô, Ơ, U tròn vành rõ chữ.	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO5	CLO7	Phát triển năng lực thanh nhạc: Hít hơi, nén hơi, giữ hơi, xì hơi trong luyện thanh và luyện hát.	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO6	CLO8	Phân tích được vị trí âm thanh ở các khoảng vang và các xoang cộng minh vùng trán đầu. Phát triển các kĩ năng thực hành hát ca khúc nước ngoài và Việt Nam. Biểu diễn tác phẩm âm nhạc truyền cảm.	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO7	CLO9	Kiểm tra đánh giá về kĩ thuật thể hiện tác phẩm thông qua kĩ thuật thanh nhạc cơ bản: âm vắn, hơi thở, nốt cao, ...	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CO8	CLO10	Năng lực tự chủ tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.	PLO14
CO9	CLO11	Năng lực trách nhiệm Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Hoàn thành đầy đủ bài tập do thầy cô giáo đưa ra. Tham gia các hoạt động âm nhạc tập	PLO15

		thể một cách tích cực.	
--	--	------------------------	--

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x		x					x							
CLO2	x		x					x							
CLO3	x		x					x							
CLO4	x		x					x							
CLO5	x		x					x							
CLO6			x					x		x			x		x
CLO7			x					x		x			x		x
CLO8			x					x		x			x		x
CLO9			x					x		x			x		x
CLO10														x	
CLO11															x
MĐG	3	0	3	0	0	0	0	3	0	2	0	0	2	1	3

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học thanh nhạc 1 giúp sinh viên trình bày tóm tắt nội dung môn học:

+ Giới thiệu bộ máy phát âm, các cơ quan phát thanh và chức năng của nó. Liên kết với kỹ thuật hát và phương thức vận dụng các cơ quan phát thanh.

+ Giới thiệu các mẫu âm rèn luyện thường xuyên nhằm phát triển giọng hát.

+ Hơi thở là xương sống của ca hát, vì vậy giới thiệu và rèn luyện kỹ năng hít hơi, nén hơi và giữ hơi, sử dụng hơi thở trong khi hát

+ Chỉ rõ năng lực nào của sinh viên được hình thành qua môn học: Năng lực mở khẩu hình tròn vành rõ chữ trong khi hát. Năng lực sử dụng hơi thở trong khi hát. Năng lực hát không phô chênh trượt nhịp. Năng lực tiết chế cảm xúc khi thể hiện tác phẩm.

Vocal music course 1 helps students present a summary of the subject content:

+ Introduce the vocal system, radio organs and their functions. Linked to singing techniques and methods of using radio organs.

- + Introduce regular practice patterns to develop your singing voice.
- + Breathing is the backbone of singing, so introduce and practice the skills of breathing, compressing and holding the breath, and using the breath while singing
- + Clearly indicate which student's abilities are formed through the subject: The ability to open the mouth clearly and clearly while singing. The ability to use the breath while singing The ability to sing without skipping a beat. The ability to control emotions when expressing work.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp, 100% giờ học trực tuyến (nếu có), đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Các bài thực hành thiết kế kế hoạch bài học thực hiện cá nhân theo nội dung của từng mạch kiến thức, sản phẩm được trình bày bằng ca khúc nước ngoài, Việt Nam, hoặc dân ca tùy theo từng năng lực sinh viên .
- Bài tập: Hoàn thành bài tập trong các chương.
- Thực hành: Hoàn thành bài thực hành cá nhân.
- Kiểm tra định kỳ: Dự và thực hiện kiểm tra định kì đúng lịch.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- *Đánh giá theo thang 10 điểm.*
- Hình thức đánh giá:
 - A1: Chuyên cần;
 - A2: Thực hành;
 - A3: Kiểm tra định kỳ;
 - A4: Thi kết thúc học phần.
- Đánh giá quá trình:
 - + Trọng số điểm: 50% [*Chuyên cần 10%; Thực hành cá nhân 20%, bài kiểm tra định kỳ 20% (thực hành)*].
 - + Hình thức: Đánh giá qua thực hành cá nhân.
- Thi kết thúc học phần: Trọng số điểm: 50%; Hình thức: *Thực hành Bài tập lớn*

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần		01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-9
4	A2. Thực hành		01	Đáp án, thang điểm	CLO 6, 7, 8, 9
5	A3. Bài kiểm tra định kì		01	Đáp án, thang điểm	CLO 3, 4, 5, 6, 7,8
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					

6	A4. Thực hành Bài tập lớn	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 6, 7,8, 9
---	---------------------------	----	----	---	---------------

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp thực hành	Dự 80%-89% số giờ lên lớp thực hành	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp thực hành	Dự 95% -100% số giờ lên lớp thực hành

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

- [1] Đỗ Thị Linh Chi, *Đề cương bài giảng Thanh nhạc 1*, 2024, ĐHSP Thái Nguyên
 [2] Trung Kiên, *Phương pháp học ca hát*, NXB Văn Hóa

9.2. Tài liệu tham khảo: (nếu có)

- [3] Ngô Thị Nam, *Hát*, NXB Giáo dục
 [4] Nguyễn Trung Kiên, *Giáo trình thanh nhạc*, (Hệ trung học 4 năm), 2001, Bộ VHTT
 [5] Chương trình thanh nhạc hệ ĐHSP 4 năm, *Những ca khúc Việt Nam* (Dành cho năm thứ 1,2)
 [6] Chương trình thanh nhạc hệ ĐHSP 4 năm, *Những ca khúc Việt Nam* (Dành cho năm thứ 3,4)
 [7] Vương Tâm – Nguyễn Thanh Bình tuyển chọn, *Hà Nội trái tim hồng*, Nxb Thanh niên
 [8] Vũ Tự Lân biên soạn, *Triệu triệu bông hồng*, Nxb Thanh niên
 [9] Trần Bảo Lân, Đỗ Thị Linh Chi, *Thanh nhạc 1*, NXB Công Thương, 2021

9.3. Website (nếu có)

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Trình bày đặc trưng cơ bản về thanh nhạc, vai trò của giọng hát trong âm nhạc.
LLO2	Trình bày được các ký hiệu âm nhạc trên bản nhạc để xử lý tác phẩm
LLO3	Trình bày đặc điểm cơ thể và cấu tạo của giọng hát
LLO4	Trình bày được cơ quan phát âm, phân loại giọng hát, tư thế biểu diễn khi hát
LLO5	Trình bày các kỹ thuật về hơi thở: hít hơi, nén hơi, xì hơi.
LLO6	Trình bày các kỹ thuật khẩu hình, phát âm nhả chữ
LLO7	Trình bày các kỹ thuật xử lý tác phẩm trong khi hát. Đặc điểm ngôn ngữ trong ca hát
LLO8	Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa
LLO9	Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Hoàn thành đầy đủ bài tập do thầy cô giáo. Tham gia các hoạt động âm nhạc tập thể một cách tích cực.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)										
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
LLO1	x										
LLO2		x			x	x					
LLO3		x									
LLO4			x								
LLO5		x	x	x	x		x				
LLO6					x		x				
LLO7								x	x		
LLO8	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
LLO9	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Một số vấn đề chung về Thanh nhạc				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (25 tiết) * Nội dung lý thuyết: (5 tiết) 1.1 Giới thiệu về thanh nhạc, và vai trò của giọng hát trong âm nhạc 1.1.1 Khái niệm chung về thanh nhạc 1.1.2 Vai trò của giọng hát trong âm nhạc 1.2 Đặc điểm cơ thể và cấu tạo giọng hát 1.2.1. Cơ quan phát âm	Giảng giải minh họa.		[7]

	1.2.2 Hơi thở trong thanh nhạc 1.2.3 Phân loại giọng hát 1.2.4 Tư thế học hát			
LLO2	* Nội dung thực hành : (20 tiết) Thực hành đọc bản nhạc và hát theo một vài bản nhạc một số bài tập đơn giản.		[A2]	[4]
	B. Nội dung tự học: (40 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và trả lời câu hỏi		[A1]	[4]
Chương 2: Giới thiệu kĩ thuật thanh nhạc và phương pháp luyện tập				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (25 tiết) * Nội dung lí thuyết: (5 tiết) 1.1. Đặc điểm ngôn ngữ trong ca hát 1.2. Giới thiệu các kí hiệu ghi trên bản nhạc và cách thể hiện 1.3 Kĩ thuật hát cơ bản 1.4 Phương pháp luyện tập 1.5 Lựa chọn bài hát luyện tập	<i>Giảng giải minh họa.</i>	[A1]	[5] [4]
LLO2	* Nội dung thực hành : (20 tiết) Thực hành đọc bản nhạc và hát theo một vài bản nhạc một số bài tập đơn giản.		[A2]	[4]
	B. Nội dung tự học: (40 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và thực hành đọc bản nhạc, Luyện tập một số bài tập đơn giản.	<i>Thực hành</i>	[A1]	[5] [4]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành thanh nhạc
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Ti vi, loa, đài, đàn phím piano.
- Điều kiện khác: Phòng cách âm

8.20. Thanh nhạc 2 (59VOC222)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	10	20
2	Bài tập		
3	Thực hành	40	60
4	Thảo luận		
5	Thực tế chuyên môn	0	
Tổng		50	80

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Thanh nhạc 1(VOC221)
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật; Khoa Giáo dục Tiểu học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS Đỗ Thị Linh Chi	0988808489	chidtl@tnue.edu.vn
2	ThS Lương Ngọc Quỳnh	0974286700	quynhln@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng:

Phân tích, thực hiện được một số phương pháp hát các bài hát nhanh, hành khúc. Vận dụng phương pháp học thanh nhạc vào từng giọng hát, chất giọng.

Thể hiện được đúng những kỹ năng về âm vực giọng, vị trí âm khu của giọng, những nốt nhạc khó trong tác phẩm.

Có kỹ năng phân tích nội dung tác phẩm, có phong cách trình diễn và tạo được thể mạnh trong giọng hát bản thân.

Có năng lực học tập, trau dồi về chuyên môn. Ứng dụng kỹ thuật thanh nhạc vào thể hiện được tất cả các bài hát của từng dòng nhạc

* Kiến thức

CO1. Trình bày được những phương pháp học thanh nhạc phù hợp từng chất giọng.

CO2. Phân tích được nội dung tác phẩm, vận dụng phát triển mở âm vực giọng vị trí âm khu cao và âm khu trầm.

CO3. Trình bày được phương pháp hát legao và xử lý tác phẩm nhạc trữ tình.

CO4. Trình bày được phương pháp hát những kỹ thuật thanh nhạc tổng hợp một cách linh hoạt. Có thể biểu diễn được nhiều thể loại.

* Kỹ năng

CO5. Lựa chọn tác phẩm biểu diễn thanh nhạc phù hợp với từng loại giọng.

CO6. Luyện được một số bài luyện thanh phát triển mở âm vực giọng vị trí âm khu cao và âm khu trầm.

CO7. Hát được một số kỹ thuật thanh nhạc nhanh, hành khúc và trữ tình

CO8. Hát và thể hiện tốt kỹ thuật thanh nhạc tác phẩm trọn vẹn, truyền cảm.

* Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Năng lực tự chủ

CO9. Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.

Năng lực trách nhiệm

CO10. Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Tham gia tích cực vào quá trình học tập học phần khi hoạt động cá nhân, nhóm và có khả năng tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Trình bày được những phương pháp học thanh nhạc phù hợp từng chất giọng.	PLO1 PLO3 PLO8
	CLO2	Phân tích được nội dung tác phẩm, vận dụng phát triển mở âm vực giọng vị trí âm khu cao và âm khu trầm.	PLO1 PLO3 PLO8
	CLO3	Trình bày được phương pháp hát legao và xử lý tác phẩm nhạc trữ tình.	PLO1 PLO3 PLO8
CO2	CLO4	Trình bày được phương pháp hát những kĩ thuật thanh nhạc tổng hợp một cách linh hoạt	PLO1 PLO3 PLO8
CO3	CLO5	Có thể biểu diễn được nhiều thể loại âm nhạc trữ tình hay hành khúc	PLO1 PLO3 PLO8
	Kĩ năng		
CO4	CLO6	Lựa chọn tác phẩm biểu diễn thanh nhạc phù hợp với từng loại giọng.	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO5	CLO7	Luyện được một số bài luyện thanh phát triển mở âm vực giọng vị trí âm khu cao và âm khu trầm.	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO6	CLO8	Hát được một số kĩ thuật thanh nhạc nhanh, hành khúc và trữ tình	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO7	CLO9	Hát và thể hiện tốt kĩ thuật thanh nhạc tác phẩm trọn vẹn, truyền cảm	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13

			PLO15
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CO8	CLO10	thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Tham gia tích cực vào quá trình học tập học phần khi hoạt động cá nhân, nhóm và có khả năng tự học suốt đời	PLO14
CO9	CLO11	Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Tham gia tích cực vào quá trình học tập học phần khi hoạt động cá nhân, nhóm và có khả năng tự học suốt đời	PLO15

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x		x					x							
CLO2	x		x					x							
CLO3	x		x					x							
CLO4	x		x					x							
CLO5	x		x					x							
CLO6			x					x		x			x		x
CLO7			x					x		x			x		x
CLO8			x					x		x			x		x
CLO9			x					x		x			x		x
CLO10														x	
CLO11															x
MĐG	3	0	3	0	0	0	0	3	0	2	0	0	2	1	3

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học thanh nhạc 2 giúp sinh viên trình bày tóm tắt nội dung môn học: Cung cấp kiến thức và giới thiệu một số phương pháp kỹ thuật thanh nhạc thuộc các dòng nhạc nhanh hay trữ tình cho người học. Nhận định giọng hát và định hướng

phương pháp học đúng cho người học. Mở rộng, phát triển được âm vực giọng, âm khu và tạo khoảng vang ở các xoang cộng minh trán, đầu trên một vị trí âm thanh nhất định. Phát triển năng lực, chất giọng, ứng dụng kỹ thuật thanh nhạc cho phù hợp với người học.

Provides vocal knowledge and technique of Chamber music, Folk music, Light music for learners. Identify vocal and directional learning methods for learners. Extends, develops vocal tone, ventricular and resonant spacing in the frontal cortical sinuses, the head on a certain sound position. Developing vocal abilities, applying vocal technique to suit learners.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp, 100% giờ học trực tuyến (nếu có), đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Các bài thực hành thiết kế kế hoạch bài học thực hiện cá nhân theo nội dung của từng mạch kiến thức, sản phẩm được trình bày bằng ca khúc nước ngoài, Việt Nam, hoặc dân ca tùy theo từng năng lực sinh viên .
- Bài tập: Hoàn thành bài tập trong các chương.
- Thực hành: Hoàn thành bài thực hành cá nhân.
- Kiểm tra định kỳ: Dự và thực hiện kiểm tra định kì đúng lịch.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- *Đánh giá theo thang 10 điểm.*
- Hình thức đánh giá:
 - A1: Chuyên cần;
 - A2: Thực hành;
 - A3: Kiểm tra định kỳ;
 - A4: Thi kết thúc học phần.
- Đánh giá quá trình:
 - + Trọng số điểm: 50% [*Chuyên cần 10%; Thực hành cá nhân 20%, bài kiểm tra định kỳ 20% (thực hành)*].
 - + Hình thức: Đánh giá qua thực hành cá nhân.
- Thi kết thúc học phần: Trọng số điểm: 50%; Hình thức: *Thực hành Bài tập lớn*

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần		01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-9
4	A2. Thực hành		01	Đáp án, thang điểm	CLO 6, 7, 8, 9
5	A3. Bài kiểm tra		01	Đáp án, thang điểm	CLO 3, 4, 5, 6,

	định kì				7,8
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A4. Thực hành	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 6, 7,8, 9

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp thực hành	Dự 80%-89% số giờ lên lớp thực hành	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp thực hành	Dự 95% -100% số giờ lên lớp thực hành

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

- [1] Đỗ Thị Linh Chi, *Đề cương bài giảng Thanh nhạc 3*, 2024, ĐHSP Thái Nguyên
[2] Trung Kiên, *Phương pháp học ca hát*, NXB Văn Hóa

9.2. Tài liệu tham khảo: (nếu có)

- [3] Ngô Thị Nam, *Hát*, NXB Giáo dục
[4] Nguyễn Trung Kiên, *Giáo trình thanh nhạc*, (Hệ trung học 4 năm), 2001, Bộ VHTT
[5] Chương trình thanh nhạc hệ ĐHSP 4 năm, *Những ca khúc Việt Nam* (Dành cho năm thứ 1,2)
[6] Chương trình thanh nhạc hệ ĐHSP 4 năm, *Những ca khúc Việt Nam* (Dành cho năm thứ 3,4)
[7] Vương Tâm – Nguyễn Thanh Bình tuyển chọn, *Hà Nội trái tim hồng*, Nxb Thanh niên
[8] Vũ Tự Lân biên soạn, *Triệu triệu bông hồng*, Nxb Thanh niên
[9] Trần Bảo Lân, Đỗ Thị Linh Chi, *Thanh nhạc 1*, NXB Công Thương, 2021

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Trình bày được những phương pháp học thanh nhạc phù hợp từng chất giọng.
LLO2	Phân tích được nội dung tác phẩm, vận dụng phát triển mở âm vực giọng vị trí âm khu cao và âm khu trầm.
LLO3	Trình bày được phương pháp hát những kỹ thuật thanh nhạc tổng hợp một cách linh hoạt
LLO4	Có thể biểu diễn được nhiều thể loại âm nhạc trữ tình hay hành khúc
LLO5	Trình bày được phương pháp hát những kỹ thuật thanh nhạc tổng hợp một cách linh hoạt
LLO6	Hát được một số kỹ thuật thanh nhạc nhanh, hành khúc và trữ tình
LLO7	Hát và thể hiện tốt kỹ thuật thanh nhạc tác phẩm trọn vẹn, truyền cảm
LLO8	Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Hoàn thành đầy đủ bài tập do thầy cô giáo.
LLO9	Tham gia các hoạt động âm nhạc tập thể một cách tích cực.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)										
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
LLO1	x										
LLO2		x			x	x					
LLO3		x									
LLO4			x								
LLO5		x	x	x	x		x				
LLO6					x		x				
LLO7								x	x		
LLO8	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
LLO9	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Giới thiệu một số phương pháp hát các bài hành khúc, nhạc nhanh				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (25 tiết) * Nội dung lý thuyết: (5 tiết) 1.1. Lựa chọn bài hát phù hợp với chất giọng 1.2. Phân tích và hiểu nội dung bài hát 1.3 Kỹ thuật hát nhanh và xử lý tác phẩm 1.4. Phương pháp hát những bài hành khúc,	Giảng giải minh họa.		[7]

	hát nhanh			
LLO2	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (20 tiết) Thực hành đọc bản nhạc và chơi theo bản nhạc một số bài tập đơn giản.		[A2]	[4]
	B. Nội dung tự học: (40 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và trả lời câu hỏi		[A1]	[4]
Chương 2: Giới thiệu phương pháp hát nhạc trữ tình				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (25 tiết) * Nội dung lý thuyết: (5 tiết) 2.1. Lựa chọn bài hát phù hợp với chất giọng 2.2 Phân tích và hiểu nội dung tác phẩm 2.3 Kỹ thuật hát legato và xử lý tác phẩm 2.4. Phương pháp hát thể hiện bài hát trữ tình	<i>Giảng giải minh họa.</i>	[A1]	[5] [4]
LLO2	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (20 tiết) Thực hành đọc bản nhạc và rèn luyện một số bài tập đơn giản.		[A2]	[4]
	B. Nội dung tự học: (40 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và thực hành đọc bản nhạc, luyện tập một số bài tập liên quan giờ học khác	<i>Thực hành</i>	[A1]	[5] [4]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành thanh nhạc
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Ti vi, loa, đài, đàn phím piano.
- Điều kiện khác: Phòng cách âm

21. Thanh nhạc 3 (59VOC223)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	10	20
2	Bài tập		
3	Thực hành	40	60
4	Thảo luận		
5	Thực tế chuyên môn	0	

Tổng	50	80
-------------	----	----

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Thanh nhạc 2(VOC222)
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật; Khoa Giáo dục Tiểu học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS Đỗ Thị Linh Chi	0988808489	chidtl@tnue.edu.vn
2	ThS Lương Ngọc Quỳnh	0974286700	quynhln@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng:

Phân tích được các kỹ thuật thanh nhạc cơ bản thanh nhạc cổ điển Châu Âu.
Vận dụng kỹ thuật thanh nhạc vào thể hiện các tác phẩm bài hát.

Phân tích được một số kỹ thuật cơ bản của phương pháp cổ điển Châu Âu. Phân biệt được giọng ngực giọng đầu, phương pháp hát cộng minh

Có kỹ năng xử lý tác phẩm, có phong cách trình diễn vào được thể mạnh trong giọng hát bản thân.

Có năng lực học tập, trau dồi về chuyên môn. Ứng dụng kỹ thuật thanh nhạc vào thể hiện được tất cả các bài hát của từng dòng nhạc

* Kiến thức

CO1. Trình bày được những kiến thức cơ bản về thanh nhạc và kỹ thuật thanh nhạc cổ điển Châu Âu

CO2. Phân tích được các cơ quan phát thanh và sự phối hợp của nó

CO3. Phân tích được những kỹ thuật thanh nhạc về âm thanh mở, âm thanh đóng

CO4. Rèn luyện các bài tập cơ bản xử lý tác phẩm thanh nhạc cổ điển châu Âu, Xây dựng phong cách hát Châu Âu.

* Kỹ năng

CO5. Luyện mẫu âm khẩu hình các nguyên âm I, Ê, A, Ô, O, U với mẫu luyện thanh quãng 5, quãng 6, quãng 8 dài hơi

CO6. Luyện thanh tạo âm vang ở vùng đầu, chuyển được sang giọng ngực

CO7. Xử lý vị trí âm thanh khoảng vang các xoang cộng minh vùng trán đầu qua các bài hát

CO8. Phát triển các kỹ thuật thực hành hát ca khúc nước ngoài và Việt Nam. Biểu diễn tác phẩm âm nhạc trọn vẹn truyền cảm.

* Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Năng lực tự chủ

CO9. Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.

Năng lực trách nhiệm

CO10. Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục

tiêu đề ra. Tham gia tích cực vào quá trình học tập học phần khi hoạt động cá nhân, nhóm và có khả năng tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Trình bày được những kiến thức cơ bản về thanh nhạc và kỹ thuật thanh nhạc cổ điển Châu Âu	PLO1 PLO3 PLO8
	CLO2	Phân tích được các cơ quan phát thanh và sự phối hợp của nó	PLO1 PLO3 PLO8
	CLO3	Phân tích được những kỹ thuật thanh nhạc về âm thanh mở, âm thanh đóng	PLO1 PLO3 PLO8
CO2	CLO4	Xử lý vị trí âm thanh khoảng vang các xoang cộng minh vùng trán đầu qua các bài hát	PLO1 PLO3 PLO8
CO3	CLO5	Thực hiện kỹ thuật thanh nhạc để xử lý âm văn ca từ của tác phẩm đó.	PLO1 PLO3 PLO8
Kỹ năng			
CO4	CLO6	Luyện mẫu âm khẩu hình các nguyên âm I, Ê, A, Ô, Ơ, U với mẫu luyện thanh quãng 5, quãng 6, quãng 8 dài hơi	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO5	CLO7	Luyện thanh tạo âm vang ở vùng đầu, chuyển được sang giọng ngực Phát triển các kỹ thuật thực hành hát ca khúc nước ngoài và Việt Nam. Biểu diễn tác phẩm âm nhạc trọn vẹn truyền cảm.	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO6	CLO8	Kỹ năng đọc bản nhạc và xử lý tác phẩm có cảm xúc với những tác phẩm nước ngoài và trong nước. Xử lý vị trí âm thanh khoảng vang các xoang cộng minh vùng trán đầu qua các bài hát	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO7	CLO9	Kỹ năng biểu diễn một tác phẩm âm nhạc có nhiều kỹ thuật xử lý. Phát triển các kỹ thuật thực hành hát ca khúc nước ngoài và Việt Nam. Biểu diễn tác phẩm âm nhạc trọn vẹn truyền cảm.	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO8	CLO10	Năng lực tự chủ tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch	PLO14

		học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.	
CO9	CLO11	Năng lực trách nhiệm Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Hoàn thành đầy đủ bài tập do thầy cô giáo đưa ra. Tham gia các hoạt động âm nhạc tập thể một cách tích cực.	PLO15

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x		x					x							
CLO2	x		x					x							
CLO3	x		x					x							
CLO4	x		x					x							
CLO5	x		x					x							
CLO6			x					x		x			x		x
CLO7			x					x		x			x		x
CLO8			x					x		x			x		x
CLO9			x					x		x			x		x
CLO10														x	
CLO11															x
MĐG	3	0	3	0	0	0	0	3	0	2	0	0	2	1	3

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học thanh nhạc 3 giúp sinh viên trình bày tóm tắt nội dung môn học:

- Trình bày tóm tắt nội dung môn học:
 - + Phân tích được những kỹ thuật cơ bản của phương pháp thanh nhạc cổ điển Châu Âu và ứng dụng các kỹ thuật cơ bản trong xử lý tác phẩm.
 - + Luyện tập và thể hiện được ca khúc Việt Nam và nước ngoài; các ca khúc trong chương trình thi hết học phần đã chọn;
- Năng lực của sinh viên được hình thành qua môn học:
 - + Năng lực mở khẩu hình tròn vành rõ chữ trong khi hát.
 - + Năng lực sử dụng hơi thở trong khi hát
 - + Năng lực hát không phô chênh trượt nhịp

+ Năng lực tiết chế cảm xúc khi thể hiện tác phẩm.

Vocal music course 2 helps students present a summary of the subject content:

- Brief presentation of course content:

+ Basic techniques of European classical vocal music methods and application of basic techniques in processing works.

+ Practice and perform Vietnamese and foreign songs; songs in the exam program at the end of the selected module; Singing forms of Vietnamese folk songs in 3 regions.

- Student capacity is formed through the subject:

+ The ability to open your mouth in a clear circle while singing.

+ Ability to use breath while singing

+ Singing ability doesn't show off rhythm

+ Ability to control emotions when expressing work.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp, 100% giờ học trực tuyến (nếu có), đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

- Các bài thực hành thiết kế kế hoạch bài học thực hiện cá nhân theo nội dung của từng mạch kiến thức, sản phẩm được trình bày bằng ca khúc nước ngoài, Việt Nam, hoặc dân ca tùy theo từng năng lực sinh viên .

- Bài tập: Hoàn thành bài tập trong các chương.

- Thực hành: Hoàn thành bài thực hành cá nhân.

- Kiểm tra định kỳ: Dự và thực hiện kiểm tra định kì đúng lịch.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- *Đánh giá theo thang 10 điểm.*

- Hình thức đánh giá:

A1: Chuyên cần;

A2: Thực hành;

A3: Kiểm tra định kỳ;

A4: Thi kết thúc học phần.

- Đánh giá quá trình:

+ Trọng số điểm: 50% [*Chuyên cần 10%; Thực hành cá nhân 20%, bài kiểm tra định kỳ 20% (thực hành)*].

+ Hình thức: Đánh giá qua thực hành cá nhân.

- Thi kết thúc học phần: Trọng số điểm: 50%; Hình thức: *Thực hành Bài tập lớn*

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần		01	Rubric đánh giá	CLO 1-9

				chuyên cần	
4	A2. Thực hành		01	Đáp án, thang điểm	CLO 6, 7, 8, 9
5	A3. Bài kiểm tra định kì		01	Đáp án, thang điểm	CLO 3, 4, 5, 6, 7,8
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A4. Thực hành Bài tập lớn	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 6, 7,8, 9

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp thực hành	Dự 80%-89% số giờ lên lớp thực hành	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp thực hành	Dự 95% -100% số giờ lên lớp thực hành

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

- [1] Đỗ Thị Linh Chi, *Đề cương bài giảng Thanh nhạc 2*, 2024, ĐHSP Thái Nguyên
[2] Trung Kiên, *Phương pháp học ca hát*, NXB Văn Hóa

9.2. Tài liệu tham khảo: (nếu có)

- [3] Ngô Thị Nam, *Hát*, NXB Giáo dục
[4] Nguyễn Trung Kiên, *Giáo trình thanh nhạc*, (Hệ trung học 4 năm), 2001, Bộ VHTT
[5] Chương trình thanh nhạc hệ ĐHSP 4 năm, Những ca khúc Việt Nam (Dành cho năm thứ 1,2)
[6] Chương trình thanh nhạc hệ ĐHSP 4 năm, Những ca khúc Việt Nam (Dành cho năm thứ 3,4)
[7] Vương Tâm – Nguyễn Thanh Bình tuyển chọn, *Hà Nội trái tim hồng*, Nxb Thanh niên

[8] Vũ Tự Lân biên soạn, *Triệu triệu bông hồng*, Nxb Thanh niên

[9] Trần Bảo Lân, Đỗ Thị Linh Chi, Thanh nhạc 1, NXB Công Thương, 2021

9.3. Website (nếu có)

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Trình bày được những kiến thức cơ bản về thanh nhạc và kỹ thuật thanh nhạc cổ điển Châu Âu
LLO2	Phân tích được các cơ quan phát thanh và sự phối hợp của nó
LLO3	Phân tích được những kỹ thuật thanh nhạc về âm thanh mở, âm thanh đóng
LLO4	Xử lý vị trí âm thanh khoảng vang các xoang cộng minh vùng trán đầu qua các bài hát
LLO5	Luyện mẫu âm khẩu hình các nguyên âm I, Ê, A, Ô, Ơ, U với mẫu luyện thanh quãng 5, quãng 6, quãng 8 dài hơi
LLO6	Luyện thanh tạo âm vang ở vùng đầu, chuyển được sang giọng ngực Phát triển các kỹ thuật thực hành hát ca khúc nước ngoài và Việt Nam. Biểu diễn tác phẩm âm nhạc trọn vẹn truyền cảm.
LLO7	Kỹ năng đọc bản nhạc và xử lý tác phẩm có cảm xúc với những tác phẩm nước ngoài và trong nước.
LLO8	Xử lý vị trí âm thanh khoảng vang các xoang cộng minh vùng trán đầu qua các bài hát
LLO9	Kỹ năng biểu diễn một tác phẩm âm nhạc có nhiều kỹ thuật xử lý. Phát triển các kỹ thuật thực hành hát ca khúc nước ngoài và Việt Nam. Biểu diễn tác phẩm âm nhạc trọn vẹn truyền cảm.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)										
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
LLO1	x										
LLO2		x			x	x					
LLO3		x									
LLO4			x								
LLO5		x	x	x	x		x				
LLO6					x		x				
LLO7								x	x		
LLO8	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
LLO9	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Giới thiệu một số phương pháp thanh nhạc cổ điển Châu Âu				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (25 tiết) * Nội dung lí thuyết: (5 tiết) 1.1. Khái niệm về nghệ thuật thanh nhạc cổ điển Châu Âu 1.2. Giới thiệu về cơ quan phát âm và sự phối hợp các cơ quan phát âm 1.3. Phân biệt giọng ngực và giọng đầu 1.4. Phương pháp hát cộng minh 1.5. Âm thanh mở - âm thanh đóng	<i>Giảng giải minh họa.</i>		[7]
LLO2	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (20 tiết) 1.3. Thực hành đọc bản nhạc luyện tập thanh nhạc cơ bản nhạc một số bài tập đơn giản.		[A2]	[4]
	B. Nội dung tự học: (40 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và trả lời câu hỏi và thực hành		[A1]	[4]
Chương 2: Giới thiệu kỹ thuật xử lý tác phẩm thanh nhạc cổ điển Châu Âu				
Nội dung	Hình thức/ phương pháp	Học liệu		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (25 tiết) * Nội dung lí thuyết: (5 tiết) 2.1. Phát âm nhà chữ 2.2. Hát liền giọng 2.3. Hát nảy 2.4. Hát nhanh 2.5. Xây dựng phong cách hát Châu Âu	<i>Giảng giải minh họa.</i>	[A1]	[5] [4]
LLO2	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (20 tiết) 1.3. Thực hành đọc bản nhạc và luyện tập hát một số bản nhạc một số bài tập đơn giản.		[A2]	[4]
	B. Nội dung tự học: (40 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và thực hành đọc bản nhạc, luyện tập theo bản nhạc một số bài tập đơn giản.	<i>Thực hành</i>	[A1]	[5] [4]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành thanh nhạc
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Ti vi, loa, đài, đàn phím piano.

- Điều kiện khác: Phòng cách âm

8.22. Nhạc cụ 1 (59MUI221)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	10	20
2	Bài tập	0	0
3	Thực hành	40	60
4	Thảo luận	0	0
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		50	80

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Lý thuyết âm nhạc cơ bản
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật; Khoa Giáo dục Tiểu học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS Nguyễn Văn Thiệu	0988268558	thieunv@tnue.edu.vn
2	TS Nguyễn Thanh Tiến	0971954333	tiennt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng:

* Kiến thức

- + Trình bày được những kiến thức cơ bản về đàn Piano và đàn phím điện tử.
- + Phân tích được các loại ký hiệu âm nhạc viết cho đàn Piano và đàn phím điện tử.

+ Nêu được những kỹ thuật chơi đàn cơ bản như: ngón, luân ngón, appoggiatura, tiết tấu đen, đơn, kép, chấm dôi, móc giắt, đơn trước kép sau, kép trước đơn sau khi chơi một tác phẩm âm nhạc.

* Kỹ năng

- + Đọc bản nhạc và kết hợp tay trái và tay phải thành thạo.
- + Chơi đàn cơ bản, vỡ bài và chơi độc tấu những tác phẩm viết cho đàn Piano và Phím điện tử.
- + Cảm thụ âm nhạc thông qua việc thay đổi các âm sắc trong tác phẩm trên đàn phím điện tử.
- + Biểu diễn tác phẩm âm nhạc một cách trọn vẹn, truyền cảm.

* Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Năng lực tự chủ

+ Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.

Năng lực trách nhiệm

+ Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Tham gia tích cực vào quá trình học tập học phần khi hoạt động cá nhân, nhóm và có khả năng tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Trình bày được những kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển của đàn Piano và đàn phím điện tử.	PLO1 PLO3 PLO8
	CLO2	Phân tích được các loại ký hiệu âm nhạc, cách đọc bản nhạc viết cho đàn Piano và đàn Phím điện tử với hóa biểu không dấu.	PLO1 PLO3 PLO8
	CLO3	Nêu được những kỹ thuật chơi đàn cơ bản như: ngón, luân ngón, appe với tiết tấu đen, đơn, kép, chấm đôi, móc giật, đơn trước kép sau, kép trước đơn sau khi chơi một tác phẩm âm nhạc.	PLO1 PLO3 PLO8
CO2	CLO4	Nêu và phân tích được các loại ký hiệu âm nhạc trên bản nhạc, cách đọc bản nhạc với khóa son, khóa pha và ghép 2 tay trên đàn với bản nhạc tương ứng trong chương trình.	PLO1 PLO3 PLO8
CO3	CLO5	Nêu được những kỹ thuật chơi đàn cơ bản như: ngón, luân ngón, appe với tiết tấu đen, đơn, kép, chấm đôi, móc giật, đơn trước kép sau, kép trước đơn sau sau khi chơi một tác phẩm âm nhạc. Tư thế ngồi, kỹ thuật tay phải trái, chân.	PLO1 PLO3 PLO8
	Kỹ năng		
CO4	CLO6	Kỹ năng đọc bản nhạc với khóa son, khóa pha không hóa biểu kết hợp 2 tay thành thạo	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO5	CLO7	Kỹ năng chạy ngón 2 tay lưu loát với những âm hình tiết tấu đen, đơn, kép, chấm đôi, móc giật, đơn trước kép sau, kép trước đơn sau... cho gam và bản nhạc không hóa biểu. Vỡ bài Piano và chơi độc tấu những tác phẩm viết cho đàn	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15

		Phím điện tử không hóa biểu trong chương trình.	
CO6	CLO8	Kỹ năng cảm thụ âm nhạc thông qua việc thay đổi các âm sắc trong tác phẩm trên đàn phím điện tử.	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO7	CLO9	Kỹ năng biểu diễn một tác phẩm âm nhạc một cách trọn vẹn, truyền cảm.	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO8	CLO10	Năng lực tự chủ Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.	PLO14
CO9	CLO11	Năng lực trách nhiệm Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Hoàn thành đầy đủ bài tập. Tham gia các hoạt động âm nhạc tập thể một cách tích cực.	PLO15

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x		x		x			x			x				
CLO2	x		x		x			x			x				
CLO3	x		x		x			x						x	
CLO4	x		x		x		x	x						x	
CLO5	x		x				x	x							
CLO6			x			x		x	x	x			x		x
CLO7			x			x		x	x	x			x		x
CLO8			x			x		x		x			x		x
CLO9			x			x		x		x			x		x
CLO10		x		x								x		x	

CLO11		x		x								x		x	x
MĐG	3	1	3	1	2	2	1	3	1	2	1	1	2	2	3

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học nhạc cụ 1 giúp sinh viên có những kiến thức và kỹ năng cơ bản khi chơi một bản nhạc được viết ở khóa son và khóa pha với hóa biểu không dấu. Qua đó sinh viên vận dụng chơi được những tác phẩm viết cho đàn phím điện tử có sử dụng phần đệm hợp âm và những bài Piano cổ điển ở mức độ đơn giản của các nhạc sĩ nổi tiếng trong và ngoài nước. Đáp ứng được nhu cầu thực tiễn đời sống cũng như nhu cầu cấp thiết của việc đổi mới giáo dục toàn diện.

Musical Instruments subject 1 helps students gain basic knowledge and skills when playing a piece of music written in the clef and clef with unaccented key signatures. Through this, students can play works written for electronic keyboards using chord accompaniment and simple classical piano songs by famous domestic and foreign musicians. Meets real-life needs as well as the urgent needs of comprehensive educational innovation.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp, 100% giờ học trực tuyến (nếu có), đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành bài thực hành cá nhân.
- Kiểm tra định kỳ: Dự và thực hiện kiểm tra định kì đúng lịch.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- Đánh giá theo thang 10 điểm.
- Hình thức đánh giá:
 - A1: Chuyên cần;
 - A2: Thực hành;
 - A3: Kiểm tra định kỳ;
 - A4: Thi kết thúc học phần.
- Đánh giá quá trình:
 - + Trọng số điểm: 50% (Chuyên cần 10%; Thực hành cá nhân 20%, bài kiểm tra định kỳ 20%).
 - + Hình thức: Đánh giá qua thực hành cá nhân.
- Thi kết thúc học phần: Trọng số điểm: 50%; Hình thức: Thực hành

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Số lượt	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
----	-----------	---------------	---------	-------------------	------------

		(%)	đánh giá		
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần		01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-9
4	A2. Thực hành		01	Đáp án, thang điểm	CLO 6, 7, 8, 9
5	A3. Bài kiểm tra định kì		01	Đáp án, thang điểm	CLO 3, 4, 5, 6, 7,8
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A4. Thực hành	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 6, 7,8, 9

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5 Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	2,5 đến < 3,3 Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	3,3 đến < 4,0 Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	4,0 đến 5,0 Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5 Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	2,5 đến < 3,3 Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	3,3 đến < 4,0 Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	4,0 đến 5,0 Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

- [1]. Lê Vũ, Quang Hiền (2023), *Phương pháp học đàn Organ Keyboard tập 1*, Nxb trẻ.
- [2]. Lê Vũ, Quang Đạt (2013), *Độc tấu trên đàn Organ Keyboard tập 1*, Nxb trẻ.
- [3]. Lê Thị Hiền (1996), *Những nhạc khúc cổ điển tập 4*, Nxb ĐHSP TP Hồ Chí Minh.

9.2. Tài liệu tham khảo: (nếu có)

- [4]. Ngô Ngọc Thắng (2006), *Lí thuyết và thực hành trên đàn Phím điện tử*, Nxb

Âm nhạc

[5]. Xuân Tứ (2003), *Phương pháp dạy và học đàn phím điện tử*, Nxb ĐHSP Hà Nội.

[6]. Phạm Tú Hương (2004), *Lý thuyết âm nhạc cơ bản*, Nxb trường CĐSP Nhạc Họa TW, Hà Nội.

[7] The Frederick Harris Music Co (1904), shords and arpeggios for piano “*The brown scale book*” Limited Publication of Recognized Quality & Distinction Scales.

9.3. Website

[8]. https://vn.yamaha.com/vi/products/contents/musical_instrument_guide/piano/structure/index.html

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Lịch sử phát triển của nhạc cụ,
LLO2	Cấu tạo và nguyên tắc hoạt động của đàn Piano và đàn phím điện tử
LLO3	Các ký hiệu âm nhạc cơ bản
LLO4	Cách đọc bản nhạc đơn giản
LLO5	Tư thế chơi nhạc cụ cơ bản
LLO6	Các kỹ thuật và ngón đàn cơ bản
LLO7	Tập các bài kỹ thuật luyện ngón cơ bản
LLO8	Luyện tập chơi một số bài nhạc viết cho Piano và đàn phím điện tử cơ bản
LLO9	Rèn luyện khả năng cảm thụ âm nhạc qua việc nghe nhạc và chuyển tiếng trên đàn cho các tác phẩm viết cho đàn phím điện tử.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)										
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
LLO1	x									x	x
LLO2	x									x	x
LLO3		x								x	x
LLO4				x						x	x
LLO5			x							x	x
LLO6			x		x					x	x
LLO7						x	x	x		x	x
LLO8					x		x		x	x	x
LLO9								x		x	x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Giới thiệu về nhạc cụ				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (3 tiết) * Nội dung lí thuyết: (3 tiết) 1.1. Lịch sử phát triển của nhạc cụ. 1.2. Cấu tạo và nguyên tắc hoạt động của đàn Piano và đàn phím điện tử	<i>Giảng giải minh họa.</i>		[1]- [7]
	B. Nội dung tự học: (4 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và trả lời câu hỏi		[A1]	[1]-[4] [7]
Chương 2: Ký hiệu và cách đọc bản nhạc				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO3 LLO4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (4 tiết) * Nội dung lí thuyết: (4 tiết) 2.1. Các ký hiệu âm nhạc cơ bản. 2.2. Cách đọc bản nhạc đơn giản.	<i>Giảng giải minh họa.</i>	[A1]	[1]-[4] [5]
	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (4 tiết) 2.3. Thực hành đọc bản nhạc và chơi theo bản nhạc một số bài tập đơn giản.		[A2]	[1]-[4] [5]
	B. Nội dung tự học: (4 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và thực hành đọc bản nhạc, chơi theo bản nhạc một số bài tập đơn giản.	<i>Thực hành</i>	[A1]	[1]-[4] [5]-[7]
Chương 3: Các kỹ thuật chơi nhạc cụ cơ bản				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO5 LLO6	A. Nội dung thực hiện trên lớp (3 tiết) * Nội dung lí thuyết: (3 tiết) 3.1. Tư thế chơi nhạc cụ cơ bản 3.2. Các kỹ thuật và ngón đàn cơ bản	<i>Giảng giải minh họa. Thực hành</i>	[A1] [A2]	[1]-[4] [5]
	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (4 tiết) 3.3. Thực hành các kỹ thuật chơi nhạc cụ cơ bản.		[A2]	[1]-[2] [3]-[7]
	B. Nội dung tự học: (4 tiết) <i>Đọc tài liệu và thực hành các kỹ thuật chơi nhạc cụ cơ bản</i>	<i>Thực hành</i>	[A1]	[1]-[2]- [3]-[7]
Chương 4: Thực hành trên đàn phím điện tử				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu

		Dạy học	Đánh giá	
LLO7 LLO8 LLO9	A. Nội dung thực hiện trên lớp (32 tiết) * Nội dung thực hành: (32 tiết) 4.1. Tập các bài kỹ thuật luyện ngón cơ bản 4.2. Luyện tập chơi một số bài nhạc viết cho Piano và đàn phím điện tử cơ bản. 4.3. Rèn luyện khả năng cảm thụ âm nhạc qua việc nghe nhạc và đổi tiếng cho các tác phẩm viết cho đàn Phím điện tử.	Thực hành	[A3]	[1]-[2] [3]-[4] [5]-[6] [7]
	B. Nội dung tự học: (38 tiết) Thực hành các kỹ thuật chơi nhạc cụ cơ bản viết cho đàn Piano và đàn Phím điện tử.	Thực hành	[A1]	[1]-[2] [3]-[4] [6]-[7]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành đàn phím điện tử
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, loa, đài, đàn phím điện tử.
- Điều kiện khác: Phòng cách âm

8.23. Nhạc cụ 2 (59MUI222)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	10	20
2	Bài tập	0	0
3	Thực hành	40	60
4	Thảo luận	0	0
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		50	80

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Nhạc cụ 1
- Học phần học song hành: Lý thuyết âm nhạc cơ bản
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật; Khoa Giáo dục Tiểu học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS Nguyễn Văn Thiệu	0988268558	thieunv@tnue.edu.vn
2	TS Nguyễn Thanh Tiến	0971954333	tiennt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng:

* Kiến thức (Trình bày, phân tích, so sánh)

- + Trình bày được những kiến thức nâng cao về đàn Piano và đàn phím điện tử.
- + Phân tích kỹ thuật chơi đàn nâng cao legato, staccato, vibrato, trimono viết cho đàn Piano và đàn phím điện tử với tiết tấu chùm ba, đảo phách, nghịch

phách...

*** Kỹ năng**

- + Đọc bản nhạc và kết hợp tay trái và tay phải thành thạo.
- + Chơi độc tấu những tác phẩm viết cho đàn Piano và Phím điện tử với kỹ thuật nâng cao legato, staccato, vibrato, trimono kết hợp tiết tấu chùm ba, đảo phách, nghịch phách...
- + Cảm thụ âm nhạc thông qua việc thay đổi các âm sắc trong tác phẩm trên đàn phím điện tử.
- + Biểu diễn tác phẩm âm nhạc một cách trọn vẹn, truyền cảm.

*** Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

Năng lực tự chủ

- + Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.

Năng lực trách nhiệm

- + Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Tham gia tích cực vào quá trình học tập học phần khi hoạt động cá nhân, nhóm và có khả năng tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Trình bày được những kiến thức nâng cao về đàn Piano và đàn phím điện tử...	PLO1 PLO3 PLO8
	CLO2	Phân tích kỹ thuật chơi đàn nâng cao legato viết cho đàn Piano và đàn phím điện tử với tiết tấu chùm ba, đảo phách, nghịch phách...	PLO1 PLO3 PLO8
	CLO3	Phân tích kỹ thuật chơi đàn nâng cao staccato viết cho đàn Piano và đàn phím điện tử với tiết tấu chùm ba, đảo phách, nghịch phách...	PLO1 PLO3 PLO8
CO2	CLO4	Phân tích kỹ thuật chơi đàn nâng cao vibrato viết cho đàn Piano và đàn phím điện tử với tiết tấu chùm ba, đảo phách, nghịch phách...	PLO1 PLO3 PLO8
CO3	CLO5	Phân tích kỹ thuật chơi đàn nâng cao trimono viết cho đàn Piano và đàn phím điện tử với tiết tấu chùm ba, đảo phách, nghịch phách...	PLO1 PLO3 PLO8
	Kỹ năng		
CO4	CLO6	Sinh viên có kỹ năng đọc bản nhạc với khóa son, khóa pha với hóa biểu 1 đến 2 dấu thăng và giáng kết hợp 2 tay	PLO3 PLO8

		thành thạo	PLO10 PLO13 PLO15
CO5	CLO7	Sinh viên có kỹ năng chạy ngón 2 tay lưu loát với những âm hình tiết tấu chùm ba, đảo phách, nghịch phách... cho gam và bản nhạc 1 đến 2 dấu thăng và giáng. Vỡ bài Piano và chơi độc tấu những tác phẩm nâng cao viết cho đàn Phím điện tử với kỹ thuật legato, staccato, vibrato, trimono kết hợp tiết tấu chùm ba, đảo phách, nghịch phách...trong chương trình.	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO6	CLO8	Kỹ năng cảm thụ âm nhạc thông qua việc thay đổi các âm sắc trong tác phẩm trên đàn phím điện tử.	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO7	CLO9	Kỹ năng biểu diễn tác phẩm âm nhạc một cách trọn vẹn, truyền cảm.	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO8	CLO10	Năng lực tự chủ Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.	PLO14
CO9	CLO11	Năng lực trách nhiệm Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Hoàn thành đầy đủ bài. Tham gia các hoạt động âm nhạc tập thể một cách tích cực.	PLO15

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x		x		x			x			x				
CLO2	x		x		x			x			x				
CLO3	x		x		x			x						x	

CLO4	x		x		x		x	x						x	
CLO5	x		x				x	x							
CLO6			x			x		x	x	x			x		x
CLO7			x			x		x	x	x			x		x
CLO8			x			x		x		x			x		x
CLO9			x			x		x		x			x		x
CLO10		x		x								x		x	
CLO11		x		x								x		x	x
MĐG	3	1	3	1	2	2	1	3	1	2	1	1	2	2	3

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học nhạc cụ 2 giúp sinh viên có những kiến thức và kỹ năng nâng cao khi chơi một bản nhạc được viết ở khóa son và khóa pha với hóa biểu từ một đến hai dấu thăng giáng. Qua đó sinh viên vận dụng chơi được những tác phẩm viết cho đàn phím điện tử có sử dụng phần đệm hợp âm và những bài Piano cổ điển ở mức độ nâng cao của các nhạc sĩ nổi tiếng trong và ngoài nước. Đáp ứng được nhu cầu thực tiễn đời sống cũng như nhu cầu cấp thiết của việc đổi mới giáo dục toàn diện.

Instrumental music course 2 helps students gain advanced knowledge and skills when playing a piece of music written in the key of G and F with a key signature from one to two sharps and flats. Through that, students can apply and play works written for electronic keyboards using chord accompaniment and classical piano pieces at an advanced level by famous musicians at home and abroad. Meeting the practical needs of life as well as the urgent needs of comprehensive educational innovation.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp, 100% giờ học trực tuyến (nếu có), đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành bài thực hành cá nhân.
- Kiểm tra định kỳ: Dự và thực hiện kiểm tra định kì đúng lịch.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- Đánh giá theo thang 10 điểm.

- Hình thức đánh giá:
 - A1: Chuyên cần;
 - A2: Thực hành;
 - A3: Kiểm tra định kỳ;
 - A4: Thi kết thúc học phần.
- Đánh giá quá trình:
 - + Trọng số điểm: 50% (*Chuyên cần 10%; Thực hành cá nhân 20%, bài kiểm tra định kỳ 20%*).
 - + Hình thức: Đánh giá qua thực hành cá nhân.
- Thi kết thúc học phần: Trọng số điểm: 50%; Hình thức: *Thực hành*

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần		01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-9
4	A2. Thực hành		01	Đáp án, thang điểm	CLO 6, 7, 8, 9
5	A3. Bài kiểm tra định kì		01	Đáp án, thang điểm	CLO 3, 4, 5, 6, 7,8
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A4. Thực hành	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 6, 7,8, 9

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

- [1]. Lê Vũ, Quang Hiền (2023), *Phương pháp học đàn Organ Keyboard tập 1*, Nxb trẻ.
- [2]. Lê Vũ, Quang Đạt (2013), *Độc tấu trên đàn Organ Keyboard tập 1*, Nxb trẻ.
- [3]. Lê Thị Hiền (1996), *Những nhạc khúc cổ điển tập 4*, Nxb ĐHSP TP Hồ Chí Minh.

9.2. Tài liệu tham khảo: (nếu có)

- [4]. Ngô Ngọc Thắng (2006), *Lý thuyết và thực hành trên đàn Phím điện tử*, Nxb Âm nhạc
- [5]. Xuân Tứ (2003), *Phương pháp dạy và học đàn phím điện tử*, Nxb ĐHSP Hà Nội.
- [6]. Phạm Tú Hương (2004), *Lý thuyết âm nhạc cơ bản*, Nxb trường CĐSP Nhạc Họa TW, Hà Nội.
- [7] The Frederick Harris Music Co (1904), shords and arpeggios for piano “*The brown scale book*” Limited Publication of Recognized Quality & Distinction Scales.

9.3. Website

- [8]. https://vn.yamaha.com/vi/products/contents/musical_instrument_guide/piano/structure/index.html

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Các ký hiệu âm nhạc nâng cao
LLO2	Cách đọc bản nhạc với hóa biểu hai dấu thăng và giáng
LLO3	Kỹ thuật luyện ngón nâng cao trên đàn Piano
LLO4	Kỹ thuật luyện ngón nâng cao trên đàn Phím điện tử
LLO5	Tư thế hai tay, chân
LLO6	Các kỹ thuật và ngón đàn nâng cao
LLO7	Thực hành các bài kỹ thuật luyện ngón nâng cao
LLO8	Thực hành chơi một số bài nhạc viết cho Piano và phím điện tử nâng cao
LLO9	Rèn luyện khả năng cảm thụ âm nhạc qua việc nghe nhạc và đổi tiếng cho các tác phẩm viết cho đàn Phím điện tử.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)										
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)										
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
LLO1	x									x	x
LLO2						x				x	x
LLO3							x			x	x
LLO4							x			x	x
LLO5							x			x	x
LLO6		x	x	x	x					x	x
LLO7							x			x	x
LLO8							x		x	x	x
LLO9								x		x	x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Ký hiệu và cách đọc bản nhạc nâng cao				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (3 tiết) * Nội dung lí thuyết: (3 tiết) 1.1. Các ký hiệu âm nhạc nâng cao 1.2. Cách đọc bản nhạc với hóa biểu hai dấu thăng và giáng	<i>Giảng giải minh họa.</i>		[4]- [6]
	B. Nội dung tự học: (4 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và trả lời câu hỏi		[A1]	[1]-[4] [5]
Chương 2: Kỹ thuật luyện ngón nâng cao trên đàn Piano và đàn phím điện tử				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO3 LLO4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (4 tiết) * Nội dung lí thuyết: (4 tiết) 2.1. Kỹ thuật luyện ngón nâng cao trên đàn Piano 2.2. Kỹ thuật luyện ngón nâng cao trên đàn Phím điện tử	<i>Giảng giải minh họa.</i>	[A1]	[1]-[4] [7]
	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (4 tiết) 2.3. Thực hành đọc bản nhạc và chơi theo bản nhạc một số bài tập nâng cao.		[A2]	[1]-[4] [7]
	B. Nội dung tự học: (4 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và thực hành đọc bản nhạc, chơi theo bản nhạc một số bài tập nâng cao.	<i>Thực hành</i>	[A1]	[1]-[4] [5]-[7]
Chương 3: Các kỹ thuật chơi nhạc cụ nâng cao				

LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO5 LLO6	A. Nội dung thực hiện trên lớp (3 tiết) * Nội dung lí thuyết: (3 tiết) 3.1. Tư thế hai tay, chân 3.2. Các kỹ thuật và ngón đàn nâng cao	<i>Giảng giải minh họa. Thực hành</i>	[A1] [A2]	[1]-[5] [7]
	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (4 tiết) 3.3. Thực hành các kỹ thuật chơi nhạc cụ nâng cao		[A2]	[1]-[2] [3]-[7]
	B. Nội dung tự học: (4 tiết) <i>Đọc tài liệu và thực hành các kỹ thuật chơi nhạc cụ nâng cao</i>	<i>Thực hành</i>	[A1]	[1]-[2]- [5]-[7]
Chương 4: Thực hành trên đàn phím điện tử				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO7 LLO8 LLO9	A. Nội dung thực hiện trên lớp (32 tiết) * Nội dung thực hành: (32 tiết) 4.1. Thực hành các bài kỹ thuật luyện ngón nâng cao 4.2. Thực hành chơi một số bài nhạc viết cho Piano và phím điện tử nâng cao 4.3. Rèn luyện khả năng cảm thụ âm nhạc qua việc nghe nhạc và đổi tiếng cho các tác phẩm viết cho đàn Phím điện tử.	<i>Thực hành</i>	[A3]	[1]-[2] [3]-[5] [7]
	B. Nội dung tự học: (38 tiết) <i>Thực hành các kỹ thuật chơi nhạc cụ nâng cao viết cho đàn Piano và đàn Phím điện tử.</i>	<i>Thực hành</i>	[A1]	[1]-[2] [3]-[4] [6]-[7]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành đàn phím điện tử
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, loa, đài, đàn phím điện tử.
- Điều kiện khác: Phòng cách âm

8.24. Nhạc cụ 3 (59MUI223)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	10	20
2	Bài tập	0	0
3	Thực hành	40	60
4	Thảo luận	0	0
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		50	80

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Nhạc cụ 2
- Học phần học song hành: Lý thuyết âm nhạc cơ bản
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật; Khoa Giáo dục Tiểu học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS Nguyễn Văn Thiều	0988268558	thieunv@tnue.edu.vn
2	TS Nguyễn Thanh Tiến	0971954333	tiennt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng:

* Kiến thức (Trình bày, phân tích, so sánh)

- + Trình bày được những kiến thức nâng cao về đàn Piano và đàn phím điện tử.
- + Phân tích kỹ thuật chơi đàn nâng cao app 7, láy rền, Glissando, Octave, phức điệu...viết cho đàn Piano và đàn phím điện tử với với tiết tấu phức tạp

* Kỹ năng

- + Đọc bản nhạc và kết hợp tay trái và tay phải thành thạo với hóa biểu ba đến bốn dấu thăng và giáng.
- + Chơi độc tấu những tác phẩm viết cho đàn Piano và Phím điện tử với kỹ thuật nâng cao app 7, láy rền, Glissando, Octave, phức điệu...
- + Sử dụng hiệu ứng âm thanh, chia bàn phím, kỹ thuật sử dụng pitch bend trong tác phẩm trên đàn phím điện tử.
- + Biểu diễn tác phẩm âm nhạc một cách truyền cảm nhất.

* Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Năng lực tự chủ

- + Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.

Năng lực trách nhiệm

- + Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Tham gia tích cực vào quá trình học tập học phần khi hoạt động cá nhân, nhóm và có khả năng tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Trình bày được những kiến thức nâng cao về đàn Piano và đàn phím điện tử...	PLO1 PLO3 PLO8
	CLO2	Phân tích kỹ thuật chơi đàn nâng cao app 7 viết cho đàn	PLO1

		Piano và đàn phím điện tử với tiết tấu phức tạp	PLO3 PLO8
	CLO3	Phân tích kỹ thuật chơi đàn nâng cao lấy rền viết cho đàn Piano và đàn phím điện tử với tiết tấu phức tạp	PLO1 PLO3 PLO8
CO2	CLO4	Phân tích kỹ thuật chơi đàn nâng cao Glissando viết cho đàn Piano và đàn phím điện tử với tiết tấu phức tạp	PLO1 PLO3 PLO8
CO3	CLO5	Phân tích kỹ thuật chơi đàn nâng cao phức điệu...viết cho đàn Piano và đàn phím điện tử với tiết tấu phức tạp	PLO1 PLO3 PLO8
Kĩ năng			
CO4	CLO6	Sinh viên có kỹ năng đọc bản nhạc với khóa son, khóa pha với hóa biểu ba đến bốn dấu thăng giáng kết hợp 2 tay thành thạo	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO5	CLO7	Sinh viên có kỹ năng chạy ngón 2 tay lưu loát với những âm hình tiết tấu phức tạp cho gam và bản nhạc ba đến bốn dấu thăng và giáng. Vỡ bài Piano và chơi độc tấu những tác phẩm nâng cao viết cho đàn Phím điện tử với kỹ thuật appe 7, lấy rền, Glissando, Octave, phức điệu kết hợp tiết tấu appe 7, lấy rền, Glissando, Octave, phức điệu với tiết tấu phức tạp trong chương trình.	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO6	CLO8	Kỹ năng sử dụng hiệu ứng âm thanh, chia bàn phím, kỹ thuật sử dụng pitch bend trong tác phẩm trên đàn phím điện tử	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO7	CLO9	Kỹ năng biểu diễn tác phẩm âm nhạc một cách truyền cảm nhất.	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO8	CLO10	Năng lực tự chủ Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức	PLO14

		âm nhạc ngoài sách giáo khoa.	
CO9	CLO11	Năng lực trách nhiệm Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Hoàn thành đầy đủ bài. Tham gia các hoạt động âm nhạc tập thể một cách tích cực.	PLO15

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x		x		x			x			x				
CLO2	x		x		x			x			x				
CLO3	x		x		x			x						x	
CLO4	x		x		x		x	x						x	
CLO5	x		x				x	x							
CLO6			x			x		x	x	x			x		x
CLO7			x			x		x	x	x			x		x
CLO8			x			x		x		x			x		x
CLO9			x			x		x		x			x		x
CLO10		x		x								x		x	
CLO11		x		x								x		x	x
MĐG	3	1	3	1	2	2	1	3	1	2	1	1	2	2	3

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học nhạc cụ 3 giúp sinh viên có những kiến thức và kỹ năng nâng cao khi chơi một bản nhạc được viết ở khóa son và khóa pha với hóa biểu từ ba đến bốn dấu thăng giáng. Qua đó sinh viên vận dụng chơi được những tác phẩm viết cho đàn phím điện tử có sử dụng phần đệm hợp âm và những bài Piano cổ điển ở mức độ nâng cao của các nhạc sĩ nổi tiếng trong và ngoài nước. Đáp ứng được nhu cầu thực tiễn đời sống cũng như nhu cầu cấp thiết của việc đổi mới giáo dục toàn diện.

Instrumental music course 3 helps students gain advanced knowledge and skills when playing a piece of music written in the key of G and F with a key signature of three to four sharps and flats. Through that, students can apply and

play works written for electronic keyboards using chord accompaniment and classical piano pieces at an advanced level by famous musicians at home and abroad. Meeting the practical needs of life as well as the urgent needs of comprehensive educational innovation.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp, 100% giờ học trực tuyến (nếu có), đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành bài thực hành cá nhân.
- Kiểm tra định kỳ: Dự và thực hiện kiểm tra định kì đúng lịch.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- *Đánh giá theo thang 10 điểm.*
- Hình thức đánh giá:
 - A1: Chuyên cần;
 - A2: Thực hành;
 - A3: Kiểm tra định kỳ;
 - A4: Thi kết thúc học phần.
- Đánh giá quá trình:
 - + Trọng số điểm: 50% (*Chuyên cần 10%; Thực hành cá nhân 20%, bài kiểm tra định kỳ 20%*).
 - + Hình thức: Đánh giá qua thực hành cá nhân.
- Thi kết thúc học phần: Trọng số điểm: 50%; Hình thức: *Thực hành*

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần		01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-9
4	A2. Thực hành		01	Đáp án, thang điểm	CLO 6, 7, 8, 9
5	A3. Bài kiểm tra định kì		01	Đáp án, thang điểm	CLO 3, 4, 5, 6, 7,8
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A4. Thực hành	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 6, 7,8, 9

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

- [1]. Lê Vũ, Quang Hiền (2023), *Phương pháp học đàn Organ Keyboard tập 1*, Nxb trẻ.
- [2]. Lê Vũ, Quang Đạt (2013), *Độc tấu trên đàn Organ Keyboard tập 1*, Nxb trẻ.
- [3]. Lê Thị Hiền (1996), *Những nhạc khúc cổ điển tập 4*, Nxb ĐHSP TP Hồ Chí Minh.

9.2. Tài liệu tham khảo: (nếu có)

- [4]. Ngô Ngọc Thắng (2006), *Lý thuyết và thực hành trên đàn Phím điện tử*, Nxb Âm nhạc
- [5]. Xuân Tứ (2003), *Phương pháp dạy và học đàn phím điện tử*, Nxb ĐHSP Hà Nội.
- [6]. Phạm Tú Hương (2004), *Lý thuyết âm nhạc cơ bản*, Nxb trường CĐSP Nhạc Họa TW, Hà Nội.
- [7] The Frederick Harris Music Co (1904), shords and arpeggios for piano “*The brown scale book*” Limited Publication of Recognized Quality & Distinction Scales.

9.3. Website

- [7]. https://vn.yamaha.com/vi/products/contents/musical_instrument_guide/piano/structure/index.html

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Các ký hiệu âm nhạc nâng cao
LLO2	Cách đọc bản nhạc với hóa biểu ba đến bốn dấu thăng giáng
LLO3	Kỹ thuật luyện ngón appe7 trên đàn Piano

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO4	Kỹ thuật luyện ngón nâng cao trên đàn Phím điện tử
LLO5	Kỹ thuật lấy rền, Octave, phức điệu
LLO6	Các kỹ thuật và ngón đàn nâng cao
LLO7	Thực hành các bài kỹ thuật luyện ngón nâng cao
LLO8	Thực hành chơi một số bài nhạc viết cho Piano và phím điện tử nâng cao
LLO9	Rèn luyện kỹ năng sử dụng hiệu ứng âm thanh, chia bàn phím, kỹ thuật sử dụng pitch bend trong tác phẩm trên đàn phím điện tử

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)										
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
LLO1	x									x	x
LLO2						x				x	x
LLO3		x								x	x
LLO4				x						x	x
LLO5			x							x	x
LLO6					x					x	x
LLO7							x			x	x
LLO8							x	x		x	x
LLO9							x	x	x	x	x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Đọc bản nhạc nâng cao				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (3 tiết) * Nội dung lý thuyết: (3 tiết) 1.1. Các ký hiệu âm nhạc nâng cao 1.2. Cách đọc bản nhạc với hóa biểu ba đến bốn dấu thăng giáng	<i>Giảng giải minh họa.</i>		[4]- [6]
	B. Nội dung tự học: (4 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và trả lời câu hỏi		[A1]	[1]-[4] [7]
Chương 2: Kỹ thuật ngón nâng cao trên đàn Piano và đàn phím điện tử				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO3	A. Nội dung thực hiện trên lớp (4 tiết) * Nội dung lý thuyết: (4 tiết) 2.1. Kỹ thuật luyện ngón apper trên đàn Piano	<i>Giảng giải minh họa.</i>	[A1]	[5]-[7] [1]

LLO4	2.2. Kỹ thuật luyện ngón nâng cao trên đàn Phím điện tử			
	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (4 tiết) 2.3. Thực hành đọc bản nhạc và chơi theo bản nhạc một số bài tập nâng cao.		[A2]	[5]-[7] [2]
	B. Nội dung tự học: (4 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và thực hành đọc bản nhạc, chơi theo bản nhạc một số bài tập nâng cao.	Thực hành	[A1]	[1]-[3] [5]-[7]
Chương 3: Chơi nhạc cụ nâng cao				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO5 LLO6	A. Nội dung thực hiện trên lớp (3 tiết) * Nội dung lý thuyết: (3 tiết) 3.1. Kỹ thuật lấy rền, Octave, phức điệu 3.2. Các kỹ thuật và ngón đàn nâng cao	Giảng giải minh họa. Thực hành	[A1] [A2]	[2]-[3] [5]
	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (4 tiết) 3.3. Thực hành các kỹ thuật chơi nhạc cụ nâng cao		[A2]	[1]-[2] [3]-[5]
	B. Nội dung tự học: (4 tiết) Đọc tài liệu và thực hành các kỹ thuật chơi nhạc cụ nâng cao	Thực hành	[A1]	[1]-[2]- [3]-[7]
Chương 4: Thực hành trên đàn phím điện tử				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO7 LLO8 LLO9	A. Nội dung thực hiện trên lớp (32 tiết) * Nội dung thực hành: (32 tiết) 4.1. Thực hành các bài kỹ thuật luyện ngón nâng cao 4.2. Thực hành chơi một số bài nhạc viết cho Piano và phím điện tử nâng cao 4.3. Rèn luyện kỹ năng sử dụng hiệu ứng âm thanh, chia bàn phím, kỹ thuật sử dụng pitch bend trong tác phẩm trên đàn phím điện tử	Thực hành	[A3]	[1]-[2] [3]-[5] [6]-[7]
	B. Nội dung tự học: (38 tiết) Thực hành các kỹ thuật chơi nhạc cụ nâng cao viết cho đàn Piano và đàn Phím điện tử.	Thực hành	[A1]	[1]-[2] [3]-[4] [6]-[7]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành đàn phím điện tử
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, loa, đài, đàn phím điện tử.
- Điều kiện khác: Phòng cách âm

8.25. Lịch sử âm nhạc (59H MU241)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 04; Tổng số giờ quy chuẩn: 60

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	45	90
2	Bài tập	10	15
3	Thực hành	15	20
4	Thảo luận	5	7.5
5	Thực tế chuyên môn	0	
Tổng		75	132.5

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật; Khoa Giáo dục Tiểu học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS Đỗ Thị Linh Chi	0988808489	chidtl@tnue.edu.vn
2	TS Nguyễn Thanh Tiến	0971954333	tiennt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng:

Trình bày được sơ lược những giai đoạn lịch sử của âm nhạc các thời kì từ nguyên thủy, Cổ đại, trung cổ, phục hưng. Cổ điển viên, lãng mạn.

Phân tích và liên hệ thực tiễn về sự nghiệp sáng tác và tác phẩm điển hình của các nhạc sĩ

Trình bày được sơ lược về các giai đoạn lịch sử âm nhạc Việt Nam, dưới các triều đại Từ Văn Lang Âu lạc đến cách mạng tháng 8 năm 1945 và hiện nay

Phân tích được dân nhạc cung đình và âm nhạc trong dân gian của từng triều đại, những ảnh hưởng âm nhạc của yếu tố bên ngoài.

* Về kiến thức

CO1. Trình bày được nguồn gốc âm nhạc, nêu được những diễn biến và sự phát triển của âm nhạc thế giới, âm nhạc Việt Nam qua từng giai đoạn lịch sử.

CO2. Khái quát được hoàn cảnh xã hội, đặc điểm âm nhạc, thành tựu âm nhạc và sinh hoạt âm nhạc của từng giai đoạn lịch sử từ thời kỳ nguyên thủy, thời kỳ cổ đại, thời kỳ trung cổ, thời kỳ phục hưng, thời kỳ tiền cổ điển, cổ điển viên, cổ điển đến âm nhạc lãng mạn thế kỷ XIX.

CO3. Phân tích được tiểu sử và sự nghiệp sáng tác âm nhạc, chủ đề và quan điểm cũng như đặc điểm âm nhạc của một số nhạc sĩ tiêu biểu trong những giai đoạn lịch sử cụ thể.

CO4. Giới thiệu khái quát về âm nhạc Việt Nam, sản phẩm của nền văn hóa lúa nước, đồng thời giới thiệu khái quát diễn trình nền âm nhạc Việt Nam qua các

thời kỳ dựng nước, thời kỳ Bắc thuộc và chống Bắc thuộc, thời kỳ độc lập tự chủ, thời kỳ tiếp xúc với âm nhạc phương Tây, và thời kỳ âm nhạc cách mạng kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

*** Về kỹ năng**

CO5. Hình thành các kỹ năng được nghe những tác phẩm tiêu biểu của một số nhạc sĩ thiên tài trên thế giới. Qua đó giúp cho sinh viên biết phân tích các hình thức và cấu trúc âm nhạc của từng thể loại âm nhạc trong các giai đoạn lịch sử cụ thể.

CO6. Khai thác được thông tin trong tìm kiếm tài liệu tự học, nghiên cứu tài liệu các bài tập theo môn học. Phân tích so sánh và trình bày được dàn nhạc Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử.

CO7. Mở rộng, phát triển và phát huy khả năng logic sáng tạo, mối liên kết giữa các bài học, từ đó vận dụng sáng tạo đưa kiến thức lịch sử âm nhạc vào giảng dạy phù hợp.

CO8 Vận dụng được các kỹ năng một cách linh hoạt để kiểm tra đánh giá kết quả học tập và sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện ở trường.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

Năng lực tự chủ

CO9. Nhận thức đúng tầm quan trọng của học phần Lịch sử âm nhạc Thế giới, âm nhạc Việt Nam và vai trò của giáo viên trong phát triển chương trình Sư phạm âm nhạc để định hướng về giáo dục thẩm mỹ cho học sinh.

Năng lực trách nhiệm

CO10. Thực hiện đúng các quy định đối với người học, tích cực, chủ động trong nghiên cứu ứng dụng các kiến thức được học vào trong đời sống sinh hoạt.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Trình bày được nguồn gốc âm nhạc, nêu được những diễn biến và sự phát triển của âm nhạc thế giới, âm nhạc Việt Nam qua từng giai đoạn lịch sử.	PLO2, 3
	CLO2	Phân tích, Khái quát được hoàn cảnh xã hội, đặc điểm âm nhạc, thành tựu âm nhạc và sinh hoạt âm nhạc của từng giai đoạn lịch sử từ thời kỳ nguyên thủy, thời kỳ cổ đại, thời kỳ trung cổ, thời kỳ phục hưng, thời kỳ tiền cổ điển, cổ điển viên, cổ điển đến âm nhạc lãng mạn thế kỷ XIX.	PLO2, 3
	CLO3	Phân tích được tiểu sử và sự nghiệp sáng tác âm nhạc, chủ đề và quan điểm cũng như đặc điểm âm nhạc của một số nhạc sĩ tiêu biểu trong những giai đoạn lịch sử cụ thể.	PLO2, 3

CO2	CLO4	Trình bày được những vấn đề Giúp sinh viên nắm được đặc điểm lịch sử xã hội, đặc điểm âm nhạc và các thành tựu âm nhạc nửa sau thế kỷ XVIII, chủ nghĩa âm nhạc cổ điển và trường phái âm nhạc cổ điển viên. Nghe và phân tích một số tác phẩm âm nhạc tiêu biểu của một số nhạc sĩ nửa sau thế kỷ XVIII, chủ nghĩa âm nhạc cổ điển và trường phái âm nhạc cổ điển viên.	PLO2, 3,11,12, 13
	CLO5	Giúp sinh viên nắm được đặc điểm lịch sử xã hội, đặc điểm âm nhạc và các thành tựu âm nhạc lãng mạn thế kỷ XIX. Nghe và phân tích một số tác phẩm âm nhạc tiêu biểu của một số nhạc sĩ thời kỳ lãng mạn.	PLO2, 3,11,12, 13
	CLO6	Giới thiệu khái quát về âm nhạc Việt Nam, sản phẩm của nền văn hóa lúa nước, đồng thời giới thiệu khái quát diễn trình nền âm nhạc Việt Nam qua các thời kỳ dựng nước,	
CO3	CLO6	Phân tích và ghi nhớ lược sử được thời kỳ Bắc thuộc và chống Bắc thuộc, thời kỳ độc lập tự chủ, thời kỳ tiếp xúc với âm nhạc phương Tây, và thời kỳ âm nhạc cách mạng kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, xây dựng chủ nghĩa xã hội.	PLO2,3, 11,12, 13
Kĩ năng			
CO4	CLO7	Hình thành các kĩ năng được nghe những tác phẩm tiêu biểu của một số nhạc sĩ thiên tài trên thế giới. Qua đó giúp cho sinh viên biết phân tích các hình thức và cấu trúc âm nhạc của từng thể loại âm nhạc trong các giai đoạn lịch sử cụ thể.	PLO7
CO5	CLO 8	Khai thác được thông tin trong tìm kiếm tài liệu tự học, nghiên cứu tài liệu các bài tập theo môn học. Phân tích so sánh và trình bày được dàn nhạc Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử.	PLO8
CO7	CLO 9	Phân tích và giải mã được từng mạch nội dung trong chương trình kể trên; Vận dụng được các nội dung đã học vào thực hành dạy học môn âm nhạc ở phổ thông. . Mở rộng, phát triển và phát huy khả năng logic sáng tạo, mối liên kết giữa các bài học, từ đó vận dụng sáng tạo đưa kiến thức lịch sử âm nhạc vào giảng dạy phù hợp.	PLO12
CO8	CLO10	Áp dụng được các phương pháp, kĩ thuật kiểm tra đánh giá môn Lịch sử âm nhạc Thế giới. Và lịch sử âm nhạc Việt Nam	PLO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO9	CLO11	Có khả năng thực hiện đúng nội quy của lớp, trường, quy định của học phần môn Lịch sử âm nhạc Thế giới, lịch sử	PLO14

		âm nhạc Việt Nam và quy định về đạo đức nhà giáo.	
CO10	CLO12	Áp dụng được các kiến thức, kỹ năng của môn Lịch sử âm nhạc Thế giới, lịch sử âm nhạc Việt Nam cơ bản vào quá trình hoạt động và dạy học ở trường phổ thông.	PLO15

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1		x	x												
CLO2		x	x												
CLO3		x	x												
CLO4		x	x	x							X	X	X		
CLO5		x	x								X	X	X		
CLO6							X								
CLO7				x				X							
CLO8											X				
CLO9												X			
CLO10													X		
CLO11				x										x	
CLO12				x											x
MĐG	0	3	3	3	0	0	1	1	0	0	2	2	2	1	1

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần giúp cho sinh viên hiểu biết về các giai đoạn lịch sử âm nhạc thế giới. Các trào lưu, các trường phái âm nhạc, cuộc đời và sự nghiệp âm nhạc của các nhạc sĩ tiêu biểu trong lịch sử âm nhạc thế giới và Việt Nam. Ngoài ra, môn học còn giúp cho sinh viên bổ sung thêm những kiến thức tổng hợp và chuyên sâu về hòa thanh, nhạc lý, phân tích tác phẩm và các thể loại âm nhạc.

Môn học giới thiệu khái quát về âm nhạc từ thời kỳ Nguyên thủy đến thời Trung Đại, thời Phục Hưng, thời Tiền Cổ Điển đến Cổ Điển, thời Cận Đại – Hiện Đại ở phương Tây (Bao gồm âm nhạc một số nước Tây Âu và âm nhạc của người Xlavơ).

Giới thiệu khái quát về âm nhạc Việt Nam, sản phẩm của nền văn hóa lúa nước, đồng thời giới thiệu khái quát diễn trình nền âm nhạc Việt Nam qua các thời kỳ dựng nước, thời kỳ Bắc thuộc và chống Bắc thuộc, thời kỳ độc lập tự chủ, thời kỳ tiếp xúc với âm nhạc phương Tây, và thời kỳ âm nhạc cách mạng kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Tiếng Anh: The module helps students to understand world music history periods. The trends, music schools, the music life and careers of typical musicians in the history

of world and Vietnamese music. In addition, the course also helps students to add general and specialized knowledge of harmony, music theory, analysis of works and musical genres.

An overview of music from Primitive to Middle Ages, Renaissance, Pre-Classical to Classical, Near Modern-Modern in the West (Including music in some Western European countries and Slavic music).

An overview of Vietnamese music, a product of the rice-cultivating culture, while also providing a general introduction to the development of Vietnamese music through the periods of nation-building, the period of Chinese domination and resistance, the period of independence and self-reliance, the period of contact with Western music, and the revolutionary music period during the resistance against the French and Americans, and the construction of socialism.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, bài tập; chuẩn bị bài học trước khi lên lớp.
- Lí thuyết: Phân tích làm rõ được nội dung bài tập theo từng bài
- Kiểm tra định kì: Lấy điểm trung bình chung của tất cả các bài viết, tự luận.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- *Đánh giá theo thang 10 điểm.*
- Hình thức đánh giá:
 - A1: Chuyên cần;
 - A2: Bài tập/thực hành/ thảo luận nhóm;
 - A3: Kiểm tra định kỳ;
 - A4: Thi kết thúc học phần.
- Đánh giá quá trình:
 - + Trọng số điểm: 50% (*Chuyên cần 10%; Bài tập cá nhân/ thực hành; bài tiểu luận/ thảo luận nhóm 20%, bài kiểm tra định kỳ 20%*).
 - + Hình thức: Phối hợp các hình thức đánh giá qua Bài tập cá nhân/nhóm; thực hành; tiểu luận; thuyết trình cá nhân/nhóm; Tự luận
 - Thi kết thúc học phần: Trọng số điểm: 50%; Hình thức: *Tự luận*;

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	01	Rubric đánh giá chuyên cần	
2	A2. Bài tập/ Thực	20	01	Rubric đánh giá	

	hành/ Thảo luận nhóm/ Thực tế chuyên môn			bài tập/thực hành/ thảo luận nhóm;	
3	A3. Kiểm tra định kỳ	20	02	Đáp án, thang điểm	
4	A4. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Rubric đánh giá chuyên cần

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp thực hành	Dự 80%-89% số giờ lên lớp thực hành	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp thực hành	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp thực hành
Mức đánh giá		Không đạt	Đạt	Khá	Tốt

Rubric đánh giá bài tập/thực hành/ thảo luận nhóm;

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Bài tập cá nhân, tiểu luận (10 %)					
Trình bày nội dung đầy đủ, đảm bảo tính chính xác theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Trình bày nội dung đáp ứng dưới 50% yêu cầu được giao.	Trình bày nội dung đáp ứng 50-64% yêu cầu được giao.	Trình bày nội dung đáp ứng 65-79% yêu cầu được giao.	Trình bày nội dung đáp ứng trên 80% yêu cầu được giao.

Trình bày báo cáo rõ ràng, khoa học và logic	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Trình bày báo cáo đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Trình bày báo cáo đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Trình bày báo cáo đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Trình bày báo cáo đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Hình thức báo cáo sáng sủa, không lỗi văn bản.	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Hình thức trình bày báo cáo đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Hình thức trình bày báo cáo đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Hình thức trình bày báo cáo đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Hình thức trình bày báo cáo đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Nhóm chưa phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời nhưng ở mức chưa cao	Nhóm phối hợp tốt và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời nhưng ở mức chưa cao	Nhóm phối hợp rất tốt và chia sẻ, hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời tốt.
Mức đánh giá		Không đạt	Đạt	Khá	Tốt

Bài kiểm tra định kì và thi kết thúc học phần được đánh giá theo theo đáp án, thang điểm

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

- [1] Lịch sử âm nhạc Thế Giới (Tập 1 – Nguyễn Sinh)
- [2] Lịch sử âm nhạc Thế Giới (Tập 2 – Nguyễn Thị Nhung – Thế Vinh)
- [3] *Lịch sử âm nhạc Việt Nam (Thụy Loan – NXB Âm nhạc 1993)*

9.2. Tài liệu tham khảo:

- [4] Giáo trình lịch sử âm nhạc Thế Giới (Tập 1 – Nguyễn Tô Mai)
- [5] Giáo trình lịch sử âm nhạc Thế Giới (Tập 2 – Nguyễn Tô Mai)
- [6] *Truyền thống âm nhạc Việt Nam (Nguyễn Viêm)*
- [7] *Dân ca Việt Nam (NXB Hà Nội)*

10.3. Nội dung chi tiết học phần

LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
Phần 1: LỊCH SỬ ÂM NHẠC CHÂU ÂU (40 tiết)				
Chương 1. KHÁI QUÁT ÂM NHẠC TRONG THỜI KỲ KHỞI ĐẦU				
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (7 tiết)			[1]

	* Nội dung lí thuyết: (5 tiết) 1.1. Nguồn gốc Âm nhạc 1.2. Âm nhạc thời kỳ nguyên thủy 1.3. Âm nhạc thời kỳ cổ đại <i>1.3.1. Đặc điểm xã hội</i> <i>1.3.2. Khái quát về âm nhạc thời kỳ cổ đại</i> <i>1.3.3. Âm nhạc Hy Lạp cổ đại</i> 1.4. Âm nhạc thời kỳ trung cổ <i>1.4.1. Đặc điểm lịch sử xã hội</i> <i>1.4.2. Những thành tựu âm nhạc thời kỳ trung cổ</i>	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1 A3 A4	[2] [4] [5]
LLO1 LLO8 LLO11	* Nội dung thực hành (1 tiết) - Nguồn gốc Âm nhạc - Âm nhạc thời kỳ nguyên thủy - Âm nhạc thời kỳ cổ đại - Âm nhạc thời kỳ trung cổ	Thực hành	A1 A2	[1] [2] [4] [5]
LLO1 LLO8	* Nội dung bài tập (1 tiết) 1. Phân tích Nguồn gốc Âm nhạc 2. Phân tích Âm nhạc thời kỳ nguyên thủy 3. Phân tích Âm nhạc thời kỳ cổ đại 4. Phân tích Âm nhạc thời kỳ trung cổ	Bài tập cá nhân	A1 A2	[1] [2] [4] [5]
LLO1 LLO6	* Nội dung thảo luận: (0 tiết)	Thảo luận theo nhóm	A1 A2	
LLO1 LLO8	B. Nội dung tự học: (14 tiết) - Hoàn thành bài tập trong vở giao bài tập. - Ôn tập nội dung đã học. - Đọc tài liệu nội dung chương 2.		A1	[1] [2] [4] [5]
Chương 2. SƠ LƯỢC ÂM NHẠC PHỤC HƯNG				
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (8 tiết) * Nội dung lí thuyết: (5 tiết) 2.1. Khái quát về thời kỳ phục hưng <i>2.1.1. Đặc điểm lịch sử xã hội</i> <i>2.1.2. Đặc điểm âm nhạc và các thành tựu âm nhạc thời kỳ phục hưng</i> 2.2. Âm nhạc phục hưng Ý thế kỷ XIV – XVI <i>2.2.1. Đặc điểm lịch sử xã hội</i> <i>2.2.2. Âm nhạc thời kỳ phục hưng Ý thế kỷ XIV – XVI</i> 2.3. Âm nhạc phục hưng Pháp thế kỷ XIV – XVI <i>2.3.1. Đặc điểm lịch sử xã hội</i>	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1 A3 A4	[1] [2] [4] [5]

	2.3.2. Âm nhạc thời kỳ phục hưng Pháp thế kỷ XIV – XVI			
LLO2 LLO8	* Nội dung thảo luận (1 tiết) 1. Khái quát về thời kỳ phục hưng 2. Âm nhạc phục hưng Ý thế kỷ XIV – XVI 3. Âm nhạc phục hưng Pháp thế kỷ XIV – XVI	Thảo luận nhóm	A1 A2	[1] [2] [4] [5]
LLO2 LLO8	* Nội dung bài tập (1 tiết) 1. Khái quát về thời kỳ phục hưng 2. Âm nhạc phục hưng Ý thế kỷ XIV – XVI 3. Âm nhạc phục hưng Pháp thế kỷ XIV – XVI	Làm bài tập cá nhân	A1 A2	[1] [2] [4] [5]
LLO2 LLO8	* Nội dung thực hành (1 tiết) 1. Khái quát về thời kỳ phục hưng 2. Âm nhạc phục hưng Ý thế kỷ XIV – XVI 3. Âm nhạc phục hưng Pháp thế kỷ XIV – XVI	Thực hành-luyện tập	A1 A2	[1] [2] [4] [5]
LLO2 LLO8 LLO9	B. Nội dung tự học: (15 tiết) - Hoàn thành bài tập trong vở giao bài tập. - Ôn tập nội dung đã học. - Đọc tài liệu nội dung chương 3.		A1	[1] [2] [4] [5]
Chương 3 : GIỚI THIỆU ÂM NHẠC CHÂU ÂU THẾ KỶ XVII VÀ NỬA ĐẦU THẾ KỶ XVIII				
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung lý thuyết: (5 tiết) 3.1. Khái quát Âm nhạc châu Âu thế kỷ XVII và nửa đầu thế kỷ XVIII <i>3.1.1. Đặc điểm lịch sử xã hội</i> <i>3.1.2. Đặc điểm âm nhạc và các thành tựu âm nhạc</i> 3.2. Âm nhạc Ý thế kỷ XVII và nửa đầu thế kỷ XVIII <i>3.2.1. Đặc điểm lịch sử xã hội</i> <i>3.2.2. Đặc điểm âm nhạc và các thành tựu âm nhạc</i> 3.3. Âm nhạc Pháp thế kỷ XVII và nửa đầu thế kỷ XVIII <i>3.3.1. Đặc điểm lịch sử xã hội</i> <i>3.3.2. Đặc điểm âm nhạc và các thành tựu âm nhạc</i> 3.4. Âm nhạc Anh thế kỷ XVII và nửa đầu	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1 A3 A4	[1] [2] [4] [5]

	thế kỷ XVIII 3.4.1. <i>Đặc điểm lịch sử xã hội</i> 3.4.2. <i>Đặc điểm âm nhạc và các thành tựu âm nhạc</i> 3.4.3. <i>Nhạc sĩ George frideric HaenDen(giêô fridêrich HaenDen)</i> 3.5. Âm nhạc Đức thế kỷ XVII và nửa đầu thế kỷ XVIII 3.5.1. <i>Đặc điểm lịch sử xã hội</i> 3.5.2. <i>Đặc điểm âm nhạc và các thành tựu âm nhạc</i> 3.5.3. <i>Nhạc sĩ Johann Sebastian Bach (Giôhan Xêbaxchiên Bach)</i>			
LLO2 LLO8	* Nội dung thảo luận (1 tiết) 1. Khái quát Âm nhạc châu Âu thế kỷ XVII và nửa đầu thế kỷ XVIII 2. Âm nhạc Ý thế kỷ XVII và nửa đầu thế kỷ XVIII 3. Âm nhạc Pháp thế kỷ XVII và nửa đầu thế kỷ XVIII 4. Âm nhạc Anh thế kỷ XVII và nửa đầu thế kỷ XVIII 5. Âm nhạc Đức thế kỷ XVII và nửa đầu thế kỷ XVIII	Thảo luận nhóm	A1 A2	[1] [2] [4] [5]
LLO2 LLO8	* Nội dung bài tập (2 tiết) 1. Khái quát Âm nhạc châu Âu thế kỷ XVII và nửa đầu thế kỷ XVIII 2. Âm nhạc Ý thế kỷ XVII và nửa đầu thế kỷ XVIII 3. Âm nhạc Pháp thế kỷ XVII và nửa đầu thế kỷ XVIII 4. Âm nhạc Anh thế kỷ XVII và nửa đầu thế kỷ XVIII 5. Âm nhạc Đức thế kỷ XVII và nửa đầu thế kỷ XVIII	Làm bài tập cá nhân	A1 A2	[1] [2] [4] [5]
LLO2 LLO8	* Nội dung thực hành (2 tiết) 11. Khái quát Âm nhạc châu Âu thế kỷ XVII và nửa đầu thế kỷ XVIII 2. Âm nhạc Ý thế kỷ XVII và nửa đầu thế kỷ XVIII 3. Âm nhạc Pháp thế kỷ XVII và nửa đầu thế kỷ XVIII	Thực hành-luyện tập	A1 A2	[1] [2] [4] [5]

	4. Âm nhạc Anh thế kỷ XVII và nửa đầu thế kỷ XVIII 5. Âm nhạc Đức thế kỷ XVII và nửa đầu thế kỷ XVIII			
LLO2 LLO8 LLO9	B. Nội dung tự học: (15 tiết) - Hoàn thành bài tập trong vở giao bài tập. - Ôn tập nội dung đã học. - Đọc tài liệu nội dung chương 3.		A1	[1] [2] [4] [5]
Chương 4: SƠ LƯỢC ÂM NHẠC NỬA SAU THẾ KỶ XVIII, CHỦ NGHĨA CỔ ĐIỂN, TRƯỜNG PHÁI ÂM NHẠC CỔ ĐIỂN VIÊN				
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung lí thuyết: (6 tiết) 4.1. Khái quát âm nhạc nửa sau thế kỷ XVIII, chủ nghĩa âm nhạc cổ điển và trường phái âm nhạc cổ điển viên <i>4.1.1. Đặc điểm lịch sử xã hội</i> <i>4.1.2. Sự hình thành trường phái âm nhạc cổ điển viên</i> <i>4.1.3. Nội dung tư tưởng, quan điểm thẩm mỹ của trường phái âm nhạc cổ điển viên</i> 4.2. Thành tựu và đặc điểm âm nhạc trường phái cổ điển viên <i>4.2.1. Về hình thức âm nhạc</i> <i>4.2.2. Về thể loại âm nhạc</i> <i>4.2.3. Về ngôn ngữ âm nhạc</i> <i>4.2.4. Về điệu thức</i> <i>4.2.5. Về cấu trúc âm nhạc</i> <i>4.2.6. Một số đặc điểm khác</i> 4.3. Một số khái niệm về liên khúc Sonata cổ điển <i>4.3.1. Thể loại sonate</i> <i>4.3.2. Thể loại giao hưởng</i> <i>4.3.3. Thể loại concerto</i> 4.4. Nhạc sĩ Gluck và sự cải cách nhạc kịch <i>4.4.1. Tiểu sử nhạc sĩ Gluck</i> <i>4.4.2. Những nguyên tắc cải cách nhạc kịch của nhạc sĩ Gluck</i> <i>4.4.3. Tác phẩm âm nhạc của nhạc sĩ Gluck</i> 4.5. Nhạc sĩ JoSeph Haydn (GiôDEep Hay Đon) <i>4.5.1. Tiểu sử nhạc sĩ JoSeph Haydn (GiôDEep Hay Đon)</i>	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1 A3 A4	[1] [2] [4] [5]

	4.5.2. Sự nghiệp sáng tác của nhạc sĩ HayĐn 4.6. Nhạc sĩ Wolfgang Amadeus MoZart (Voongang Amađê Môda) 4.6.1. Tiểu sử Nhạc sĩ Wolfgang Amadeus MoZart 4.6.2. Nội dung và đặc điểm âm nhạc của Mozart 4.6.3. Sự nghiệp sáng tác của Mozart 4.7. Ludwig van Beethoven (Lutvich van Bê tô ven) 4.7.1. Tiểu sử nhạc sĩ Ludwig van Beethoven 4.7.2. Sự nghiệp sáng tác của nhạc sĩ Beethoven			
LLO2 LLO8	* Nội dung thảo luận (1 tiết) 1. Khái quát âm nhạc nửa sau thế kỷ XVIII, chủ nghĩa âm nhạc cổ điển và trường phái âm nhạc cổ điển viên 2. Thành tựu và đặc điểm âm nhạc trường phái cổ điển viên 3. Một số khái niệm về liên khúc Sonata cổ điển 4. Nhạc sĩ Gluck và sự cải cách nhạc kịch 5. Nhạc sĩ JoSeph Haydn (GiôDEep Hay Đon) 6. Nhạc sĩ Wolfgang Amadeus MoZart (Voongang Amađê Môda) 7. Ludwig van Beethoven (Lutvich van Bê tô ven)	Thảo luận nhóm	A1 A2	[1] [2] [4] [5]
LLO2 LLO8	* Nội dung bài tập (1 tiết) 1. Khái quát âm nhạc nửa sau thế kỷ XVIII, chủ nghĩa âm nhạc cổ điển và trường phái âm nhạc cổ điển viên 2. Thành tựu và đặc điểm âm nhạc trường phái cổ điển viên 3. Một số khái niệm về liên khúc Sonata cổ điển 4. Nhạc sĩ Gluck và sự cải cách nhạc kịch 5. Nhạc sĩ JoSeph Haydn (GiôDEep Hay Đon) 6. Nhạc sĩ Wolfgang Amadeus MoZart (Voongang Amađê Môda) 7. Ludwig van Beethoven (Lutvich van Bê tô ven)	Làm bài tập cá nhân	A1 A2	[1] [2] [4] [5]
LLO2	* Nội dung thực hành (2 tiết)	Thực	A1	[1]

LLO8	1. Khái quát âm nhạc nửa sau thế kỷ XVIII, chủ nghĩa âm nhạc cổ điển và trường phái âm nhạc cổ điển viên 2. Thành tựu và đặc điểm âm nhạc trường phái cổ điển viên 3. Một số khái niệm về liên khúc Sonata cổ điển 4. Nhạc sĩ Gluck và sự cải cách nhạc kịch 5. Nhạc sĩ JoSepp Haydn (GiôDEep Hay Đon) 6. Nhạc sĩ Wolfgang Amadeus MoZart (Voongang Amađê Môda) 7. Ludwig van Beethoven (Lutvich van Bê tô ven)	hành-luyện tập	A2	[2] [4] [5]
LLO2 LLO8 LLO9	B. Nội dung tự học: (15.5 tiết) - Hoàn thành bài tập trong vở giao bài tập. - Ôn tập nội dung đã học. - Đọc tài liệu nội dung chương 3.		A1	
Chương 5: GIỚI THIỆU ÂM NHẠC LÃNG MẠN THẾ KỶ XIX				
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (8 tiết) * Nội dung lí thuyết: (5 tiết) 5.1. Chủ nghĩa lãng mạn – Trường phái Âm nhạc lãng mạn 5.1.1. Hoàn cảnh ra đời của trường âm nhạc lãng mạn 5.1.2. Nội dung, đề tài, quan điểm thẩm mỹ, phương pháp sáng tác của trường phái âm nhạc lãng mạn 5.2. Âm nhạc lãng mạn Áo – Đức 5.2.1. Hoàn cảnh lịch sử 5.2.2. Đặc điểm âm nhạc và các thành tựu 5.2.3. Một số nhạc sĩ tiêu biểu 5.3. Âm nhạc lãng mạn Pháp 5.3.1. Hoàn cảnh lịch sử 5.3.2. Đặc điểm âm nhạc và các thành tựu 5.3.3. Một số nhạc sĩ tiêu biểu 5.4. Âm nhạc Ý 5.4.1. Hoàn cảnh lịch sử 5.4.2. Đặc điểm và thành tựu âm nhạc 5.4.3. Một số nhạc sĩ tiêu biểu	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1 A3 A4	[1] [2] [4] [5]
	* Nội dung thảo luận (0 tiết)			
LLO2 LLO8	* Nội dung bài tập (1 tiết) 1. Chủ nghĩa lãng mạn – Trường phái Âm	Làm bài tập cá nhân	A1 A2	[1] [2]

	nhạc lãng mạn 2. Âm nhạc lãng mạn Áo – Đức 3. Âm nhạc lãng mạn Pháp 4. Âm nhạc Ý			[4] [5]
LLO2 LLO8	* Nội dung thực hành (2 tiết) 1. Chủ nghĩa lãng mạn – Trường phái Âm nhạc lãng mạn 2. Âm nhạc lãng mạn Áo – Đức 3. Âm nhạc lãng mạn Pháp 4. Âm nhạc Ý	Thực hành- luyện tập	A1 A2	[1] [2] [4] [5]
LLO2 LLO8 LLO9	B. Nội dung tự học: (15 tiết) - Hoàn thành bài tập trong vở giao bài tập. - Ôn tập nội dung đã học. - Đọc tài liệu nội dung chương 3.		A1	[1] [2] [4] [5]
Chương 6: GIỚI THIỆU SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC TRƯỜNG PHÁI ÂM NHẠC DÂN TỘC THỜI KỲ LÃNG MẠN THẾ KỶ XIX				
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (7 tiết) * Nội dung lí thuyết: (4 tiết) 6.1. Âm nhạc Ba Lan: Nhạc sĩ Frédéric Chopin (Frédéric Sôpanh) 6.1.1. Tiểu sử 6.1.2. Sự nghiệp sáng tác của Chopin 6.1.3. Các tác phẩm tiêu biểu 6.2. Âm nhạc Hungary: Nhạc sĩ Franz Liszt (Frăng Lixit) 6.2.1. Tiểu sử 6.2.2. Sự nghiệp sáng tác 6.3. Âm nhạc Tiệp: Nhạc sĩ Antonin Dvorak (1841-1904). 6.3.1. Tiểu sử 6.3.2. Sự nghiệp sáng tác. 6.4. Âm nhạc Na Uy: Nhạc sĩ Edvard Grieg Dvarg (Etva Grich) 6.4.1. Tiểu sử 6.4.2. Sáng tác tiêu biểu của Grieg 6.5. Âm nhạc Nga: Nhạc sĩ Piotrilyich Tchaikovsky (Piôt ilich Traicôpxky) 6.5.1. Tiểu sử 6.5.2. Sự nghiệp sáng tác của Piotrilyich Tchaikovsky	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1 A3 A4	[1] [2] [4] [5]
LLO2	* Nội dung thảo luận (0 tiết)	Thảo luận	A1	[1]

LLO8	1. Âm nhạc Ba Lan: Nhạc sĩ Frédéric Chopin (Frédéric Sôpanh) 2. Âm nhạc Hungary: <i>Nhạc sĩ Franz Liszt (Frantz Lixit)</i> 3. Âm nhạc Tiệp: <i>Nhạc sĩ Antonin Dvorak(1841-1904).</i> 4. Âm nhạc Na Uy: Nhạc sĩ <i>Edvard Grieg Dvarg (Etva Grich)</i> 5. Âm nhạc Nga: Nhạc sĩ Piotrilich Tchaikovsky (Piôt ilichTraicôpxky)	nhóm	A2	[2] [4] [5]
LLO2 LLO8	* Nội dung bài tập (1 tiết) 1. Âm nhạc Ba Lan: Nhạc sĩ Frédéric Chopin (Frédéric Sôpanh) 2. Âm nhạc Hungary: <i>Nhạc sĩ Franz Liszt (Frantz Lixit)</i> 3. Âm nhạc Tiệp: <i>Nhạc sĩ Antonin Dvorak(1841-1904).</i> 4. Âm nhạc Na Uy: Nhạc sĩ <i>Edvard Grieg Dvarg (Etva Grich)</i> 5. Âm nhạc Nga: Nhạc sĩ Piotrilich Tchaikovsky (Piôt ilichTraicôpxky)	Làm bài tập cá nhân	A1 A2	[1] [2] [4] [5]
LLO2 LLO8	* Nội dung thực hành (2 tiết) 1. Âm nhạc Ba Lan: Nhạc sĩ Frédéric Chopin (Frédéric Sôpanh) 2. Âm nhạc Hungary: <i>Nhạc sĩ Franz Liszt (Frantz Lixit)</i> 3. Âm nhạc Tiệp: <i>Nhạc sĩ Antonin Dvorak(1841-1904).</i> 4. Âm nhạc Na Uy: Nhạc sĩ <i>Edvard Grieg Dvarg (Etva Grich)</i> 5. Âm nhạc Nga: Nhạc sĩ Piotrilich Tchaikovsky (Piôt ilichTraicôpxky)	Thực hành-luyện tập	A1 A2	[1] [2] [4] [5]
LLO2 LLO8 LLO9	B. Nội dung tự học: (14 tiết) - Hoàn thành bài tập trong vở giao bài tập. - Ôn tập nội dung đã học. - Đọc tài liệu nội dung chương 3.		A1	
Phần 2: LỊCH SỬ ÂM NHẠC VIỆT NAM (20 Tiết)				
Chương 1: Sơ lược âm nhạc trong buổi đầu dựng nước và giữ nước				
LLO2 LLO8 LLO9	A. Nội dung thực hiện trên lớp (7tiết) * Nội dung lí thuyết: (5 tiết)	Thuyết trình kết hợp với	A1 A2	[3] [6] [7]

	<i>I. Âm nhạc thời đại Hùng Vương</i> 1.1. Bối cảnh chung 1.2. Sinh hoạt âm nhạc thời đại Hùng Vương 1.3. Nhạc khí thời đại Hùng Vương 1.4. Một vài nét về các cư dân ở ngoài biên giới phía Nam của nước Văn Lang – Âu Lạc và âm nhạc của họ 1.5. Đặc trưng âm nhạc thời đại Hùng Vương và ý nghĩa lịch sử của âm nhạc trong giai bắt đầu dựng nước đối với lịch sử âm nhạc Việt Nam <i>II: Âm nhạc thời Bắc thuộc và chống Bắc thuộc</i> 2.1. Cuộc thử lửa đầu tiên 2.2. Những biến chuyển và sự hình thành những yếu tố mới có ảnh hưởng tới sự phát triển âm nhạc 2.3. Về Phù Nam và Champa – Âm nhạc Phù Nam – Chân Lạp và âm nhạc Champa 2.4. Vị trí của giai đoạn Bắc thuộc và chống Bắc thuộc trong lịch sử âm nhạc Việt Nam đoạn bắt đầu dựng nước đối với lịch sử âm nhạc Việt Nam	trình chiếu.		
	* Nội dung thảo luận (0 tiết)			
LLO2 LLO8 LLO9	* Nội dung bài tập (1 tiết) 1. Đặc trưng âm nhạc thời đại Hùng Vương và ý nghĩa lịch sử của âm nhạc trong giai bắt đầu dựng nước đối với lịch sử âm nhạc Việt Nam 2. Âm nhạc Phù Nam – Chân Lạp và âm nhạc Champa?	Tự luyện	A1 A2	[3] [6] [7]
LLO2 LLO8 LLO9	* Nội dung thực hành (1 tiết) <i>Sưu tầm những tác phẩm âm nhạc và tư liệu liên quan.</i>	Thực hành	A1 A2	[3] [6] [7]
LLO2 LLO8 LLO9	B. Nội dung tự học: (14 tiết) - Hoàn thành bài tập trong vở giao bài tập. - Ôn tập nội dung đã học. - Đọc tài liệu nội dung chương	Tự luyện	A1 A2	[3] [6] [7]
Chương 2: Âm nhạc trong thời kỳ xây dựng quốc gia phong kiến độc lập tự chủ và bảo vệ đất nước chống những cuộc xâm lăng của phong kiến phương Bắc				

LLO2 LLO8 LLO9	A. Nội dung thực hiện trên lớp (9 tiết) * Nội dung lí thuyết: (5tiết) <i>I. Âm nhạc trong thời đầu xây dựng và củng cố quốc gia phong kiến độc lập tự chủ</i> 1.1. Bối cảnh chung và diễn trình lịch sử Việt Nam 1.2. Sự phát triển phong phú của các thể loại ca nhạc dân gian 1.3. Âm nhạc cung đình 1.4. Nhạc khí mới và những tổ chức dàn nhạc dưới thời Lý – Trần 1.5. Bước đầu tiếp thu một số yếu tố âm nhạc Trung Hoa. Trên con đường xây dựng lý thuyết và hệ thống đào tạo âm nhạc 1.6. Cuộc xâm lăng của Quân Minh <i>II. Âm nhạc trong giai đoạn cực thịnh chuyển sang suy thoái và suy sụp của chế độ phong kiến ở Việt Nam (Từ giữa thế kỷ XV đến giữa thế kỷ XIX)</i> <i>Âm nhạc thời Lê</i> 2.1. Bối cảnh chung và diễn trình lịch sử âm nhạc 2.2. Các tổ chức dàn nhạc và nhạc khí 2.3. Các thể loại ca múa nhạc và bài bản tiết mục 2.4. Hát cửa đình và các nhánh của nó 2.5. Nghệ thuật sân khấu chèo và tuồng bước vào giai đoạn tác giả và tác phẩm <i>Âm nhạc thời Nguyễn</i> 2.6. Bối cảnh và tình hình chung về âm nhạc 2.7. Các tổ chức dàn nhạc và nhạc khí 2.8. Một số thể loại ca nhạc và bài bản 2.9. Nghệ thuật sân khấu cổ truyền	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.		
	* Nội dung thảo luận (1 tiết) Hát cửa đình và các nhánh của nó?	Tự luyện	A1 A2	[3] [6] [7]
	* Nội dung bài tập (1 tiết)	Tự luyện	A1	[3]

	Nhạc khí mới và những tổ chức dàn nhạc dưới thời Lý – Trần?		A2	[6] [7]
LLO2 LLO8 LLO9	* Nội dung thực hành (2 tiết) <i>Sưu tầm những tác phẩm âm nhạc và tư liệu hình ảnh liên quan bài học.</i>	Thực hành	A1 A2	[3] [6] [7]
LLO2 LLO8 LLO9	B. Nội dung tự học: (15 tiết) - Hoàn thành bài tập trong vở giao bài tập. - Ôn tập nội dung đã học. - Đọc tài liệu nội dung chương	Tự luyện tập	A1 A2	
Chương 3: Âm nhạc Việt Nam trong cuộc đụng độ với những cuộc xâm lăng của Phương Tây và đấu tranh giành độc lập thống nhất xây dựng chủ nghĩa xã hội				
LLO2 LLO8 LLO9	A. Nội dung thực hiện trên lớp (9 tiết) * Nội dung lí thuyết: (5 tiết) 1.1. Giai đoạn từ giữa thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX 1.2. Giai đoạn từ đầu thế kỷ XX đến Cách mạng tháng Tám 1.3. Phong trào cách tân sân khấu truyền thống và sự ra đời của những hình thức sân khấu dân tộc mới 1.4. Phong trào sáng tác mới theo phương pháp Ây Tây. Sự ra đời và phát triển của “âm nhạc cải cách” cho tới Cách mạng tháng Tám năm 1945 1.5. Một vài nét về sự thay đổi và cải biến trong lĩnh vực ký âm và nhạc cụ 1.6. Vài nét khái quát về tình hình phát triển âm nhạc từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 cho tới nay	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1 A2	[3] [6] [7]
LLO2 LLO8 LLO9	* Nội dung thảo luận (1 tiết) Phong trào cách tân sân khấu truyền thống và sự ra đời của những hình thức sân khấu dân tộc mới?	Tự luyện	A1 A2	[3] [6] [7]
LLO2 LLO8 LLO9	* Nội dung bài tập (1 tiết) Phong trào sáng tác mới theo phương pháp Ây Tây. Sự ra đời và phát triển của “âm nhạc cải cách” cho tới Cách mạng tháng Tám năm 1945	Tự luyện	A1 A2	[3] [6] [7]
LLO2 LLO8 LLO9	* Nội dung thực hành (2 tiết) <i>Sưu tầm những tác phẩm âm nhạc và tư liệu hình ảnh liên quan bài học.</i>	Tự luyện	A1 A2	[3] [6] [7]

LLO2	B. Nội dung tự học: (15 tiết)	Tự luyện		[3]
LLO8	- Hoàn thành bài tập trong vở giao bài tập.		A1	[6]
LLO9	- Ôn tập nội dung đã học.		A2	[7]
	- Đọc tài liệu nội dung chương			

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Bảng tốt, đủ ánh sáng.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy chiếu, loa mic, Đàn phím điện tử.
- Điều kiện khác:

8.26. Hoà âm (59EUP331)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	30	60
2	Bài tập	10	15
3	Thực hành	15	22,5
4	Thảo luận	5	5
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		60	102,5

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Lý thuyết Âm nhạc cơ bản
- Học phần học song hành:
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật; Khoa Giáo dục Tiểu học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
23.	TS. Nguyễn Thanh Tiến	0971954333	tiennt@tnue.edu.vn
24.	ThS. Nguyễn Văn Thiều	0988268558	thieunv@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức:

CO1. Trình bày được khái quát một số khái niệm cơ bản liên quan đến môn học

CO2. Trình bày được cấu tạo, hệ thống chức năng của hợp âm ba chính trong điệu thức, hợp âm sáu của hợp âm ba chính và phương pháp phối bè.

CO3. Trình bày được phương pháp phối hoà âm cho bè giai điệu, bè trầm, công năng; vòng kết, thêu lướt.

* Về kĩ năng

CO4. Kỹ năng phối hoà âm cho bè giai điệu

CO5. Kỹ năng phối hoà âm cho bè trầm

CO6. Kỹ năng phối hoà âm cho công năng

CO7. kỹ năng phối các loại hợp âm sáu bốn, thêu và lướt, hợp âm 7 át.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO8. Thực hiện đúng nội quy của lớp, trường và quy định về đạo đức nhà giáo ở trường tiểu học.

CO9. Vận dụng được các kiến thức về âm nhạc, mỹ thuật để hoạt động cá nhân, nhóm và có khả năng tự học và sáng tạo.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Trình bày được những khái niệm hàng âm, bậc cơ bản của hàng âm, các quãng tám; Âm ổn định và không ổn định; Hòa âm, chồng âm, hợp âm; Các loại hợp âm và tên gọi của chúng.	PLO1 PLO2 PLO3
	CLO2	Trình bày được những khái niệm Âm ổn định và không ổn định trong hệ thống điệu thức.	PLO1 PLO2 PLO3
	CLO3	Trình bày được những khái niệm hợp âm, chồng âm, hoà âm và một số khái niệm khác.	PLO1 PLO2 PLO3
CO2	CLO4	Trình bày được các hợp âm ba chính của điệu trưởng và thứ; Vòng công năng hòa âm; Cách sắp xếp hòa âm bốn bè; Hệ thống công năng của các hợp âm ba chính của điệu trưởng và thứ; Cách nối tiếp các hợp âm ba chính; Cách nối tiếp các hợp âm sáu.	PLO1 PLO2 PLO3
CO3	CLO5	Trình bày được phương pháp phối hợp âm cho bè giai điệu, bè trầm, công năng, các hợp âm sáu bốn, hợp âm bảy át, thêu, lướt.	PLO1 PLO2 PLO3
Kỹ năng			
CO4	CLO6	Sinh viên có kỹ năng phối hoà âm 4 bè cho giai điệu	PLO10 PLO12
CO5	CLO7	Sinh viên có kỹ năng phối hoà âm 4 bè cho bè trầm	PLO10 PLO12
CO6	CLO8	Sinh viên có kỹ năng phối hoà âm 4 bè cho công năng	PLO10 PLO12
CO7	CLO9	Sinh viên có kỹ năng phối các loại hợp âm sáu bốn, thêu và lướt, hợp âm 7 át.	PLO10 PLO11 PLO12 PLO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			

CO8	CLO10	Năng lực tự chủ Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.	PLO4 PLO5 PLO14
CO9	CLO11	Năng lực trách nhiệm Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Hoàn thành đầy đủ bài tập do thầy cô giao. Tham gia các hoạt động âm nhạc tập thể một cách tích cực.	PLO6 PLO15

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x	x	x												
CLO2	x	x	x												
CLO3	x	x	x												
CLO4	x	x	x												
CLO5	x	x	x												
CLO6										x	x				
CLO7										x	x				
CLO8										x	x				
CLO9										x	x	x	x		
CLO10				x	x									x	
CLO11						x									x
MDG	2	2	2	1	1	1	0	0	0	2	2	1	1	1	1

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

* Tiếng Việt

Học phần giới thiệu từ khái niệm chồng âm, hợp âm đến những nguyên tắc phân loại và tiến hành bè, phối hoà âm trong bài tập âm nhạc và tác phẩm âm nhạc.

* Tiếng Anh

The introductory course ranges from the concepts of superposition and chords to the principles of classifying and conducting parts and harmonies in music exercises and musical works.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp, 100% giờ học trực tuyến (nếu có), đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành bài thực hành cá nhân.
- Kiểm tra định kỳ: Dự và thực hiện kiểm tra định kì đúng lịch.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- *Đánh giá theo thang 10 điểm.*
- Hình thức đánh giá:
 - A1: Chuyên cần;
 - A2: Thực hành;
 - A3: Kiểm tra định kỳ;
 - A4: Thi kết thúc học phần.
- Đánh giá quá trình:
 - + Trọng số điểm: 50% [*Chuyên cần 10%; Thực hành cá nhân 20%, bài kiểm tra định kỳ 20% (thực hành)*].
 - + Hình thức: Đánh giá qua thực hành cá nhân.
- Thi kết thúc học phần: Trọng số điểm: 50%; Hình thức: *Tự luận*

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần		01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-9
4	A2. Thực hành		01	Đáp án, thang điểm	CLO 6, 7, 8, 9
5	A3. Bài kiểm tra định kì		02	Đáp án, thang điểm	CLO 3, 4, 5, 6, 7,8
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A4. Tự luận	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 6, 7,8, 9

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1] Hòa âm ứng dụng – Hoàng Hoa – NXB ĐHSP 200

[2] Những bài giảng về Hòa âm (Phạm Minh Khang)

9.2. Tài liệu tham khảo:

[3] Sách giáo khoa Hòa âm (Phạm Tú Hương – Vũ Nhật Thăng – NXB Âm nhạc 1995)

[4] Giáo trình Hòa âm (Lã Hữu Toàn dịch)

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Mô tả khái quát chung về vai trò của môn học, các khái niệm liên quan đến môn học, hệ thống lý luận về hoà âm.
LLO2	Nắm vững các quy tắc về cách sắp xếp và tiến hành phối hoà âm 4 bè
LLO3	Phối hoà âm 4 bè cho giai điệu, bè trầm, công năng
LLO4	Phối hoà âm cho các hợp âm kết, thêu và lướt, hợp âm bảy át

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)										
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
LLO1	x										
LLO2		x		x							
LLO3							x		x		
LLO4							x	x	x		

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Những khái niệm cơ bản về hòa âm				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (4 tiết) * Nội dung lý thuyết: (2 tiết) 1.1. Hệ thống âm nhạc 1.2. Điều thức 1.3. Hòa âm là gì? Những khái niệm ban đầu hợp âm 1.4. Các loại hợp âm và tên gọi	<i>Thuyết trình giảng giải</i>	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2]
LLO1 LLO2	* Nội dung bài tập: (1 tiết) - Bài tập về chồng âm, hợp âm	<i>Thuyết trình giảng giải</i>	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1]
LLO1 LLO2	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (2 tiết) - Bấm và nghe hợp âm trên đàn	<i>Thực hành.</i>	[A2]	[1]
LLO1	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) - Các khái niệm cơ bản về hoà âm, hợp âm	<i>Thuyết trình giảng giải</i>	[A1]	[1] [2] [3] [4]
LLO1 LLO2	B. Nội dung tự học: (10 tiết) Sinh viên học tập theo hướng dẫn và giáo trình môn học.	<i>Thuyết trình giảng giải</i>	[A1]	[1] [2] [3]
Chương 2: Hợp âm ba chính trong điệu thức				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO2 LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (8 tiết) * Nội dung lý thuyết: (4 tiết) 2.1. Các hợp âm ba chính của điệu thức trưởng 2.2. Các hợp âm ba chính của điệu thức thứ 2.3. Vòng công năng của điệu thức trưởng thứ 2.4. Hòa âm bốn bè 2.5. Vị trí giai điệu của hợp âm ba 2.6. Cách sắp xếp của hợp âm ba	<i>Thuyết trình giảng giải</i>	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2]

LLO1 LLO2	* Nội dung bài tập: (1 tiết) - Bài tập về hợp âm ba chính - Sắp xếp hoà âm 4 bè	Thuyết trình giảng giải	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1]
LLO1 LLO2	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (4 tiết) - Luyện bấm và nghe các hợp âm ba chính, hoà âm 4 bè.	Thực hành	[A2]	[1]
LLO1 LLO2	B. Nội dung tự học: (20 tiết) Sinh viên học tập theo hướng dẫn và giáo trình môn học.	Thuyết trình giảng giải	[A1]	[1] [2] [3] [4]
Chương 3: Hệ thống chức năng của các hợp âm ba chính trong điệu thức				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO2 LLO3	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết) * Nội dung lý thuyết: (8 tiết) 3.1. Điệu thức – Chức năng điệu thức 3.2. Hệ thống chức năng của các hợp âm ba trong điệu thức trưởng 3.3. Hệ thống chức năng của các hợp âm ba trong điệu thức thứ 3.4. Sự kết hợp các âm của hợp âm ba gốc trong điệu thức 3.5. Phương pháp kết hợp các hợp âm ba chính 3.6. Hợp âm sáu của các hợp âm ba chính	Thuyết trình giảng giải	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2]
LLO2 LLO3	* Nội dung bài tập: (2 tiết) - Hệ thống chức năng của hợp âm ba - Nối tiếp hợp âm ba, hợp âm sáu	Thuyết trình giảng giải	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1]
LLO3	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (4 tiết) - Phối cho các hợp âm ba, hợp âm sáu	Thực hành.	[A2]	[1]
LLO3	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) - Phương pháp nối tiếp hợp âm ba, hợp âm sáu	Thuyết trình giảng giải	[A1]	[1]
LLO2 LLO3	B. Nội dung tự học: (20 tiết) - Sinh viên học tập theo hướng dẫn và giáo trình môn học.	Thuyết trình giảng giải	[A1]	[1] [2] [3] [4]

Chương 4: Phối hòa âm cho bè giai điệu bằng các hợp âm ba chính				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO2 LLO3	A. Nội dung thực hiện trên lớp (20 tiết) * Nội dung lý thuyết: (12 tiết) 4.1. Phương pháp phối hòa âm cho bè giai điệu bằng các hợp âm ba chính 4.2. Áp dụng sự kết hợp theo lối hòa âm để phối cho bè trầm 4.3. Áp dụng sự kết hợp theo lối giai điệu để phối cho bè trầm 4.4. Áp dụng sự thay đổi vị trí âm để phối cho bè trầm	Thuyết trình giảng giải	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2]
LLO3	* Nội dung bài tập: (4 tiết) - Bài tập phối hoà âm cho giai điệu - Phối hoà âm cho bè trầm	Thuyết trình giảng giải	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1]
LLO3	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (3 tiết) - Phối hoà âm	Thực hành	[A2]	[1]
LLO3	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) - Những nguyên tắc phối hoà âm cho giai điệu và bè trầm.	Thuyết trình giảng giải	[A1]	[1] [2]
LLO3	B. Nội dung tự học: (20 tiết) - Sinh viên học tập theo hướng dẫn và giáo trình môn học.	Thuyết trình giảng giải	[A1]	[1] [2] [3] [4]
Chương 5: Kết đoạn nhạc – Câu nhạc				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO3 LLO4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung lý thuyết: (4 tiết) 5.1. Đặc tính, chức năng của hợp âm bốn sáu kết 5.2. Cách tiến hành bè 5.3. Kết cấu và ký hiệu của hợp âm bảy át 5.4. Sự chuẩn bị của hợp âm bảy át 5.5. Cách áp dụng hợp âm bảy át gốc	Thuyết trình giảng giải	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1]
LLO3 LLO4	* Nội dung bài tập: (2 tiết) - Bài tập hợp âm sáu bốn kết	Thuyết trình giảng giải	[A1] [A2]	

	- Bài tập hợp âm bảy át	<i>giải</i>	[A3] [A4]	
LLO3 LLO4	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (2 tiết) - Phối cho hợp âm K6/4 kết - Phối cho hợp âm bảy át và các thể đảo	<i>Thực hành</i>	[A2]	[1]
LLO3 LLO4	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) - Cấu tạo và chuẩn bị của hợp âm K6/4 và D7	<i>Thuyết trình giảng giải</i>	[A1]	[1] [2]
LLO3 LLO4	B. Nội dung tự học: (12,5 tiết) - Sinh viên học tập theo hướng dẫn và giáo trình môn học.	<i>Thuyết trình giảng giải</i>	[A1]	[1] [2]
Chương 6: Các hợp âm bốn sáu lướt và thêu				
	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO3 LLO4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung lý thuyết: (2 tiết) 6.1. Hợp âm bốn sáu át và chủ lướt 6.2. Cách tiến hành bè 6.3. Các hợp âm bốn sáu hạ át và chủ thêu 6.4. Phương pháp tiến hành bè 6.5. Hợp âm bốn sáu thêu ở kết	<i>Thuyết trình giảng giải</i>	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1]
LLO3 LLO4	* Nội dung bài tập: (2 tiết) - Bài tập hợp âm thêu - Bài tập hợp âm lướt	<i>Thuyết trình giảng giải</i>	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1]
LLO3 LLO4	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (8 tiết) - Phối vòng hoà âm thêu và lướt	<i>Thực hành</i>	[A2]	[1]
LLO3 LLO4	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) - Nguyên tắc phối cho hợp âm thêu và lướt	<i>Thuyết trình giảng giải</i>	[A1]	[1] [2] [3] [4]
LLO3 LLO4	B. Nội dung tự học: (10 tiết) - Sinh viên học tập theo hướng dẫn và giáo trình môn học.	<i>Thuyết trình giảng giải</i>	[A1]	[1] [2]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học thực hành có đàn piano hoặc đàn phím điện tử, Bảng viết có kẻ các khuông nhạc.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, loa, đài.
- Điều kiện khác:

8.27. Hát dân ca (60INS221)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	5	10
2	Bài tập	10	15
3	Thực hành	40	60
4	Thảo luận	5	5
Tổng		60	90

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Nghệ thuật; Khoa Giáo dục Tiểu học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
25.	Th.S. Lương Ngọc Quỳnh	0913967828	quynhln@tnue.edu.vn
26.	Th.S. Đỗ Linh Chi	0988808489	Chidtl@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức:

CO1. Trình bày được khái niệm, nguồn gốc. Nội dung và những đặc điểm nghệ thuật trong dân ca. Vai trò của dân ca trong đời sống văn hoá Việt Nam

CO2. Phân biệt được các thể loại dân ca tiêu biểu theo vùng, miền, theo chủ đề, theo hình thức thể hiện.

CO3. Diễn xướng được một số bài hát ở các thể loại dân ca tiêu biểu: Dân ca vùng đồng bằng và Trung du Bắc Bộ; Dân ca một số dân tộc miền núi phía Bắc; Dân ca miền Trung và Tây Nguyên; Dân ca Nam Bộ

* Về kỹ năng

CO4. Thể hiện được các kỹ năng hát cơ bản như: Hơi thở, phát âm, cộng hưởng, luyện láy rung giọng.

CO5. Thể hiện cảm xúc, tương tác giao lưu với khán giả.

CO6. Thể hiện được kỹ năng hát dân ca theo các hình thức khác nhau

CO7. Cảm thụ (Hiểu biết về văn hoá, cảm thụ âm nhạc, liên hệ thực tế)

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO8. Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.

CO9. Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Hoàn thành đầy đủ bài tập do thầy cô giáo. Tham gia các hoạt động âm nhạc tập thể một cách tích cực.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Trình bày được khái niệm, nguồn gốc. Nội dung và những đặc điểm nghệ thuật trong dân ca. Vai trò của dân ca trong đời sống văn hoá Việt Nam	PLO1 PLO3 PLO8
	CLO2	Phân biệt được các thể loại dân ca tiêu biểu.	PLO1 PLO3 PLO5 PLO8
	CLO3	Diễn xướng được một số bài hát ở các thể loại dân ca tiêu biểu.	PLO1 PLO3 PLO8
CO2	CLO4	Phân biệt được các thể loại dân ca tiêu biểu theo vùng, miền, theo chủ đề, theo hình thức thể hiện..	PLO1 PLO3 PLO7 PLO8
CO3	CLO5	Diễn xướng được một số bài hát ở các thể loại dân ca tiêu biểu: Dân ca vùng đồng bằng và Trung du Bắc Bộ; Dân ca một số dân tộc miền núi phía Bắc; Dân ca miền Trung và Tây Nguyên; Dân ca Nam Bộ	PLO1 PLO3 PLO8
	Kỹ năng		
CO4	CLO6	Thể hiện được các kỹ năng hát cơ bản như: Hơi thở, phát âm, cộng hưởng, luyện lách rung giọng.	PLO3 PLO8 PLO10 PLO12 PLO13 PLO15
CO5	CLO7	Có kỹ năng trình diễn: Thể hiện cảm xúc, tương tác giao lưu với khán giả.	PLO3 PLO8 PLO10 PLO11 PLO12 PLO13 PLO15

CO6	CLO8	Thể hiện được kỹ năng hát dân ca theo các hình thức khác nhau	PLO3 PLO8 PLO10 PLO12 PLO13 PLO15
CO7	CLO9	Có kỹ năng cảm thụ: Hiểu biết về văn hoá, cảm thụ âm nhạc, liên hệ thực tế	PLO3 PLO8 PLO10 PLO12 PLO13 PLO15
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO8	CLO10	Năng lực tự chủ Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.	PLO14
CO9	CLO11	Năng lực trách nhiệm Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Hoàn thành đầy đủ bài tập. Tham gia các hoạt động âm nhạc tập thể một cách tích cực.	PLO14 PLO15

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x		x					x							
CLO2	x		x		x			x							
CLO3	x		x					x							
CLO4	x		x				x	x							
CLO5	x		x					x							
CLO6			x					x		x		x	x		x
CLO7			x					x		x	x	x	x		x
CLO8			x					x		x		x	x		x

CLO9			x					x		x		x	x		x
CLO10														x	
CLO11														x	x
MDG	2	0	3	0	0	0	0	3	0	2	0	0	2	1	2

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn *Hát dân ca* là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo hệ ĐHSP Âm nhạc. Mục đích, yêu cầu của môn *Hát dân ca* là giúp SV sau khi tốt nghiệp ra trường, có kiến thức hiểu biết về kho tàng dân ca Việt Nam, có khả năng diễn xướng một số thể loại dân ca tiêu biểu theo vùng, miền, qua đó góp phần bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật cổ truyền của dân tộc. Với mong muốn đáp ứng được nhu cầu thực tiễn đời sống cũng như góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Đáp ứng mục tiêu của môn học, nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành đào tạo hệ ĐHSP Âm nhạc, Trường ĐHSP Thái Nguyên theo chương trình khung của Bộ giáo dục & Đào tạo.

Folk Singing is a mandatory subject in the training program for the Music Education major. The purpose and requirements of the Folk Singing course are to help students, upon graduation, gain knowledge about the treasure of Vietnamese folk songs and develop the ability to perform various typical folk song genres from different regions, thereby contributing to the preservation and promotion of the traditional artistic values of the nation. With the desire to meet the practical needs of life as well as to enhance the quality of training, the course aims to meet the output standards of the Music Education program, in accordance with the framework set by the Ministry of Education and Training.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp, 100% giờ học trực tuyến (nếu có). Tìm hiểu về dân ca, đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên. Tích cực tham gia các hoạt động âm nhạc.

- Thực hành: Hoàn thành bài thực hành cá nhân (Thực hiện các bài tập thanh nhạc, học thuộc lời và giai điệu của các bài dân ca, Tìm hiểu thêm về các loại nhạc cụ, nghiên cứu về phong cách biểu diễn dân ca, tham gia vào các hoạt động nghiên cứu).

- Kiểm tra định kỳ: Dự và thực hiện kiểm tra định kì đúng lịch.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

* *Đánh giá theo thang 10 điểm.*

- Hình thức đánh giá:

A1: Chuyên cần;

A2: Thực hành;

A3: Kiểm tra định kỳ;

A4: Thi kết thúc học phần.

- Đánh giá quá trình:

+ Trọng số điểm: 50% [*Chuyên cần 10%; Thực hành cá nhân 20%, bài kiểm tra định kỳ 20% (thực hành)*].

+ Hình thức: Đánh giá qua thực hành cá nhân.

- Thi kết thúc học phần: Trọng số điểm: 50%; Hình thức: *Thực hành*

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần		01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-9
2	A2. Thực hành		01	Đáp án, thang điểm	CLO 6, 7, 8, 9
3	A3. Bài kiểm tra định kì		01	Đáp án, thang điểm	CLO 3, 5, 6, 7,8
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
4	A4. Thực hành	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 6, 7,8, 9

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%

Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập

[1] **Chuyên đề Âm nhạc – Dân ca Việt Nam** (2020), Trường ĐHSP Thái Nguyên

9.1. TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. **Bộ Giáo dục và đào tạo** (2018), *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT* “Về chương trình giáo dục phổ thông - *Chương trình tổng thể*”.

[2]. **Chuyên đề Âm nhạc – Dân ca Việt Nam** (2020), Trường ĐHSP Thái Nguyên

[3]. **PGS. Nguyễn Trung Kiên** (2001), *Phương pháp sư phạm Thanh nhạc*, Nhạc viện Hà Nội - Viện Âm nhạc, Hà Nội..

[4]. **Đào Ngọc Dung** (2003), *Dân ca làn điệu phát triển*, Nxb Thanh Niên.

[5]. **Quang Phác – Đào Ngọc Dung** (2001), *Dân ca Việt Nam, những làn điệu Dân ca nổi tiếng phổ biến khắp nơi*, Nxb Hà Nội.

[6]. **Văn Tiến – Phương Loan** (2006), *Dân ca Việt Nam những làn điệu dân ca phổ biến*, Nxb Âm nhạc.

[7]. **Xuân Khải** (2006), *Tuyển chọn 100 bài dân ca ba miền*, Nxb Thanh Niên.

[8]. **Lê Quốc Thắng** (2001), *Tuyển tập nhạc Dân ca ba miền*, Nxb Mũi Cà Mau

[9]. **Hồng Thao** (1997), *Âm nhạc Dân tộc H'Mông*, Nxb Văn hoá Dân tộc.

[10]. **Tô Ngọc Thanh** (1979), *Dân ca Thái*, Nxb Văn Hoá.

[11] **Lê Trung Vũ** (1975). *Dân ca Lô Lô*, Nxb Văn Hoá

9.2. Website

[1]. [https:// tranquanghai.info](https://tranquanghai.info), p566-so-luoc-...

[2]. www.spnttw.edu.vn/Pages/ArticleDetail.aspx,

[3]. <https://vnuhcmppress.edu.vn/Giao-trinh-Hat-dan-ca-Danh-cho-dai-hoc-su-pham-am-nhac-b41867.html>

9.3. Đĩa VCD, DVD, CD

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Khái quát chung về Dân ca Việt Nam
LLO2	Nội dung, đặc điểm nghệ thuật trong dân ca.
LLO3	Phân loại về dân ca
LLO4	Giá trị của dân ca trong đời sống con người, bảo tồn và phát huy lối hát cổ truyền
LLO5	Học hát một số thể loại dân ca tiêu biểu
LLO6	Dân ca vùng Đồng bằng và Trung du Bắc Bộ
LLO7	Dân ca một số dân tộc vùng núi phía Bắc.
LLO8	Dân ca Trung Bộ và Tây Nguyên
LLO9	Dân ca Nam Bộ.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)										
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
LLO1	x										
LLO2	x	x		x	x						
LLO3	x	x		x							
LLO4	x		x								x
LLO5			x		x	x	x	x	x	x	x
LLO6		x	x		x	x	x	x	x		
LLO7		x	x		x	x	x	x	x		
LLO8		x	x		x	x	x	x	x		x
LLO9		x	x		x	x	x	x	x		x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Khái quát về Dân ca Việt Nam				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	

LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (5 tiết) * Nội dung lý thuyết: (5 tiết) 1.1. Một số vấn đề chung về dân ca Việt Nam.	Thuyết trình	[A1]	[2] [12]
LLO2	1.2. Nội dung, đặc điểm nghệ thuật trong dân ca.	Thuyết trình	[A1]	[2]
LLO3	1.3. Phân loại dân ca Việt Nam	Thuyết trình	[A1]	[2]
LLO4	1.4. Giá trị của dân ca, bảo tồn và phát huy lối hát cổ truyền	Thuyết trình	[A1]	[2]
	B. Nội dung tự học: (10 tiết) Sinh viên nghiên cứu tài liệu		[A1]	[2]
Chương 2: Học hát một số thể loại Dân ca tiêu biểu				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO5	A. Nội dung thực hiện trên lớp (2 tiết) * Nội dung lý thuyết: (2 tiết) 2.1. Giới thiệu về một số thể loại dân ca tiêu biểu. * Nội dung thảo luận: (2 tiết) – Tự học: (4 tiết) * Bài tập: (2 tiết) – Tự học: (3 tiết)	Thuyết trình	[A1] [A2]	[2] [2]
	B. Nội dung tự học: (4 tiết) Sinh viên nghiên cứu tài liệu	Thực hành	[A1]	[2]
LLO6	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung thực hành: (10 tiết) 2.2. Học hát Dân ca vùng Đồng bằng và Trung du Bắc Bộ * Nội dung thảo luận: (2 tiết) – Tự học: (4 tiết) * Bài tập: (2 tiết) – Tự học: (3 tiết)	Thực hành	[A2]	[2] [5] [6] [7] [8]
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) Sinh viên ôn luyện bài hát và tập diễn xướng.	Thực hành	[A1]	[5] [6]
LLO7	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung thực hành: (10 tiết) 2.3. Dân ca một số dân tộc vùng núi phía Bắc. * Nội dung thảo luận: (2 tiết) – Tự học: (4 tiết) * Bài tập: (2 tiết) – Tự học: (3 tiết)	Thực hành	[A2]	[2] [5] [6] [7] [8]

	B. Nội dung tự học: (15 tiết) Sinh viên ôn luyện bài hát và tập diễn xướng.	Thực hành	[A1]	[5] [6]
LLO8	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung thực hành: (10 tiết) 2.4. Dân ca Trung Bộ và Tây Nguyên * Nội dung thảo luận: (2 tiết) – Tự học: (4 tiết) * Bài tập: (2 tiết) – Tự học: (3 tiết)	Thực hành	[A2]	[2] [5] [6] [7] [8]
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) Sinh viên ôn luyện bài hát và tập diễn xướng.	Thực hành	[A1]	[5] [6]
LLO9	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung thực hành: (10 tiết) 2.5. Dân ca Nam Bộ. * Nội dung thảo luận: (2 tiết) – Tự học: (4 tiết) * Bài tập: (2 tiết) – Tự học: (3 tiết)	Thực hành	[A2]	[2] [5] [6] [7] [8]
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) Sinh viên ôn luyện bài hát và tập diễn xướng.		[A1]	[5] [6]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học chức năng đảm bảo ánh sáng và không gian
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, loa mic, đài, đàn phím điện tử.
- Điều kiện khác: Phòng cách âm

8.28. Đệm hát (59ACC221)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	10	20
2	Bài tập	0	0
3	Thực hành	40	60
4	Thảo luận	0	0
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		50	80

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Nhạc cụ 3
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật; Khoa Giáo dục Tiểu học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS Nguyễn Văn Thiều	0988268558	thieunv@tnue.edu.vn
2	TS Nguyễn Thanh Tiến	0971954333	tiennt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng:

* Kiến thức

- + Trình bày được những kiến thức cơ bản về đệm hát.
- + Phân tích được các tiết điệu đệm hát.
- + Phối được phần đệm cho ca khúc theo vòng hòa thanh cơ bản.

* Kỹ năng

- + Chọn tiết tấu và âm sắc phù hợp với ca khúc.
- + Chạy nối, phức điệu giữa các câu trong đệm hát.
- + Đệm ca khúc nghi lễ, ca khúc thiếu nhi.
- + Đệm ca khúc nghệ thuật phổ biến.

* Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Năng lực tự chủ

- + Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.

Năng lực trách nhiệm

- + Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Tham gia tích cực vào quá trình học tập học phần khi hoạt động cá nhân, nhóm và có khả năng tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Trình bày được những kiến thức cơ bản về đệm hát.	PLO1 PLO3 PLO8
	CLO2	Phân tích được các hợp âm cơ bản sử dụng trong đệm hát	PLO1 PLO3 PLO8
	CLO3	Phân tích được các tiết điệu thông dụng đệm cho ca khúc trên đàn phím điện tử.	PLO1 PLO3 PLO8
CO2	CLO4	Nêu và phân tích được cách phối nhạc cho phần đệm ca khúc theo vòng hòa thanh cơ bản.	PLO1 PLO3 PLO8

CO3	CLO5	Nêu được những kỹ thuật như chạy nối, phức điệu trong đệm hát.	PLO1 PLO3 PLO8
	Kĩ năng		
CO4	CLO6	Sinh viên có kỹ năng chọn tiết tấu và âm sắc phù hợp với ca khúc thành thạo.	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO5	CLO7	Sinh viên có kỹ năng chạy nối, phức điệu giữa các câu trong đệm hát.	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO6	CLO8	Kỹ năng đệm ca khúc nghi lễ, ca khúc thiếu nhi trên đàn phím điện tử.	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO7	CLO9	Kỹ năng đệm ca khúc nghệ thuật phổ biến trên đàn phím điện tử.	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CO8	CLO10	Năng lực tự chủ Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.	PLO14
CO9	CLO11	Năng lực trách nhiệm Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Hoàn thành đầy đủ bài tập. Tham gia các hoạt động âm nhạc tập thể một cách tích cực.	PLO15

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x		x		x			x			x				

CLO2	x		x		x			x			x				
CLO3	x		x		x			x						x	
CLO4	x		x		x		x	x						x	
CLO5	x		x				x	x							
CLO6			x			x		x	x	x			x		x
CLO7			x			x		x	x	x			x		x
CLO8			x	x		x		x		x			x		x
CLO9		x	x			x		x		x		x	x		x
CLO10		x		x								x		x	
CLO11		x		x								x		x	x
MDG	3	2	3	2	2	2	1	3	1	2	1	2	2	1	3

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học đệm hát giúp sinh viên có những kiến thức và kỹ năng cơ bản khi đệm một bản nhạc. Qua đó sinh viên vận dụng đệm được những tác thiếu nhi và các tác phẩm nghệ thuật khác có sử dụng phần đệm hợp âm của đàn phím điện tử đáp ứng được nhu cầu thực tiễn của đời sống cũng như nhu cầu cấp thiết của việc đổi mới giáo dục toàn diện.

The course of singing accompaniment helps students have basic knowledge and skills when accompanying a piece of music. Through that, students can apply the accompaniment of ritual works, children's works and other works of art using the chord accompaniment of electronic keyboards to meet the practical needs of life as well as the urgent needs of comprehensive educational innovation.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp, 100% giờ học trực tuyến (nếu có), đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành bài thực hành cá nhân.
- Kiểm tra định kỳ: Dự và thực hiện kiểm tra định kì đúng lịch.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- Đánh giá theo thang 10 điểm.
 - Hình thức đánh giá:
- A1: Chuyên cần;

- A2: Thực hành;
A3: Kiểm tra định kỳ;
A4: Thi kết thúc học phần.

- Đánh giá quá trình:
+ Trọng số điểm: 50% (*Chuyên cần 10%; Thực hành cá nhân 20%, bài kiểm tra định kỳ 20%*).
+ Hình thức: Đánh giá qua thực hành cá nhân.
- Thi kết thúc học phần: Trọng số điểm: 50%; Hình thức: *Thực hành*

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần		01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-9
4	A2. Thực hành		01	Đáp án, thang điểm	CLO 6, 7, 8, 9
5	A3. Bài kiểm tra định kỳ		01	Đáp án, thang điểm	CLO 3, 4, 5, 6, 7,8
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A4. Thực hành	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 6, 7,8, 9

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

- [1]. Nguyễn Văn Thiều (2021), *Giáo trình đệm hát*, Nxb Công Thương.
- [2]. Ngô Ngọc Thắng (1997), *Nhạc lý nâng cao thực hành*, Nxb Âm nhạc.
- [3]. Nhiều tác giả (2005), *100 ca khúc chào thế kỷ*, Nxb Thanh niên.
- [4]. Nhiều tác giả (2013), *108 ca khúc truyền thống Hội – Đoàn- Đội*, Nxb Âm nhạc.
- [5]. Cù Minh Nhật (2007), *Organ thực hành cho thiếu nhi*, Nxb Âm nhạc.

9.2. Tài liệu tham khảo: (nếu có)

- [6]. Cù Minh Nhật (2010), *Organ thực hành cho học sinh trung học cơ sở*, Nxb Âm nhạc.
- [7]. Patrick Muolou Art Mickaelian (2003), *1000 hợp âm cho đàn Organ & Piano*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.

9.3. Website

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Khái niệm đệm hát
LLO2	Các hợp âm cơ bản sử dụng đệm trong ca khúc
LLO3	Tiết điệu đệm thông dụng trên đàn phím điện tử
LLO4	Khái niệm về hòa thanh
LLO5	Phối nhạc cho phần đệm ca khúc theo vòng hòa thanh cơ bản
LLO6	Các kỹ thuật trong quá trình đệm hát
LLO7	Thực hành đệm các loại ca khúc

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)										
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
LLO1	x									x	x
LLO2		x								x	x
LLO3			x							x	x
LLO4				x						x	x
LLO5				x						x	x
LLO6							x	x	x	x	x
LLO7						x	x	x	x	x	x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Một số vấn đề cơ bản về đệm hát				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 LLO2 LLO3	A. Nội dung thực hiện trên lớp (3 tiết) * Nội dung lí thuyết: (3 tiết) 1.1. Khái niệm đệm hát 1.2. Các hợp âm cơ bản sử dụng đệm trong ca khúc 1.3 Tiết điệu đệm thông dụng trên đàn phím điện tử.	<i>Giảng giải minh họa.</i>		[1]- [7]
	B. Nội dung tự học: (4 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và trả lời câu hỏi		[A1]	[1]-[2] [4]-[5]
Chương 2: Phối nhạc cho phần đệm ca khúc theo vòng hòa thanh cơ bản				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO4 LLO5	A. Nội dung thực hiện trên lớp (4 tiết) * Nội dung lí thuyết: (4 tiết) 2.1. Khái niệm về hòa thanh 2.2. Phối nhạc cho phần đệm ca khúc theo vòng hòa thanh cơ bản	<i>Giảng giải minh họa.</i>	[A1]	[1]-[2] [3]-[4]
	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (4 tiết) 2.3. Thực hành phối nhạc cho phần đệm ca khúc theo vòng hòa thanh cơ bản.		[A2]	[1]-[2] [3]-[4] [5]-[6] [7]
	B. Nội dung tự học: (4 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và thực hành phối nhạc cho phần đệm chop các ca khúc trong chương trình theo vòng hòa thanh cơ bản.	<i>Thực hành</i>	[A1]	[1]-[2] [3]-[4] [5]-[6] [7]
Chương 3: Thực hành đệm các ca khúc với tiết điệu khác nhau				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO6 LLO7	A. Nội dung thực hiện trên lớp (3 tiết) * Nội dung lí thuyết: (3 tiết) 3.1. Các kỹ thuật trong quá trình đệm hát 3.2. Thực hành đệm các loại ca khúc	<i>Giảng giải minh họa. Thực hành</i>	[A1] [A2]	[1] [3]-[4] [5]-[6] [7]
	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (4 tiết) 3.3. Thực hành Thực hành đệm các loại ca khúc trong chương trình		[A2]	[1] [3]-[4] [5]-[6] [7]

	B. Nội dung tự học: (4 tiết) <i>Đọc tài liệu và thực hành đệm các loại ca khúc trong chương trình</i>	<i>Thực hành</i>	[A1]	[1]-[2] [3]-[4] [5]-[6] [7]
--	---	------------------	------	--------------------------------------

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành đàn phím điện tử
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, loa, đài, đàn phím điện tử.
- Điều kiện khác: Phòng cách âm

8.29. Múa và Biên đạo múa (59COH331)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	10	20
2	Bài tập	20	30
3	Thực hành	40	60
4	Thảo luận	10	10
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		80	120

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: 59BMT231
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật; Khoa Giáo dục Tiểu học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS Hồ Thủy Ngân	0326822868	nganht@tnue.edu.vn
2	ThS Đỗ Thị Linh Chi	0988808489	chidtl@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức:

CO1. Trình bày được đặc trưng ngôn ngữ nghệ thuật múa; kiến thức cơ bản về lịch sử múa, các thể loại múa, nguyên tắc biên đạo, và các yếu tố cấu thành một tác phẩm múa. Mối quan hệ giữa các ngôn ngữ của các loại hình nghệ thuật múa với các loại hình khác.

CO2. Phân tích được quy luật của các động tác cơ bản trong nghệ thuật múa

CO3. Vận dụng được phương pháp để tiến hành phân biên đạo múa.

* Về kỹ năng

CO4. Rèn luyện khả năng cảm thụ âm nhạc, sáng tạo động tác, xây dựng

hình tượng, phối hợp các yếu tố nghệ thuật (âm nhạc, ánh sáng, sân khấu), và trình diễn múa.

CO5. Phát triển các kỹ năng sử dụng, phối hợp các động tác cơ thể trong các loại hình nghệ thuật múa, sắp xếp các động tác phù hợp với đội hình và các điều kiện sân khấu.

CO6. Vận dụng linh hoạt các kỹ năng để kiểm tra đánh giá kết quả học tập và sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện ở nhà trường.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO7. Sinh viên có niềm đam mê với nghệ thuật múa, có tinh thần sáng tạo, tự tin, và làm việc nhóm hiệu quả.

CO8. Nhận thức đúng tầm quan trọng của học phần trong chương trình và vai trò của giáo viên trong phát triển chương trình để định hướng nghệ thuật cho học sinh tại nhà trường.

CO9. Thực hiện đúng các quy định đối với người học, tích cực, chủ động trong nghiên cứu ứng dụng các kiến thức được học vào trong đời sống sinh hoạt.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Trình bày được khái niệm, lịch sử múa về nghệ thuật múa.	PLO1,2,3
	CLO2	Trình bày được các kiến thức các đặc trưng cơ bản, các thể loại múa.	PLO1,2,3
	CLO3	Trình bày được khái niệm, nguyên tắc biên đạo và các yếu tố cấu thành một tác phẩm nghệ thuật múa	PLO1,2,3
CO2	CLO4	Trình bày được các thể loại và hình thức múa khác nhau.	PLO1-6
	CLO5	Phân tích được các động tác múa cơ bản của các dân tộc Việt Nam.	PLO1-6
CO3	CLO6	Vận dụng được phương pháp sáng tác động tác để tiến hành phân biên đạo múa.	PLO1-8
	Kỹ năng		
CO4	CLO7	Giao tiếp và hợp tác có hiệu quả trong quá trình học tập học phần Múa và biên đạo múa.	PLO7-13
	CLO8	Rèn luyện khả năng cảm thụ âm nhạc, sáng tạo động tác, xây dựng hình tượng, phối hợp các yếu tố nghệ thuật (âm nhạc, ánh sáng, sân khấu), và trình diễn múa	PLO7-13
CO5	CLO9	Phân biệt các thể loại múa để có thể vận dụng đưa vào xây dựng các tác phẩm múa và đánh giá được khả năng cảm nhận múa của học sinh để biên các	PLO7-13

		bài múa phù hợp.	
	CLO10	Hình thành các kỹ năng cơ bản để xây dựng các tác phẩm với các hình thức múa khác nhau (ít người và đông người).	PLO7-13
CO6	CLO11	Kết cấu được động tác thành tổ hợp múa cơ bản của các dân tộc và thực hiện được các tổ hợp đó.	PLO7-13
	CLO12	Tổng hợp được quy trình và các nguyên tắc cơ bản để thực hiện biên đạo các tác phẩm múa cho học sinh.	PLO7-15
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO7	CLO13	Sinh viên có niềm đam mê với nghệ thuật múa, có tinh thần sáng tạo, tự tin, và làm việc nhóm hiệu quả.	PLO14,15
CO8	CLO14	Có khả năng thực hiện đúng nội quy của lớp, trường, quy định của học phần môn múa và biên đạo múa và quy định về đạo đức nhà giáo.	PLO14,15
CO9	CLO15	Môn học đòi hỏi sinh viên phải chuyên tâm khổ luyện trên lớp cũng như luyện tập ở nhà để đảm bảo khả năng thực hiện đối với môn học nghệ thuật múa và áp dụng được các kiến thức, kỹ năng của môn học vào quá trình hoạt động và dạy học ở nhà trường.	PLO14,15

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x	x	x												
CLO2	x	x	x												
CLO3	x	x	x												
CLO4	x	x	x	x	x	x									
CLO5	x	x	x	x	x	x									
CLO6	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x		
CLO7							x	x		x	x	x	x		
CLO8							x	x		x	x	x	x		
CLO9							x	x		x	x	x	x		

CLO10							X	X	X	X	X	X	X		
CLO11							X	X	X	X	X	X	X		
CLO12							X	X	X	X	X	X	X	X	X
CLO13														X	X
CLO14														X	X
CLO15														X	X
MĐG	3	3	3	1	1	1	3	3	1	3	3	3	3	2	2

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Phần 1: Múa cơ bản

Giới thiệu lý luận chung về nghệ thuật múa, các loại ngôn ngữ múa. Các kỹ năng và chất liệu múa cơ bản.

Phần 2: Biên đạo múa

Học phần Múa và biên đạo múa trang bị cho sinh viên có những kiến thức cơ bản về nghệ thuật múa cũng như sáng tác các bài múa hay tác phẩm ở các nhà trường. Giúp cho sinh viên biết cách sắp xếp, kết cấu, sáng tác, biên đạo các tổ hợp động tác múa, bài múa, tác phẩm múa, biết xây dựng kế hoạch bài dạy, biết tổ chức một bài dạy múa nhằm phát triển phẩm chất và năng lực học sinh ở trường các nhà trường.

Tiếng Anh:

Part 1: Basic

Dance Introduction to the general theory of dance art, types of dance languages. Basic dance skills and materials.

Part 2: Choreography

The Dance and Choreography course equips students with fundamental knowledge of dance art as well as the creation of dance pieces or works in schools. It helps students learn how to arrange, structure, compose, and choreograph dance movements, dance pieces, and dance works, understand how to develop lesson plans, and organize a dance lesson to enhance the qualities and abilities of students in schools.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự 80% số giờ lên lớp, 100% giờ thực hành; làm bài tập, chuẩn bị bài học trước khi lên lớp.
- Bài tập: làm bài cá nhân ở chương 1, bài nhóm ở chương 2.
- Thực hành: Hoàn thành các bài thực hành.

- Thảo luận: Xây dựng khung cho bài biên đạo nhóm.
- Kiểm tra định kỳ: Dự và thực hiện kiểm tra định kì đúng lịch.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- *Đánh giá theo thang 10 điểm.*
- Hình thức đánh giá:
 - A1: Chuyên cần;
 - A2: Thực hành;
 - A3: Kiểm tra định kỳ;
 - A4: Thi kết thúc học phần.
- Đánh giá quá trình:
 - + Trọng số điểm: 50% (*Chuyên cần 10%; Đánh giá thường xuyên 20%, bài kiểm tra định kỳ 20%*).
 - + Hình thức: Phối hợp các hình thức đánh giá qua Bài tập thực hành cá nhân và bài tập nhóm.
- Thi kết thúc học phần: Trọng số điểm: 50%; Hình thức: *Báo cáo thực hành*
- Bài kiểm tra định kì và thi kết thúc học phần được đánh giá theo tiêu chí chấm, thang điểm.

Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-12
2	A2. Thực hành	20	01	Tiêu chí chấm, thang điểm	CLO 6-12
3	A3. Kiểm tra định kỳ	20	02	Tiêu chí chấm, thang điểm	CLO 6-12
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
4	A4. Báo cáo thực hành	50	01	Tiêu chí chấm, thang điểm	CLO 1-12

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Rubric đánh giá chuyên cần

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50%	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64%	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79%	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài

và tham gia các hoạt động trong giờ học		nhiệm vụ học tập được giao.	nhiệm vụ học tập được giao.	nhiệm vụ học tập được giao.	và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5 Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	2,5 đến < 3,3 Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	3,3 đến < 4,0 Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	4,0 đến 5,0 Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Mức đánh giá		Không đạt	Đạt	Khá	Tốt

Rubric đánh giá bài tập/thực hành/ thảo luận nhóm;

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Bài tập cá nhân, tiểu luận (10 %)					
Trình bày nội dung đầy đủ, đảm bảo tính chính xác theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Trình bày nội dung đáp ứng dưới 50% yêu cầu được giao.	Trình bày nội dung đáp ứng 50-64% yêu cầu được giao.	Trình bày nội dung đáp ứng 65-79% yêu cầu được giao.	Trình bày nội dung đáp ứng trên 80% yêu cầu được giao.
Trình bày báo cáo rõ ràng, khoa học và logic	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Trình bày báo cáo đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Trình bày báo cáo đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Trình bày báo cáo đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Trình bày báo cáo đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Hình thức báo cáo sáng sủa, không lỗi văn bản.	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Hình thức trình bày báo cáo đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Hình thức trình bày báo cáo đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Hình thức trình bày báo cáo đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Hình thức trình bày báo cáo đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Nhóm chưa phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong	Nhóm có phối hợp và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả	Nhóm phối hợp tốt và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả	Nhóm phối hợp rất tốt và chia sẻ, hỗ trợ nhau

		khi báo cáo và trả lời	lời nhưng ở mức chưa cao	lời nhưng ở mức chưa cao	trong khi báo cáo và trả lời tốt.
Mức đánh giá		Không đạt	Đạt	Khá	Tốt

- Bài kiểm tra định kì và thi kết thúc học phần được đánh giá theo tiêu chí chấm, thang điểm.

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

- [1]. Trần Minh Trí (2005), *Múa*, NXB Đại học Sư phạm.
- [2]. Trần Minh Trí (2008), *Giáo trình Múa*, NXB Đại học Sư phạm.
- [3]. Lê Ngọc Canh (2004), *Phương pháp kết cấu kịch bản múa*, NXB - VHTT.
- [4]. Vũ Hoài, *Nghệ thuật múa - Kỹ năng biên đạo phong trào*, Hội nghệ sĩ múa Việt Nam.

9.2. Tài liệu tham khảo:

- [5]. Hoàng Văn Yên (1999), *Kịch bản lễ hội ở trường mầm non*, NXB Giáo dục.

9.3. Website

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Trình bày được khái niệm về nghệ thuật múa
LLO2	Trình bày và phân loại được ngôn ngữ múa
LLO3	Trình bày được những kỹ năng múa cơ bản: kỹ năng mô phỏng, kỹ năng mềm dẻo, kỹ năng không chế, kỹ năng quay và xoay, kỹ năng nhảy.
LLO4	Trình bày được các thể loại và hình thức múa khác nhau.
LLO5	Giao tiếp có hiệu quả trong quá trình thảo luận, thực hành, bài tập nhóm về nội dung môn học; Vai trò múa đối với sự phát triển toàn diện của học sinh.
LLO6	Phân biệt các thể loại múa để có thể vận dụng đưa vào xây dựng các tác phẩm múa và đánh giá được khả năng cảm nhận múa của học sinh để biên các bài múa phù hợp.
LLO7	Phân tích và thực hiện được hệ thống các động tác và tổ hợp động tác múa
LLO8	Khái quát vài nét về nghệ thuật biên đạo múa, khái niệm biên đạo múa, mục đích, yêu cầu của nghệ thuật biên đạo và khai thác đề tài trong quá trình xây dựng ngôn ngữ múa
LLO9	Trình bày được các thành phần cấu tạo tác phẩm múa: Động tác múa, hình tượng múa, tổ hợp động tác múa, đội hình múa và cách làm việc với diễn viên
LLO10	Trình bày được phương pháp biên đạo múa khả năng cảm nhận múa của học sinh, một số nguyên tắc cần chú ý khi biên múa và quy trình biên soạn múa

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
	cho học sinh.
LLO11	Giao tiếp, hợp tác hiệu quả khi thảo luận, thực hành nhóm những nội dung trong chương trình môn Múa và biên đạo múa. Khai thác được ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tìm kiếm học liệu tự học. Áp dụng kỹ thuật kiểm tra, đánh giá từng nội dung trong chương trình môn học múa và biên đạo múa.
LLO12	Thực hiện đúng nội dung của lớp, trường; quy định của học phần; quy định về đạo đức nhà giáo. Áp dụng được các kiến thức, kỹ năng về lý luận dạy học, những nội dung cụ thể trong môn múa vào quá trình hoạt động âm nhạc ở trường tiểu học.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
LLO1	x	x													
LLO2		x													
LLO3			x					x	x						
LLO4				x											
LLO5					x	x									
LLO6						x	x								
LLO7					x	x	x	x	x						
LLO8			x				x	x	x	x					
LLO9							x	x	x	x	x				
LLO10								x	x	x	x				
LLO11								x	x	x	x	x	x	x	x
LLO12												x	x	x	x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
Chương 1. Những vấn đề cơ bản về nghệ thuật múa				
LLO1 LLO2 LLO3 LLO4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (40 tiết) * Nội dung lí thuyết: (5 tiết) 1. 1. Một số khái niệm và phân loại ngôn ngữ múa 1.1.1. Khái niệm nghệ thuật múa 1.12. Phân loại ngôn ngữ múa	Thuyết trình.	A1 A3 A4	[1] [2] [3] [4]

	1.2. Những kĩ năng múa cơ bản 1.2.1. Kĩ năng mô phỏng 1.2.2. Kĩ năng không chế 1.2.3. Kĩ năng mềm dẻo 1.2.4. Kĩ năng quay và xoay 1.2.5. Kĩ năng nhảy 1.3. Chất liệu cơ bản múa 1.3.1. Phần cơ bản chung 1.3.2. Động tác cơ bản phần đồng bằng 1.3.3. Chất liệu cơ bản phần dân tộc 1.3.4. Xây dựng tổ hợp			
LLO7	* Nội dung thực hành (20 tiết) - Tập và thực hiện các động tác cơ bản của các dân tộc khác nhau. - Rèn luyện các kĩ năng cơ bản của múa (khởi động, kéo giãn, các động tác cơ bản).	Thực hành	A1 A2	
LLO7	* Nội dung bài tập và thảo luận (15 tiết) - Thực hiện các động tác và tổ hợp động tác - Tự sáng tạo và trình diễn các động tác múa.	Bài tập cá nhân, nhóm	A1 A2	
LLO1 LLO2 LLO8 LLO9	B. Nội dung tự học: (60 tiết) - Ôn luyện các tổ hợp động tác. - Tìm bài nhạc, nghe và phân tích âm nhạc. - Đọc tài liệu nội dung chương 2.	Thực hành-luyện tập	A1	
Chương 2. Phương pháp biên đạo múa				
LLO8 LLO9 LLO10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (40 tiết) * Nội dung lí thuyết: (5 tiết) 2.1. Khái quát vài nét về nghệ thuật biên đạo múa 2.1.1. Khái niệm biên đạo múa 2.1.2. Mục đích, yêu cầu của nghệ thuật biên đạo 2.1.3. Khai thác đề tài 2.2. Thành phần cấu tạo tác phẩm múa 2.2.1. Động tác múa 2.2.2. Hình tượng múa 2.2.3. Tổ hợp động tác múa 2.2.4. Đội hình múa 2.2.5. Làm việc với diễn viên 2.3. Phương pháp biên đạo múa 2.3.1. Khả năng cảm nhận múa của học sinh 2.3.2. Một số nguyên tắc cần chú ý khi biên múa 2.3.3. Quy trình biên soạn múa cho học sinh	Thuyết trình	A1 A3 A4	[1] [2] [3] [4]

	trong trường Tiểu học			
LLO9 LLO8	* Nội dung bài tập (15 tiết) 1. Phân tích bài nhạc đã chọn 2. Đưa ra kịch bản, dàn ý chung cho bài múa	Làm bài tập nhóm	A1 A2	
LLO8 LLO11 LLO9	* Nội dung thực hành (20 tiết) - Lên ý tưởng, xây dựng kịch bản cho một tác phẩm múa - Lựa chọn âm nhạc, thiết kế không gian, trang phục. - Kết cấu bài múa, tác phẩm múa theo nội dung và âm nhạc đã chọn. - Dạy và hướng dẫn diễn viên thực hiện.	Thực hành- luyện tập	A1 A2	
LLO9 LLO8 LLO11	B. Nội dung tự học: (60 tiết) - Hoàn thành bài múa, tác phẩm múa theo nhóm (với các hình thức múa khác nhau)	Thực hành- luyện tập	A1	

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Rộng, thoáng, có gương, đủ ánh sáng.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: loa đài âm ly, mic, đạo cụ múa.
- Điều kiện khác:

8.30. Vũ đạo (59CHO321)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	5	10
2	Bài tập	10	15
3	Thực hành	30	45
4	Thảo luận	10	10
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		45	80

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: “Không”
- Học phần học trước: 59BMT231, 59COH331
- Học phần học song hành: “Không”
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Khoa GD Tiểu học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
27.	ThS Hồ Thuỷ Ngân	0326822868	nganht@tnue.edu.vn
28.	ThS Đỗ Thị Linh Chi	0988808489	chidtl@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức:

CO1. Trình bày được các nền tảng kiến thức cơ bản về lịch sử vũ đạo, các phong cách nhảy múa khác nhau, và vai trò của vũ đạo trong nghệ thuật biểu diễn.

CO2. Phân biệt và thực hiện được kỹ thuật cơ bản và phong cách khác nhau của các điệu như Chachacha, Rumba, Bachata, Bebo và vũ điệu Macarena tập thể... và của các bộ môn như Ballet, múa đương đại...

CO3. Nghe và cảm nhận, phân biệt được giai điệu nhạc của vũ điệu đã học và một số giai điệu nhạc khiêu vũ quốc tế khác

*** Về kỹ năng**

CO4. Biết cách biên soạn vũ đạo của một bài múa, một điệu nhảy theo chủ đề bài hát. Biết lựa chọn, sử dụng các bài hát, bản nhạc có tính nghệ thuật và phù hợp với các vũ đạo, thích hợp với các điệu khiêu vũ.

CO5. Hình thành kỹ năng điều khiển chuyển động các bộ phận của cơ thể (Chân, hông, bụng, ngực, tay, vai, đầu...) theo các động tác vũ đạo và biết liên kết kỹ thuật của chúng với giai điệu âm nhạc.

CO6. Sử dụng được các bài đã học làm phương tiện để rèn luyện sức khỏe lâu dài và giao tiếp cộng đồng, xã hội. Có thể hướng dẫn người khác cùng tập luyện.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO7. Tăng cường sự sáng tạo, tính kỷ luật và sự tự tin trong biểu diễn cá nhân và nhóm.

CO8. Sinh viên yêu thích môn học, có tác phong nhanh nhẹn, hoạt bát, có ý thức tổ chức kỷ luật, có tinh thần tập thể giúp đỡ nhau trong tập luyện, có ý chí vượt khó khăn, gian khổ...

CO9. Hình thành những cảm xúc tích cực, năng động, tự tin trong cuộc sống, trong giao tiếp và văn hóa ứng xử.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Trình bày được khái niệm chung và sơ lược lịch sử hình thành và phát triển của Vũ đạo. Nhớ được nguồn gốc ra đời, sự phát triển, âm nhạc và đặc trưng của các điệu nhảy như Jazz, Chachacha, Bachata...	PLO1-6
	CLO2	Phân tích được phong cách và vai trò của vũ đạo trong nghệ thuật biểu diễn.	PLO1-6
CO2	CLO3	Trình bày được ý nghĩa của việc tập luyện Vũ đạo	PLO2-6
	CLO4	Phân biệt và thực hiện được tên cũng như các điệu nhảy cơ bản.	PLO2-6
CO3	CLO5	Nghe và đếm được nhạc của các điệu điệu nhảy: Macarena, Jazz, Chachacha, Rumba,...	PLO2-6

	CLO6	Phân biệt được âm nhạc của các phong cách vũ đạo cũng như các điệu nhảy khác nhau	PLO2-6
	Kĩ năng		
CO4	CLO7	Thực hiện được kỹ thuật chân, hông tay và thân trên trong Khiêu vũ Thể thao Thiết lập được mối liên hệ có tính nhịp điệu trong việc thực hiện các động tác trong bài tập.	PLO 7,8,10,11,12,13
	CLO8	Phát triển khả năng thực hành các kỹ thuật vũ đạo cơ bản và nâng cao theo từng phong cách khác nhau	PLO 7,8,10,11,12,13
CO5	CLO9	Phân biệt được phương hướng, biên độ thực hiện của từng động tác của các điệu điệu nhảy: Macarena, Chachacha, Rumba, Beboop...	PLO 7,8,10,11,12,13
	CLO10	Hình thành kỹ năng điều khiển chuyển động các bộ phận của cơ thể (Chân, hông, bụng, ngực, tay, vai, đầu...) theo các động tác vũ đạo và biết liên kết kỹ thuật của chúng với giai điệu âm nhạc.	PLO 7,8,10,11,12,13
CO6	CLO11	Hiểu được cách tạo form, dáng khi thực hiện bài nhảy và biết cách dẫn bạn nhảy (đối với nam).	PLO7-13
	CLO12	Sử dụng được các bài đã học làm phương tiện để rèn luyện sức khỏe lâu dài và giao tiếp cộng đồng, xã hội. Có thể hướng dẫn người khác cùng tập luyện	PLO7-13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO7	CLO13	Tăng cường sự sáng tạo, tính kỷ luật và sự tự tin trong biểu diễn cá nhân và nhóm	PLO13,14,15
CO8	CLO14	Có khả năng thực hiện đúng nội quy của lớp, trường, quy định của học phần môn Vũ đạo và quy định về đạo đức nhà giáo.	PLO13,14,15
CO9	CLO15	Môn học đòi hỏi sinh viên phải chuyên tâm khổ luyện trên lớp cũng như luyện tập ở nhà để đảm bảo khả năng thực hiện đối với môn học nghệ thuật Vũ đạo và áp dụng được các kiến thức, kỹ năng của môn học vào quá trình hoạt động và dạy học ở các cấp trường.	PLO13,14,15

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x	x	x	x	x	x									

CLO2	x	x	x	x	x	x									
CLO3		x	x	x	x	x									
CLO4		x	x	x	x	x									
CLO5		x	x	x	x	x									
CLO6		x	x	x	x	x									
CLO7							x	x		x	x	x	x		
CLO8							x	x		x	x	x	x		
CLO9							x	x		x	x	x	x		
CLO10							x	x		x	x	x	x		
CLO11							x	x	x	x	x	x	x		
CLO12							x	x	x	x	x	x	x		
CLO13													x	x	x
CLO14													x	x	x
CLO15													x	x	x
MDG	1	3	3	3	3	3	3	3	1	3	3	3	3	2	2

Ghi chú: “0” = không đóng góp; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Tiếng Việt:

Âm nhạc vũ đạo nhằm trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản về các động tác múa dân gian Việt Nam và một số vũ điệu trong Khiêu vũ thể thao (Dance sport) như Chachacha, Rumba, Bachata, Bebo và vũ điệu Macarena tập thể...

Chương 1: Giới thiệu khái quát chung về nghệ thuật múa hát, về phong tục, tập quán, đặc điểm văn hóa vùng miền, khái niệm, lịch sử, đặc điểm và phân loại các điệu nhảy.

Chương 2.: Xây dựng các bài theo các điệu nhảy khác nhau, vai trò của nhảy múa đối với sự phát triển toàn diện của học sinh. Phân biệt các thể loại nhảy để có thể vận dụng đưa vào xây dựng các bài nhảy và đánh giá được khả năng cảm nhận với các động tác nhảy múa của học sinh để biên các bài phù hợp. Trình bày được các điệu nhảy với sự kết hợp đội hình. Thực hiện kỹ thuật nhảy đơn, kỹ thuật nhảy đôi và đông người. Trình bày được một số nguyên tắc cần chú ý khi biên bài nhảy.

Tiếng Anh:

Dance music aims to equip students with basic skills in traditional Vietnamese dance movements and some styles in sports dancing such as Cha-Cha-Cha, Rumba,

Bachata, Bebop, and the group dance Macarena.

Chapter 1: A general introduction to the art of dance and singing, customs, practices, cultural characteristics of different regions, concepts, history, features, and classification of dance styles.

Chapter 2: Developing routines based on different dance styles, the role of dancing in the overall development of students. Distinguishing between dance genres to effectively incorporate them into routine creation and assessing students' ability to perceive dance movements to compose suitable routines. Presenting dance styles with formation combinations. Executing solo dance techniques, partner dance techniques, and group dance techniques. Outlining some principles to consider when choreographing dance routines.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự 80% số giờ lên lớp, 100% giờ thực hành; làm bài tập, chuẩn bị bài học trước khi lên lớp.
- Bài tập: làm bài cá nhân ở chương 1, bài nhóm ở chương 2.
- Thực hành: Hoàn thành các bài thực hành.
- Thảo luận: Xây dựng khung bài và động tác cho bài nhóm.
- Kiểm tra định kỳ: Dự và thực hiện kiểm tra định kì đúng lịch.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- *Đánh giá theo thang 10 điểm.*
- Hình thức đánh giá:
 - A1: Chuyên cần.
 - A2: Bài tập cá nhân/ bài tập nhóm.
 - A3: Kiểm tra định kỳ.
 - A4: Thi kết thúc học phần.
- Đánh giá quá trình:
 - + Trọng số điểm: 50% (*trong đó kiểm tra định kỳ 20%, đánh giá chuyên cần 10% và đánh giá thường xuyên 20%*)
 - + Hình thức: Phối hợp các hình thức đánh giá qua bài tập thực hành cá nhân và bài tập nhóm.
- Thi kết thúc học phần: Trọng số điểm: 50%; Hình thức: *Báo cáo thực hành.*
- Bài kiểm tra định kì và thi kết thúc học phần được đánh giá theo tiêu chí chấm, thang điểm.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-13

2	A2. Bài tập/ Thực hành/ Thảo luận nhóm/ Thực tế chuyên môn	20	01	Rubric đánh giá bài tập/thực hành/ thảo luận nhóm;	CLO6-13
3	A3. Kiểm tra định kỳ	20	01	Tiêu chí chấm, thang điểm	CLO6-13
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
4	A4. Báo cáo thực hành	50	01	Tiêu chí chấm, thang điểm	CLO1-13

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Rubric đánh giá chuyên cần

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Mức đánh giá		Không đạt	Đạt	Khá	Tốt

Rubric đánh giá bài tập/thực hành/ thảo luận nhóm;

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Bài tập cá nhân, tiểu luận (10 %)					
Trình bày nội dung đầy đủ, đảm bảo tính chính xác theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Trình bày nội dung đáp ứng dưới 50% yêu cầu được giao.	Trình bày nội dung đáp ứng 50-64% yêu cầu được giao.	Trình bày nội dung đáp ứng 65-79% yêu cầu được giao.	Trình bày nội dung đáp ứng trên 80% yêu cầu được

					giao.
Trình bày báo cáo rõ ràng, khoa học và logic	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Trình bày báo cáo đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Trình bày báo cáo đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Trình bày báo cáo đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Trình bày báo cáo đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Hình thức báo cáo sáng sủa, không lỗi văn bản.	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Hình thức trình bày báo cáo đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Hình thức trình bày báo cáo đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Hình thức trình bày báo cáo đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Hình thức trình bày báo cáo đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Nhóm chưa phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời nhưng ở mức chưa cao	Nhóm phối hợp tốt và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời nhưng ở mức chưa cao	Nhóm phối hợp rất tốt và chia sẻ, hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời tốt.
Mức đánh giá		Không đạt	Đạt	Khá	Tốt

- Bài kiểm tra định kì và thi kết thúc học phần được đánh giá theo tiêu chí chấm, thang điểm

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập

- [1]. Trần Minh Trí (2005), *Múa*, NXB Đại học Sư phạm.
- [2]. Trần Minh Trí (2008), *Giáo trình Múa*, NXB Đại học Sư phạm.
- [3] Vũ Thanh Mai, *Giáo trình Khiêu vũ Thể thao* – NXB TĐTT, 2011
- Một số VCD – Khiêu vũ nghệ thuật (vũ sư Hoàng Thông)
- Nguồn hướng dẫn nhảy khiêu vũ cơ bản trên Youtube:

<https://www.youtube.com/>

9.2. Tài liệu tham khảo:

- [4] Lê Ngọc Canh (2004), *Phương pháp kết cấu kịch bản múa*, NXB - VHNT.
- [5] Vũ Hoài, *Nghệ thuật múa - Kỹ năng biên đạo phong trào*, Hội nghệ sĩ múa Việt Nam.
- [6] Hoàng Văn Yên (1999), *Kịch bản lễ hội ở trường mầm non*, NXB Giáo dục.

9.3. Website

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Trình bày khái quát chung về nghệ thuật múa hát
LLO2	Giới thiệu về phong tục, tập quán, đặc điểm văn hóa vùng miền.
LLO3	Khái niệm, lịch sử, đặc điểm và phân loại các điệu nhảy
LLO4	Xây dựng các bài theo các điệu nhảy khác nhau.
LLO5	Giao tiếp có hiệu quả trong quá trình thảo luận, thực hành, bài tập nhóm về nội dung môn học; Vai trò của nhảy múa đối với sự phát triển toàn diện của học sinh.
LLO6	Phân biệt các thể loại nhảy để có thể vận dụng đưa vào xây dựng các bài nhảy và đánh giá được khả năng cảm nhận với các động tác nhảy múa của học sinh để biên các bài phù hợp.
LLO7	Trình bày được các điệu nhảy với sự kết hợp đội hình.
LLO8	Kỹ thuật nhảy đơn
LLO9	Kỹ thuật nhảy đôi và đông người
LLO10	Trình bày được một số nguyên tắc cần chú ý khi biên bài nhảy
LLO11	Giao tiếp, hợp tác hiệu quả khi thảo luận, thực hành nhóm những nội dung trong chương trình môn Vũ đạo. Khai thác được ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tìm kiếm học liệu tự học. Áp dụng kỹ thuật kiểm tra, đánh giá từng nội dung trong chương trình môn học Vũ đạo.
LLO12	Thực hiện đúng nội dung của lớp, trường; quy định của học phần; quy định về đạo đức nhà giáo. Áp dụng được các kiến thức, kỹ năng về lý luận dạy học, những nội dung cụ thể trong môn Vũ đạo vào quá trình hoạt động âm nhạc ở trường tiểu học.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)											
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
LLO1	x											
LLO2		x										
LLO3								x				
LLO4				x								
LLO5						x						
LLO6							x					
LLO7					x							
LLO8			x									
LLO 9									x			
LLO10										x		
LLO11											x	

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)											
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
LLO12												x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
Chương 1. LÝ THUYẾT CHUNG				
LLO1 LLO2 LLO3 LLO4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (15 tiết) * Nội dung lí thuyết: (5tiết) 1.1. Khái quát chung về nghệ thuật múa hát. 1.2. Giới thiệu về phong tục, tập quán, đặc điểm văn hóa vùng miền. 1.3. Khái niệm, lịch sử, đặc điểm và phân loại các điệu nhảy.	Thuyết trình.	A1 A3 A4	[1] [2] [3]
LLO7	* Nội dung thực hành (5 tiết) Xem và tập trước các động tác cơ bản của các điệu nhảy khác nhau.	Thực hành	A1 A2	
LLO7	* Nội dung bài tập (5 tiết) Thực hiện các tổ hợp động tác	Bài tập cá nhân	A1 A2	
LLO1 LLO2 LLO8 LLO9	B. Nội dung tự học: (20tiết) - Ôn luyện các tổ hợp động tác. - Tìm bài nhạc, nghe và phân tích âm nhạc. - Đọc tài liệu nội dung chương 2.	Thực hành- luyện tập	A1	
Chương 2. GIỚI THIỆU MỘT SỐ ĐIỀU NHẢY TẬP THỂ				
LLO8 LLO9 LLO10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (30 tiết) 2.1. Điệu Megener 2.2. Điệu Bachata 2.3. Điệu Chachacha 2.4. Điệu Rumba 2.5. Điệu Bebo	Thuyết trình – thí phạm – hướng dẫn	A1 A3 A4	[1] [2] [3]
LLO9 LLO8	* Nội dung bài tập (5 tiết) Nghe và phân tích bài nhạc của các điệu nhảy	Làm bài tập nhóm	A1 A2	
LLO8 LLO11 LLO9	* Nội dung thực hành (25 tiết) Thực hiện luyện tập các điệu nhảy.	Thực hành- luyện tập	A1 A2	
LLO9 LLO8 LLO11	B. Nội dung tự học: (60 tiết) - Hoàn thành các bài nhảy theo nhóm (với các hình thức múa khác nhau).	Thực hành- luyện tập	A1	

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Rộng, thoáng, có gương, đủ ánh sáng.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: loa đài âm ly, mic, đạo cụ (nếu có).
- Điều kiện khác:

8.31. Chỉ huy – Hát đồng ca hợp xướng (59SCU341)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	30	60
2	Bài tập	10	15
3	Thực hành	15	22,5
4	Thảo luận	5	5
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		60	102,5

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: không
- Học phần học song hành: không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật; Khoa Giáo dục Tiểu học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
29.	TS. Nguyễn Thanh Tiến	0971954333	tiennt@tnue.edu.vn
30.	ThS. Lương Ngọc Quỳnh	0913967828	quynhln@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức:

CO1. Cung cấp cho người học cơ lý luận về chỉ huy đồng ca và hát đồng ca, hợp xướng, trong đó gồm các khái niệm, tầm cỡ giọng hát, đội hình hợp xướng và tỷ lệ...

CO2. Trình bày được các vấn đề về kỹ thuật chỉ huy như: Tư thế, phạm vi hoạt động của hai tay, các bộ phận cánh tay và cách đánh nhịp 2 phách, 3 phách, 4 phách và 6 phách

CO3. Vận dụng được các thủ pháp để luyện tập tác phẩm chỉ huy và hát đồng ca hợp xướng.

* Về kỹ năng

CO4. Kỹ năng dàn dựng các tác phẩm chỉ huy – hát đồng ca hợp xướng

CO5. Kỹ năng hát đồng ca, hợp xướng

CO6. Kỹ năng đánh các loại nhịp cơ bản

CO7. Kỹ năng chỉ huy đồng ca, hợp xướng

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO8. Thực hiện đúng nội quy của lớp, trường và quy định về đạo đức nhà giáo ở trường tiểu học.

CO9. Vận dụng được các kiến thức về âm nhạc, mỹ thuật để hoạt động cá nhân, nhóm và có khả năng tự học và sáng tạo.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Trình bày được một số khái niệm về đồng ca, hợp xướng, kỹ thuật hát.	PLO1 PLO2 PLO3
	CLO2	Trình bày được tầm cỡ giọng hát: Giọng thiếu nhi, giọng nữ, giọng nam.	PLO2 PLO3
	CLO3	Trình bày cách phân chia đội hình hợp xướng: 2 bè, 3 bè, 4 bè và tỉ lệ giữa các bè.	PLO2 PLO3
CO2	CLO4	Trình bày được các vấn đề về kỹ thuật chỉ huy như: Tư thế, phạm vi hoạt động của hai tay, các bộ phận cánh tay và cách đánh nhịp 2 phách, 3 phách, 4 phách và 6 phách	PLO2 PLO3
CO3	CLO5	Vận dụng được các thủ pháp để luyện tập tác phẩm chỉ huy và hát đồng ca hợp xướng.	PLO2 PLO3
	Kỹ năng		
CO4	CLO6	Sinh viên có kỹ năng dàn dựng các tác phẩm chỉ huy – hát đồng ca hợp xướng.	PLO10 PLO11 PLO12 PLO13
CO5	CLO7	Sinh viên có kỹ năng hát đồng ca, hợp xướng	PLO10 PLO11 PLO12 PLO13
CO6	CLO8	Sinh viên có kỹ năng đánh các loại nhịp cơ bản	PLO10 PLO11 PLO12 PLO13
CO7	CLO9	Sinh viên có kỹ năng chỉ huy đồng ca, hợp xướng	PLO10 PLO11 PLO12 PLO13
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CO8	CLO10	Năng lực tự chủ	PLO4

		Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.	PLO5 PLO14
CO9	CLO11	Năng lực trách nhiệm Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Hoàn thành đầy đủ bài tập do thầy cô giao. Tham gia các hoạt động âm nhạc tập thể một cách tích cực.	PLO6 PLO15

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x	x	x												
CLO2		x	x												
CLO3		x	x												
CLO4		x	x												
CLO5		x	x												
CLO6										x	x	x	x		
CLO7										x	x	x	x		
CLO8										x	x	x	x		
CLO9										x	x	x	x		
CLO10				x	x									x	
CLO11						x									x
MĐG	1	2	2	1	1	1	0	0	0	2	2	2	2	1	1

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

* Tiếng Việt

Học phần giới thiệu các hình thức hát đồng ca – hợp xướng. Giới thiệu vị trí, chức năng của các bè trong hát đồng ca – hợp xướng. Luyện tập kỹ năng về hát liên giọng (Legato), hát nảy (Stacato),...và xử lý sắc thái, tình cảm của tác phẩm thuộc thể loại đồng ca – hợp xướng.

Trang bị cho sinh viên những hiểu biết và kỹ năng chỉ huy các hình thức hát tập thể đồng ca – hợp xướng. Sinh viên thực hành chỉ huy các bài tập, các tác phẩm âm nhạc với các loại nhịp thông thường như: 2/4, 3/4, 4/4, 3/8, 6/8.

*Tiếng Anh

The course introduces choral and choral singing forms. Introducing the position and function of parts in choral singing. Practice skills in singing in unison (Legato), singing in unison (Stacato),... and handling the nuances and emotions of works in the choral - choral genre.

Equipping students with the knowledge and skills to conduct various forms of collective singing - choir. Students practice conducting exercises and musical works with common rhythms such as: 2/4, 3/4, 4/4, 3/8, 6/8.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp, 100% giờ học trực tuyến (nếu có), đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành bài thực hành cá nhân.
- Kiểm tra định kỳ: Dự và thực hiện kiểm tra định kì đúng lịch.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- *Đánh giá theo thang 10 điểm.*
- Hình thức đánh giá:
 - A1: Chuyên cần;
 - A2: Thực hành;
 - A3: Kiểm tra định kỳ;
 - A4: Thi kết thúc học phần.
- Đánh giá quá trình:
 - + Trọng số điểm: 50% [*Chuyên cần 10%; Thực hành cá nhân 20%, bài kiểm tra định kỳ 20% (thực hành)*].
 - + Hình thức: Đánh giá qua thực hành cá nhân.
- Thi kết thúc học phần: Trọng số điểm: 50%; Hình thức: *Thực hành*

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần		01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-9
4	A2. Thực hành		01	Đáp án, thang điểm	CLO 6, 7, 8, 9
5	A3. Bài kiểm tra định kì		02	Đáp án, thang điểm	CLO 3, 4, 5, 6, 7,8
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					

6	A4. Thực hành	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 6, 7, 8, 9
---	---------------	----	----	---	----------------

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

- [1]. Hát tập thể đồng ca- hợp xướng- Tập 1- Đào Ngọc Dung 2003
[2] Đoàn Phi (2007), *Chỉ huy dàn dựng hát tập thể*, Nxb ĐHSP

9.2. Tài liệu tham khảo:

- [3]. *Ca hát và biểu diễn* (NXB Văn Hóa)
[4]. *Chỉ huy dàn dựng tác phẩm âm nhạc* (Lê Thế Hào, Nguyễn Thiết – NXB Âm nhạc 1995)

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Mô tả khái quát chung về vai trò của môn học, các khái niệm liên quan đến môn học, hệ thống lý luận về chỉ huy – hát đồng ca hợp xướng.
LLO2	Nắm vững những kỹ thuật hát và đội hình hát đồng ca, hợp xướng
LLO3	Nắm vững được các kỹ thuật chỉ huy đồng ca, hợp xướng
LLO4	Có kỹ năng thực hành chỉ huy và hát đồng ca hợp xướng.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)
------	------------------------------

	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
LLO1	x										
LLO2		x		x							
LLO3							x		x		
LLO4							x	x	x		

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Một số vấn đề về hát đồng ca hợp xướng				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung lý thuyết: (10 tiết) 1.1. Một số khái niệm 1.2. Các hình hát đồng ca, hợp xướng 1.3. Các loại giọng hát 1.4. Thành phần và đội hình 1.5. Ứng dụng thực hành tác phẩm	<i>Thuyết trình giảng giải</i>	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1]
LLO1	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) - Khái quát về hát đồng ca, hợp xướng	<i>Thuyết trình giảng giải</i>	[A1]	[1] [2] [3]
LLO1 LLO2	B. Nội dung tự học: (42,5 tiết) Sinh viên học tập theo hướng dẫn và giáo trình môn học.	<i>Thuyết trình giảng giải</i>	[A1]	[1] [2] [3]
Chương 2: Kỹ thuật cơ bản về chỉ huy				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO2 LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (50 tiết) * Nội dung lý thuyết: (20 tiết) 2.1. Tư thế hai tay và các bộ phận cánh tay 2.2. Cách đánh một số nhịp cơ bản 2.3. Một số phương pháp diễn tả 2.3. Ứng dụng thể hiện tác phẩm	<i>Thuyết trình giảng giải</i>	[A1] [A2] [A3] [A4]	[2]
LLO1 LLO2	* Nội dung bài tập: (10 tiết) - Bài tập về các động tác tay và luyện tập tác phẩm.	<i>Thuyết trình giảng giải</i>	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1]

LLO1 LLO2	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (15 tiết) - Thực hành chỉ huy các tác phẩm	Thực hành	[A2]	[1]
LLO1 LLO2	* Nội dung thảo luận: (3 tiết) - Các kỹ thuật chỉ huy một số nhịp cơ bản?	Thuyết trình giảng giải	[A1]	[1]
LLO1 LLO2	B. Nội dung tự học: (60 tiết) Sinh viên học tập theo hướng dẫn và giáo trình môn học.	Thuyết trình giảng giải	[A1]	[1] [2] [3] [4]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học thực hành có đàn piano hoặc đàn phím điện tử, Bảng viết có kẻ các khuông nhạc.

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, loa, đài.

- Điều kiện khác:

8.32. Nhạc cụ tiết tấu và giai điệu (59IRM231)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	10	20
2	Bài tập	20	30
3	Thực hành	40	60
4	Thảo luận	10	10
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		50	120

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Lý thuyết âm nhạc cơ bản

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật; Khoa Giáo dục Tiểu học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS Nguyễn Văn Thiều	0988268558	thieunv@tnue.edu.vn
2	TS Nguyễn Thanh Tiến	0971954333	tiennt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng:

* Kiến thức

- + Trình bày và phân tích được kiến thức cơ bản về nhạc cụ tiết tấu và giai điệu.
- + Trình bày được cách chơi nhạc cụ gõ, chơi tiết tấu bằng body percussion, nhạc cụ giai điệu đúng tư thế, đúng cách, đúng tốc độ.
- + Phân tích được kiến thức cơ bản về tiết tấu, giai điệu, hòa âm đơn giản với những trường độ nốt trắng, đen, đơn, lặng đen, chấm dôi, móc kép bước đầu biết cách chơi nhạc cụ giai điệu đúng tư thế, đúng cao độ, đúng trường độ, đúng tốc độ, biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc, biết biểu diễn nhạc cụ giai điệu, độc tấu và hòa tấu trong và ngoài nhà trường với hình thức phù hợp. Biết kết hợp các nhạc cụ giai điệu để hòa tấu hoặc đệm cho hát.
- + Trình bày được cách đệm cho bài hát, biết biểu diễn nhạc cụ tiết tấu và giai điệu trong và ngoài nhà trường với hình thức phù hợp.
- + Trình bày và phân tích được cách làm một số nhạc cụ tiết tấu và giai điệu đơn giản từ chất liệu sẵn có như vỏ chai, cốc nhựa, thìa, mảnh gỗ, nắp chai...Biết bảo quản nhạc cụ giai điệu và điều chỉnh âm thanh, biết dàn dựng và biểu diễn các loại nhạc cụ giai điệu

* Kỹ năng

- + Sử dụng một số loại nhạc cụ tiết tấu gõ như trống nhỏ, song loan, thanh phách...bell, maracas, tambourine, triangle, wood, xylophone... chơi tiết tấu bằng body percussion với những trường độ nốt trắng, đen, đơn, lặng đen, chấm dôi...
- + Sử dụng một số loại nhạc cụ giai điệu như sáo trúc, tính tấu, kèn phím, sáo recorder, đàn ukulele với những trường độ nốt trắng, đen, đơn, lặng đen, chấm dôi....
- + Chế tạo (làm) một số nhạc cụ tiết tấu và giai điệu đơn giản từ chất liệu sẵn có như vỏ chai, cốc nhựa, thìa, mảnh gỗ, nắp chai
- + Đàn giai điệu và đệm hát được các bài hát nằm trong chương trình một cách trọn vẹn, truyền cảm.

* Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Năng lực tự chủ

- + Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.

Năng lực trách nhiệm

- + Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Tham gia tích cực vào quá trình học tập học phần khi hoạt động cá nhân, nhóm và có khả năng tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		

CO1	CLO1	Trình bày và phân tích được kiến thức cơ bản về nhạc cụ tiết tấu và giai điệu.	PLO1 PLO3 PLO8
	CLO2	Trình bày được cách chơi nhạc cụ gõ, chơi tiết tấu bằng body percussion, nhạc cụ giai điệu đúng tư thế, đúng cách, đúng tốc độ.	PLO1 PLO3 PLO8
	CLO3	Phân tích được kiến thức cơ bản về tiết tấu, giai điệu, hòa âm đơn giản với những trường độ nốt trắng, đen, đơn, lạng đen, chấm đôi, móc kép bước đầu biết cách chơi nhạc cụ giai điệu đúng tư thế, đúng cao độ, đúng trường độ, đúng tốc độ, , biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc, biết biểu diễn nhạc cụ giai điệu, độc tấu và hòa tấu trong và ngoài nhà trường với hình thức phù hợp. Biết kết hợp các nhạc cụ giai điệu để hòa tấu hoặc đệm cho hát.	PLO1 PLO3 PLO8
CO2	CLO4	Trình bày được cách đệm cho bài hát, biết biểu diễn nhạc cụ tiết tấu và giai điệu trong và ngoài nhà trường với hình thức phù hợp.	PLO1 PLO3 PLO8
CO3	CLO5	Trình bày được cách làm một số nhạc cụ giai điệu đơn giản từ chất liệu sẵn có như vỏ chai, cốc nhựa, thìa, mảnh gỗ, nắp chai...Biết bảo quản nhạc cụ giai điệu và điều chỉnh âm thanh, biết dàn dựng và biểu diễn các loại nhạc cụ giai điệu.	PLO1 PLO3 PLO8
Kĩ năng			
CO4	CLO6	Kỹ năng sử dụng một số loại nhạc cụ tiết tấu gõ như trống nhỏ, song loan, thanh phách...bell, maracas, tambourine, triangle, wood, xylophone... chơi tiết tấu bằng body percussion với những trường độ nốt trắng, đen, đơn, lạng đen, chấm đôi...	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO5	CLO7	Kỹ năng sử dụng một số loại nhạc cụ giai điệu như sáo trúc, tính tấu, kèn phím, sáo recorder, đàn ukulele với những trường độ nốt trắng, đen, đơn, lạng đen, chấm đôi...	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO6	CLO8	Kỹ năng làm một số nhạc cụ tiết tấu và giai điệu đơn giản từ chất liệu sẵn có như vỏ chai, cốc nhựa, thìa, mảnh gỗ, nắp chai	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO7	CLO9	Kỹ năng đàn giai điệu và đệm hát được các bài hát nằm	PLO3

		trong chương trình một cách trọn vẹn, truyền cảm.	PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CO8	CLO10	Năng lực tự chủ Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.	PLO14
CO9	CLO11	Năng lực trách nhiệm Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Hoàn thành đầy đủ bài tập. Tham gia các hoạt động âm nhạc tập thể một cách tích cực.	PLO15

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x		x		x			x			x				
CLO2	x		x		x			x			x				
CLO3	x		x		x			x						x	
CLO4	x		x		x		x	x						x	
CLO5	x		x				x	x							
CLO6			x			x		x	x	x			x		x
CLO7			x			x		x	x	x			x		x
CLO8			x			x		x		x			x		x
CLO9			x			x		x		x			x		x
CLO10		x		x								x		x	
CLO11		x		x								x		x	x
MĐG	3	1	3	1	2	2	1	3	1	2	1	1	2	2	3

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học nhạc cụ tiết tấu và giai điệu giúp sinh viên có những kiến thức và kỹ năng cơ bản khi đệm cho hát bằng nhạc cụ không định âm và nhạc cụ định âm cũng như chơi một bản nhạc đơn giản qua các nhạc cụ như sáo recorder, kèn phím melody... Qua đó sinh viên vận dụng đệm cho các bài hát ở mức độ đơn giản. Đáp ứng được nhu cầu thực tiễn đời sống cũng như nhu cầu cấp thiết của việc đổi mới giáo dục toàn diện.

The subject of rhythm and melody musical instruments helps students have basic knowledge and skills when accompanying singing with non-tuned musical instruments and tuned musical instruments as well as playing a simple song through instruments such as the recorder flute, melody keyboard... Thereby, students apply accompaniment to songs at a simple level. Meeting the practical needs of life as well as the urgent needs of comprehensive educational innovation.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp, 100% giờ học trực tuyến (nếu có), đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành bài thực hành cá nhân.
- Kiểm tra định kỳ: Dự và thực hiện kiểm tra định kì đúng lịch.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- *Đánh giá theo thang 10 điểm.*
- Hình thức đánh giá:
 - A1: Chuyên cần;
 - A2: Thực hành;
 - A3: Kiểm tra định kỳ;
 - A4: Thi kết thúc học phần.
- Đánh giá quá trình:
 - + Trọng số điểm: 50% (*Chuyên cần 10%; Thực hành cá nhân 20%, bài kiểm tra định kỳ 20%*).
 - + Hình thức: Đánh giá qua thực hành cá nhân.
- Thi kết thúc học phần: Trọng số điểm: 50%; Hình thức: *Thực hành*

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần		01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-9
4	A2. Thực hành		01	Đáp án, thang điểm	CLO 6, 7, 8, 9
5	A3. Bài kiểm tra		01	Đáp án, thang điểm	CLO 3, 4, 5, 6,

	định kì				7,8
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A4. Thực hành	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 6, 7,8, 9

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

- Bài kiểm tra định kì và thi kết thúc học phần được đánh giá theo theo đáp án, thang điểm.

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

- [1]. Lê Anh Tuấn, Đỗ Thanh Hiên, Hồ Ngọc Khải (2019) *Hướng dẫn dạy học môn Nghệ thuật Tiểu học theo chương trình giáo dục phổ thông mới phần âm nhạc*, Nxb Đại học Sư phạm.
- [2]. Lê Anh Tuấn, Đỗ Thanh Hiên, Hồ Ngọc Khải (2019) *Hướng dẫn dạy học môn Nghệ thuật Trung học cơ sở theo chương trình giáo dục phổ thông mới phần âm nhạc*, Nxb Đại học Sư phạm.
- [3]. Lê Anh Tuấn, Đỗ Thanh Hiên, Hồ Ngọc Khải (2019) *Hướng dẫn dạy học môn Nghệ thuật Trung học phổ thông theo chương trình giáo dục phổ thông mới phần âm nhạc*, Nxb Đại học Sư phạm..

9.2. Tài liệu tham khảo:

- [4]. Nguyễn Minh Thuyết (2019), *Hỏi đáp về chương trình giáo dục phổ thông*, Nxb Đại học Sư phạm.
- [5] Recoder (musical instrument), https://en.wikipedia.org/wiki/List_of_percussion

_instruments.

[6] Melodica information everyone needs to know, <http://melodycas.com/melodica-information/>.

9.3. Website

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Khái quát nhạc cụ tiết tấu
LLO2	Tính năng một số nhạc cụ tiết tấu phổ thông.
LLO3	Khái quát nhạc cụ giai điệu
LLO4	Khái quát kỹ thuật luyện ngón gam trưởng, thứ tự nhiên
LLO5	Khái quát kỹ thuật độc tấu, đệm hát và hòa tấu
LLO6	Thực hành chế tạo các nhạc cụ tiết tấu bằng các chất liệu khác nhau
LLO7	Thực hành chế tạo các nhạc cụ giai điệu bằng các chất liệu khác nhau

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)										
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
LLO1	x									x	x
LLO2		x				x				x	x
LLO3	x									x	x
LLO4			x							x	x
LLO5						x	x		x	x	x
LLO6								x		x	x
LLO7									x	x	x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Nhạc cụ tiết tấu				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (4 tiết) * Nội dung lý thuyết: (4 tiết) 1.1. Khái quát nhạc cụ tiết tấu 1.2. Tính năng một số nhạc cụ tiết tấu phổ thông.	<i>Giảng giải minh họa.</i>		[1]- [7]
	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (15 tiết) 1.3. Chơi nhạc cụ tiết tấu bằng bộ gõ không	<i>Thực hành</i>		

	định âm. 1.4. Chơi nhạc cụ tiết tấu bằng Body percussion * Nội dung bài tập: (10 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và làm bài tập			
	B. Nội dung tự học: (45,5 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và trả lời câu hỏi Đệm hát bằng nhạc cụ tiết tấu	Thực hành	[A1]	[1]-[2]
Chương 2: Nhạc cụ giai điệu				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO3 LLO4 LLO5	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung lý thuyết: (6 tiết) 2.1. Khái quát nhạc cụ giai điệu 2.2. Khái quát kỹ thuật luyện ngón gam trưởng, thứ tự nhiên 2.3. Khái quát kỹ thuật độc tấu, đệm hát và hòa tấu	Giảng giải minh họa.	[A1]	[1]-[2] [3]
	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (15 tiết) 2.4. Thực hành chạy ngón gam trưởng, thứ tự nhiên. 2.5. Thực hành độc tấu, đệm hát và hòa tấu trên nhạc cụ giai điệu * Nội dung bài tập: (10 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và làm bài tập		[A2]	[1]-[2] [3]
	B. Nội dung tự học: (49,5 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và thực hành chạy ngón gam trưởng, thứ tự nhiên.	Thực hành	[A1]	[1]-[2] [3]-[4]
Chương 3: Thực hành chế tạo nhạc cụ giai điệu và tiết tấu				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO6 LLO7	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung thực hành: (10 tiết) 4.1. Thực hành chế tạo các nhạc cụ tiết tấu bằng các chất liệu khác nhau. 4.2. Thực hành chế tạo các nhạc cụ giai điệu bằng các chất liệu khác nhau. * Nội dung thảo luận: (10 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và thảo luận nhóm để làm sản phẩm.	Thực hành	[A3]	[1]-[2] [3]-[4]
	B. Nội dung tự học: (25 tiết) Thực hành chế tạo các nhạc cụ tiết tấu và giai điệu bằng các chất liệu khác nhau.	Thực hành	[A1]	[1]-[2] [3]-[4]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành đàn phím điện tử
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, loa, đài, đàn phím điện tử.
- Điều kiện khác: Phòng cách âm

8.33. Mỹ học âm nhạc (59MUA231)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	30	60
2	Bài tập	10	15
3	Thực hành	15	22.5
4	Thảo luận	05	7.5
5	Thực tế chuyên môn	0	
Tổng		60	102.5

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật; Khoa Giáo dục Tiểu học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS Đỗ Thị Linh Chi	0988808489	chidtl@tnue.edu.vn
2	ThS Nguyễn Văn Thiệu	0988268558	thieunv@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng:

Trình bày và phân tích được Ngôn ngữ âm nhạc, hình tượng âm nhạc. Một số phương thức tạo dựng hình tượng âm nhạc. Quan hệ giữa âm nhạc và lời ca. Thưởng thức âm nhạc. Vai trò và sứ mệnh của người nghệ sĩ.

* Về kiến thức

CO1. Trình bày được lý luận cơ bản được sự ra đời của bộ môn, đối tượng nghiên cứu, đặc trưng phản ánh hiện thực của âm nhạc, ngôn ngữ âm nhạc và ca từ trong âm nhạc.

CO2. Phân tích được đặc điểm chung của hình tượng âm nhạc, một số phương thức tạo dựng hình tượng âm nhạc.

CO3. Nêu được vai trò và sức mạnh của người nghệ sĩ. Khái niệm về thưởng thức âm nhạc giáo dục thị hiếu thẩm mỹ và những vấn đề mỹ học trong đời sống âm nhạc Việt Nam.

CO4. Vận dụng được những phân tích về nội dung mỹ học âm nhạc để từ đó đưa ra được những đánh giá và có quan điểm đúng đắn về âm nhạc.

*** Về kĩ năng**

CO5. Hình thành các kĩ năng kiến thức về Mỹ học nói chung và Mỹ học âm nhạc nói riêng.

CO6. Khai thác được thông tin trong tìm kiếm tài liệu tự học, nghiên cứu tài liệu các bài tập nâng cao khả năng cảm thụ và thưởng thức âm nhạc.

CO7. Phát triển các kĩ năng phân tích sắp xếp hợp lý bài học. Có sự kết nối giữa các phần học với mối liên hệ và vận dụng khác nhau.

CO8. Vận dụng được các kĩ năng một cách linh hoạt để kiểm tra đánh giá kết quả học tập và sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện ở trường phổ thông.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

Năng lực tự chủ

CO9. Nhận thức đúng tầm quan trọng của học phần Mỹ học âm nhạc và vai trò của giáo viên trong phát triển chương trình Âm nhạc để định hướng về giáo dục thẩm mỹ cho học sinh tại trường phổ thông.

Năng lực trách nhiệm

CO10. Thực hiện đúng các quy định đối với người học, tích cực, chủ động trong nghiên cứu ứng dụng các kiến thức được học vào trong đời sống sinh hoạt.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Trình bày được nguồn gốc Con đường hình thành và phát triển các bộ môn khoa học. Sự xuất hiện của bộ môn mỹ học âm nhạc. Đối tượng nghiên cứu của bộ môn Mỹ học âm nhạc.	PLO2, 3
	CLO2	Nêu rõ được sự phát triển Âm nhạc là tiếng nói của tình cảm. Tính hiện thực của âm nhạc. Giải thuyết về ngôn ngữ âm nhạc.	PLO2, 3
	CLO3	Phân tích được những thành tố chủ yếu trong ngôn ngữ âm nhạc. Vai trò của ngôn ngữ âm nhạc.	PLO2, 3
CO2	CLO4	Mối quan hệ giữa âm nhạc và quy luật ngôn ngữ trong lời ca. Mối quan hệ giữa quy luật nhạc và quy luật thơ ca trong lời ca.	PLO2, 3,11,12, 13
	CLO5	Nêu bật được lí thuyết chung về hình tượng nghệ thuật. Đặc điểm của hình tượng âm nhạc. Một số phương thức tạo dựng hình tượng âm nhạc. Vai trò và sứ mệnh của người nghệ sĩ. Người kiến trúc âm thanh	PLO2, 3,11,12, 13
	CLO6	Những nhận thức sai lầm về thưởng thức âm nhạc. Hai giai đoạn trong quá trình thưởng thức âm nhạc. Sự rung động của trái tim. Vị trí và vai trò của thị hiếu. Giáo dục	

		thị hiếu thẩm mỹ. Giới thiệu những tác phẩm âm nhạc nổi tiếng. Giới thiệu một số trào lưu âm nhạc trên thế giới.	
CO3	CLO6	Phân tích và ghi nhớ những tác dụng của âm nhạc đối với cuộc sống.	PLO2,3, 11,12, 13
Kĩ năng			
CO4	CLO7	Định hướng âm nhạc của mỗi giai đoạn lịch sử, và những người nghệ sĩ đánh dấu mốc phát triển con đường âm nhạc cho nhân loại.	PLO7
CO5	CLO 8	Sử dụng được các ứng dụng của công nghệ thông tin trong quá trình học tập học phần Mĩ học âm nhạc.	PLO8
CO7	CLO 9	Phân tích và giải mã được từng mạch nội dung trong chương trình kể trên; Vận dụng được các nội dung đã học vào thực hành dạy học môn âm nhạc ở phổ thông.	PLO12
CO8	CLO10	Áp dụng được các phương pháp, kĩ thuật kiểm tra đánh giá môn Mĩ học âm nhạc.	PLO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO9	CLO11	Có khả năng thực hiện đúng nội quy của lớp, trường, quy định của học phần môn Mĩ học âm nhạc và quy định về đạo đức nhà giáo.	PLO14
CO10	CLO12	Áp dụng được các kiến thức, kĩ năng của môn Mĩ học âm nhạc cơ bản vào quá trình hoạt động và dạy học ở trường phổ thông.	PLO15

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1		x	x												
CLO2		x	x												
CLO3		x	x												
CLO4		x	x								X	X	X		
CLO5		x	x		x						X	X	X		
CLO6							X								
CLO7								X							
CLO8											X				
CLO9												X			

CLO10														X		
CLO11															x	
CLO12																x
MĐG	0	3	3	0	1	0	1	1	0	0	2	2	2	1	1	

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Tìm hiểu chung về Mỹ học và Mỹ học âm nhạc, đối tượng nghiên cứu của bộ môn Mỹ học âm nhạc. Ngôn ngữ âm nhạc, hình tượng âm nhạc. Một số phương thức tạo dựng hình tượng âm nhạc. Quan hệ giữa âm nhạc và lời ca. Thưởng thức âm nhạc. Vai trò và sứ mệnh của người nghệ sĩ.

Tiếng Anh: General concepts of American aesthetics and music aesthetics, subject of study of musical aesthetics Music language, musical visualization. Some ways of creating musical image. Relationship between music and lyrics. Enjoy the music. The role and mission of the artist.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, bài tập; chuẩn bị bài học trước khi lên lớp.
- Thực hành: Luyện thanh các mẫu cơ bản, Hát 2 bài hát phù hợp với chất giọng
- Kiểm tra định kì: Lấy điểm trung bình chung của tất cả các bài viết, tự luận.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- *Đánh giá theo thang 10 điểm.*
- Hình thức đánh giá:
 - A1: Chuyên cần;
 - A2: Bài tập/thực hành/ thảo luận nhóm;
 - A3: Kiểm tra định kỳ;
 - A4: Thi kết thúc học phần.
- Đánh giá quá trình:
 - + Trọng số điểm: 50% (*Chuyên cần 10%; Bài tập cá nhân/ thực hành; bài tiểu luận/ thảo luận nhóm 20%, bài kiểm tra định kỳ 20%*).
 - + Hình thức: Phối hợp các hình thức đánh giá qua Bài tập cá nhân/nhóm; thực hành; tiểu luận; thuyết trình cá nhân/nhóm; Tự luận
- Thi kết thúc học phần: Trọng số điểm: 50%; Hình thức: *Tự luận*;

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	01	Rubric đánh giá chuyên cần	
2	A2. Bài tập/ Thực hành/ Thảo luận nhóm/ Thực tế chuyên môn	20	01	Rubric đánh giá bài tập/thực hành/ thảo luận nhóm;	
3	A3. Kiểm tra định kỳ	20	02	Đáp án, thang điểm	
4	A4. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Rubric đánh giá chuyên cần

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp thực hành	Dự 80%-89% số giờ lên lớp thực hành	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp thực hành	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp thực hành
Mức đánh giá		Không đạt	Đạt	Khá	Tốt

Rubric đánh giá bài tập/thực hành/ thảo luận nhóm;

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Bài tập cá nhân, tiểu luận (10 %)					

Trình bày nội dung đầy đủ, đảm bảo tính chính xác theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Trình bày nội dung đáp ứng dưới 50% yêu cầu được giao.	Trình bày nội dung đáp ứng 50-64% yêu cầu được giao.	Trình bày nội dung đáp ứng 65-79% yêu cầu được giao.	Trình bày nội dung đáp ứng trên 80% yêu cầu được giao.
Trình bày báo cáo rõ ràng, khoa học và logic	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Trình bày báo cáo đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Trình bày báo cáo đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Trình bày báo cáo đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Trình bày báo cáo đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Hình thức báo cáo sáng sủa, không lỗi văn bản.	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Hình thức trình bày báo cáo đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Hình thức trình bày báo cáo đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Hình thức trình bày báo cáo đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Hình thức trình bày báo cáo đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Nhóm chưa phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời nhưng ở mức chưa cao	Nhóm phối hợp tốt và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời nhưng ở mức chưa cao	Nhóm phối hợp rất tốt và chia sẻ, hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời tốt.
Mức đánh giá		Không đạt	Đạt	Khá	Tốt

- Bài kiểm tra định kì và thi kết thúc học phần được đánh giá theo theo đáp án, thang điểm

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1] Dương Viết Á – Mỹ học âm nhạc – 2001

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Đào Ngọc Dung - Phân tích tác phẩm âm nhạc – NXB Giáo dục 2001

[3] Nguyễn Thị Nhung - Hình thức âm nhạc - NXB Giáo dục 1998

[4] Nguyễn Thị Nhung - Giảng nhạc – Nhạc viện Hà Nội 1998

[5] Tuyển tập ca khúc nhiều tác giả - NXB Âm nhạc

10.3. Nội dung chi tiết học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Trình bày được nguồn gốc Con đường hình thành và phát triển các bộ môn khoa học. Sự xuất hiện của bộ môn mỹ học âm nhạc. Đối tượng nghiên cứu của bộ môn Mỹ học âm nhạc.
LLO2	Nêu rõ được sự phát triển Âm nhạc là tiếng nói của tình cảm. Tính hiện thực của âm nhạc. Giải thuyết về ngôn ngữ âm nhạc. Phân tích được những thành tố chủ yếu trong ngôn ngữ âm nhạc. Vai trò của ngôn ngữ âm nhạc.
LLO3	Nêu bật được lí thuyết chung về hình tượng nghệ thuật. Đặc điểm của hình tượng âm nhạc. Một số phương thức tạo dựng hình tượng âm nhạc. Vai trò và sứ mệnh của người nghệ sĩ. Người kiến trúc âm thanh
LLO4	Những nhận thức sai lầm về thưởng thức âm nhạc. Hai giai đoạn trong quá trình thưởng thức âm nhạc. Sự rung động của trái tim. Vị trí và vai trò của thị hiếu. Giáo dục thị hiếu thẩm mỹ. Giới thiệu những tác phẩm âm nhạc nổi tiếng. Giới thiệu một số trào lưu âm nhạc trên thế giới.
LLO5	Phân tích và ghi nhớ những tác dụng của âm nhạc đối với cuộc sống.
LLO6	Định hướng âm nhạc của mỗi giai đoạn lịch sử, và những người nghệ sĩ đánh dấu mốc phát triển con đường âm nhạc cho nhân loại.
LLO7	Sử dụng được các ứng dụng của công nghệ thông tin trong quá trình học tập học phần Mỹ học âm nhạc.
LLO8	Phân tích và giải mã được từng mạch nội dung trong chương trình kể trên; Vận dụng được các nội dung đã học vào thực hành dạy học môn âm nhạc ở phổ thông.
LLO9	Áp dụng được các phương pháp, kĩ thuật kiểm tra đánh giá môn Mỹ học âm nhạc.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)										
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
LLO1	x										
LLO2		x			x	x					
LLO3		x									
LLO4			x								
LLO5		x	x	x	x		x				
LLO6					x		x				
LLO7								x	x		
LLO8	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
LLO9	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
Chương 1. MỞ ĐẦU				

LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung lí thuyết: (3 tiết) 1. Con đường hình thành và phát triển các bộ môn khoa học. 2. Sự xuất hiện của bộ môn mỹ học âm nhạc. 3. Đối tượng nghiên cứu của bộ môn Mỹ học âm nhạc.	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1 A3 A4	[1] [2] [3]
LLO1 LLO8 LLO11	* Nội dung thực hành (1 tiết) 1. Con đường hình thành và phát triển các bộ môn khoa học. 2. Sự xuất hiện của bộ môn mỹ học âm nhạc. 3. Đối tượng nghiên cứu của bộ môn Mỹ học âm nhạc.	Thực hành	A1 A2	
LLO1 LLO8	* Nội dung bài tập (1 tiết) 1. Phân tích con đường hình thành và phát triển các bộ môn khoa học. 2. Phân tích sự xuất hiện của bộ môn mỹ học âm nhạc. 3. Phân tích đối tượng nghiên cứu của bộ môn Mỹ học âm nhạc.	Bài tập cá nhân	A1 A2	
LLO1 LLO6	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) 1. Con đường hình thành và phát triển các bộ môn khoa học. 2. Sự xuất hiện của bộ môn mỹ học âm nhạc. 3. Đối tượng nghiên cứu của bộ môn Mỹ học âm nhạc.	Thảo luận theo nhóm	A1 A2	
LLO1 LLO8	B. Nội dung tự học: (11 tiết) - Hoàn thành bài tập trong vở giao bài tập. - Ôn tập nội dung đã học. - Đọc tài liệu nội dung chương .		A1	
Chương 2. ĐẶC TRƯNG PHẢN ÁNH HIỆN THỰC CỦA ÂM NHẠC				
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung lí thuyết: (3 tiết) 1. Âm nhạc là tiếng nói của tình cảm. 2. Tính hiện thực của âm nhạc.	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1 A3 A4	[1] [2] [3]
LLO2 LLO8	* Nội dung thảo luận (0 tiết) 1. Âm nhạc là tiếng nói của tình cảm. 2. Tính hiện thực của âm nhạc. Giải thuyết về ngôn ngữ âm nhạc.	Thảo luận nhóm	A1 A2	
LLO2 LLO8	* Nội dung bài tập (1 tiết) 1. Âm nhạc là tiếng nói của tình cảm. 2. Tính hiện thực của âm nhạc. Giải thuyết	Làm bài tập cá nhân	A1 A2	

	về ngôn ngữ âm nhạc.			
LLO2 LLO8	* Nội dung thực hành (2 tiết) 1. Âm nhạc là tiếng nói của tình cảm. 2. Tính hiện thực của âm nhạc. Giải thuyết về ngôn ngữ âm nhạc.	Thực hành- luyện tập	A1 A2	
LLO2 LLO8 LLO9	B. Nội dung tự học: (12 tiết) - Hoàn thành bài tập trong vở giao bài tập. - Ôn tập nội dung đã học. - Đọc tài liệu nội dung chương .		A1	
Chương 3 : NGÔN NGỮ ÂM NHẠC				
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (8 tiết) * Nội dung lí thuyết: (4 tiết) 1. Giải thuyết về ngôn ngữ âm nhạc. 2. Những thành tố chủ yếu trong ngôn ngữ âm nhạc. 3. Vai trò của ngôn ngữ âm nhạc và những thành tố của nó	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1 A3 A4	
LLO2 LLO8	* Nội dung thảo luận (1 tiết) 11. Giải thuyết về ngôn ngữ âm nhạc. 2. Những thành tố chủ yếu trong ngôn ngữ âm nhạc. 3. Vai trò của ngôn ngữ âm nhạc và những thành tố của nó	Thảo luận nhóm	A1 A2	
LLO2 LLO8	* Nội dung bài tập (1 tiết) 1. Giải thuyết về ngôn ngữ âm nhạc. 2. Những thành tố chủ yếu trong ngôn ngữ âm nhạc. 3. Vai trò của ngôn ngữ âm nhạc và những thành tố của nó	Làm bài tập cá nhân	A1 A2	
LLO2 LLO8	* Nội dung thực hành (2 tiết) 1. Giải thuyết về ngôn ngữ âm nhạc. 2. Những thành tố chủ yếu trong ngôn ngữ âm nhạc. 3. Vai trò của ngôn ngữ âm nhạc và những thành tố của nó	Thực hành- luyện tập	A1 A2	
LLO2 LLO8 LLO9	B. Nội dung tự học: (12 tiết) - Hoàn thành bài tập trong vở giao bài tập. - Ôn tập nội dung đã học. - Đọc tài liệu nội dung chương .		A1	
Chương 4: LỜI CA TRONG ÂM NHẠC				
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (7 tiết) * Nội dung lí thuyết: (4 tiết) 1. Mối quan hệ giữa âm nhạc và quy luật ngôn ngữ trong lời ca. 2. Mối quan hệ giữa quy luật nhạc và quy luật thơ ca trong lời ca.	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1 A3 A4	[1] [2] [3]

LLO2 LLO8	* Nội dung thảo luận (0 tiết) 1. Mối quan hệ giữa âm nhạc và quy luật ngôn ngữ trong lời ca. 2. Mối quan hệ giữa quy luật nhạc và quy luật thơ ca trong lời ca.	Thảo luận nhóm	A1 A2	
LLO2 LLO8	* Nội dung bài tập (1 tiết) 1. Mối quan hệ giữa âm nhạc và quy luật ngôn ngữ trong lời ca. 2. Mối quan hệ giữa quy luật nhạc và quy luật thơ ca trong lời ca.	Làm bài tập cá nhân	A1 A2	
LLO2 LLO8	* Nội dung thực hành (2 tiết) 1. Mối quan hệ giữa âm nhạc và quy luật ngôn ngữ trong lời ca. 2. Mối quan hệ giữa quy luật nhạc và quy luật thơ ca trong lời ca.	Thực hành-luyện tập	A1 A2	
LLO2 LLO8 LLO9	B. Nội dung tự học: (12 tiết) - Hoàn thành bài tập trong vở giao bài tập. - Ôn tập nội dung đã học. - Đọc tài liệu nội dung chương .		A1	
Chương 5: HÌNH TƯỢNG ÂM NHẠC				
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (8 tiết) * Nội dung lí thuyết: (4 tiết) 1. Giải thuyết chung về hình tượng nghệ thuật. 2. Đặc điểm của hình tượng âm nhạc. 3. Một số phương thức tạo dựng hình tượng âm nhạc.	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1 A3 A4	
LLO2 LLO8	* Nội dung thảo luận (1 tiết) 1. Giải thuyết chung về hình tượng nghệ thuật. 2. Đặc điểm của hình tượng âm nhạc. 3. Một số phương thức tạo dựng hình tượng âm nhạc.	Thảo luận nhóm	A1 A2	
LLO2 LLO8	* Nội dung bài tập (1 tiết) 1. Giải thuyết chung về hình tượng nghệ thuật. 2. Đặc điểm của hình tượng âm nhạc. 3. Một số phương thức tạo dựng hình tượng âm nhạc.	Làm bài tập cá nhân	A1 A2	
LLO2 LLO8	* Nội dung thực hành (2 tiết) 1. Giải thuyết chung về hình tượng nghệ thuật. 2. Đặc điểm của hình tượng âm nhạc. 3. Một số phương thức tạo dựng hình tượng âm nhạc.	Thực hành-luyện tập	A1 A2	
LLO2 LLO8	B. Nội dung tự học: (12 tiết) - Hoàn thành bài tập trong vở giao bài tập.		A1	

LLO9	- Ôn tập nội dung đã học. - Đọc tài liệu nội dung chương .			
Chương 6: NGHỆ SĨ				
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (9 tiết) * Nội dung lí thuyết: (4 tiết) 1. Vai trò và sứ mệnh của người nghệ sĩ. 2. Người kiến trúc âm thanh	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1 A3 A4	
LLO2 LLO8	* Nội dung thảo luận (1 tiết) 1. Vai trò và sứ mệnh của người nghệ sĩ. 2. Người kiến trúc âm thanh	Thảo luận nhóm	A1 A2	
LLO2 LLO8	* Nội dung bài tập (2 tiết) 1. Vai trò và sứ mệnh của người nghệ sĩ. 2. Người kiến trúc âm thanh	Làm bài tập cá nhân	A1 A2	
LLO2 LLO8	* Nội dung thực hành (2 tiết) 1. Vai trò và sứ mệnh của người nghệ sĩ. 2. Người kiến trúc âm thanh	Thực hành- luyện tập	A1 A2	
LLO2 LLO8 LLO9	B. Nội dung tự học: (12 tiết) - Hoàn thành bài tập trong vở giao bài tập. - Ôn tập nội dung đã học. - Đọc tài liệu nội dung chương .		A1	
Chương 7: THƯỜNG THỨC ÂM NHẠC				
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (9 tiết) * Nội dung lí thuyết: (4 tiết) 1. Khái niệm 2. Những nhận thức sai lầm về thưởng thức âm nhạc. 3. Hai giai đoạn trong quá trình thưởng thức âm nhạc. 4. Sự rung động của trái tim. 5. Vị trí và vai trò của thị hiếu. 6. Giáo dục thị hiếu thẩm mỹ. 7. Giới thiệu những tác phẩm âm nhạc nổi tiếng. 8. Giới thiệu một số trào lưu âm nhạc trên thế giới.	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1 A3 A4	
LLO2 LLO8	* Nội dung thảo luận (1 tiết) 1. Khái niệm 2. Những nhận thức sai lầm về thưởng thức âm nhạc. 3. Hai giai đoạn trong quá trình thưởng	Thảo luận nhóm	A1 A2	

	thức âm nhạc. 4. Sự rung động của trái tim. 5. Vị trí và vai trò của thị hiếu. 6. Giáo dục thị hiếu thẩm mỹ. 7. Giới thiệu những tác phẩm âm nhạc nổi tiếng			
LLO2 LLO8	* Nội dung bài tập (2 tiết) 1. Khái niệm 2. Những nhận thức sai lầm về thưởng thức âm nhạc. 3. Hai giai đoạn trong quá trình thưởng thức âm nhạc. 4. Sự rung động của trái tim. 5. Vị trí và vai trò của thị hiếu. 6. Giáo dục thị hiếu thẩm mỹ. 7. Giới thiệu những tác phẩm âm nhạc nổi tiếng	Làm bài tập cá nhân	A1 A2	
LLO2 LLO8	* Nội dung thực hành (2 tiết) 1. Những nhận thức sai lầm về thưởng thức âm nhạc. 2. Hai giai đoạn trong quá trình thưởng thức âm nhạc. 3. Sự rung động của trái tim. 4. Vị trí và vai trò của thị hiếu. 5. Giáo dục thị hiếu thẩm mỹ.	Thực hành-luyện tập	A1 A2	
LLO2 LLO8 LLO9	B. Nội dung tự học: (12 tiết) - Hoàn thành bài tập trong vở giao bài tập. - Ôn tập nội dung đã học. - Đọc tài liệu nội dung chương .		A1	
Chương 8 MĨ HỌC TRONG ĐỜI SỐNG TINH THẦN VIỆT NAM				
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (7 tiết) * Nội dung lí thuyết: (4 tiết) 1. Cái cao cả 2. Những tác phẩm âm nhạc về Đảng 3. Những tác phẩm về lãnh tụ. 4. Cái đẹp trong thiên nhiên	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1 A3 A4	

	5. Cái đẹp trong cuộc sống 6. Từ nhận thức đến biểu hiện của tác phẩm 7. Sự đa dạng không rên rỉ trước cái bi. 8. Một số trào lưu âm nhạc mới: Ca khúc chính trị, Nhạc vàng, Nhạc nhẹ, Nhạc hải ngoại, Tình ca				
LLO2 LLO8	* Nội dung thảo luận (0 tiết) 1. Những nhận thức sai lầm về thưởng thức âm nhạc. 3. Hai giai đoạn trong quá trình thưởng thức âm nhạc. 4. Sự rung động của trái tim. 5. Vị trí và vai trò của thị hiếu.		Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1 A3 A4	
LLO2 LLO8	* Nội dung bài tập (1 tiết) 1. Khái niệm 2. Những nhận thức sai lầm về thưởng thức âm nhạc. 3. Hai giai đoạn trong quá trình thưởng thức âm nhạc. 4. Sự rung động của trái tim. 5. Vị trí và vai trò của thị hiếu. 6. Giáo dục thị hiếu thẩm mỹ. 7. Giới thiệu những tác phẩm âm nhạc nổi tiếng	Làm bài tập cá nhân	A1 A2	LLO2 LLO8	
LLO2 LLO8	* Nội dung thực hành (2 tiết) 1. Những nhận thức sai lầm về thưởng thức âm nhạc. 2. Hai giai đoạn trong quá trình thưởng thức âm nhạc. 3. Sự rung động của trái tim. 4. Vị trí và vai trò của thị hiếu. 5. Giáo dục thị hiếu thẩm mỹ.	Thực hành-luyện tập	A1 A2	LLO2 LLO8	
LLO2 LLO8 LLO9	B. Nội dung tự học: (12 tiết) - Hoàn thành bài tập trong vở giao bài tập. - Ôn tập nội dung đã học. - Đọc tài liệu nội dung chương.		A1		

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Bảng tốt, đủ ánh sáng.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy chiếu, loa mic, Đàn phím điện tử.
- Điều kiện khác:

8.34. Nghệ thuật học đại cương (59GAR231)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	30	60
2	Bài tập	10	15
3	Thực hành	15	22.5
4	Thảo luận	5	5
5	Thực tế chuyên môn	0	
Tổng		60	102.5

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật; Khoa Giáo dục Tiểu học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS Đỗ Thị Linh Chi	0988808489	chidtl@tnue.edu.vn
2	ThS Nguyễn Văn Thiệu	0988268558	thieunv@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng:

Người học có khả năng phân tích, trình bày và vận dụng một số kiến thức cơ bản về thành tựu nghệ thuật hiện đại, những kiến thức cơ bản về phương pháp sáng tác chủ yếu của nghệ thuật vào thực tiễn

* Kiến thức

CO1. Người học phân tích được nguồn gốc ra đời của các loại hình nghệ thuật, một số kiến thức cơ bản về thành tựu nghệ thuật phương Tây.

CO2. Đánh giá so sánh được một số kiến thức cơ bản về thành tựu nghệ thuật phương Đông.

CO3. Người học trình bày được một số kiến thức cơ bản về thành tựu nghệ thuật hiện đại, những kiến thức cơ bản về phương pháp sáng tác chủ yếu của nghệ thuật; Người học được học cách thưởng thức nghệ thuật thông qua các loại hình và loại thể.

CO4. Người học vận dụng được những kiến thức cơ bản về các phương pháp sáng tác chủ yếu của nghệ thuật, hình tượng nghệ thuật, cách thưởng thức nghệ thuật thông qua các loại hình và loại thể.

* Kỹ năng

CO5. Người học liệt kê, so sánh, đối chiếu được một số nét đặc trưng về các loại hình NT phương Đông;

CO6. Phân tích được một số nét đặc trưng về các loại hình NT hiện đại; những kiến thức cơ bản về phương pháp sáng tác chủ yếu của nghệ thuật.

+CO7. Người học thưởng thức được nghệ thuật thông qua các loại hình và

loại thể.

CO8. Người học phân tích được nguồn gốc ra đời của các phương pháp sáng tác chủ yếu của nghệ thuật, hình tượng nghệ thuật, cách thưởng thức nghệ thuật thông qua các loại hình và loại thể.

*** Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

Năng lực tự chủ

CO9. Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.

Năng lực trách nhiệm

CO10. Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Tham gia tích cực vào quá trình học tập học phần khi hoạt động cá nhân, nhóm và có khả năng tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Người học trình bày được nguồn gốc ra đời của các loại hình nghệ thuật, một số kiến thức cơ bản về thành tựu nghệ thuật phương Tây.	PLO1 PLO3 PLO8
	CLO2	Đánh giá so sánh được một số kiến thức cơ bản về thành tựu nghệ thuật phương Đông.	PLO1 PLO3 PLO8
	CLO3	Người học nêu được một số kiến thức cơ bản về thành tựu nghệ thuật hiện đại, những kiến thức cơ bản về phương pháp sáng tác chủ yếu của nghệ thuật;	PLO1 PLO3 PLO8
CO2	CLO4	Người học được học cách thưởng thức nghệ thuật thông qua các loại hình và loại thể.	PLO1 PLO3 PLO8
CO3	CLO5	Người học vận dụng được những kiến thức cơ bản về các phương pháp sáng tác chủ yếu của nghệ thuật, hình tượng nghệ thuật, cách thưởng thức nghệ thuật thông qua các loại hình và loại thể.	PLO1 PLO3 PLO8
	Kĩ năng		
CO4	CLO6	Người học liệt kê, so sánh, đối chiếu được một số nét đặc trưng về các loại hình NT phương Đông;	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13

			PLO15
CO5	CLO7	Phân tích một số nét đặc trưng về các loại hình NT hiện đại; những kiến thức cơ bản về phương pháp sáng tác chủ yếu của nghệ thuật.	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO6	CLO8	Người học thưởng thức được nghệ thuật thông qua các loại hình và loại thể.	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO7	CLO9	Người học bước đầu phân tích được nguồn gốc ra đời của các phương pháp sáng tác chủ yếu của nghệ thuật, hình tượng nghệ thuật, cách thưởng thức nghệ thuật thông qua các loại hình và loại thể.	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO8	CLO10	Năng lực tự chủ Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.	PLO14
CO9	CLO11	Năng lực trách nhiệm Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Hoàn thành đầy đủ bài tập do. Tham gia các hoạt động âm nhạc tập thể một cách tích cực.	PLO15

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x	x	x					x							
CLO2	x	x	x					x							
CLO3	x		x					x							
CLO4	x		x					x							
CLO5	x		x					x							
CLO6			x					x		x			x		x

CLO7			x					x		x			x		x
CLO8			x					x		x			x		x
CLO9			x					x		x			x		x
CLO10														x	
CLO11															x
MDG	3	1	3	0	0	0	0	3	0	2	0	0	2	1	3

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học nghệ thuật học đại cương giúp sinh viên trình bày tóm tắt nội dung môn học đầy đủ:

Người học trình bày, phân tích, vận dụng được nguồn gốc ra đời của các loại hình nghệ thuật, một số kiến thức cơ bản về thành tựu nghệ thuật phương Tây và thành tựu nghệ thuật phương Đông.

Người học phân tích được một số kiến thức cơ bản về thành tựu nghệ thuật hiện đại, phương pháp sáng tác chủ yếu của nghệ thuật; Người học được học cách thưởng thức nghệ thuật thông qua các loại hình và loại thể.

Người học vận dụng được những kiến thức cơ bản về các phương pháp sáng tác chủ yếu của nghệ thuật, hình tượng nghệ thuật.

The general arts course helps students present a summary of the full subject content:

Learners present, analyze, and apply the origins of art forms, and some basic knowledge about Western artistic achievements and Eastern artistic achievements.

Learners will be able to analyze some basic knowledge about modern artistic achievements and the main creative methods of art; Learners learn to appreciate art through different types and genres.

Learners can apply basic knowledge about the main creative methods of art and artistic images.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp, 100% giờ học trực tuyến (nếu có), đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành bài thực hành cá nhân.
- Kiểm tra định kỳ: Dự và thực hiện kiểm tra định kì đúng lịch.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- Đánh giá theo thang 10 điểm.
- Hình thức đánh giá:
 - A1: Chuyên cần;
 - A2: Thực hành;
 - A3: Kiểm tra định kỳ;
 - A4: Thi kết thúc học phần.
- Đánh giá quá trình:
 - + Trọng số điểm: 50% [*Chuyên cần 10%; Thực hành cá nhân 20%, bài kiểm tra định kỳ 20% (thực hành)*].
 - + Hình thức: Đánh giá qua thực hành cá nhân.
- Thi kết thúc học phần: Trọng số điểm: 50%; Hình thức: *Tự luận*

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần		01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-9
4	A2. Thực hành		01	Đáp án, thang điểm	CLO 6, 7, 8, 9
5	A3. Bài kiểm tra định kì		01	Đáp án, thang điểm	CLO 3, 4, 5, 6, 7,8
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A4. Tự luận	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 6, 7,8, 9

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp thực hành	Dự 80%-89% số giờ lên lớp thực hành	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp thực hành	Dự 95% -100% số giờ lên lớp thực hành

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1] Đỗ Văn Khang (2008), *Nghệ thuật học*, Nxb TT - TT, Hà Nội;

9.2. Tài liệu tham khảo: (nếu có)

[2] Phạm Thị Chinh (2004), *Lịch sử Mỹ thuật thế giới*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội;

[3] Hoàng Công Dung, Nguyễn Thúy Hương, Lê Đức Sang, Trịnh Hoài Thu (2010), *Giáo trình Âm nhạc và Múa*, Nxb Giáo dục, Hà Nội;

[4] Nguyễn Thụy Loan (2005), *Âm nhạc cổ truyền Việt Nam*, Giáo trình đào tạo GV THCS, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

9.3. Website (nếu có)

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Người học trình bày được nguồn gốc ra đời của các loại hình nghệ thuật, một số kiến thức cơ bản về thành tựu nghệ thuật phương Tây.
LLO2	Đánh giá so sánh được một số kiến thức cơ bản về thành tựu nghệ thuật phương Đông.
LLO3	Người học nêu được một số kiến thức cơ bản về thành tựu nghệ thuật hiện đại, những kiến thức cơ bản về phương pháp sáng tác chủ yếu của nghệ thuật;
LLO4	Người học được học cách thưởng thức nghệ thuật thông qua các loại hình và loại thể.
LLO5	Người học vận dụng được những kiến thức cơ bản về các phương pháp sáng tác chủ yếu của nghệ thuật, hình tượng nghệ thuật, cách thưởng thức nghệ thuật thông qua các loại hình và loại thể.
LLO6	Người học liệt kê, so sánh, đối chiếu được một số nét đặc trưng về các loại hình NT phương Đông;
LLO7	Phân tích một số nét đặc trưng về các loại hình NT hiện đại; những kiến thức cơ bản về phương pháp sáng tác chủ yếu của nghệ thuật.
LLO8	Người học thưởng thức được nghệ thuật thông qua các loại hình và loại thể.
LLO9	Người học bước đầu phân tích được nguồn gốc ra đời của các phương pháp sáng tác chủ yếu của nghệ thuật, hình tượng nghệ thuật, cách thưởng thức nghệ thuật thông qua các loại hình và loại thể.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)										
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
LLO1	x										
LLO2		x			x	x					
LLO3		x									
LLO4			x								
LLO5		x	x	x	x		x				

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)										
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
LLO6					x		x				
LLO7								x	x		
LLO8	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
LLO9	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Nguồn gốc của Nghệ thuật				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (7 tiết) * Nội dung lí thuyết: (4 tiết) 1.1. Các học thuyết cũ về nguồn gốc của nghệ thuật 1.2. Nguồn gốc của nghệ thuật được lí giải trên cơ sở thuyết tổng sinh lực và sinh lực thừa	<i>Giảng giải minh họa.</i>		[7]
LLO1	* Nội dung bài tập: (1 tiết) + Các học thuyết cũ về nguồn gốc của nghệ thuật + Nguồn gốc của nghệ thuật được lí giải trên cơ sở thuyết tổng sinh lực và sinh lực thừa	<i>Giảng giải minh họa.</i>		[7]
LLO2	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (2 tiết) Làm bài tập nhóm		[A2]	[4]
	B. Nội dung tự học: (14 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và trả lời câu hỏi	<i>Lý thuyết</i>	[A1]	[4]
Chương 2: Các thành tựu cơ bản của nghệ thuật phương tây				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (8 tiết) * Nội dung lí thuyết: (4 tiết) 2.1. Nghệ thuật nguyên thủy 2.2. Thành tựu của nghệ thuật cổ Hy Lạp và La Mã 2.3 Thành tựu của Nghệ thuật Trung cổ 2.4 Thành tựu của Nghệ thuật Phục Hưng 2.5 Thành tựu của nghệ thuật Cổ điển (thế kỉ XVII) 2.6 Thành tựu của nghệ thuật Khai sáng(thế	<i>Giảng giải minh họa.</i>	[A1]	[5] [4]

	kỉ XVIII) 2.7 Thành tựu của nghệ thuật cuối thế kỉ XVIII và thế kỉ XIX			
LLO1	* Nội dung bài tập: (1 tiết) + Thành tựu của Nghệ thuật Trung cổ + Thành tựu của Nghệ thuật Phục Hưng + Thành tựu của nghệ thuật Cổ điển (thế kỉ XVII) + Thành tựu của nghệ thuật Khai sáng(t	<i>Giảng giải minh họa.</i>		[7]
LLO1	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Thảo luận nhóm			
LLO2	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (2 tiết) Làm bài tập nhóm		[A2]	[4]
	B. Nội dung tự học: (14 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và trả lời câu hỏi	<i>Lý thuyết</i>	[A1]	[5] [4]
Chương 3: Thành tựu của nghệ thuật phương Đông				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (8 tiết) * Nội dung lý thuyết: (4 tiết) 3.1. Phương Đông và phương Tây 3.2. Thành tựu của nghệ thuật Ấn Độ truyền thống 2.3 Thành tựu của Nghệ thuật Trung Quốc cổ đại 2.4 Thành tựu của Nghệ thuật Ai Cập cổ đại 2.5 Thành tựu của nghệ thuật Lưỡng Hà cổ đại (từ 5000 năm tr.CN)	<i>Giảng giải minh họa.</i>	[A1]	[5] [4]
LLO1	* Nội dung bài tập: (1 tiết) + Phương Đông và phương Tây +. Thành tựu của nghệ thuật Ấn Độ truyền thống + Thành tựu của Nghệ thuật Trung Quốc cổ đại + Thành tựu của Nghệ thuật Ai Cập cổ đại	<i>Giảng giải minh họa.</i>		[7]
LLO1	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Thảo luận nhóm			[7]
LLO2	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (2 tiết) Làm bài tập nhóm		[A2]	[4]
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và trả lời câu hỏi	<i>Lý thuyết</i>	[A1]	[5] [4]
Chương 4: Thành tựu nghệ thuật hiện đại				
LLOs	Nội dung	Hình thức/		

		phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung lí thuyết: (5 tiết) 4.1. Khái niệm hiện đại trong nghệ thuật 4.2. Chủ nghĩa ấn tượng (Impresionisme) 4.3 Chủ nghĩa dã thú (Fauvisme) 4.4 Chủ nghĩa lập thể (Cubisme) 4.5 Chủ nghĩa siêu thực (Surrealisme) 4.6 Chủ nghĩa trừu tượng (Abstractionnisme)	<i>Giảng giải minh họa.</i>	[A1]	[5] [4]
LLO1	* Nội dung bài tập: (2 tiết) + Chủ nghĩa ấn tượng (Impresionisme) + Chủ nghĩa dã thú (Fauvisme) + Chủ nghĩa lập thể (Cubisme) + Chủ nghĩa siêu thực (Surrealisme) + Chủ nghĩa trừu tượng (Abstractionnisme)	<i>Giảng giải minh họa.</i>		[5]
LLO1	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Thảo luận nhóm			[5]
LLO2	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (2 tiết) Làm bài tập nhóm		[A2]	[4]
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và trả lời câu hỏi	<i>Lý thuyết</i>	[A1]	[5] [4]
Chương 5: Các phương pháp sáng tác chủ yếu của nghệ thuật				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (11 tiết) * Nội dung lí thuyết: (5 tiết) 5.1. Bản chất của phương pháp 5.2. Bản chất của phương pháp sáng tác 5.3 Mối quan hệ giữa phương pháp sáng tác 5.4 Các phương pháp sáng tác quan trọng trong lịch sử nghệ thuật	<i>Giảng giải minh họa.</i>	[A1]	[5] [4]
LLO1	* Nội dung bài tập: (2 tiết) + Bản chất của phương pháp sáng tác + Mối quan hệ giữa phương pháp sáng tác	<i>Giảng giải minh họa.</i>		[5]
LLO1	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Thảo luận nhóm			[5]
LLO2	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (2 tiết) Làm bài tập nhóm		[A2]	[4]
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và trả lời câu hỏi	<i>Lý thuyết</i>	[A1]	[5] [4]
Chương 6: Tác phẩm và hình tượng. Cơ sở để khám phá, sáng tạo và thưởng thức nghệ thuật				
LLOs	Nội dung	Hình thức/		

		phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (9 tiết) * Nội dung lý thuyết: (4 tiết) 6.1. Tác phẩm nghệ thuật 6.2. Bản chất của hình tượng nghệ thuật 6.3 Chức năng của hình tượng nghệ thuật	<i>Giảng giải minh họa.</i>	[A1]	[5] [4]
LLO1	* Nội dung bài tập: (2 tiết) + Bản chất của hình tượng nghệ thuật + Chức năng của hình tượng nghệ thuật	<i>Giảng giải minh họa.</i>		[5]
LLO1	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Thảo luận nhóm			[5]
LLO2	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (2 tiết) Làm bài tập nhóm		[A2]	[4]
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và trả lời câu hỏi	<i>Lý thuyết</i>	[A1]	[5] [4]
Chương 7: Cách thưởng thức nghệ thuật thông qua các loại hình và loại thể				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (7 tiết) * Nội dung lý thuyết: (4 tiết) 7.1. Kiến trúc 7.2. Điêu khắc 7.3 Hội họa 7.4 Âm nhạc 7.5 Múa 7.6 Kịch 7.7 Điện ảnh 7.8 Văn học	<i>Giảng giải minh họa.</i>	[A1]	[5] [4]
LLO1	* Nội dung bài tập: (1 tiết) + Âm nhạc + Múa + Kịch + Điện ảnh	<i>Giảng giải minh họa.</i>		[5]
LLO1	* Nội dung thảo luận: (0 tiết) Thảo luận nhóm			[5]
LLO2	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (2 tiết) Làm bài tập nhóm		[A2]	[4]
	B. Nội dung tự học: (14.5 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và trả lời câu hỏi	<i>Lý thuyết</i>	[A1]	[5] [4]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học lý thuyết
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Ti vi, loa, đài,

8.35. Học phần Giới thiệu nhạc cụ 59IMI231

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	30	60
2	Bài tập	10	15
3	Thực hành	15	22,5
4	Thảo luận	5	5
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		60	102,5

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Lý thuyết Âm nhạc cơ bản

- Học phần học song hành:

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật; Khoa Giáo dục Tiểu học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Th.S Phạm Minh Thủy	0338559688	thuypm@tnue.edu.vn
2	TS Nguyễn Thanh Tiến	0988268558	thieunv@tnue.edu.vn
3	Th.S Lương Ngọc Quỳnh	0913967828	quynhln@tnue.edu.vn
4	Th.S Nguyễn Văn Thiều	0988268558	thieunv@tnue.edu.vn
5	Th.S Đỗ Linh Chi	0988808489	chidtl@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng:

* Kiến thức

CO1.Trình bày khái niệm và tính năng một số loại nhạc cụ trong bộ dây của dàn nhạc giao hưởng, những yếu tố kỹ thuật khi sử dụng một số đàn dây trong dàn nhạc giao hưởng.

CO2.Trình bày khái niệm và tính năng của kèn thuộc bộ gỗ và bộ đồng đồng.

CO3.Trình bày khái niệm và tính năng nhạc cụ thuộc bộ gỗ, các nhạc khí rung bằng màng, rung bằng kim loại, phân loại có định âm và không định âm.

CO4.Trình bày tính năng của đàn Guitare, đàn Organ điện tử và kèn Saxophone.

CO5. Trình bày khái niệm và tính năng nhạc cụ dân tộc Việt Nam thuộc bộ dây kéo, bộ dây gảy, bộ hơi và bộ gõ.

* Kỹ năng

CO6.Lựa chọn và sử dụng một số loại nhạc cụ thuộc bộ dây, bộ kèn gỗ và kèn đồng cho dàn nhạc giao hưởng.

CO7. Lựa chọn và sử dụng một số loại nhạc cụ thuộc bộ gõ cho dàn nhạc giao hưởng.

CO8. Sử dụng tính năng nhạc cụ Guitar, đàn phím điện tử và kèn Saxophone vào việc đệm những bài hát trong chương trình Giáo dục âm nhạc ở trường phổ thông.

CO9. Sử dụng tính năng một số nhạc cụ dân tộc Việt Nam thuộc bộ dây kéo, bộ dây gảy, bộ hơi và bộ gõ trong việc giới thiệu nhạc cụ dân tộc cho học sinh phổ thông.

*** Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO10. Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.

CO11. Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Tham gia tích cực vào quá trình học tập học phần khi hoạt động cá nhân, nhóm và có khả năng tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	+ Trình bày khái niệm và tính năng một số loại đàn trong bộ dây của dàn nhạc giao hưởng, những yếu tố kỹ thuật khi sử dụng một số đàn dây trong dàn nhạc giao hưởng.	PLO1 PLO3 PLO8
	CLO2	+ Trình bày khái niệm và tính năng của bộ kèn gỗ kèn đồng.	PLO1 PLO3 PLO8
	CLO3	+ Trình bày khái niệm về bộ nhạc cụ gõ, các nhạc khí rung bằng màng, rung bằng kim loại, phân loại có định âm và không định âm.	PLO1 PLO3 PLO8
CO2	CLO4	+ Trình bày tính năng của đàn Guitare, đàn Organ điện tử và kèn Saxophone.	PLO1 PLO3 PLO8
CO3	CLO5	+ Trình bày tính năng nhạc cụ dân tộc Việt Nam thuộc bộ dây kéo, bộ dây gảy, bộ hơi và bộ gõ.	PLO1 PLO3 PLO8
	Kĩ năng		
CO4	CLO6	+ Sắp xếp được một số loại nhạc cụ bộ dây, bộ kèn gỗ và kèn đồng cho dàn nhạc giao hưởng.	PLO13 PLO15
CO5	CLO7	+ Sắp xếp được một số nhạc cụ gõ cho dàn nhạc giao hưởng.	PLO10 PLO13
CO6	CLO8	+ Sử dụng tính năng nhạc cụ Guitar, đàn phím điện tử và kèn Saxophone vào việc đệm những bài hát trong chương	PLO10 PLO13

		trình Giáo dục âm nhạc ở trường phổ thông.	PLO15
CO7	CLO9	+ Sử dụng tính năng một số nhạc cụ dân tộc Việt Nam thuộc bộ dây kéo, bộ dây gảy, bộ hơi và bộ gõ trong việc giới thiệu nhạc cụ dân tộc cho học sinh phổ thông.	PLO10 PLO13 PLO15
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO8	CLO10	Năng lực tự chủ Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.	PLO14
CO9	CLO11	Năng lực trách nhiệm Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Hoàn thành đầy đủ bài tập. Tham gia các hoạt động âm nhạc tập thể một cách tích cực.	PLO15

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x		x					x							
CLO2	x		x					x							
CLO3	x		x					x							
CLO4	x		x					x							
CLO5	x		x					x							
CLO6			x					x		x			x		x
CLO7			x					x		x			x		x
CLO8			x					x		x			x		x
CLO9			x					x		x			x		x
CLO10														x	
CLO11		x		x	x	x	x		x		x	x			x
MĐG	3	1	3	1	1	1	1	3	1	2	1	1	2	1	3

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Giới thiệu cho người học biết được tính năng các nhạc cụ trong dàn nhạc giao hưởng, các nhạc cụ dân tộc cổ truyền Việt Nam và các nhạc cụ đang được sử dụng rộng rãi như đàn Guita, Organ... để làm cơ sở cho việc lựa chọn và sử dụng một số loại nhạc cụ nhằm nâng cao hiệu quả trong giảng dạy âm nhạc.

Introduce learners to the features of musical instruments in the symphony orchestra, traditional Vietnamese musical instruments and widely used musical instruments such as the guitar, organ... to serve as a basis for selecting and using some types of musical instruments to improve the effectiveness of music teaching.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp, 100% giờ học trực tuyến (nếu có), đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành bài thực hành cá nhân.
- Kiểm tra định kỳ: Dự và thực hiện kiểm tra định kì đúng lịch.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- *Đánh giá theo thang 10 điểm.*
- Hình thức đánh giá:
 - A1: Chuyên cần;
 - A2: Thực hành;
 - A3: Kiểm tra định kỳ;
 - A4: Thi kết thúc học phần.
- Đánh giá quá trình:
 - + Trọng số điểm: 50% [*Chuyên cần 10%; Thực hành cá nhân 20%, bài kiểm tra định kỳ 20% (thực hành)*].
 - + Hình thức: Đánh giá qua thực hành cá nhân.
- Thi kết thúc học phần: Trọng số điểm: 50%; Hình thức: *Tự luận*

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần		01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-9
4	A2. Thực hành		01	Đáp án, thang điểm	CLO 6, 7, 8, 9
5	A3. Bài kiểm tra định kì		01	Đáp án, thang điểm	CLO 3, 4, 5, 6, 7,8
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A4. Thực hành	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh	CLO 6, 7,8, 9

				giá vận đáp	
--	--	--	--	-------------	--

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1] Trịnh Tuấn, *Các nhạc khí trong dàn nhạc giao hưởng*, NXB Hà Nội, 2004.

[2] Lê Huy, *Nhạc khí truyền thống*, NXB Hà Nội, 1994

9.2. Tài liệu tham khảo: (nếu có)

[3] B.Kianop & X.Vakrexenki. Phối khí cho dàn nhạc và ban nhạc nhẹ .

[4] Lê Huy – Huy Chân. Nhạc khí dân tộc Việt Nam, NXB Văn Hóa 1984

[5] Zirakovski. Tính năng nhạc cụ

9.3. Website (nếu có)

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	+ Trình bày được khái niệm và tính năng một số loại nhạc cụ trong bộ dây của dàn nhạc giao hưởng, những yếu tố kỹ thuật khi sử dụng một số nhạc cụ dây trong dàn nhạc giao hưởng.
LLO2	+ Trình bày được khái niệm và sử dụng tính năng một số nhạc cụ bộ kèn gỗ, kèn đồng sắp xếp cho dàn nhạc giao hưởng.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO3	+ Trình bày được khái niệm về nhạc cụ thuộc bộ gõ, các nhạc khí rung bằng màng, rung bằng kim loại, phân loại có định âm và không định âm.
LLO4	+ Trình bày và sử dụng được tính năng của đàn Guitare, đàn phím điện tử và kèn Saxophone đệm những bài hát trong chương trình Giáo dục âm nhạc phổ thông.
LLO5	+ Trình bày và sử dụng tính năng một số nhạc cụ dân tộc Việt Nam thuộc bộ dây kéo, bộ dây gảy, bộ hơi và bộ gõ giới thiệu cho học sinh phổ thông.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)										
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
LLO1	x										
LLO2		x			x	x		x		x	x
LLO3		x		x					x		
LLO4			x				x				

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Những vấn đề cơ bản của tính năng nhạc cụ				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (15 tiết) * Nội dung lí thuyết: (9tiết) 1.1. Khái niệm về tính năng nhạc cụ 1.2. Khái niệm và tính năng các loại nhạc cụ trong bộ dây của dàn nhạc giao hưởng 1.3. Những yếu tố kỹ thuật khi sử dụng các loại nhạc cụ thuộc bộ dây trong dàn nhạc giao hưởng	<i>Giảng giải minh họa.</i>	[A1] [A2]	[1] [2] [3] [4] [5]
LLO1	* Nội dung bài tập: (2 tiết) - So sánh sự giống nhau và khác nhau về nguyên lý tạo ra âm thanh của một số nhạc cụ thuộc bộ dây trong dàn nhạc giao hưởng	<i>Làm bài tập theo nhóm</i>	[A1] [A2]	[1] [2] [3] [4] [5]
LLO1	*Nội dung thực hành/ thí nghiệm:(3 tiết)	<i>Thực</i>	[A1]	[1]

	<i>Thực hành chơi một số nhạc cụ thuộc bộ dây trong dàn nhạc giao hưởng tiêu biểu để nhận ra nguyên lý phát ra âm thanh của từng nhạc cụ.</i>	<i>hành theo nhóm</i>	[A2]	[2] [3] [4] [5]
LLO1	*Nội dung thảo luận: (1tiết) Thảo luận về cấu tạo, đặc trưng và vai trò của một số nhạc cụ thuộc bộ dây trong dàn nhạc giao hưởng	<i>Thảo luận nhóm</i>	[A1] [A2]	[1] [2] [3] [4] [5]
	B. Nội dung tự học: (22,5 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và trả lời câu hỏi	<i>Sinh viên tự học</i>	[A1] [A2]	[1] [2] [3] [4] [5]
Chương 2: Tính năng các loại kèn trong bộ gõ và bộ đồng của nhạc giao hưởng				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung lý thuyết: (4 tiết) 2.1. Khái niệm và tính năng của kèn thuộc bộ gõ 2.2 Khái niệm và tính năng của kèn thuộc bộ đồng.	<i>Giảng giải minh họa.</i>	[A1] [A2]	[1] [2] [3] [4] [5]
LLO2	* Nội dung bài tập: (2tiết) - So sánh sự giống nhau và khác nhau về nguyên lý tạo ra âm thanh của kèn thuộc bộ gõ và bộ đồng	<i>Làm bài tập nhóm</i>	[A1] [A2]	[1] [2] [3] [4] [5]
LLO2	*Nội dung thực hành/ thí nghiệm: (3tiết) Thực hành đọc bản nhạc và chơi theo bản nhạc một số bài tập đơn giản trên kèn thuộc bộ gõ và bộ đồng.	<i>Thực hành</i>	[A1] [A2]	[1] [2] [3] [4] [5]
LLO2	*Nội dung thảo luận: (1 tiết) Thảo luận về cấu tạo, đặc trưng và vai trò của một số kèn thuộc bộ gõ, và bộ đồng.	<i>Thảo luận</i>	[A1] [A2]	[1] [2] [3] [4] [5]
	B. Nội dung tự học: (20 tiết)		[A1]	[1]

	Sinh viên đọc tài liệu và thực hành đọc bản nhạc, chơi theo bản nhạc một số bài tập đơn giản trên kèn thuộc bộ gõ và bộ đồng.	Thực hành	[A2]	[2] [3] [4] [5]
Chương 3: Tính năng các loại nhạc cụ trong bộ gõ của dàn nhạc giao hưởng				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO3	A. Nội dung thực hiện trên lớp (15 tiết) * Nội dung lí thuyết: (9 tiết) 3.1. Khái niệm và tính năng nhạc cụ thuộc bộ gõ 3.2. Các nhạc khí rung bằng màng: Timpani, Tamburino, Tamboro, Grancassa 3.3. Các nhạc khí rung bằng kim loại: Campanelli, Celesta, Vibraphone 3.4. Phân loại có định âm và không định âm	Giảng giải minh họa. Thực hành	[A1] [A2]	[1] [2] [3] [4] [5]
LLO3	* Nội dung bài tập: (2tiết) Hãy chỉ ra chức năng của nhạc cụ rung bằng màng, rung bằng kim loại trong dàn nhạc giao hưởng	Làm bài tập nhóm	[A1] [A2]	[1] [2] [3] [4] [5]
LLO3	*Nội dung thực hành/ thí nghiệm:(3tiết) Thực hành một số kỹ thuật chơi nhạc cụ rung bằng màng, rung bằng kim loại trong dàn nhạc giao hưởng.	Thực hành	[A1] [A2]	[1] [2] [3] [4] [5]
LLO3	*Nội dung thảo luận: (1tiết) Thảo luận về đặc trưng và vai trò của nhạc cụ rung bằng màng, rung bằng kim loại trong dàn nhạc giao hưởng	Thảo luận Theo nhóm	[A1] [A2]	[1] [2] [3] [4] [5]
	B. Nội dung tự học: (20 tiết) Đọc tài liệu và thực hành một số kỹ năng chơi nhạc cụ rung bằng màng, rung bằng kim loại trong dàn nhạc giao hưởng	Thực hành theo nhóm	[A1] [A2]	[1] [2] [3] [4] [5]
Chương 4: Tính năng một số nhạc cụ Phương Tây đang sử dụng phổ biến hiện nay ở nước ta				
LLOs	Nội dung	Hình thức/		Học liệu

		phương pháp		
		Dạy học	Đánh giá	
LLO4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10tiết) * Nội dung lý thuyết: (4tiết) 4.1. Tính năng của đàn Guitare 4.2. Tính năng của đàn Organ điện tử 4.3. Tính năng của bộ kèn Saxophone	Giảng giải minh họa.	[A1] [A2]	[1] [2] [3] [4] [5]
LLO4	* Nội dung bài tập: (2 tiết) Tập hát kết hợp đệm nhạc cụ guitare, đàn phím điện tử.	Làm bài tập theo nhóm	[A1] [A2]	[1] [2] [3] [4] [5]
LLO4	*Nội dung thực hành/ thí nghiệm:(3 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và thực hành chơi đàn guitare, đàn phím điện tử và kèn Saccophone	Thực hành Theo nhóm	[A1] [A2]	[1] [2] [3] [4] [5]
LLO4	*Nội dung thảo luận: (1tiết) Thảo luận về phương pháp cấu tạo và phương pháp chơi đàn guitare, đàn phím điện tử và kèn Saccophone	Thảo luận	[A1] [A2]	[1] [2] [3] [4] [5]
	B. Nội dung tự học: (20 tiết) Thực hành các kỹ thuật chơi đàn guitare, đàn phím điện tử và kèn Saccophone	Thực hành	[A1] [A2]	[1] [2] [3] [4] [5]

Chương 5: Tính năng một số nhạc cụ cổ truyền Việt Nam				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10tiết) * Nội dung lý thuyết: (4tiết) 5.1. Tính năng của nhạc cụ thuộc bộ dây kéo 5.2. Tính năng của nhạc cụ thuộc bộ dây gảy 5.3. Tính năng của nhạc cụ thuộc bộ hơi 5.4. Tính năng của nhạc cụ thuộc bộ gõ	Giảng giải minh họa.	[A1] [A2]	[1] [2] [3] [4] [5]
LLO4	* Nội dung bài tập: (2 tiết)	Làm bài tập theo	[A1]	[1] [2]

	Tập chơi một số nhạc cụ thuộc bộ dây kéo dây gảy, bộ hơi và bộ gõ	<i>nhóm</i>	[A2]	[3] [4] [5]
LLO4	*Nội dung thực hành/ thí nghiệm:(3 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và thực hành đọc bản nhạc, chơi một số nhạc cụ thuộc bộ dây kéo dây gảy, bộ hơi và bộ gõ.	<i>Thực hành Theo nhóm</i>	[A1] [A2]	[1] [2] [3] [4] [5]
LLO4	*Nội dung thảo luận: (1tiết) Thảo luận về phương pháp chơi một số nhạc cụ thuộc bộ dây kéo dây gảy, bộ hơi và bộ gõ	<i>Thảo luận</i>	[A1] [A2]	[1] [2] [3] [4] [5]
	B. Nội dung tự học: (20 tiết) Thực hành các kỹ thuật chơi một số nhạc cụ thuộc bộ dây kéo dây gảy, bộ hơi và bộ gõ	<i>Thực hành</i>	[A1] [A2]	[1] [2] [3] [4] [5]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành có Tính tấu và đạo cụ
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, loa, đài
- Điều kiện khác: Phòng cách âm

8.36. Đàn Ghi ta (59GUI231)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	10	20
2	Bài tập	20	30
3	Thực hành	40	60
4	Thảo luận	10	10
Tổng		80	120

- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Lý thuyết âm nhạc cơ bản
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Nghệ thuật; Khoa Giáo dục Tiểu học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
6.	Th.S. Lương Ngọc Quỳnh	0913967828	quynhln@tnue.edu.vn
7.	Th.S. Đỗ Linh Chi	0988808489	Chidtl@tnue.edu.vn
8.	Th.S, Nguyễn Văn Thiều	0988268558	Thieunv@tnue.edu.vn
9.	TS. Phạm Minh Thủy	0338559688	Thuypm@tnue.edu.vn
10.	TS. Nguyễn Thanh Tiến	0971954333	Tiennt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* **Về kiến thức:** Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng:

CO1.

- Mô tả cách sử dụng và nhận diện vị trí nốt nhạc trên đàn
- Liệt kê các thể bấm hợp âm, phân biệt các dạng hợp âm
- Thực hành đàn gam, giai điệu tác phẩm, chuyển hợp âm T, S, D; solo và đệm đàn.

CO2. Luyện tập và thực hành đàn giai điệu kết hợp các thể bấm hợp âm

CO3. Vận dụng kỹ năng vào đệm đàn cho ca khúc phổ thông

* **Về kỹ năng**

CO4. Sinh viên có kỹ năng bấm, gảy dây đúng kỹ thuật

CO5. Sinh viên có kỹ năng đọc được các bản nhạc ghi ta.

CO6. Sinh viên có kỹ năng đệm hát thành thạo các bài hát với nhiều phong cách khác nhau

CO7. Sáng tạo trong việc sáng tác ca khúc cho đàn ghi ta. Nghe và cảm nhận

* **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO8. Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.

CO9. Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Hoàn thành đầy đủ bài tập. Tham gia các hoạt động âm nhạc tập thể một cách tích cực.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Mô tả cách sử dụng và nhận diện vị trí nốt nhạc trên đàn	PLO2 PLO3 PLO6
	CLO2	Liệt kê các thể bấm hợp âm, phân biệt các dạng hợp âm	PLO2 PLO3 PLO6
	CLO3	Thực hành đàn gam, giai điệu tác phẩm, chuyển hợp âm T, S, D; solo và đệm đàn	PLO2 PLO3 PLO6

CO2	CLO4	Luyện tập và thực hành đàn giai điệu kết hợp các thể bấm hợp âm	PLO2 PLO3 PLO6
CO3	CLO5	Vận dụng kỹ năng vào đệm đàn cho ca khúc phổ thông	PLO2 PLO3 PLO6
Kĩ năng			
CO4	CLO6	Sinh viên có kỹ năng bấm, gảy dây đúng kỹ thuật	PLO8 PLO11 PLO13
CO5	CLO7	Sinh viên có kỹ năng đọc được các bản nhạc ghi ta.	PLO8 PLO11 PLO13
CO6	CLO8	Sinh viên có kỹ năng đệm hát thành thạo các bài hát với nhiều phong cách khác nhau	PLO8 PLO11 PLO13
CO7	CLO9	Sáng tạo trong việc sáng tác ca khúc cho đàn ghi ta. Nghe và cảm nhận	PLO8 PLO11 PLO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO8	CLO10	Năng lực tự chủ Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.	PLO3 PLO14
CO9	CLO11	Năng lực trách nhiệm Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Hoàn thành đầy đủ bài tập. Tham gia các hoạt động âm nhạc tập thể một cách tích cực.	PLO6 PLO15

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1		x	x			x									
CLO2		x	x			x									
CLO3		x	x			x									

CLO4		x	x			x									
CLO5		x	x			x									
CLO6								x			x		x		
CLO7								x			x		x		
CLO8								x			x		x		
CLO9								x			x		x		
CLO10			x											x	
CLO11						x									x
MDG	0	2	3	0	0	3	0	2	0	0	2	0	2	1	1

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

* Tiếng Việt

Học phần giới thiệu về tính năng và vai trò của đàn guitar, trang bị kiến thức về lý thuyết song hành với luyện tập kỹ thuật luyện ngón, hợp âm giọng đô trưởng và la thứ, luyện tập solo và đệm hợp âm. Luyện tập cách đệm các tác phẩm âm nhạc có lời, các ca khúc trong chương trình âm nhạc phổ thông.

Trang bị cho sinh viên những hiểu biết và kỹ năng ban đầu về sử dụng đàn ghi ta cũng như sáng tạo trong đệm ca khúc phổ thông ở những giọng đơn giản.

*Tiếng Anh

The course introduces the features and roles of the guitar, equips students with theoretical knowledge along with practicing finger techniques, C major and A minor chords, practicing solos and chord accompaniment. Practice accompanying musical works with lyrics, songs in the general music program.

Equips students with initial knowledge and skills in using the guitar as well as creativity in accompanying popular songs in simple keys.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp, 100% giờ học trực tuyến (nếu có), đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành bài thực hành cá nhân.
- Kiểm tra định kỳ: Dự và thực hiện kiểm tra định kì đúng lịch.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- Đánh giá theo thang 10 điểm.

- Hình thức đánh giá:
 - A1: Chuyên cần;
 - A2: Thực hành;
 - A3: Kiểm tra định kỳ;
 - A4: Thi kết thúc học phần.
- Đánh giá quá trình:
 - + Trọng số điểm: 50% [*Chuyên cần 10%; Thực hành cá nhân 20%; bài kiểm tra định kỳ 20% (thực hành)*].
 - + Hình thức: Đánh giá qua thực hành cá nhân.
- Thi kết thúc học phần: Trọng số điểm: 50%; Hình thức: *Thực hành*

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần		01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-9
4	A2. Thực hành		01	Đáp án, thang điểm	CLO 6, 7, 8, 9
5	A3. Bài kiểm tra định kì		02	Đáp án, thang điểm	CLO 3, 4, 5, 6, 7,8,9
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A4. Thực hành	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá thực hành	CLO 6, 7,8, 9

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1] Ngô Ngọc Thắng (2000). *Lý thuyết và thực hành đàn Guitar, tập 1*. Nhà xuất bản Âm nhạc.

[2] Hoàng Bửu (2009). *Tự học căn bản Tây Ban cầm*. Nhà xuất bản Phương Đông.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Lê Vũ (2015). *Acoustic Guitar*. Nhà xuất bản Mỹ thuật.

[2] Vương Ngọc (2009). *Hướng dẫn học đàn Guitar (Các thế bấm hợp âm)*. Nhà xuất bản Tổng hợp Đồng Nai.

[3] Trần Thế Kỷ (2016). *Phương pháp tự học Guitar cổ điển*. Nhà xuất bản Thanh niên.

[4] Hoàng Hạc (2013). *Kỹ thuật solo guitar*. Nhà xuất bản Mỹ thuật.

[5] Website <https://www.youtube.com/watch?v=VzmBeH9SmzI>

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Mô tả khái quát chung về tính năng, vai trò của đàn ghi ta.
LLO2	Nắm vững những kỹ thuật chơi đàn ghi ta (tư thế, chạy gam)
LLO3	Nắm vững được các kỹ thuật bấm chuyển hợp âm
LLO4	Có kỹ năng thực hành đàn tác phẩm và đệm hát ca khúc.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)										
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
LLO1	x										
LLO2		x	x	x	x						
LLO3			x	x			x		x		
LLO4			x		x	x	x	x	x		x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Vài nét khái quát về đàn ghi ta				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung lý thuyết: (4 tiết) 1.1. Lịch sử ra đời 1.2. Vai trò của đàn ghi ta trong đời sống	Thuyết trình giảng giải	[A1] [A3]	[1]

	1.3. Cấu tạo, phân loại đàn ghi ta 1.4. Ứng dụng của đàn ghi ta			
LLO1	* Nội dung thảo luận: (6 tiết) - Vai trò và ứng dụng của đàn ghi ta trong đời sống	Thuyết trình giảng giải	[A1]	[1]
LLO1 LLO1	B. Nội dung tự học: (14 tiết) Sinh viên học tập, nghiên cứu theo hướng dẫn và giáo trình môn học.	Thuyết trình giảng giải	[A1]	[1]
Chương 2: Kỹ thuật chơi đàn cơ bản				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO2 LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (35 tiết) * Nội dung lý thuyết: (3 tiết) 2.1. Tư thế chơi đàn 2.2. Cách xác định vị trí nốt trên phím đàn 2.3. Xác định gam, hợp âm 2.4. Ứng dụng luyện tập tác phẩm	Thuyết trình giảng giải	[A1] [A2] [A3]	[1] [2]
LLO2 LLO2	* Nội dung bài tập: (10 tiết) - Bài tập về chạy gam Cdur và Amoll	Thuyết trình giảng giải	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2]
LLO1 LLO4	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (20 tiết) - Thực hành tác phẩm	Thực hành	[A2]	[1] [2]
LLO1 LLO3	* Nội dung thảo luận: (4 tiết) - Tư thế ngồi đàn và bấm chuyển hợp âm?	Thuyết trình giảng giải	[A1] [A2]	[1] [2]
LLO1 LLO2	B. Nội dung tự học: (55 tiết) - Sinh viên tự luyện tập thực hành bài tập theo hướng dẫn	Thuyết trình giảng giải	[A1] [A2]	[1] [2]
Chương 3: Thực hành đệm ca khúc				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học

				liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO2 LLO3 LLO4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (35 tiết) * Nội dung lý thuyết: (3 tiết) 3.1. Giọng Đô trưởng (C-dur) 3.1.1. Luyện tập chuyển hợp âm T – S - D (C, Em, Am, Dm, F, G7) 3.1.2. Áp dụng đệm ca khúc 3.2. Giọng La thứ (a-moll) 3.2.1. Luyện tập chuyển hợp âm T – S – D (Am, C, E, F, Dm, E7) 3.2.2. Áp dụng đệm ca khúc	Thuyết trình giảng giải	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2]
LLO1 LLO2	* Nội dung bài tập: (10 tiết) - Bài tập về chuyển hợp âm T – S - D (C, Em, G, A Dm, F, G7) - Bài tập về chuyển hợp âm T – S – D (Am, C, E, G, Dm, E7)	Thuyết trình giảng giải	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2]
LLO1 LLO2 LLO4	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (20 tiết) - Thực hành đệm cho ca khúc viết ở giọng C-dur và a- moll	Thực hành	[A2]	[1] [2]
LLO1 LLO2 LLO4	B. Nội dung tự học: (51 tiết) Sinh viên tự luyện tập thực hành bài tập theo hướng dẫn	Thuyết trình giảng giải	[A1]	[1] [2]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học thực hành có đủ ánh sáng, Bảng viết có kẻ các khuông nhạc.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, loa, đài.
- Điều kiện khác:

8.37. Tâm lý học giáo dục (59EPS331)

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1.	Lý thuyết	28	0	56
2.	Bài tập	06	0	34

3.	Thực hành	16	0	
4.	Thảo luận	08	0	
5.	Thực tế chuyên môn	0	0	
6.	Kiểm tra, đánh giá	02	0	
Tổng		60	0	90

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần học trước: *Không*
- Học phần học song hành: *Không*
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Tâm lý học; Khoa Tâm lý – Giáo dục

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Lê Thị Phương Hoa	0986167716	hoaltp@tnue.edu.vn
2	TS. Phạm Văn Cường	0982030680	cuongpv@tnue.edu.vn
3	PGS. TS. Phí Thị Hiếu	0356634388	hieupt@tnue.edu.vn
4	ThS. Lê Như Hoa	0976759693	hoaln@tnue.edu.vn
5	TS. Nguyễn Đỗ Hồng Nhung	0974262648	nhungndh@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Kiến thức:

- CO1. Trình bày được những vấn đề cơ bản của khoa học tâm lý.
- CO2. Phân tích được lý luận chung về sự phát triển tâm lý trẻ em; sự phát triển tâm lý trẻ em qua từng thời kỳ lứa tuổi;
- CO3. Phân tích được cơ sở tâm lý học của hoạt động dạy học và giáo dục;
- CO4. Phân tích được cơ sở tâm lý học của hoạt động hỗ trợ tâm lý trong trường học.

* Kỹ năng

- CO5. Vận dụng có hiệu quả kiến thức tâm lý học giáo dục vào thực tiễn dạy học và giáo dục ở tiểu học.
- CO6. Nghiên cứu được các đặc điểm phát triển tâm lý của học sinh.
- CO7. Thiết kế được qui trình hình thành khái niệm và các hoạt động nhằm hình thành các phẩm chất đạo đức cho học sinh.

CO8. Hỗ trợ được học sinh tiểu học vượt qua những khó khăn tâm lý trong học tập và trong cuộc sống.

*** Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO9. Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và chịu trách nhiệm với nhóm. Lập kế hoạch, điều phối được các nguồn lực tham gia vào hoạt động hỗ trợ tâm lý học đường cho học sinh.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Tâm lý học giáo dục là học phần bắt buộc nằm trong Khối kiến thức nghiệp vụ, có mối quan hệ mật thiết với các học phần như: Giáo dục học, Giao tiếp sư phạm và các học phần khác thuộc chương trình đào tạo giáo viên tiểu học định hướng chất lượng cao. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tâm lý học giáo dục như: bản chất, chức năng, các hiện tượng tâm lý người; đặc điểm phát triển tâm lý trẻ em ở từng thời kỳ lứa tuổi; cơ sở tâm lý học của hoạt động dạy học; cơ sở tâm lý học của hoạt động giáo dục đạo đức. Đặc biệt, môn học cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về các nguyên tắc đạo đức và kỹ năng hỗ trợ tâm lý trong trường học để vận dụng vào việc giảng dạy, nghiên cứu tâm lý con người, hình thành và phát triển nhân cách học sinh, hỗ trợ học sinh giải quyết những khó khăn tâm lý.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Phương pháp thuyết trình
- Dạy học nêu vấn đề
- Vấn đáp
- Thảo luận nhóm
- Sử dụng phim tư liệu

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành: 5 điểm. Trong đó:

+ 03 buổi đi học muộn: trừ 1 điểm

+ Nghỉ 01 tiết lý thuyết: trừ 1 điểm (Trường hợp sinh viên nghỉ học có giấy xin phép được xác nhận bởi Khoa chuyên môn – có chữ ký của CVHT hoặc BCN thì không bị trừ điểm nghỉ học buổi đó).

- Bài tập, Thảo luận: Hoàn thành bài tập, 01 bài thảo luận chương 2 và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 01 bài thực hành chương 3 và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ: sau khi kết thúc chương 2 và chương 4 theo đáp án, thang điểm của giảng viên.

- Thi kết thúc học phần theo kế hoạch thi của Trường

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

<i>TT</i>	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-13
2	A2. Bài tập, Thảo luận	10%	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1,2,3,8
3	A3. Thực hành	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 4,9,11-13
4	A4. Bài kiểm tra định kì số 1	12.5%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 2,3,8
5	A5. Bài kiểm tra định kì số 2	12.5%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 5,10
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Trắc nghiệm	50%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-13

8. Học liệu

Tài liệu học tập

[1] Bộ môn Tâm lý học, (2016), *Giáo trình Tâm lý học giáo dục*, NXB Đại học Thái Nguyên.

Tài liệu tham khảo

[2] Phạm Thành Nghi, (2013), *Tâm lý học giáo dục*, NXB ĐHQG Hà Nội.

[3] Lê Văn Hồng, (Chủ biên, 2001), *Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm*,

NXB ĐHQG Hà Nội.

[4] Phan Trọng Ngọ, (Chủ biên, 2003), *Các lý thuyết phát triển tâm lý người*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

[5] Nguyễn Quang Uẩn, (Chủ biên, 2009), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

8.38. Giáo dục học. 59PEP431A

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	29	0	51
2	Bài tập	08	0	40
3	Thực hành	12	0	
4	Thảo luận	8	0	
5	Kiểm tra, đánh giá	2	0	
Tổng		59	0	91

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: 59EPS331, Tâm lý học giáo dục

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Khoa học Giáo dục; Khoa Tâm lý - Giáo dục

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS. Nguyễn T. Thanh Huyền	0983.856.727	huyenntt.psy@tnue.edu.vn
2	TS. Hà Thị Kim Linh	0982.207.398	linhhtk@tnue.edu.vn
3	TS. Nguyễn Thị Ngọc	0912.024.817	ngocnt.psy@tnue.edu.vn
4	TS. Lê Thùy Linh	0979.438.777	linhlth@tnue.edu.vn
5	TS. Hoàng Trung Thắng	0382.987.123	thanght@tnue.edu.vn
6	TS. Dương Thị Nga	0987.936.938	ngadt@tnue.edu.vn

7	TS. Đàm Thị Kim Thu	0904.532.313	thudtk@tnue.edu.vn
8	ThS. Nguyễn Ngọc Hiếu	0915.212.911	hieunn@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Phân tích được chức năng xã hội của giáo dục, tính quy định của xã hội đối với giáo dục, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của giáo dục học, cấu trúc của quá trình giáo dục, xu hướng phát triển giáo dục, mục tiêu, nguyên lý giáo dục và hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam.

CO2: Phân tích được những vấn đề cơ bản của quá trình dạy học và giáo dục trong nhà trường.

* Về kỹ năng

CO3: Giải thích được vai trò, chức năng, nhiệm vụ của người giáo viên và giáo viên chủ nhiệm ở nhà trường phổ thông trong môi trường đa văn hóa và cách mạng 4.0;

CO4: Vận dụng được kiến thức chung của Khoa học giáo dục; Lý luận dạy học, lý luận giáo dục, nhiệm vụ, vai trò của giáo viên và giáo viên chủ nhiệm lớp trong thiết kế, tổ chức dạy học, hoạt động giáo dục.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5: Có năng lực làm việc độc lập, hợp tác nhóm trong nghiên cứu và ứng dụng GDH vào thực tiễn; chịu trách nhiệm cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Giáo dục học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm trong chương trình đào tạo giáo viên tiểu học định hướng chất lượng cao. Học phần đề cập đến: những vấn đề chung của giáo dục học, lý luận dạy học, lý luận giáo dục, những yêu cầu về nhân cách của người giáo viên trong môi trường đa văn hóa và cách mạng 4.0. Học phần có mối quan hệ với các môn Tâm lý học giáo dục, giao tiếp sư phạm, phương pháp dạy học bộ môn...góp phần hình thành năng lực nghề nghiệp cho người giáo viên tương lai.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Dạy học thuyết trình: Giảng viên trình bày và giảng giải những nội dung lý thuyết trong học phần để sinh viên hiểu được bài học.

- Dạy học dựa trên vấn đề: Giảng viên nêu ra vấn đề liên quan đến nội dung học tập đồng thời hướng dẫn sinh viên tự tìm tòi để giải quyết vấn đề. Giảng viên tổ chức hoạt động báo cáo và đánh giá để sinh viên trình bày kết quả nghiên cứu.

- Dạy học hợp tác: Giảng viên tổ chức hoạt động học tập nhóm để sinh viên làm việc theo nhóm, hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau cùng đạt được mục tiêu học tập.

- Phương pháp thực hành, luyện tập: Giảng viên tổ chức hoạt động thực hành, luyện tập để rèn luyện nghiệp vụ sư phạm trong dạy học và trong giáo dục học sinh tiểu học

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị các yêu cầu cho bài học: tích cực tham góp trong xây dựng bài học.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân, 01 bài tập nhóm.

- Hoàn thành 02 bài Kiểm tra định kỳ.

- Hoàn thành 01 bài Thi kết thúc học phần

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 14-15
2	A2. Bài tập cá nhân	10%	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1-13
3	A3. Bài tập nhóm	10%	01	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO 1-13
4	A4. Bài kiểm tra định kì	25%	02	Đáp án, thang điểm	CLO 1-13
Thi kết thúc học phần					
5	A5. Tự luận	50%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-10

8. Học liệu

Tài liệu học tập:

[1]. Phan Thị Hồng Vinh, Trần Thị Tuyết Oanh, Từ Đức Văn, Vũ Lệ Hoa, Nguyễn Thị Tình, Trịnh Thuý Giang, Nguyễn Thị Thanh Hồng (2022), Giáo trình Giáo dục học, NXB Đại học sư phạm

Tài liệu tham khảo

[2]. Nguyễn Thị Tính, Nguyễn Thị Thanh Huyền, Trần Thị Minh Huế, Lê Công Thành (2013), *Giáo trình “Giáo dục học”*, NXB Giáo dục.

[3]. Phan Thanh Long (chủ biên), (2013), *Lý luận giáo dục*, NXB Đại học sư phạm

[4]. Hà Thế Ngữ - Đặng Vũ Hoạt (1987), *Giáo dục học tập I và tập II*, NXB Giáo dục

[5]. Nguyễn Văn Hộ, Hà Thị Đức (2002), *Giáo dục học đại cương tập I và tập II*, NXB Giáo dục.

8.39. Giao tiếp sư phạm (59COS431A)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1.	Lý thuyết	11	14	50
2.	Bài tập	06	0	37
3.	Thực hành	24	0	
4.	Thảo luận	05	01	
5.	Thực tế chuyên môn	0	0	
6.	Kiểm tra, đánh giá	02	0	
Tổng		48	15	87

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: 59PEP431A 59EPS431, Tâm lý học giáo dục, Giáo dục học

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Tâm lý học; Khoa: Tâm lý - Giáo dục

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Lê Thị Phương Hoa	0986167716	hoaltp@tnue.edu.vn
2	TS. Phạm Văn Cường	0982030680	cuongpv@tnue.edu.vn

3	PGS. TS. Phí Thị Hiếu	0356634388	hieupt@tnue.edu.vn
4	ThS. Lê Như Hoa	0976759693	hoaln@tnue.edu.vn
5	TS. Nguyễn Đỗ Hồng Nhung	0974262648	nhungndh@tnue.edu.vn
6	TS. Nguyễn Thị Ngọc	0912024817	ngocnt.psy@tnue.edu.vn
8	TS. Dương Thị Nga	0987936938	ngadt@tnue.edu.com
11	TS. Đặng Thị Phương Thảo	0971888243	thaodp@tnue.edu.vn
12	Th.S Nguyễn Ngọc Hiếu	0915212911	hieunn@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* **Kiến thức:**

CO1. Phân tích được những vấn đề cơ bản của giao tiếp sư phạm.

* **Kĩ năng**

CO2. Vận dụng được các kiến thức cơ bản về giao tiếp sư phạm vào việc phân tích các tình huống giao tiếp.

CO3. Vận dụng được kiến thức cơ bản về giao tiếp sư phạm trong việc xử lý có hiệu quả những tình huống cụ thể trong các mối quan hệ giữa giáo viên tiểu học với các đối tượng giao tiếp.

* **Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO4. Hiểu biết sâu sắc về trách nhiệm, vai trò, sứ mạng của người giáo viên tiểu học trong tổ chức và điều khiển các quá trình giao tiếp.

CO5. Tích cực, chủ động trong rèn luyện, hoàn thiện năng lực giao tiếp sư phạm cho bản thân.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Giao tiếp sư phạm là học phần bắt buộc nằm trong Khối kiến thức nghiệp vụ, có mối quan hệ mật thiết với các học phần khác như: Tâm lý học giáo dục, Giáo dục học và các học phần khác thuộc chương trình đào tạo giáo viên tiểu học. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giao tiếp, giao tiếp sư phạm như: các giai đoạn của quá trình giao tiếp; nguyên tắc, phong cách, kỹ năng giao tiếp sư phạm, quy tắc ứng xử trong trường học.... Từ đó hình thành ở người học những kỹ năng, thái độ tương ứng để xử lý có hiệu quả các tình huống giao tiếp trong thực tiễn và hoạt động nghề nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh đa văn hóa và công nghệ số.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Thuyết trình
- Dạy học nêu vấn đề
- Vấn đáp
- Sử dụng phim tư liệu
- Thảo luận nhóm

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành: 5 điểm. Trong đó:

+ 03 buổi đi học muộn: trừ 1 điểm

+ Nghỉ 01 tiết lý thuyết: trừ 1 điểm (Trường hợp sinh viên nghỉ học có giấy xin phép được xác nhận bởi Khoa chuyên môn – có chữ ký của CVHT hoặc BCN thì không bị trừ điểm nghỉ học buổi đó).

- Thảo luận: Hoàn thành 01 bài thảo luận chương 1 và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 01 bài thực hành chương 3 và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ: sau khi kết thúc chương 1 và chương 2 theo đáp án, thang điểm của giảng viên.

- Thi kết thúc học phần theo kế hoạch thi của Trường

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

<i>TT</i>	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-7
2	A2. Thảo luận	10%	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,3,4
3	A3. Thực hành	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO1-7
4	A4. Bài kiểm tra định kì	12.5%	01	Đáp án, thang điểm	CLO1,2,5,6,7
5	A5. Bài kiểm tra định kì	12.5%	01	Đáp án, thang điểm	CLO3,4,5,6,7
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Vấn đáp	50%	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO1-7

8. Học liệu

Tài liệu học tập:

[1] Bộ môn Tâm lý học, 2019, *Giáo trình Giao tiếp sư phạm*, NXB Đại học Thái Nguyên.

Tài liệu tham khảo

[2]. Hoàng Anh, Đỗ Thị Châu, 2008, *300 tình huống giao tiếp sư phạm*, NXB Giáo dục.

[3]. Nguyễn Văn Lũy, Lê Quang Sơn, 2017, *Giáo trình Giao tiếp sư phạm*, NXB ĐH Sư phạm.

8.40. Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học âm nhạc (59TME331)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 60

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	30	60
2	Bài tập	10	15
3	Thực hành	15	22,5
4	Thảo luận	5	5
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		60	102,5

- Loại học phần: Bắt buộc/Tự chọn

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước:

- Học phần học song hành: Lý thuyết âm nhạc cơ bản

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật; Khoa Giáo dục Tiểu học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS Nguyễn Văn Thiều	0988268558	thieunv@tnue.edu.vn
2	ThS Đỗ Thị Linh Chi	0989...489	chidtl@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng:

* Kiến thức

+ Nắm vững được khái niệm, vai trò của công nghệ thông tin trong giáo dục âm nhạc

+ Phân tích được các công cụ công nghệ hỗ trợ giảng dạy âm nhạc (phần mềm, thiết bị dạy học).

+ Vận dụng công nghệ thông tin xây dựng kế hoạch bài dạy môn âm nhạc tích hợp công nghệ.

*** Kỹ năng**

- + Sử dụng thành thạo các phần mềm hỗ trợ dạy học âm nhạc như MuseScore, Audacity...
- + Thiết kế bài giảng đa phương tiện (PowerPoint, video, audio).
- + Tổ chức lớp học trực tuyến và tương tác hiệu quả.

*** Năng lực tự chủ và trách nhiệm****Năng lực tự chủ**

- + Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.

Năng lực trách nhiệm

- + Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Hoàn thành đầy đủ bài tập do thầy cô giáo. Tham gia các hoạt động âm nhạc tập thể một cách tích cực.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Trình bày được khái niệm và vai trò của công nghệ thông tin trong giáo dục.	PLO1 PLO3 PLO8
	CLO2	Phân tích được thuận lợi và khó khăn của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học âm nhạc.	PLO1 PLO3 PLO8
	CLO3	Vận dụng được công nghệ thông tin xây dựng kế hoạch bài dạy môn âm nhạc có tích hợp công nghệ.	PLO1 PLO3 PLO8
	Kỹ năng		
CO2	CLO4	Sử dụng thành thạo các phần mềm hỗ trợ chép nhạc MuseScore	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO3	CLO5	Sử dụng thành thạo các phần mềm hỗ trợ thu âm Audacity	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO4	CLO6	Thiết kế bài giảng đa phương tiện (PowerPoint, video, audio).	PLO3 PLO8 PLO10

			PLO13 PLO15
CO5	CLO7	Tổ chức lớp học trực tuyến: Zoom, Microsoft Teams, Google Classroom	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO6	CLO8	Năng lực tự chủ Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.	PLO14
CO7	CLO9	Năng lực trách nhiệm Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Hoàn thành đầy đủ bài tập. Tham gia các hoạt động âm nhạc tập thể một cách tích cực.	PLO15

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x		x		x			x			x				
CLO2	x		x		x			x			x				
CLO3	x		x		x			x						x	
CLO4	x		x		x		x							x	
CLO5	x		x				x					x			
CLO6			x			x		x	x	x			x		x
CLO7		x				x		x	x	x			x		x
CLO8				x		x		x		x			x		x
CLO9		x	x			x				x		x	x		x
MĐG	3	1	3	1	2	2	1	3	1	2	1	1	2	1	2

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

*** Tiếng Việt**

Môn học ứng giúp sinh viên có những kiến thức, kỹ năng cơ bản khi xây

dựng kế hoạch bài dạy môn âm nhạc. Qua đó vận dụng để xây dựng kế hoạch bài dạy và trải nghiệm thực tế, giúp sinh viên sư phạm âm nhạc tự tin ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc giảng dạy, đáp ứng được nhu cầu cấp thiết của việc đổi mới giáo dục toàn diện.

*** Tiếng Anh**

The subject helps students gain basic knowledge and skills when developing music lesson plans. Thereby, applying them to develop lesson plans and practical experiences, helping music education students confidently apply information technology in teaching, meeting the urgent needs of comprehensive educational innovation.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp, 100% giờ học trực tuyến (nếu có), đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành bài thực hành cá nhân.
- Kiểm tra định kỳ: Dự và thực hiện kiểm tra định kì đúng lịch.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- *Đánh giá theo thang 10 điểm.*
- Hình thức đánh giá:
 - A1: Chuyên cần;
 - A2: Thực hành;
 - A3: Kiểm tra định kỳ;
 - A4: Thi kết thúc học phần.
- Đánh giá quá trình:
 - + Trọng số điểm: 50% (*Chuyên cần 10%; Thực hành cá nhân 20%, bài kiểm tra định kỳ 20%*).
 - + Hình thức: Đánh giá qua thực hành cá nhân.
- Thi kết thúc học phần: Trọng số điểm: 50%; Hình thức: *Thực hành*

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần		01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-9
4	A2. Thực hành		01	Đáp án, thang điểm	CLO 6, 7, 8, 9
5	A3. Bài kiểm tra định kì		01	Đáp án, thang điểm	CLO 3, 4, 5, 6, 7,8
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A4. Thực hành	50	01	- Đáp án, thang	CLO 6, 7,8, 9

				điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	
--	--	--	--	--	--

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

- [1]. Nhiều tác giả (2021), *Ứng dụng công nghệ thông tin khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học và giáo dục học sinh tiểu học*, Module 9 Rgep.
- [2]. Nhiều tác giả (2021), *Ứng dụng công nghệ thông tin khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học và giáo dục học sinh trung học cơ sở*, Module 9 Etep.
- [3]. Nhiều tác giả (2021), *Ứng dụng công nghệ thông tin khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học và giáo dục học sinh trung học phổ thông*, Module 9 Etep.
- [4]. Lê Minh Phước (2007), *Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy âm nhạc ở trường Cao đẳng Sư phạm*, Nxb Đại học Sư phạm.

9.2. Tài liệu tham khảo:

- [5]. Nguyễn Bách (2004), *Cubase phần mềm âm nhạc tuyệt vời*, Nxb Âm nhạc.

9.3. Website

<https://musescore.org/vi>

<https://www.audacityteam.org/>

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Khái niệm, vai trò của công nghệ thông tin trong giáo dục âm nhạc
LLO2	Các công cụ và phần mềm hỗ trợ dạy học âm nhạc
LLO3	Thiết kế bài giảng âm nhạc tích hợp công nghệ thông tin

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)								
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
LLO1	x							x	x
LLO2		x						x	x
LLO3				x				x	x
LLO4					x			x	x
LLO5						x		x	x
LLO6							x	x	x
LLO7						x		x	x
LLO8			x					x	x
LLO9			x					x	x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Khái niệm, vai trò của công nghệ thông tin trong giáo dục âm nhạc				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (5 tiết) * Nội dung lí thuyết: (5 tiết) 1.1. Khái niệm và vai trò của công nghệ thông tin trong giáo dục âm nhạc. 1.2. Ứng dụng công nghệ thông tin dạy học âm nhạc trong thời kỳ công nghệ 4.0	<i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i>	[A1]	[1] [2] [3]
	B. Nội dung tự học: (10 tiết) - Sinh viên đọc tài liệu và trả lời câu hỏi	.	[A1]	[1] [2] [3]
Chương 2: Các công cụ và phần mềm hỗ trợ dạy học âm nhạc				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO3 LLO4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (15 tiết) * Nội dung lí thuyết: (15 tiết) 2.1. Phần mềm soạn nhạc: MuseScore, Finale, Sibelius, Encore.	- <i>Thuyết trình kết</i>	[A1] [A2]	[1] [2]

LLO5 LLO6	2.2. Phần mềm thu âm và chỉnh sửa âm thanh: Audacity, FL Studio, GarageBand 2.3. Công cụ thiết kế bài giảng: PowerPoint, Canva 2.4. Nền tảng tổ chức lớp học trực tuyến: Zoom, Microsoft Teams, Google Classroom.	<i>hợp với thị phạm.</i>		[3]
	* Nội dung bài tập: (10 tiết) - Bài tập dành cho lớp học trực tuyến: Zoom, Microsoft Teams, Google Classroom. * Nội dung thảo luận (5 tiết) - Thảo luận dành cho lớp học trực tuyến: Zoom, Microsoft Teams, Google Classroom	- <i>Thuyết trình kết hợp với thị phạm.</i>	[A2]	[1] [2] [3] [4]
	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (10 tiết) - Thực hành chép nhạc bằng phần mềm Muscore và thu âm bằng phần mềm Audacity - Thực hành thiết kế bài giảng: PowerPoint	<i>Thực hành</i>	[A2]	[1] [2] [3]
	B. Nội dung tự học: (65 tiết) - Sinh viên tự học theo hướng dẫn của Giảng viên.	- <i>Thuyết trình kết hợp với thị phạm.</i>	[A1]	[1] [2] [3] [4]
Chương 3: Thiết kế bài giảng âm nhạc tích hợp công nghệ thông tin				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO7 LLO8 LLO9	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung lý thuyết: (10 tiết) 3.1. Nguyên tắc thiết kế bài giảng đa phương tiện. 3.2. Ứng dụng hình ảnh, âm thanh và video trong bài giảng âm nhạc. 3.3. Tạo giáo án điện tử hỗ trợ học kỹ xướng âm, hòa âm, lý thuyết âm nhạc.	- <i>Thuyết trình kết hợp với thị phạm.</i>	[A1] [A2]	[4]
	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (5 tiết) - Thiết kế giáo án điện tử cho bài giảng môn âm nhạc	- <i>Thuyết trình kết hợp với thị phạm.</i>	[A2]	[1] [2]
	B. Nội dung tự học: (27,5 tiết) - Sinh viên tự học theo hướng dẫn của Giảng viên.	- <i>Thuyết trình kết hợp với thị phạm.</i>	[A1]	[1] [2] [3] [4]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học thực hành
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, loa, đài, nhạc cụ.
- Điều kiện khác: Phòng máy tính

8.41. Phân tích tác phẩm âm nhạc (59PMW331)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	30	60
2	Bài tập	10	15
3	Thực hành	15	22,5
4	Thảo luận	5	5
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		60	102,5

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Hoà âm

- Học phần học song hành:

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật; Khoa Giáo dục Tiểu học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
11.	TS. Nguyễn Thanh Tiến	0971954333	tiennt@tnue.edu.vn
12.	ThS. Nguyễn Văn Thiều	0988268558	thieunv@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức:

CO1. Trình bày được các khái niệm liên quan đến môn học, những nguyên tắc cơ bản trong hình thức âm nhạc và những nhân tố tạo nên một tác phẩm âm nhạc.

CO2. Trình bày được phương pháp phân tích tác phẩm âm nhạc

CO3. Vận dụng được các yếu tố cơ bản của tác phẩm âm nhạc vào phân tích cấu trúc cũng như nội dung của các tác phẩm âm nhạc ở dạng đoạn nhạc, hai đoạn đơn, ba đoạn đơn.

* Về kỹ năng

CO4. Sinh viên có kỹ năng phân tích những đặc điểm diễn cả cơ bản của âm nhạc.

CO5. Sinh viên có kỹ năng phân tích chủ đề âm nhạc, các thủ pháp phát triển

CO6. Sinh viên có kỹ năng phân tích mô típ, tiết nhạc câu nhạc

CO7. Sinh viên có kỹ năng phân tích các tác phẩm âm nhạc từ 1 đến 3 đoạn đơn.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO8. Thực hiện đúng nội quy của lớp, trường và quy định về đạo đức nhà giáo ở trường tiểu học.

CO9. Vận dụng được các kiến thức về âm nhạc, mỹ thuật để hoạt động cá nhân, nhóm và có khả năng tự học và sáng tạo.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Trình bày được một số khái niệm về âm nhạc, âm thanh âm nhạc, phân tích tác phẩm, hình thức âm nhạc, thể loại âm nhạc, phong cách âm nhạc.	PLO2 PLO3
	CLO2	Trình bày được những đặc điểm của: Giai điệu, hoà âm, tiết tấu và tiết luận, âm sắc, nhịp độ, cường độ, âm khu, cách cấu tạo.	PLO2 PLO3
	CLO3	Trình bày cấu tạo của chủ đề âm nhạc, thủ pháp phát triển, mô típ, tiết nhạc, câu nhạc.	PLO2 PLO3
CO2	CLO4	Trình bày được cấu trúc của dạng hình thức đoạn nhạc, hai đoạn đơn, ba đoạn đơn.	PLO2 PLO3
CO3	CLO5	Vận dụng các thủ pháp để phân tích các tác phẩm âm nhạc ở dạng 1 đoạn đến 3 đoạn đơn.	PLO2 PLO3
	Kỹ năng		
CO4	CLO6	Sinh viên có kỹ năng phân tích những đặc điểm diễn cả cơ bản của âm nhạc.	PLO10 PLO11 PLO12 PLO13
CO5	CLO7	Sinh viên có kỹ năng phân tích chủ đề âm nhạc, các thủ pháp phát triển	PLO10 PLO11 PLO12 PLO13
CO6	CLO8	Sinh viên có kỹ năng phân tích mô típ, tiết nhạc câu nhạc	PLO10 PLO11 PLO12 PLO13
CO7	CLO9	Sinh viên có kỹ năng phân tích các tác phẩm âm nhạc từ 1 đến 3 đoạn đơn.	PLO10 PLO11 PLO12 PLO13
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CO8	CLO10	Năng lực tự chủ Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.	PLO1 PLO4 PLO5 PLO14

CO9	CLO11	Năng lực trách nhiệm Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Hoàn thành đầy đủ bài tập. Tham gia các hoạt động âm nhạc tập thể một cách tích cực.	PLO1 PLO6 PLO15
-----	-------	--	-----------------------

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1		x	x												
CLO2		x	x												
CLO3		x	x												
CLO4		x	x												
CLO5		x	x												
CLO6										x	x	x	x		
CLO7										x	x	x	x		
CLO8										x	x	x	x		
CLO9										x	x	x	x		
CLO10	x			x	x									x	
CLO11	x					x									x
MĐG	1	2	2	1	1	1	0	0	0	2	2	2	2	1	1

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

* Tiếng Việt

Đề cương Phân tích tác phẩm âm nhạc 1 trang bị cho sinh viên những hiểu biết về những phương pháp diễn tả cơ bản của âm nhạc thông qua những tác phẩm từ nhỏ đến lớn, từ đơn giản đến phức tạp.

Giúp sinh viên định hình được các dạng cấu trúc hình thức một đoạn nhạc, hai đoạn đơn, ba đoạn đơn qua từng tác phẩm của các nhạc sĩ nổi tiếng trên thế giới ở nhiều thời kỳ khác nhau. Tạo cho sinh viên có được tư duy phân tích và tìm tòi

những điều mới mẻ trong từng tác phẩm âm nhạc.

Học môn phân tích tác phẩm âm nhạc sinh viên sẽ dễ dàng hơn trong việc tham gia làm các đề tài nghiên cứu khoa học về chuyên ngành âm nhạc của mình.

***Tiếng Anh**

Outline of Analysis of Musical Works 1 equips students with an understanding of basic methods of expressing music through works from small to large, from simple to complex.

Helps students shape the structural forms of one piece of music, two simple sections, and three simple sections through each work of famous musicians in the world in many different periods. Enabling students to have analytical thinking and discover new things in each musical work.

Studying the subject of analyzing musical works will make it easier for students to participate in scientific research projects on their music major.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp, 100% giờ học trực tuyến (nếu có), đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành bài thực hành cá nhân.
- Kiểm tra định kỳ: Dự và thực hiện kiểm tra định kì đúng lịch.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- *Đánh giá theo thang 10 điểm.*
- Hình thức đánh giá:
 - A1: Chuyên cần;
 - A2: Thực hành;
 - A3: Kiểm tra định kỳ;
 - A4: Thi kết thúc học phần.
- Đánh giá quá trình:
 - + Trọng số điểm: 50% [*Chuyên cần 10%; Thực hành cá nhân 20%, bài kiểm tra định kỳ 20% (thực hành)*].
 - + Hình thức: Đánh giá qua thực hành cá nhân.
- Thi kết thúc học phần: Trọng số điểm: 50%; Hình thức: *Tự luận*

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần		01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-9
4	A2. Thực hành		01	Đáp án, thang điểm	CLO 6, 7, 8, 9
5	A3. Bài kiểm tra		02	Đáp án, thang điểm	CLO 3, 4, 5, 6,

	định kì				7,8
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A4. Tự luận	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 6, 7,8, 9

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Thị Nhung (2005), *Hình thức và thể loại âm nhạc cho hệ CĐSP Âm nhạc*, Nxb Đại học sư phạm Hà Nội.

[2] Phạm Lê Hòa (2013), *Phân tích tác phẩm âm nhạc*, Nxb Âm nhạc, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. Đào Trọng Minh (2001), *Phân tích tác phẩm Âm nhạc*, Nxb Trẻ.

[4]. Nguyễn Thị Nhung (1991), *Hình thức âm nhạc*, Nxb Âm nhạc, Hà Nội.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Mô tả khái quát chung về vai trò của môn học, các khái niệm liên quan đến môn học, hệ thống lý luận về phân tích tác phẩm.
LLO2	Nắm vững những đặc điểm về các phương tiện diễn tả cơ bản của âm nhạc, những nguyên tắc và yếu tố cấu thành nên tác phẩm âm nhạc.
LLO3	Nắm vững phương pháp phân tích tác phẩm âm nhạc, cấu trúc của các dạng

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
	đoạn nhạc, hình thức hai đoạn đơn, hình thức ba đoạn đơn.
LLO4	Có kỹ năng phân tích các tác phẩm âm nhạc ở hình thức từ 1 đến 3 đoạn đơn.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)										
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
LLO1	x										
LLO2		x		x							
LLO3							x		x		
LLO4							x	x	x		

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Phương pháp phân tích tác phẩm âm nhạc				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (15 tiết) * Nội dung lý thuyết: (2 tiết) 1.1. Một số khái niệm 1.2. Những phương pháp diễn tả cơ bản 1.3. Những nguyên tắc phát triển trong hình thức âm nhạc 1.4. Các nhân tố cơ bản tạo nên cấu trúc một tác phẩm âm nhạc	<i>Thuyết trình giảng giải</i>	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2]
LLO1 LLO2	* Nội dung bài tập: (2 tiết) - Bài tập về phân tích các thủ pháp và nhân tố cấu thành tác phẩm âm nhạc.	<i>Thuyết trình giảng giải</i>	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1]
LLO1 LLO2	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (3 tiết) - Nghe và phân tích các thủ pháp phát triển, chủ đề âm nhạc và các nhân tố cấu thành.	<i>Thực hành.</i>	[A2]	[1]
LLO1	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) - Các khái niệm và phương pháp phân tích tác phẩm âm nhạc.	<i>Thuyết trình giảng giải</i>	[A1]	[1] [2] [3] [4]
LLO1 LLO2	B. Nội dung tự học: (12,5 tiết) Sinh viên học tập theo hướng dẫn và giáo trình môn học.	<i>Thuyết trình giảng giải</i>	[A1]	[1] [2] [3]
Chương 2: Hình thức đoạn nhạc				
LLOs	Nội dung	Hình thức/		

		phương pháp		Học liệu
		Đạy học	Đánh giá	
LLO2 LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (15 tiết) * Nội dung lý thuyết: (2 tiết) 2.1. Định nghĩa 2.2. Đặc điểm cấu trúc 2.3. Các dạng đoạn nhạc	<i>Thuyết trình giảng giải</i>	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2]
LLO1 LLO2	* Nội dung bài tập: (2 tiết) - Bài tập về phân tích cấu trúc và nội dung các dạng đoạn nhạc.	<i>Thuyết trình giảng giải</i>	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1]
LLO1 LLO2	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (4 tiết) - Nghe và phân tích một số tác phẩm dạng đoạn nhạc.	<i>Thực hành</i>	[A2]	[1]
LLO1 LLO2	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) - Đặc điểm của các dạng hình thức đoạn nhạc?	<i>Thuyết trình giảng giải</i>	[A1]	[1]
LLO1 LLO2	B. Nội dung tự học: (30 tiết) Sinh viên học tập theo hướng dẫn và giáo trình môn học.	<i>Thuyết trình giảng giải</i>	[A1]	[1] [2] [3] [4]
Chương 3: Hình thức hai đoạn đơn				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Đạy học	Đánh giá	
LLO2 LLO3	A. Nội dung thực hiện trên lớp (15 tiết) * Nội dung lý thuyết: (2 tiết) 3.1. Định nghĩa 3.2. Đặc điểm cấu trúc 3.3. Các dạng hình thức hai đoạn đơn	<i>Thuyết trình giảng giải</i>	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2]
LLO2 LLO3	* Nội dung bài tập: (3 tiết) - Bài tập về phân tích cấu trúc và nội dung các dạng hình thức hai đoạn đơn.	<i>Thuyết trình giảng giải</i>	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1]
LLO3	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (4 tiết) - Nghe và phân tích một số tác phẩm ở hình thức hai đoạn đơn.	<i>Thực hành.</i>	[A2]	[1]
LLO3	* Nội dung thảo luận: (1 tiết)	<i>Thuyết</i>	[A1]	[1]

	- Đặc điểm của các dạng hình thức hai đoạn đơn?	<i>trình giảng giải</i>		
LLO2 LLO3	B. Nội dung tự học: (30 tiết) - Sinh viên học tập theo hướng dẫn và giáo trình môn học.	<i>Thuyết trình giảng giải</i>	[A1]	[1] [2] [3] [4]
Chương 4: Chương 4: Hình thức ba đoạn đơn				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO2 LLO3	A. Nội dung thực hiện trên lớp (15 tiết) * Nội dung lý thuyết: (2 tiết) 4.1. Khái niệm 4.2. Đặc điểm cấu trúc 4.3. Các dạng cơ bản của hình thức ba đoạn đơn.	<i>Thuyết trình giảng giải</i>	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2]
LLO3	* Nội dung bài tập: (3 tiết) - Bài tập về phân tích cấu trúc và nội dung các dạng hình thức ba đoạn đơn.	<i>Thuyết trình giảng giải</i>	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1]
LLO3	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (4 tiết) - Nghe và phân tích một số tác phẩm ở hình thức ba đoạn đơn.	<i>Thực hành</i>	[A2]	[1]
LLO3	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) - Đặc điểm của các dạng hình thức ba đoạn đơn?	<i>Thuyết trình giảng giải</i>	[A1]	[1] [2]
LLO3	B. Nội dung tự học: (30 tiết) - Sinh viên học tập theo hướng dẫn và giáo trình môn học.	<i>Thuyết trình giảng giải</i>	[A1]	[1] [2] [3] [4]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học thực hành có đàn piano hoặc đàn phím điện tử, Bảng viết có kẻ các khuông nhạc.

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, loa, đài.

8.42. Phương pháp dạy học âm nhạc 1 (59MTM331)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03 Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện	Số giờ tự học
----	------------------	------------------	---------------

		trên lớp	
1	Lý thuyết	20	40
2	Bài tập	0	0
3	Thực hành	40	60
4	Thảo luận	4	4
5	Thực tế chuyên môn	6	6
Tổng		70	110

- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật; Khoa Giáo dục Tiểu học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS Nguyễn Văn Thiều	0988268558	thieuvn@tnue.edu.vn
2	ThS Đỗ Thị Linh Chi	0988808489	chidtl@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng:

* Kiến thức

+ Trình bày được cơ sở lý luận về cơ sở lý luận về các hình thức và các phương pháp tổ chức các hoạt động dạy học âm nhạc phù hợp với học sinh tiểu học.

+ Phân tích được các phương pháp dạy học âm nhạc cho học sinh tiểu học.

+ Vận dụng được những kiến thức cơ bản về các phương pháp, kỹ thuật dạy học để từ đó xây dựng kế hoạch bài dạy.

* Kỹ năng

+ Triển khai phương pháp dạy học âm nhạc cho học sinh ở trường tiểu học. Áp dụng các hình thức tổ chức dạy học đa dạng trong các hoạt động dạy – học âm nhạc theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh.

+ Sử dụng công nghệ và phương tiện dạy học hiện đại trong giảng dạy, tổ chức triển khai quá trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học.

* Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Năng lực tự chủ

+ Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.

* Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Năng lực tự chủ

+ Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.

Năng lực trách nhiệm

+ Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu

đề ra. Tham gia tích cực vào quá trình học tập học phần khi hoạt động cá nhân, nhóm và có khả năng tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	<i>Trình bày</i> được mục tiêu, cấu trúc nội dung chương trình môn âm nhạc và phương pháp tổ chức dạy- học âm nhạc ở Tiểu học.	PLO1 PLO3 PLO8
	CLO2	<i>Phân tích</i> được cấu trúc nội dung chương trình môn học trong dạy - học và những yêu cầu cần đạt của môn học	PLO1 PLO3 PLO8
	CLO3	<i>Vận dụng</i> được những kiến thức khoa học cơ bản được học trong việc hình thành năng lực thẩm mỹ âm nhạc cho học sinh	PLO1 PLO3 PLO8
CO2	CLO4	<i>Phân tích</i> được hệ thống các phương pháp tổ chức khi tiến hành các hoạt động dạy- học.	PLO1 PLO3 PLO8
CO3	CLO5	Người học vận dụng được những kiến thức cơ bản về các phương pháp, kỹ thuật dạy học để từ đó xây dựng kế hoạch bài dạy.	PLO1 PLO3 PLO8
Kĩ năng			
CO4	CLO6	<i>Áp dụng</i> được sự linh hoạt và sáng tạo về hình thức và quy trình thiết kế bài dạy trong thực tiễn.	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO5	CLO7	Đánh giá được các kiến thức lý luận và liên hệ với thực tiễn. Hiểu rõ việc tổ chức hoạt động đánh giá kết quả học tập	xPLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO6	CLO8	Hình thành các kỹ năng phân tích chương trình, biết lập, lập được kế hoạch cho chương trình, phát triển chương trình, kỹ năng hợp tác, làm việc độc lập, lập kế hoạch, tổ chức được giờ hoạt động âm nhạc, đánh giá được sản phẩm thực hiện âm nhạc của học sinh.	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO7	CLO9	Năng lực tự chủ Hiểu và thực hiện đúng các quy định về đạo đức nhà giáo,	PLO14

		quy chế dân chủ ở trường tiểu học. Nhận thức được nhu cầu học tập của bản thân và có năng lực lập kế hoạch các hoạt động dạy học.	
CO8	CLO10	Có ý thức tự trau dồi, rèn luyện bản thân, có lối sống lành mạnh; trung thực, cầu tiến, có trách nhiệm, không ngại khó khăn, sáng tạo, đam mê với nghề.	PLO14
CO9	CLO11	Năng lực trách nhiệm Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Hoàn thành đầy đủ bài tập do thầy cô giáo yêu cầu. Tham gia các hoạt động tập thể một cách tích cực.	PLO15

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x	x	x		x					x			x		
CLO2	x	x	x												
CLO3	x		x					x		x			x		
CLO4			x	x				x			x	x	x		
CLO5				x	x						x	x	x		
CLO6							x			x					
CLO7								x			x				
CLO8											x				
CLO9										x		x		x	x
CLO10												x		x	x
MDG	2	1	2	1	1	0	1	2	0	2	2	2	2	1	1

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học phương pháp dạy học âm nhạc 1 giúp sinh viên có những kiến thức và kỹ năng cơ bản khi xây dựng kế hoạch bài dạy và tổ chức hoạt động âm nhạc ở trường tiểu học. Qua đó giúp sinh viên vận dụng phương pháp và kỹ thuật dạy học

vào giảng dạy đáp ứng được nhu cầu thực tiễn của môn học cũng như nhu cầu cấp thiết của việc đổi mới giáo dục toàn diện.

The subject of music teaching methods 1 helps students have basic knowledge and skills when building lesson plans and organizing music activities in primary schools. Thereby helping students apply teaching methods and techniques to teaching to meet the practical needs of the subject as well as the urgent needs of comprehensive educational innovation.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp, 100% giờ học trực tuyến (nếu có), đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành bài thực hành cá nhân.
- Kiểm tra định kỳ: Dự và thực hiện kiểm tra định kì đúng lịch.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- *Đánh giá theo thang 10 điểm.*
- Hình thức đánh giá:
 - A1: Chuyên cần;
 - A2: Thực hành;
 - A3: Kiểm tra định kỳ;
 - A4: Thi kết thúc học phần.
- Đánh giá quá trình:
 - + Trọng số điểm: 50% [*Chuyên cần 10%; Thực hành cá nhân 20%, bài kiểm tra định kỳ 20% (thực hành)*].
 - + Hình thức: Đánh giá qua thực hành cá nhân.
- Thi kết thúc học phần: Trọng số điểm: 50%; Hình thức: *Tự luận*

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần		01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1 đến CLO10
4	A2. Thực hành		01	Đáp án, thang điểm	CLO3 CLO4 CLO8 CLO9 CLO10
5	A3. Bài kiểm tra định kì		01	Đáp án, thang điểm	CLO1 đến CLO5
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					

6	A4. Thực hành	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO1 đến CLO10
---	---------------	----	----	---	----------------

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp thực hành	Dự 80%-89% số giờ lên lớp thực hành	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp thực hành	Dự 95% -100% số giờ lên lớp thực hành

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1] Lê Anh Tuấn (2010), *Phương pháp dạy học môn âm nhạc ở trường tiểu học & trung học cơ sở*, Nxb Đại học Sư phạm.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Hoàng Long - Hoàng Lân (2005), *Phương pháp dạy học âm nhạc*, Nxb Đại học Sư phạm.

[3] Nguyễn Đắc Quỳnh, 2000, *Âm nhạc và phương pháp giáo dục âm nhạc ở trường tiểu học*, Nxb Giáo dục.

[4] Robert I. Marzano – Debra J. Pickering – Jane E. Pollock (2013), *Các phương pháp dạy học hiệu quả*, Nxb Giáo dục.

9.3. Website

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	<i>Trình bày, nhận diện</i> được mục tiêu, cấu trúc nội dung chương trình môn âm nhạc và phương pháp tổ chức dạy- học âm nhạc ở Tiểu học
LLO2	<i>Phân tích</i> được các mục tiêu, cấu trúc nội dung chương trình môn học trong dạy

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
	- học và những yêu cầu cần đạt của môn học
LLO3	<i>Vận dụng</i> được những kiến thức khoa học cơ bản được học trong việc hình thành năng lực thẩm mỹ cho học sinh
LLO4	Nhận biết, phân tích được các vấn đề về lý luận và thực tiễn của môn học. So sánh được nội dung chương trình môn âm nhạc 2018 với chương trình môn âm nhạc 2006 cấp tiểu học.
LLO5	<i>Phối hợp</i> , làm việc nhóm khi thực hiện các nội dung bài tập, thảo luận. <i>Có kỹ năng làm việc nhóm</i> trong phân công, hợp tác và chia sẻ trách nhiệm; <i>có kỹ năng giao tiếp</i> ứng xử phù hợp với học sinh, phụ huynh và đồng nghiệp
LLO6	<i>Nhận biết</i> mục tiêu, nhiệm vụ của nhà trường về môn học, xác định được vai trò và phân tích được sự ảnh hưởng của việc giáo dục âm nhạc đối với học sinh tiểu học.
LLO7	Phân tích được đặc điểm phương pháp dạy học âm nhạc ở tiểu học và trung học cơ sở. <i>Vận dụng</i> được những nội dung môn học vào quá trình giáo dục học sinh.
LLO8	<i>Đánh giá</i> được ưu, nhược điểm của các phương pháp dạy học cụ thể ở những khối lớp khác nhau.
LLO9	So sánh được dạy học tiếp cận nội dung và dạy học tiếp cận năng lực
LLO10	<i>Trình bày</i> được nhóm các phương pháp dạy học truyền thống và nhóm phương pháp dạy học hiện đại
LLO11	<i>Minh họa</i> được nội dung dạy học trong một số chủ đề ở tiểu học.
LLO12	<i>Phân tích</i> được hệ thống kiến thức khoa học về cách thức tổ chức hoạt động dạy học âm nhạc.
LLO13	<i>Vận dụng</i> quy trình thiết kế trong việc lập kế hoạch dạy học âm nhạc trong trường tiểu học. Tự rèn luyện xây dựng các hoạt động sáng tạo trong tổ chức các hoạt động dạy- học theo chủ đề. <i>Thiết kế</i> được kế hoạch dạy học một chủ đề, thực hiện minh họa một giờ dạy – học âm nhạc.
LLO14	Giao tiếp, hợp tác hiệu quả khi thảo luận, thực hành nhóm những nội dung dạy học các chủ đề cụ thể trong môn âm nhạc Khai thác, ứng dụng công nghệ thông tin trong thiết kế và tổ chức kế hoạch bài học theo phát triển phẩm chất, năng lực học sinh <i>Áp dụng</i> được phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kỹ thuật kiểm tra đánh giá khi minh họa kế hoạch bài học các chủ đề cụ thể.
LLO15	Thực hiện đúng nội dung của lớp, trường; quy định của học phần; quy định về đạo đức nhà giáo. <i>Áp dụng</i> được các kiến thức, kỹ năng về lý luận dạy học, những nội dung cụ thể trong dạy học âm nhạc ở tiểu học vào quá trình dạy học môn âm nhạc ở trường tiểu học, có khả năng tự học.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)									
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
LLO1	x								x	x
LLO2			x						x	x
LLO3					x				x	x
LLO4						x	x		x	x

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)									
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
LLO5		x							x	x
LLO6				x					x	x
LLO7					x				x	x
LLO8		x							x	x
LLO9				x					x	x
LLO10					x				x	x
LLO11		x							x	x
LLO12				x					x	x
LLO13					x				x	x
LLO14						x	x	x	x	x
LLO15									x	x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Cơ sở lý luận về phương pháp dạy học âm nhạc ở tiểu học và trung học cơ sở				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 LLO2 LLO3 LLO4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung lý thuyết: (6 tiết) 1.1. Khái quát về nghệ thuật âm nhạc và những đặc trưng cơ bản của nghệ thuật âm nhạc. 1.2. Vai trò của âm nhạc trong đời sống xã hội và trường tiểu học. 1.3. Đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh tiểu học liên quan đến việc tiếp thu âm nhạc 1.4. Nội dung dạy học âm nhạc ở trường tiểu học 1.4.1. Hát 1.4.2. Nghe nhạc 1.4.2. Đọc nhạc 1.4.3. Lý thuyết âm nhạc 1.4.4. Thường thức âm nhạc 1.4.5. Nhạc cụ 1.5. Nguyên tắc chung về phương pháp giảng dạy âm nhạc 1.6. Những yêu cầu và nhiệm vụ của giáo viên dạy học âm nhạc	<i>Giảng giải minh họa.</i>	[A1] [A2]	[1]

	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) Thảo luận nhóm		[A1] [A2]	[1]
	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (5 tiết) Thực hành theo nhóm		[A1] [A2]	[1]
	B. Nội dung tự học: (21,5 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và trả lời câu hỏi		[A1]	[1]
Chương 2: Phương pháp – Kỹ thuật dạy học âm nhạc				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO5 LLO6 LLO7 LLO8 LLO9 LLO10 LLO11 LLO12 LLO13	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung lí thuyết: (10 tiết) 2.1. Các phương pháp cơ bản trong dạy học âm nhạc 2.1.1. Phương pháp trực quan thính giác 2.1.2. Phương pháp dùng lời 2.1.3. Phương pháp thực hành nghệ thuật 2.1.4. Phương pháp nghiên cứu và nắm vững bài hát 2.2. Phương pháp dạy học âm nhạc phổ biến ở trường tiểu học 2.2.1. Phương pháp Đọc nhạc theo ký hiệu bàn tay 2.2.2. Phương pháp Đọc nhạc theo nốt nhạc hình tượng 2.3. Phương pháp dạy các nội dung môn âm nhạc ở trường tiểu học 2.3.1. Phương pháp dạy hát 2.3.2. Phương pháp dạy nghe nhạc 2.3.3. Phương pháp dạy đọc nhạc 2.3.4. Phương pháp dạy lý thuyết âm nhạc 2.3.5. Phương pháp dạy thưởng thức âm nhạc 2.3.6. Phương pháp dạy nhạc cụ 2.4. Kỹ thuật dạy học 2.4.1. Kỹ thuật khăn trải bàn 2.4.2. Kỹ thuật mảnh ghép	<i>Giảng giải minh họa.</i>	[A1] [A2]	[1]
	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) + Quy trình và kĩ thuật thiết kế đề kiểm tra, thi trắc nghiệm khách quan.. + Quy trình và kĩ thuật thiết kế đề kiểm tra, thi kiểu tự luận.....		[A1] [A2]	[1]
	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (15 tiết) Thực hành theo nhóm		[A1] [A2]	[1]
	B. Nội dung tự học: (44.5 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và trả lời câu hỏi	<i>Thực hành</i>	[A1] [A2]	[1]
Thực tế chuyên môn (6 tiết)				

	A. Nội dung thực tế chuyên môn - Dự giờ một tiết dạy âm nhạc và ghi lại biên bản giờ dạy Phân tích các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học được giáo viên sử dụng trong tiết dạy đó. - Những góp ý, điều chỉnh để giờ dạy đó đạt hiệu quả cao hơn. - Tìm hiểu hoạt động tổ chuyên môn ở trường tiểu học hiện nay.			
	B. Nội dung tự học - Viết báo cáo thực tế chuyên môn từ 20 –25 trang giấy A4, có minh chứng trong báo cáo. - Thời gian hoàn thành: 1 tuần sau khi kết thúc thực tế.			
Chương 3: Xây dựng kế hoạch bài dạy, tập giảng				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (4 tiết) * Nội dung lí thuyết: (4 tiết) 3.1. Giới thiệu một số phần mềm công nghệ thông tin trong dạy học âm nhạc góp phần đổi mới phương pháp dạy học âm nhạc 3.2. Thiết kế kế hoạch bài dạy các mạch nội dung âm nhạc trong trường tiểu học theo công văn 2345. 3.2.1. Yêu cầu đối với giáo viên 3.2.2. Các bước xây dựng kế hoạch bài dạy 3.2.3. Giới thiệu một số kế hoạch bài dạy tham khảo 3.3. Tập giảng	<i>Giảng giải minh họa.</i>	[A1]	[1]
LLO2	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (20 tiết) Thực hành theo nhóm		[A2]	[1]
	B. Nội dung tự học: (38 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và trả lời câu hỏi	<i>Thực hành</i>	[A1]	[1]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học sạch đẹp, đủ bàn ghế
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Ti vi, loa, đài, đàn phím piano.
- Điều kiện khác: Phòng cách âm

8.43. Phương pháp dạy học âm nhạc 2 (59MTM342)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 04 Tổng số giờ quy chuẩn: 60
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
----	------------------	---------------------------	---------------

1	Lý thuyết	20	40
2	Bài tập	0	0
3	Thực hành	70	105
4	Thảo luận	0	0
5	Thực tế chuyên môn	10	10
Tổng		70	155

- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Phương pháp dạy học Âm nhạc 1
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật; Khoa Giáo dục Tiểu học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS Nguyễn Văn Thiều	0988268558	thieuvn@tnue.edu.vn
2	ThS Đỗ Thị Linh Chi	0988808489	chidtl@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng:

* Kiến thức

- + Trình bày được cơ sở lý luận về cơ sở lý luận về các hình thức và các phương pháp tổ chức các hoạt động dạy học âm nhạc phù hợp với học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông
- + Phân tích được các phương pháp dạy học âm nhạc ở trường sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông.
- + Vận dụng được những kiến thức cơ bản về các phương pháp, kỹ thuật dạy học để từ đó xây dựng kế hoạch bài dạy.

* Kỹ năng

- + Triển khai phương pháp dạy học âm nhạc cho học sinh ở trường trung học cơ sở và trung học phổ thông. Áp dụng các hình thức tổ chức dạy học đa dạng trong các hoạt động dạy – học âm nhạc theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh.
- + Sử dụng công nghệ và phương tiện dạy học hiện đại trong giảng dạy, tổ chức triển khai quá trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học.

* Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Năng lực tự chủ

- + Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.

Năng lực trách nhiệm

- + Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Tham gia tích cực vào quá trình học tập học phần khi hoạt động cá nhân, nhóm và có khả năng tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	<i>Trình bày</i> được mục tiêu, cấu trúc nội dung chương trình môn âm nhạc và phương pháp tổ chức dạy- học âm nhạc ở trường trung học cơ sở và trung học phổ thông.	PLO1 PLO3 PLO8
	CLO2	<i>Phân tích</i> được cấu trúc nội dung chương trình môn học trong dạy - học và những yêu cầu cần đạt của môn học	PLO1 PLO3 PLO8
	CLO3	<i>Vận dụng</i> được những kiến thức khoa học cơ bản được học trong việc hình thành năng lực thẩm mỹ âm nhạc cho học sinh	PLO1 PLO3 PLO8
CO2	CLO4	<i>Phân tích</i> được hệ thống các phương pháp tổ chức khi tiến hành các hoạt động dạy- học	PLO1 PLO3 PLO8
CO3	CLO5	Người học vận dụng được những kiến thức cơ bản về các phương pháp, kỹ thuật dạy học để từ đó xây dựng kế hoạch bài dạy.	PLO1 PLO3 PLO8
Kĩ năng			
CO4	CLO6	<i>Áp dụng</i> được sự linh hoạt và sáng tạo về hình thức và quy trình thiết kế bài dạy trong thực tiễn	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO5	CLO7	Đánh giá được các kiến thức lý luận và liên hệ với thực tiễn. Hiểu rõ việc tổ chức hoạt động đánh giá kết quả học tập	xPLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO6	CLO8	Hình thành các kỹ năng phân tích chương trình, biết lập, lập được kế hoạch cho chương trình, phát triển chương trình, kỹ năng hợp tác, làm việc độc lập, lập kế hoạch, tổ chức được giờ hoạt động âm nhạc, đánh giá được sản phẩm thực hiện âm nhạc của học sinh	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO7	CLO9	Năng lực tự chủ Hiểu và thực hiện đúng các quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường tiểu học. Nhận thức được nhu cầu học tập của bản thân và có năng lực lập kế hoạch các hoạt động dạy học.	PLO14

CO8	CLO10	Có ý thức tự trau dồi, rèn luyện bản thân, có lối sống lành mạnh; trung thực, cầu tiến, có trách nhiệm, không ngại khó khăn, sáng tạo, đam mê với nghề.	PLO14
CO9	CLO11	Năng lực trách nhiệm Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Hoàn thành đầy đủ bài tập do thầy cô giáo yêu cầu. Tham gia các hoạt động tập thể một cách tích cực.	PLO15

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x	x	x		x					x			x		
CLO2	x	x	x												
CLO3	x		x					x		x			x		
CLO4			x	x				x			x	x	x		
CLO5				x	x						x	x	x		
CLO6							x			x					
CLO7								x			x				
CLO8											x				
CLO9										x		x		x	x
CLO10												x		x	x
MĐG	2	1	2	1	1	0	1	2	0	2	2	2	2	1	1

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học phương pháp dạy học âm nhạc 2 giúp sinh viên có những kiến thức và kỹ năng cơ bản khi xây dựng kế hoạch bài dạy và tổ chức hoạt động âm nhạc ở trường trung học cơ sở và trung học phổ thông. Qua đó giúp sinh viên vận dụng phương pháp và kỹ thuật dạy học vào giảng dạy đáp ứng được nhu cầu thực tiễn của môn học cũng như nhu cầu cấp thiết của việc đổi mới giáo dục toàn diện.

The subject of music teaching methods 2 helps students have basic knowledge and skills when building lesson plans and organizing music activities in middle and

high schools. Thereby helping students apply teaching methods and techniques to teaching to meet the practical needs of the subject as well as the urgent needs of comprehensive educational innovation.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp, 100% giờ học trực tuyến (nếu có), đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành bài thực hành cá nhân.
- Kiểm tra định kỳ: Dự và thực hiện kiểm tra định kì đúng lịch.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- *Đánh giá theo thang 10 điểm.*
- Hình thức đánh giá:
 - A1: Chuyên cần;
 - A2: Thực hành;
 - A3: Kiểm tra định kỳ;
 - A4: Thi kết thúc học phần.
- Đánh giá quá trình:
 - + Trọng số điểm: 50% [*Chuyên cần 10%; Thực hành cá nhân 20%, bài kiểm tra định kỳ 20% (thực hành)*].
 - + Hình thức: Đánh giá qua thực hành cá nhân.
- Thi kết thúc học phần: Trọng số điểm: 50%; Hình thức: *Tự luận*

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần		01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1 đến CLO10
4	A2. Thực hành		01	Đáp án, thang điểm	CLO3 CLO4 CLO8 CLO9 CLO10
5	A3. Bài kiểm tra định kì		01	Đáp án, thang điểm	CLO1 đến CLO5
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A4. Thực hành	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO1 đến CLO10

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp thực hành	Dự 80%-89% số giờ lên lớp thực hành	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp thực hành	Dự 95% -100% số giờ lên lớp thực hành

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1] Lê Anh Tuấn (2010), *Phương pháp dạy học môn âm nhạc ở trường tiểu học & trung học cơ sở*, Nxb Đại học Sư phạm.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Hoàng Long - Hoàng Lân (2005), *Phương pháp dạy học âm nhạc*, Nxb Đại học Sư phạm.

[3] Nguyễn Đắc Quỳnh, 2000, *Âm nhạc và phương pháp giáo dục âm nhạc ở trường tiểu học*, Nxb Giáo dục.

[4] Robert I. Marzano – Debra J. Pickering – Jane E. Pollock (2013), *Các phương pháp dạy học hiệu quả*, Nxb Giáo dục.

9.3. Website

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	<i>Trình bày, nhận diện</i> được mục tiêu, cấu trúc nội dung chương trình môn âm nhạc và phương pháp tổ chức dạy- học âm nhạc ở trung học cơ sở và trung học phổ thông.
LLO2	<i>Phân tích</i> được các mục tiêu, cấu trúc nội dung chương trình môn học trong dạy - học và những yêu cầu cần đạt của môn học
LLO3	<i>Vận dụng</i> được những kiến thức khoa học cơ bản được học trong việc hình thành năng lực thẩm mỹ cho học sinh
LLO4	Nhận biết, phân tích được các vấn đề về lý luận và thực tiễn của môn học. So sánh được nội dung chương trình môn âm nhạc 2018 với chương trình môn âm nhạc 2006 cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO5	<i>Phối hợp</i> , làm việc nhóm khi thực hiện các nội dung bài tập, thảo luận. Có <i>kĩ năng làm việc nhóm</i> trong phân công, hợp tác và chia sẻ trách nhiệm; có <i>kĩ năng giao tiếp</i> ứng xử phù hợp với học sinh, phụ huynh và đồng nghiệp
LLO6	<i>Nhận biết</i> mục tiêu, nhiệm vụ của nhà trường về môn học, xác định được vai trò và phân tích được sự ảnh hưởng của việc giáo dục âm nhạc đối với học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông.
LLO7	Phân tích được đặc điểm phương pháp dạy học âm nhạc ở trung học cơ sở và trung học phổ thông <i>Vận dụng</i> được những nội dung môn học vào quá trình giáo dục học sinh.
LLO8	<i>Đánh giá</i> được ưu, nhược điểm của các phương pháp dạy học cụ thể ở những khối lớp khác nhau.
LLO9	So sánh được dạy học tiếp cận nội dung và dạy học tiếp cận năng lực
LLO10	<i>Trình bày</i> được nhóm các phương pháp dạy học truyền thống và nhóm phương pháp dạy học hiện đại
LLO11	<i>Minh họa</i> được nội dung dạy học trong một số chủ đề ở trung học cơ sở và trung học phổ thông.
LLO12	<i>Phân tích</i> được hệ thống kiến thức khoa học về cách thức tổ chức hoạt động dạy học âm nhạc.
LLO13	<i>Vận dụng</i> quy trình thiết kế trong việc lập kế hoạch dạy học âm nhạc trong trường trung học cơ sở và trung học phổ thông. Tự rèn luyện xây dựng các hoạt động sáng tạo trong tổ chức các hoạt động dạy- học theo chủ đề. <i>Thiết kế</i> được kế hoạch dạy học một chủ đề, thực hiện minh họa một giờ dạy – học âm nhạc.
LLO14	Giao tiếp, hợp tác hiệu quả khi thảo luận, thực hành nhóm những nội dung dạy học các chủ đề cụ thể trong môn âm nhạc. Khai thác, ứng dụng công nghệ thông tin trong thiết kế và tổ chức kế hoạch bài học theo phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. <i>Áp dụng</i> được phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kĩ thuật kiểm tra đánh giá khi minh họa kế hoạch bài học các chủ đề cụ thể.
LLO15	Thực hiện đúng nội dung của lớp, trường; quy định của học phần; quy định về đạo đức nhà giáo. <i>Áp dụng</i> được các kiến thức, kĩ năng về lí luận dạy học, những nội dung cụ thể trong dạy học âm nhạc vào quá trình dạy học môn âm nhạc ở trường trung học cơ sở và trung học phổ thông, có khả năng tự học.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)									
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
LLO1	x								x	x
LLO2			x						x	x
LLO3					x				x	x
LLO4						x	x		x	x
LLO5		x							x	x
LLO6				x					x	x

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)									
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
LLO7					x				x	x
LLO8		x							x	x
LLO9				x					x	x
LLO10					x				x	x
LLO11		x							x	x
LLO12				x					x	x
LLO13					x				x	x
LLO14						x	x	x		
LLO15									x	x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Cơ sở lý luận về phương pháp dạy học âm nhạc ở trung học cơ sở và trung học phổ thông				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 LLO2 LLO3 LLO4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung lý thuyết: (6 tiết) 1.1. Vai trò của âm nhạc trong đời sống xã hội và nhà trường phổ thông. 1.2. Đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông liên quan đến việc tiếp thu âm nhạc 1.4. Nội dung dạy học âm nhạc ở trường trung học cơ sở và trung học phổ thông 1.4.1. Hát 1.4.2. Nghe nhạc 1.4.2. Đọc nhạc 1.4.3. Nhạc cụ 1.4.4. Lý thuyết âm nhạc 1.4.5. Thường thức âm nhạc 1.4.6. Chuyên đề học tập 1.5. Nguyên tắc chung về phương pháp giảng dạy âm nhạc 1.6. Những yêu cầu và nhiệm vụ của giáo viên dạy học âm nhạc	<i>Giảng giải minh họa.</i>	[A1] [A2]	[1]
	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) Thảo luận nhóm		[A1] [A2]	[1]
	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (5 tiết) Thực hành theo nhóm		[A1] [A2]	[1]

	B. Nội dung tự học: (21,5 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và trả lời câu hỏi		[A1]	[1]
Chương 2: Phương pháp – Kỹ thuật dạy học âm nhạc				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO5 LLO6 LLO7 LLO8 LLO9 LLO10 LLO11 LLO12 LLO13	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung lý thuyết: (10 tiết) 2.1. Các phương pháp cơ bản trong dạy học âm nhạc 2.1.1. Phương pháp trực quan thính giác 2.1.2. Phương pháp dùng lời 2.1.3. Phương pháp thực hành nghệ thuật 2.1.4. Phương pháp nghiên cứu và nắm vững bài hát 2.2. Phương pháp dạy học âm nhạc phổ biến ở trường tiểu học 2.2.1. Phương pháp Kodaly 2.2.2. Phương pháp Dalcroze 2.2.3. Phương pháp Orff-Schulwerk 2.3. Phương pháp dạy các nội dung môn âm nhạc ở trường trung học cơ sở và trung học phổ thông. 2.3.1. Phương pháp dạy hát 2.3.2. Phương pháp dạy nghe nhạc 2.3.3. Phương pháp dạy đọc nhạc 2.3.4. Phương pháp dạy lý thuyết âm nhạc 2.3.5. Phương pháp dạy thưởng thức âm nhạc 2.3.6. Phương pháp dạy nhạc cụ 2.4. Kỹ thuật dạy học 2.4.1. Kỹ thuật khăn trải bàn 2.4.2. Kỹ thuật mảnh ghép	<i>Giảng giải minh họa.</i>	[A1] [A2]	[1]
	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) + Quy trình và kỹ thuật thiết kế đề kiểm tra, thi trắc nghiệm khách quan.. + Quy trình và kỹ thuật thiết kế đề kiểm tra, thi kiểu tự luận.....		[A1] [A2]	[1]
	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (15 tiết) Thực hành theo nhóm		[A1] [A2]	[1]
	B. Nội dung tự học: (44,5 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và trả lời câu hỏi	<i>Thực hành</i>	[A1] [A2]	[1]
Thực tế chuyên môn (6 tiết)				
	A. Nội dung thực tế chuyên môn - Dự giờ một tiết dạy âm nhạc và ghi lại biên bản giờ dạy Phân tích các phương pháp và hình thức tổ			

	chức dạy học được giáo viên sử dụng trong tiết dạy đó. - Những góp ý, điều chỉnh để giờ dạy đó đạt hiệu quả cao hơn. - Tìm hiểu hoạt động tổ chuyên môn ở trường trung học cơ sở và trung học phổ thông hiện nay.			
	B. Nội dung tự học - Viết báo cáo thực tế chuyên môn từ 20 –25 trang giấy A4, có minh chứng trong báo cáo. - Thời gian hoàn thành: 1 tuần sau khi kết thúc thực tế.			
Chương 3: Xây dựng kế hoạch bài dạy, tập giảng				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (4 tiết) * Nội dung lí thuyết: (4 tiết) 3.1. Giới thiệu một số phần mềm công nghệ thông tin trong dạy học âm nhạc góp phần đổi mới phương pháp dạy học âm nhạc 3.2. Thiết kế bài dạy các mạch nội dung âm nhạc ở trung học cơ sở và trung học phổ thông theo công văn 5512. 3.2.1. Yêu cầu đối với giáo viên 3.2.2. Các bước soạn kế hoạch bài dạy 3.2.3. Giới thiệu một số kế hoạch bài dạy tham khảo 3.3. Tập giảng	<i>Giảng giải minh họa.</i>	[A1]	[1]
LLO2	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (20 tiết) Thực hành theo nhóm		[A2]	[1]
	B. Nội dung tự học: (38 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và trả lời câu hỏi	<i>Thực hành</i>	[A1]	[1]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học sạch đẹp, đủ bàn ghế
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Ti vi, loa, đài, đàn phím piano.
- Điều kiện khác: Phòng cách âm

8.44. Phương pháp dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp (59APS331)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	20	40

2	Bài tập	05	7.5
3	Thực hành	40	60
4	Thảo luận	5	5
Tổng		70	112.5

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Âm nhạc cơ bản; Thanh nhạc; Nhạc cụ; Hát dân ca; Múa và Biên đạo múa; Vũ đạo
- Học phần học song hành: Chỉ huy - Hát Đồng ca, hợp xướng
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Nghệ thuật; Khoa Giáo dục Tiểu học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
13.	Th.S. Lương Ngọc Quỳnh	0913967828	quynhln@tnue.edu.vn
14.	Th.S. Đỗ Linh Chi	0988808489	Chidtl@tnue.edu.vn
15.	Th.S, Nguyễn Văn Thiều	0988268558	Thieunv@tnue.edu.vn
16.	TS. Phạm Minh Thuỳ	0338559688	Thuypm@tnue.edu.vn
17.	TS. Nguyễn Thanh Tiến	0971954333	Tiennt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức:

CO1.

- Nắm được một số khái niệm về chương trình âm nhạc tổng hợp.
- Cung cấp cho người học những kiến thức, phương pháp cơ bản để tổ chức dàn dựng một chương trình âm nhạc tổng hợp, đáp ứng nhu cầu trong phong trào văn hóa văn nghệ trong nhà trường và xã hội.
- Vận dụng các bước tiến hành và các phương pháp cơ bản để thiết kế, xây dựng và biểu diễn chương trình.

CO2. Các yếu tố cấu thành chương trình. Nguyên tắc dàn dựng cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình dàn dựng chương trình.

CO3. Thực hành dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp theo quy trình

* Về kỹ năng

CO4. Có khả năng phân tích các chương trình âm nhạc, đánh giá ưu nhược điểm của từng chương trình.

CO5. Có kỹ năng lập kế hoạch dàn dựng một chương trình âm nhạc hoàn chỉnh, từ khâu lên ý tưởng đến khâu thực hiện. Sáng tạo ý tưởng, hình thức biểu diễn mới lạ, độc đáo.

CO6. Khả năng quản lý, điều phối các hoạt động trong quá trình dàn dựng.

CO7. Khả năng giao tiếp hiệu quả với các thành viên trong nhóm, với nghệ sĩ, với khán giả.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO8. Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài giờ lên lớp.

CO9. Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Hoàn thành đầy đủ bài tập do thầy cô giáo. Tham gia các hoạt động âm nhạc tập thể một cách tích cực.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Nắm được một số khái niệm về chương trình âm nhạc tổng hợp.	PLO1 PLO3 PLO8
	CLO2	Cung cấp cho người học những kiến thức, phương pháp cơ bản để tổ chức dàn dựng một chương trình âm nhạc tổng hợp, đáp ứng nhu cầu trong phong trào văn hóa văn nghệ trong nhà trường và xã hội.	PLO1 PLO3 PLO8
	CLO3	Vận dụng các bước tiến hành và các phương pháp cơ bản để tổ chức dàn dựng chương trình ca múa nhạc tổng hợp. Được tham gia vào thực hành thiết kế, xây dựng và biểu diễn chương trình.	PLO1 PLO3 PLO6 PLO8 PLO10 PLO11 PLO12 PLO13
CO2	CLO4	Các yếu tố cấu thành chương trình. Nguyên tắc dàn dựng cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình dàn dựng chương trình.	PLO1 PLO3 PLO4 PLO8 PLO11 PLO15
CO3	CLO5	Thực hành dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp theo quy trình	PLO1 PLO2 PLO3 PLO8

	Kĩ năng		
CO4	CLO6	Người học rèn luyện được các kỹ năng cơ bản trong việc dàn dựng thành thạo chương trình ca múa nhạc tổng hợp. Có khả năng phân tích các chương trình âm nhạc, đánh giá ưu nhược điểm của từng chương trình.	PLO3 PLO8 PLO11 PLO13 PLO15
CO5	CLO7	Có kỹ năng lập kế hoạch dàn dựng một chương trình âm nhạc hoàn chỉnh, từ khâu lên ý tưởng đến khâu thực hiện. Sáng tạo ý tưởng, hình thức biểu diễn mới lạ, độc đáo	PLO3 PLO8 PLO11 PLO12 PLO13 PLO15
CO6	CLO8	Khả năng quản lý, điều phối các hoạt động trong quá trình dàn dựng	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO7	CLO9	Khả năng giao tiếp hiệu quả với các thành viên trong nhóm, với nghệ sĩ, với khán giả.	PLO1 PLO7 PLO13 PLO15
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CO8	CLO10	Năng lực tự chủ Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.	PLO14 PLO15
CO9	CLO11	Năng lực trách nhiệm Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Hoàn thành đầy đủ bài tập. Tham gia các hoạt động âm nhạc tập thể một cách tích cực.	PLO15

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x		x					x							
CLO2	x		x					x							
CLO3	x		x			x		x		x	x	x			x
CLO4	x		x	x				x			x				x
CLO5	x	x	x					x							
CLO6			x					x		x			x		x
CLO7			x					x			x	x	x		x
CLO8			x					x		x			x		x
CLO9			x				x	x		x			x		x
CLO10														x	x
CLO11															x
MĐG	2	1	3	1	0	1	1	3	0	2	2	1	2	1	2

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Phương pháp dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp là một môn học vô cùng quan trọng, cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết để tổ chức và điều khiển các chương trình âm nhạc. Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên môn về các khái niệm, nguyên tắc, kỹ thuật và phương pháp dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp. Rèn luyện kỹ năng thực hành, giúp sinh viên tự tin lên kế hoạch, tổ chức và điều khiển các chương trình âm nhạc. Phát triển tư duy sáng tạo, khả năng làm việc nhóm và kỹ năng giao tiếp hiệu quả.

Qua môn học này, sinh viên sẽ có cơ hội phát triển toàn diện về cả kiến thức và kỹ năng, đồng thời đóng góp vào sự phát triển của nền âm nhạc nước nhà.

The subject of Methods of staging comprehensive art programs is an extremely important subject, providing students with the necessary knowledge and skills to

organize and direct music programs. Equipping students with specialized knowledge of concepts, principles, techniques and methods of staging comprehensive music programs. Practicing practical skills, helping students confidently plan, organize and direct music programs. Developing creative thinking, teamwork ability and effective communication skills. Through this subject, students will have the opportunity to develop comprehensively in both knowledge and skills, while contributing to the development of the country's music industry.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp, 100% giờ học trực tuyến (nếu có), đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành bài thực hành cá nhân.
- Kiểm tra định kỳ: Dự và thực hiện kiểm tra định kì đúng lịch.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- *Đánh giá theo thang 10 điểm.*
- Hình thức đánh giá:
 - A1: Chuyên cần;
 - A2: Thực hành;
 - A3: Kiểm tra định kỳ;
 - A4: Thi kết thúc học phần.
- Đánh giá quá trình:
 - + Trọng số điểm: 50% [*Chuyên cần 10%; Thực hành cá nhân 20%, bài kiểm tra định kỳ 20% (thực hành)*].
 - + Hình thức: Đánh giá qua thực hành cá nhân.
- Thi kết thúc học phần: Trọng số điểm: 50%; Hình thức: *Thực hành*

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
----	-----------	-------------------	------------------	-------------------	------------

Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần		01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-9
2	A2. Thực hành		01	Đáp án, thang điểm	CLO 6, 7, 8, 9
3	A3. Bài kiểm tra định kì		01	Đáp án, thang điểm	CLO 3, 4, 5, 6, 7,8
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
4	A4. Thực hành	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá thực hành báo cáo	CLO 6, 7,8, 9

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1] Nguyễn Văn Thiều (2019), *Đề cương bài giảng Dàn dựng chương trình tổng hợp*, Tài liệu lưu hành nội bộ trường Đại học Sư Phạm.

[2] Lê Anh Tuấn (2007), *Giáo trình dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp*, Nxb Đại học Sư phạm.

9.2. Tài liệu tham khảo: (nếu có)

[3]. Dương Viết Á (1995), *Ca hát và biểu diễn*, Nxb Âm nhạc, Hà Nội.

[4]. Dương Viết Á (1993), *Giáo trình Mĩ học Âm nhạc*, Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội.

[5]. Dương Viết Á, Đức Trịnh (2000), *Tổ chức và dàn dựng chương trình biểu diễn ở cơ sở*, Trường CDVHNT Quân đội.

[6]. Lê Ngọc Canh (2009), *Phương pháp đạo diễn chương trình nghệ thuật tổng hợp*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

[7]. Lê Ngọc Canh (2001), *100 điệu múa truyền thống Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin – TT Nghệ thuật múa UNESCO Hà Nội.

[8]. Đào Ngọc Dung (1997), *Những bài hát tập thể đồng ca, hợp xướng I-II-III*, Nxb Trường CDSP Nhạc họa TW.

[9]. Lê Thế Hào, Nguyễn Thiết (1985), *Chỉ huy và dàn dựng các tác phẩm âm nhạc*, Nxb giáo dục.

[10]. Nguyễn Thị Hiền (2006), *Nghệ thuật biên đạo múa*, Nxb Văn hóa Hà Nội.

[11]. Lê Ngọc Khanh (2006), *Đạo diễn các chương trình nghệ thuật*, Nxb giáo dục.

[12]. Lê Ngọc Khanh, Vũ Tự Lân, Lê Thế Hào (2007), *Phương pháp hát và chỉ huy dàn dựng hát tập thể*.

[13]. Nhiều tác giả (2006), *Kịch bản sân khấu hóa chương trình tổng hợp*, Nxb Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

[14]. Đoàn Phi (1999), *Chỉ huy dàn dựng hát tập thể*, Nxb ĐH Sư phạm.

[15]. Lê Trọng Quang (2002), *Giáo trình cơ bản và phương pháp múa* - Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.

[16]. Vũ Minh Vỹ (2006), *Tài liệu giảng dạy của khoa Sư phạm Âm nhạc*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

[17] VCD, DVD các chương trình ca múa nhạc tổng hợp.

9.3. Website (nếu có)

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Mô tả khái quát chung về vai trò của môn học, các khái niệm liên quan đến môn học.
LLO2	Nắm vững quy trình, kỹ năng dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp.
LLO3	Vận dụng được những kỹ thuật, kỹ năng vào thiết kế, dàn dựng chương trình.
LLO4	Có kỹ năng thực hành dàn dựng và biểu diễn chương trình nghệ thuật tổng hợp.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)										
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
LLO1	x									x	
LLO2		x	x	x	x			x		x	
LLO3		x	x			x	x		x		x
LLO4						x	x				x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Khái quát chung về dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung lí thuyết: (10 tiết) 1.1. Một số khái niệm 1.2. Các yếu tố cấu thành chương trình 1.3. Nguyên tắc dàn dựng 1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình dàn dựng 1.5. Loại chương trình âm nhạc tổng hợp 1.6. Vai trò, ý nghĩa của chương trình âm nhạc tổng hợp	Thuyết trình/Giảng giải	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2] [3] [5] [6]
LLO1	* Nội dung thảo luận: (2 tiết)	Thuyết	[A1]	[1]

	- Khái quát về dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp	trình/Giảng giải	[A2]	[2] [5] [6]
LLO1	B. Nội dung tự học: (22 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và trả lời câu hỏi		[A1]	[4]
Chương 2: Biên tập chương trình âm nhạc tổng hợp				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (32 tiết) * Nội dung lí thuyết: (20 tiết) + Giai đoạn chuẩn bị 2.1. Lên ý tưởng, xác định chủ đề chương trình 2.2. Viết kịch bản cho chương trình 2.3. Thiết kế sân khấu, âm thanh, ánh sáng 2.4. Tổ chức thực hiện + Giai đoạn thực hiện 2.4.5. Luyện tập 2.4.6. Tổng duyệt + Giai đoạn diễn ra 2.4.7. Chuẩn bị sân khấu 2.4.8. Tiến hành chương trình 2.4.9. Đánh giá, rút kinh nghiệm	Thuyết trình, Giảng giải, minh họa.	[A1] [A2]	[1] [2] [5] [6]
LLO2	* Nội dung bài tập (10 tiết) - Bài tập về thiết kế, xây dựng kịch bản chi tiết cho chương trình	Thực hành	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2] [5] [6]
LLO2	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) - Quy trình thực hiện chương trình dàn dựng	Thuyết trình	[A1] [A2]	[1] [2]
	B. Nội dung tự học: (57 tiết)		[A1]	[1]

	Sinh viên đọc tài liệu và nghiên cứu xây dựng bài tập	Thực hành		[2]
Chương 3: Dàn dựng và thực hành biểu diễn báo cáo chương trình âm nhạc tổng hợp				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO3	A. Nội dung thực hiện trên lớp (16 tiết)			
	* Nội dung thực hành: (15 tiết)			[1]
LLO4	3.1. Tổ chức dàn dựng, luyện tập chương trình	Giảng giải minh họa.	[A1]	[2]
	3.2. Tổ chức biểu diễn báo cáo (theo nhóm)		[A2]	[5]
		Thực hành	[A4]	[6]
LLO4	* Nội dung thảo luận (1 tiết)	Thuyết trình	[A1]	[1]
				[2]
				[5]
				[6]
LLO3	B. Nội dung tự học: (23.5 tiết)	Thực hành	[A1]	[1]
	- <i>Tổ chức tập luyện theo nhóm đã được phân công</i>			[2]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học đảm bảo thoáng mát, đủ ánh sáng
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, loa, đài, đàn phím điện tử.
- Điều kiện khác: Phòng cách âm, hội trường, sân khấu

8.45. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (59PTM331)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	30	60
2	Bài tập	10	15
3	Thực hành	15	22.5
4	Thảo luận	05	7.5
5	Thực tế chuyên môn	0	

Tổng	60	102.5
-------------	----	-------

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật; Khoa Giáo dục Tiểu học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS Đỗ Thị Linh Chi	0988808489	chidtl@tnue.edu.vn
2	ThS Nguyễn Văn Thiều	0988268558	thieunv@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng:

Trình bày, phân tích được các phương pháp giảng dạy các học phần chuyên ngành âm nhạc.

Thực hiện và vận dụng được việc soạn và giảng những nội dung chuyên ngành theo chương trình GDPT 2018.

* Về kiến thức

CO1. Người học trình bày, thực hiện được cơ sở lí luận về rèn luyện nghiệp vụ sư phạm trong giáo dục.

CO2. Phân loại được nội dung rèn luyện nghiệp vụ của từng năm học cho sinh viên có kĩ năng thực hành chuyên môn.

CO3. Người học phân tích, thực hiện được kiến thức cơ bản về rèn luyện nghiệp vụ sư phạm trong giáo dục. Thực hiện được những phương pháp, công cụ và quy trình thực hành sư phạm khi chưa có thực tế và sau khi có thực tế.

CO4. Người học vận dụng được những kiến thức cơ bản về các phương pháp, công cụ, quy trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm để từ đó xử lí và đưa ra được kết quả tốt nhất.

* Về kĩ năng

CO5. Người học thực hiện được các kĩ năng học tập, rèn luyện

CO6. Nghiên cứu thực hành phương pháp dạy học cho học sinh theo chương trình đào tạo.

CO7 Người học lựa chọn được việc học tập và rèn luyện những kĩ năng riêng thuộc chuyên ngành đào tạo.

CO8. Thực hành được tình huống đưa ra và xử lí kết quả.

* Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Năng lực tự chủ

CO9. Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.

Năng lực trách nhiệm

CO10. Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Tham gia tích cực vào quá trình học tập học phần khi hoạt động cá

nhân, nhóm và có khả năng tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Người học trình bày, thực hiện được cơ sở lý luận về rèn luyện nghiệp vụ sư phạm trong giáo dục	PLO1 PLO3 PLO8
	CLO2	Phân loại được nội dung rèn luyện nghiệp vụ của từng năm học cho sinh viên có kỹ năng thực hành chuyên môn.	PLO1 PLO3 PLO8
	CLO3	Người học phân tích, thực hiện được kiến thức cơ bản về rèn luyện nghiệp vụ sư phạm trong giáo dục.	PLO1 PLO3 PLO8
CO2	CLO4	Phân tích, thực hiện được những phương pháp, công cụ và quy trình thực hành sư phạm khi chưa có thực tế và sau khi có thực tế.	PLO1 PLO3 PLO8
CO3	CLO5	Người học vận dụng được những kiến thức cơ bản về các phương pháp, công cụ, quy trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm để từ đó xử lý và đưa ra được kết quả tốt nhất.	PLO1 PLO3 PLO8
	Kỹ năng		
CO4	CLO6	Người học thực hiện được các kỹ năng học tập, rèn luyện và nghiên cứu thực hành phương pháp dạy học cho học sinh.	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO5	CLO7	Người học lựa chọn được việc học tập và rèn luyện những kỹ năng riêng thuộc chuyên ngành đào tạo. Thực hành được tình huống đưa ra và xử lý kết quả.	xPLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO6	CLO8	Người học học thuộc được quy trình, tiến trình, linh hoạt sử dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học nhuần nhuyễn.	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO7	CLO9	Vận dụng các quy trình để thay đổi những phương pháp, kỹ năng đánh giá, kỹ năng học tập rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.	PLO3 PLO8 PLO10

			PLO13 PLO15
		Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CO8	CLO10	Năng lực tự chủ Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.	PLO14
CO9	CLO11	Năng lực trách nhiệm thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Hoàn thành đầy đủ bài tập. Tham gia các hoạt động âm nhạc tập thể một cách tích cực.	PLO15

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x	x	x	x	x	x		x			x		x		
CLO2	x	x	x	x				x			x		x		
CLO3	x	x	x		x			x			x		x		
CLO4	x	x	x	x	x	x		x			x		x		
CLO5	x	x	x	x	x			x			x				
CLO6		x	x	x	x			x		x	x		x		x
CLO7		x	x	x	x	x		x		x			x		x
CLO8			x	x		x		x		x			x		x
CLO9		x	x	x				x		x			x		x
CLO10		x												x	
CLO11		x													x
MĐG	3	3	3	3	3	2	0	3	0	2	2	0	2	1	3

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học rèn luyện nghiệp vụ sư phạm giúp sinh viên trình bày, phân tích tóm tắt nội dung môn học đầy đủ:

Người học trình bày, phân tích, phương pháp giảng dạy các môn học chuyên ngành, biên soạn kế hoạch bài dạy và thực hành sau khi có sự chuẩn bị kỹ lưỡng các kỹ năng giảng dạy.

Người học phân tích, thực hiện được việc soạn và giảng những nội dung chuyên ngành, kết hợp các kỹ năng xử lý thông tin, xử lý phương tiện dạy học.

Người học thực hiện việc soạn và giảng theo đúng chương trình giáo trình GDPT 2018 của Bộ Giáo dục ban hành. Thực hiện công tác của Giáo viên chủ nhiệm, kiểm tra đánh giá, và biên soạn tài liệu phục vụ cho giảng dạy chuyên môn.

The course trains pedagogical skills to help students present and analyze a complete summary of the subject content:

Learners present, analyze, and teach methods of specialized subjects, compile lesson plans and practice after carefully preparing teaching skills.

Learners analyze, prepare and teach specialized content, combining information processing skills and handling teaching media.

Learners prepare and teach in accordance with the 2018 GDT curriculum issued by the Ministry of Education. Carry out the work of a homeroom teacher, test and evaluate, and compile documents for professional teaching.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp, 100% giờ học trực tuyến (nếu có), đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành bài thực hành cá nhân.
- Kiểm tra định kỳ: Dự và thực hiện kiểm tra định kì đúng lịch.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- *Đánh giá theo thang 10 điểm.*
- Hình thức đánh giá:
 - A1: Chuyên cần;
 - A2: Thực hành;
 - A3: Kiểm tra định kỳ;
 - A4: Thi kết thúc học phần.
- Đánh giá quá trình:
 - + Trọng số điểm: 50% [*Chuyên cần 10%; Thực hành cá nhân 20%, bài kiểm tra định kỳ 20% (thực hành)*].
 - + Hình thức: Đánh giá qua thực hành cá nhân.
- Thi kết thúc học phần: Trọng số điểm: 50%; Hình thức: *Tự luận*

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					

1	A1. Chuyên cần		01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-9
4	A2. Thực hành		01	Đáp án, thang điểm	CLO 6, 7, 8, 9
5	A3. Bài kiểm tra định kì		01	Đáp án, thang điểm	CLO 3, 4, 5, 6, 7,8
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A4. Tự luận	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 6, 7,8, 9

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp thực hành	Dự 80%-89% số giờ lên lớp thực hành	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp thực hành	Dự 95% -100% số giờ lên lớp thực hành

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1] Đỗ Thị Linh Chi, (2024), Đề cương bài giảng Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN

[2] Phạm Trung Thanh (2009), *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên*, Nxb ĐHSP

9.2. Tài liệu tham khảo: (nếu có)

[3] Hà Nhật Thăng, Lê Quang Sơn (2010), *Rèn luyện kỹ năng sư phạm* Nxb Giáo dục Việt Nam

[4] Hà Nhật Thăng (1998), *Lịch sử giáo dục Thế giới*, Nxb Giáo dục Việt Nam

[5] Hà Nhật Thăng (1998) *Công tác Giáo viên chủ nhiệm lớp*, Nxb Giáo dục Việt Nam

[6] Nguyễn Đình Chính, Phạm Trung Thanh (1998) *Kiến tập và thực tập sư phạm*, Nxb Giáo dục Việt Nam

9.3. Website (nếu có)

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Người học trình bày, thực hiện được cơ sở lí luận về rèn luyện nghiệp vụ sư phạm trong giáo dục,
LLO2	Phân loại được nội dung rèn luyện nghiệp vụ của từng năm học cho sinh viên có kĩ năng thực hành chuyên môn.
LLO3	Người học phân tích, thực hiện được kiến thức cơ bản về rèn luyện nghiệp vụ sư phạm trong giáo dục.
LLO4	Thực hiện được những phương pháp, công cụ và quy trình thực hành sư phạm khi chưa có thực tế và sau khi có thực tế.
LLO5	Người học vận dụng được những kiến thức cơ bản về các phương pháp , công cụ, quy trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm để từ đó xử lí và đưa ra được kết quả tốt nhất.
LLO6	Người học thực hiện được các kĩ năng học tập, rèn luyện và nghiên cứu thực hành phương pháp dạy học cho học sinh.
LLO7	Người học lựa chọn được việc học tập và rèn luyện những kĩ năng riêng thuộc chuyên ngành đào tạo. Thực hành được tình huống đưa ra và xử lí kết quả.
LLO8	Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc.
LLO9	Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Tham gia tích cực vào quá trình học tập học phần khi hoạt động cá nhân, nhóm và có khả năng tự học suốt đời.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)										
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
LLO1	x										
LLO2		x			x	x					
LLO3		x									
LLO4			x								
LLO5		x	x	x	x		x				
LLO6					x		x				
LLO7								x	x		
LLO8	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
LLO9	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Vị trí, vai trò, ý nghĩa của RLNVSP TX trong quá trình đào tạo giáo viên

LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (14 tiết) * Nội dung lí thuyết: (8 tiết) 1.1. Mục tiêu học tập và nghiên cứu 1.2. Vị trí, vai trò của RLNVSPTX trong quá trình đào tạo giáo viên 1.3. Ý nghĩa của RLNVSPTX trong đào tạo giáo viên 1.4. Thực hành	<i>Giảng giải minh họa.</i>	[A1] [A2]	[1]
LLO1	* Nội dung bài tập: (2 tiết) + Vai trò của RLNVSPTX trong quá trình đào tạo giáo viên + Ý nghĩa của RLNVSPTX trong quá trình đào tạo giáo viên		[A1] [A2]	[1]
LLO1	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Thảo luận nhóm		[A1] [A2]	[1]
LLO1	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (3 tiết) Thực hành theo nhóm		[A1] [A2]	[1]
LLO1	B. Nội dung tự học: (34 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và trả lời câu hỏi		[A1]	[1]
Chương 2: NỘI DUNG RLNVSP CỦA SINH VIÊN				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (29 tiết) * Nội dung lí thuyết: (15 tiết) 2.1 Rèn luyện những kĩ năng sư phạm chung 2.2.1. Vị trí, mục tiêu, nhiệm vụ của giáo sinh sư phạm 2.12. Xây dựng phương pháp học tập, nghiên cứu cho giáo sinh 2.1.3. Rèn luyện văn hóa giáo tiếp sư phạm 2.1.4. Vận dụng kiến thức Tâm lí học, Giáo dục học để xử lí tình huống sư phạm 2.1.5. Hoạt động ngoại khóa hát múa tập thể 2.2. Rèn luyện những kĩ năng chuyên ngành đào tạo 2.2.1. Phương pháp tổ chức dự giờ 2.2.2. Luyện hát, đàn và kiến thức âm nhạc 2.2.3. Tập viết chữ, trình bày bảng, thiết kế bài học âm nhạc 2.2.4 Tổ chức thi NVSP	<i>Giảng giải minh họa.</i>	[A1] [A2]	[1]
LLO2	* Nội dung bài tập: (5 tiết) + Rèn luyện văn hóa giáo tiếp sư phạm		[A1]	[1]

	+ Phương pháp tổ chức dự giờ + Luyện hát, đàn và kiến thức âm nhạc		[A2]	
LLO2	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) + Thảo luận theo nhóm + Thảo luận theo kĩ thuật mảnh ghép		[A1] [A2]	[1]
LLO2	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (7 tiết) Thực hành theo nhóm		[A1] [A2]	[1]
	B. Nội dung tự học: (34.5 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và trả lời câu hỏi	Thực hành	[A1] [A2]	[1]
Chương 3: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RLNVSP				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (17 tiết) * Nội dung lí thuyết: (7 tiết) 3.1. Đánh giá kết quả RLNVSP thông qua căn cứ khoa học giáo dục 3.1.1. Mục tiêu và chiến lược phát triển giáo dục 3.1.2. Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục 3.2 Các nguyên tắc đánh giá kết quả RLNVSP 3.2.1. Nguyên tắc khách quan công bằng 3.2.2. Nguyên tắc bình đẳng, dân chủ 3.2.3 Nguyên tắc toàn diện 3.2.4. Nguyên tắc thực tiễn 3.2.5. Nguyên tắc phát triển 3.2.6. Nguyên tắc phối hợp 3.3. Tiêu chí và thang điểm đánh giá kết quả RLNVSP 3.3.1. Tinh thần, thái độ học tập và rèn luyện 3.3.2. Nhận thức, hiểu biết 3.3.3. Kĩ năng nghề nghiệp 3.4 Phương pháp đánh giá kết quả RLNVSP 3.4.1. Đánh giá kết quả theo năm học 3.4.2. Đánh giá kết quả thi học phần 3.4.3. Phân loại kết quả RLNVSP trong toàn khóa	Giảng giải minh họa.	[A1]	[1]
LLO2	* Nội dung bài tập: (3 tiết) + Nguyên tắc khách quan công bằng + Nguyên tắc thực tiễn + Tinh thần, thái độ học tập và rèn luyện + Đánh giá kết quả theo năm học		[A1] [A2]	[1]
LLO2	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) + Thảo luận theo nhóm		[A1]	[1]

	+ Thảo luận theo kỹ thuật khăn trải bàn		[A2]	
LLO2	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (45 tiết) Thực hành theo nhóm		[A2]	[1]
	B. Nội dung tự học: (34 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và trả lời câu hỏi	Thực hành	[A1]	[1]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học sạch đẹp, đủ bàn ghế
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Ti vi, loa, đài, đàn phím piano.
- Điều kiện khác: Phòng cách âm

8.46. Kiểm tra đánh giá học sinh trong dạy học môn Âm nhạc (59TAS231)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	30	60
2	Bài tập	10	15
3	Thực hành	15	22.5
4	Thảo luận	5	5
5	Thực tế chuyên môn	0	
Tổng		60	102.5

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật; Khoa Giáo dục Tiểu học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS Đỗ Thị Linh Chi	0988808489	chidtl@tnue.edu.vn
2	ThS Nguyễn Văn Thiều	0988268558	thieunv@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng:

Người học có khả năng trình bày, phân tích và vận dụng một số kiến thức cơ bản về kiểm tra đánh giá trong giáo dục. Đưa ra được quy trình đánh giá về năng lực và phẩm chất học sinh để từ đó có hướng giải quyết đạt hiệu quả cao trong giáo dục

* Kiến thức

CO1. Người học trình bày được cơ sở lí luận về kiểm tra đánh giá trong giáo dục.

CO2. Phân loại được các công cụ để kiểm tra đánh giá năng lực phẩm chất của học sinh. Có thể xử lí và phản hồi kết quả kiểm tra đánh giá.

CO3. Người học phân tích được một số kiến thức cơ bản về kiểm tra đánh giá trong giáo dục. Phân tích được những phương pháp, công cụ và quy trình kiểm tra đánh giá năng lực của học sinh

CO4. Người học vận dụng được những kiến thức cơ bản về các phương pháp, công cụ, quy trình đánh giá năng lực học sinh để từ đó xử lý và đưa ra được kết quả tốt nhất.

*** Kỹ năng**

CO5. Người học đối chiếu được một số loại hình đánh giá trong giáo dục phổ thông hiện nay.

CO6. Đưa ra được các thuyết khảo thí cổ điển và khảo thí hiện đại để đánh giá giáo trình đúng đủ.

CO7. Người học lựa chọn được các công cụ đánh giá phù hợp với mỗi tình huống nhất định.

CO8. Thực hành được tình huống đưa ra và xử lý kết quả.

*** Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

Năng lực tự chủ

CO9. Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.

Năng lực trách nhiệm

CO10. Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Tham gia tích cực vào quá trình học tập học phần khi hoạt động cá nhân, nhóm và có khả năng tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Người học trình bày được cơ sở lý luận về kiểm tra đánh giá trong giáo dục,	PLO1 PLO3 PLO8
	CLO2	Phân loại được các công cụ để kiểm tra đánh giá năng lực phẩm chất của học sinh. Có thể xử lý và phản hồi kết quả kiểm tra đánh giá.	PLO1 PLO3 PLO8
	CLO3	Người học phân tích được một số kiến thức cơ bản về kiểm tra đánh giá trong giáo dục.	PLO1 PLO3 PLO8
CO2	CLO4	Phân tích được những phương pháp, công cụ và quy trình kiểm tra đánh giá năng lực của học sinh	PLO1 PLO3 PLO8

CO3	CLO5	Người học vận dụng được những kiến thức cơ bản về các phương pháp , công cụ, quy trình đánh giá năng lực học sinh để từ đó xử lý và đưa ra được kết quả tốt nhất.	PLO1 PLO3 PLO8
	Kĩ năng		
CO4	CLO6	Người học đối chiếu được một số loại hình đánh giá, đưa ra được các thuyết khảo thí cổ điển và khảo thí hiện đại để đánh giá giáo trình đúng đủ.	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO5	CLO7	Người học lựa chọn được các công cụ đánh giá phù hợp với mỗi tình huống nhất định. Thực hành được tình huống đưa ra và xử lý kết quả.	xPLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO6	CLO8	Người học học thuộc được quy trình và kĩ thuật thiết kế để kiểm tra.	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO7	CLO9	Vận dụng các quy trình để thay đổi những phong cách phù hợp cho chủ nhật	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CO8	CLO10	Năng lực tự chủ Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức kiểm tra đánh giá trong giáo dục.	PLO14
CO9	CLO11	Năng lực trách nhiệm Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Hoàn thành đầy đủ bài tập do thầy cô giáo yêu cầu. Tham gia các hoạt động tập thể một cách tích cực.	PLO15

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)
------	---

	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x	x	x	x	x	x		x			x		x		
CLO2	x	x	x	x				x			x		x		
CLO3	x	x	x		x			x			x		x		
CLO4	x	x	x	x	x	x		x			x		x		
CLO5	x	x	x	x	x			x			x				
CLO6		x	x	x	x			x		x	x		x		x
CLO7		x	x	x	x	x		x		x			x		x
CLO8			x	x		x		x		x			x		x
CLO9		x	x	x				x		x			x		x
CLO10		x												x	
CLO11		x													x
MDG	3	3	3	3	3	2	0	3	0	2	2	0	2	1	3

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học kiểm tra đánh giá trong giáo dục giúp sinh viên trình bày tóm tắt nội dung môn học đầy đủ:

Người học trình bày, phân tích, cơ sở lí luận về kiểm tra đánh giá trong giáo dục.

Người học phân tích, thực hiện được công cụ đánh giá bằng các phương pháp kiểm tra đánh giá. Đưa ra một số công cụ đánh giá để kiểm tra năng lực của học sinh. Có kết quả học tập sau khi được đánh giá

Người học xử lí kiểm tra đánh giá bằng những phản hồi của kết quả đánh giá kèm theo những nguyên tắc khi kiểm tra đánh giá.

The subject of assessment and evaluation in education helps students present a complete summary of the subject content:

Learners present, analyze, and the theoretical basis for testing and assessment in education.

Learners analyze and implement assessment tools using assessment methods. Provide some assessment tools to test students' abilities. There are learning results after being evaluated

Learners process assessments by responding to assessment results along with the principles of assessment.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp, 100% giờ học trực tuyến (nếu có), đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành bài thực hành cá nhân.
- Kiểm tra định kỳ: Dự và thực hiện kiểm tra định kì đúng lịch.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- *Đánh giá theo thang 10 điểm.*
- Hình thức đánh giá:
 - A1: Chuyên cần;
 - A2: Thực hành;
 - A3: Kiểm tra định kỳ;
 - A4: Thi kết thúc học phần.
- Đánh giá quá trình:
 - + Trọng số điểm: 50% [*Chuyên cần 10%; Thực hành cá nhân 20%, bài kiểm tra định kỳ 20% (thực hành)*].
 - + Hình thức: Đánh giá qua thực hành cá nhân.
- Thi kết thúc học phần: Trọng số điểm: 50%; Hình thức: *Tự luận*

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần		01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-9
4	A2. Thực hành		01	Đáp án, thang điểm	CLO 6, 7, 8, 9
5	A3. Bài kiểm tra định kì		01	Đáp án, thang điểm	CLO 3, 4, 5, 6, 7,8
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A4. Tự luận	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 6, 7,8, 9

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong

các hoạt động trong giờ học		tập được giao.	tập được giao.	tập được giao.	giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5 Dự < 80% số giờ lên lớp thực hành	2,5 đến < 3,3 Dự 80%-89% số giờ lên lớp thực hành	3,3 đến < 4,0 Dự 90% - 94% số giờ lên lớp thực hành	4,0 đến 5,0 Dự 95% -100% số giờ lên lớp thực hành

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1] Nguyễn Công Khanh(2016), *Kiểm tra đánh giá*, Nxb ĐHSP

9.2. Tài liệu tham khảo: (nếu có)

[2] Nguyễn Công Khanh(2004), *Đánh giá và đo lường trong khoa học xã hội* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;

[3] Nguyễn Thị Lan Phương (2011), *Đánh giá kết quả học tập của học sinh phổ thông; một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Giáo dục Việt Nam

9.3. Website (nếu có)

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Người học trình bày được cơ sở lý luận về kiểm tra đánh giá trong giáo dục,
LLO2	Phân loại được các công cụ để kiểm tra đánh giá năng lực phẩm chất của học sinh. Có thể xử lý và phản hồi kết quả kiểm tra đánh giá.
LLO3	Người học phân tích được một số kiến thức cơ bản về kiểm tra đánh giá trong giáo dục.
LLO4	Phân tích được những phương pháp, công cụ và quy trình kiểm tra đánh giá năng lực của học sinh
LLO5	Người học vận dụng được những kiến thức cơ bản về các phương pháp , công cụ, quy trình đánh giá năng lực học sinh để từ đó xử lý và đưa ra được kết quả tốt nhất.
LLO6	Người học đối chiếu được một số loại hình đánh giá, đưa ra được các thuyết khảo thí cổ điển và khảo thí hiện đại để đánh giá giáo trình đúng đủ.
LLO7	Người học lựa chọn được các công cụ đánh giá phù hợp với mỗi tình huống nhất định. Thực hành được tình huống đưa ra và xử lý kết quả.
LLO8	Người học học thuộc được quy trình và kỹ thuật thiết kế để kiểm tra.
LLO9	Vận dụng các quy trình để thay đổi những phong cách phù hợp cho chủ nhật

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)										
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
LLO1	x										

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)										
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
LLO2		x			x	x					
LLO3		x									
LLO4			x								
LLO5		x	x	x	x		x				
LLO6					x		x				
LLO7								x	x		
LLO8	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
LLO9	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ TRONG GIÁO DỤC.				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (19 tiết) * Nội dung lý thuyết: (10 tiết) 1.1. Vai trò của kiểm tra đánh giá trong giáo dục. 1.2. Mục đích, mục tiêu của kiểm tra đánh giá trong giáo dục. 1.3. Các hình thái đánh giá trong giáo dục. 1.4. Các khái niệm cơ bản 1.5. Các loại hình đánh giá (types of assessment) trong giáo dục. 1.6. Lý thuyết khảo thí cổ điển và khảo thí hiện đại. 1.7. Quy trình và năng lực thiết lập một kế hoạch đánh giá trên lớp phù hợp	Giảng giải minh họa.	[A1] [A2]	[1]
LLO1	* Nội dung bài tập: (3 tiết) + Các hình thái đánh giá trong giáo dục. + Các khái niệm cơ bản + Các loại hình đánh giá		[A1] [A2]	[1]
LLO1	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Thảo luận nhóm		[A1] [A2]	[1]
LLO1	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (5 tiết) Thực hành theo nhóm		[A1] [A2]	[1]
LLO1	B. Nội dung tự học: (34 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và trả lời câu hỏi		[A1]	[1]
Chương 2: CÁC CÔNG CỤ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học

		Dạy học	Đánh giá	liệu
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (21 tiết) * Nội dung lí thuyết: (10 tiết) 2.1. Các phương pháp kiểm tra đánh giá 2.2. Một số công cụ kiểm tra đánh giá 2.3. Kiểm tra đánh giá năng lực của học sinh. 2.4. Đánh giá kết quả học tập trên lớp học 2.5. Quy trình và kĩ thuật thiết kế đề kiểm tra, thi trắc nghiệm khách quan.. 2.6. Quy trình và kĩ thuật thiết kế đề kiểm tra, thi kiểu tự luận.	Giảng giải minh họa.	[A1] [A2]	[1]
LLO2	* Nội dung bài tập: (4 tiết) + Kiểm tra đánh giá năng lực của học sinh. + Đánh giá kết quả học tập trên lớp học		[A1] [A2]	[1]
LLO2	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) + Quy trình và kĩ thuật thiết kế đề kiểm tra, thi trắc nghiệm khách quan.. + Quy trình và kĩ thuật thiết kế đề kiểm tra, thi kiểu tự luận.....		[A1] [A2]	[1]
LLO2	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (5tiết) Thực hành theo nhóm		[A1] [A2]	[1]
	B. Nội dung tự học: (34.5 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và trả lời câu hỏi	Thực hành	[A1] [A2]	[1]
Chương 3: XỬ LÝ VÀ PHẢN HỒI KẾT QUẢ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (20 tiết) * Nội dung lí thuyết: (10 tiết) 3.1. Xu hướng đổi mới và triết lí đánh giá vì sự tiến bộ học tập 3.2. Yêu cầu, nguyên tắc kiểm tra đánh giá hỗ trợ cải tiến chất lượng học tập 3.3. Xử lý kết quả kiểm tra đánh giá 3.4. Phản hồi kết quả kiểm tra đánh giá 3.5. Các quan điểm và văn bản hiện hành về kiểm tra đánh giá	Giảng giải minh họa.	[A1]	[1]
LLO2	* Nội dung bài tập: (3 tiết) + Xu hướng đổi mới và triết lí đánh giá vì sự tiến bộ học tập + Yêu cầu, nguyên tắc kiểm tra đánh giá hỗ trợ cải tiến chất lượng học tập		[A1] [A2]	[1]
LLO2	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) + Xử lý kết quả kiểm tra đánh giá + Phản hồi kết quả kiểm tra đánh giá		[A1] [A2]	[1]

LLO2	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (5 tiết) Thực hành theo nhóm		[A2]	[1]
	B. Nội dung tự học: (34 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và trả lời câu hỏi	Thực hành	[A1]	[1]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học sạch đẹp, đủ bàn ghế
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Ti vi, loa, đài, đàn phím piano.
- Điều kiện khác: Phòng cách âm

8. 47. Thực tập sư phạm 1 (59TRA321)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	3 tuần ở trường phổ thông	
2	Bài tập		
3	Thực hành		
4	Thảo luận		
5	Thực tế chuyên môn		
Tổng			

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật; Khoa Giáo dục Tiểu học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Th.S Phạm Minh Thuỳ	0338559688	thuypm@tnue.edu.vn
2	TS Nguyễn Thanh Tiến	0988268558	thieunv@tnue.edu.vn
3	Th.S Lương Ngọc Quỳnh	0913967828	quynhln@tnue.edu.vn
4	Th.S Nguyễn Văn Thiều	0988268558	thieunv@tnue.edu.vn
5	Th.S Đỗ Linh Chi	0988808489	chidtl@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng:

* Kiến thức

CO1. Trình bày những hoạt động cần thiết của sinh viên thực tập như công xây dựng kế hoạch bài dạy, công tác tập giảng và công tác dự giờ âm nhạc theo thời khoá biểu ở các trường phổ thông.

CO2. Trình bày các nội dung hoạt động dạy và học môn âm nhạc ở các trường phổ

thông.

CO3. Trình bày được nội dung công tác chủ nhiệm, công tác Đoàn, Đội và các hoạt động ngoại khoá ở các trường phổ thông.

*** Kỹ năng**

CO4. Thực hiện được hoạt động lên lớp tập giảng tiết học âm nhạc, xây dựng kế hoạch bài dạy và dự giờ âm nhạc ở trường phổ thông.

CO5. Thực hiện tốt nội dung công tác chủ nhiệm, công tác Đoàn, Đội và sinh hoạt lớp ở trường phổ thông.

CO6. Thực hiện tổ chức các phong trào ngoại khoá ở các trường phổ thông.

CO7. Thực hiện nhiệm vụ viết báo cáo thu hoạch thực tập 1.

*** Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO8. Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.

CO9. Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Tham gia tích cực vào quá trình học tập học phần khi hoạt động cá nhân, nhóm và có khả năng tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Trình bày những hoạt động cần thiết của sinh viên thực tập như công tác soạn giáo án Âm nhạc.	PLO1 PLO3 PLO8
	CLO2	Trình bày được công tác tập giảng và công tác dự giờ Âm nhạc theo thời khoá biểu ở các trường phổ thông.	PLO1 PLO3 PLO8
	CLO3	Trình bày các nội dung hoạt động dạy và học môn Âm nhạc ở các trường phổ thông.	PLO1 PLO3 PLO8
CO2	CLO4	Trình bày được công tác chủ nhiệm, hướng dẫn sinh hoạt lớp, Đoàn, Đội, Sao đỏ và văn thể	PLO1 PLO3 PLO8
CO3	CLO5	Trình bày được các hoạt động phong trào ngoại khoá ở trường phổ thông.	PLO1 PLO3 PLO8
	Kỹ năng		
CO4	CLO6	+ Thực hiện được hoạt động lên lớp tập giảng tiết học Âm nhạc, soạn giáo án và dự giờ Âm nhạc ở trường phổ thông.	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13

			PLO15
CO5	CLO7	Thực hiện tốt nội dung công tác chủ nhiệm, công tác Đoàn, Đội và sinh hoạt lớp ở trường phổ thông.	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO6	CLO8	Thực hiện tổ chức các phong trào ngoại khoá ở các trường phổ thông.	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO7	CLO9	Thực hiện nhiệm vụ viết báo cáo thu hoạch thực tập 1	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO8	CLO10	Năng lực tự chủ Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.	PLO14
CO9	CLO11	Năng lực trách nhiệm Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Hoàn thành đầy đủ bài tập do thầy cô giáo giao. Tham gia các hoạt động âm nhạc tập thể một cách tích cực.	PLO15

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x		x					x							
CLO2	x		x					x							
CLO3	x		x					x							
CLO4	x		x					x							
CLO5															
CLO6															

CLO7															
CLO8					x										
CLO9				x		x	x		x						
CLO10		x		x					x					x	
CLO11		x								x	x	x	x		x
MDG	2	1	2	1	1	1	1	2	1	1	1	1	1	1	1

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần thực tập Sư phạm 1 có vị trí quan trọng đối với các trường Sư phạm đào tạo giáo viên phổ thông. Tạo điều kiện cho sinh viên được thực tập áp dụng các kiến thức, kỹ năng đã được học vào thực tế giảng dạy ở trường phổ thông.

Thời gian thực tập là cơ hội để sinh viên rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, tìm hiểu thực tế hoạt động Giáo dục ở trường phổ thông. Tiếp xúc với giáo viên và học sinh, thường xuyên được rèn luyện các kỹ năng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm.

Qua những tuần thực tập, sinh viên được trực tiếp tham gia giảng dạy, dự giờ, soạn giáo án và làm các công tác chủ nhiệm, tham gia các hoạt động ngoại khóa ở các trường phổ thông. Đây là điều kiện tốt để các em chuẩn bị hành trang bước vào nghề sau khi tốt nghiệp ra trường.

The Pedagogical Internship 1 course plays an important role in Pedagogical schools training general teachers. It creates conditions for students to practice applying the knowledge and skills they have learned to teaching practice in general schools.

The internship period is an opportunity for students to practice professional skills, learn about the reality of educational activities in general schools. Contact with teachers and students, regularly practice professional skills and pedagogical skills.

Through the internship weeks, students directly participate in teaching, observing classes, preparing lesson plans and doing the work of homeroom teachers, participating in extracurricular activities in general schools. This is a good condition for them to prepare for their career after graduating from school.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp, 100% giờ học trực tuyến (nếu có), đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành bài thực hành cá nhân.

- Kiểm tra định kỳ: Dự và thực hiện kiểm tra định kì đúng lịch.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- *Đánh giá theo thang 10 điểm.*
- Hình thức đánh giá:
 - A1: Chuyên cần;
 - A2: Thực hành;
 - A3: Kiểm tra định kỳ;
 - A4: Thi kết thúc học phần.
- Đánh giá quá trình:
 - + Trọng số điểm: 50% [*Chuyên cần 10%; Thực hành cá nhân 20%, bài kiểm tra định kỳ 20% (thực hành)*].
 - + Hình thức: Đánh giá qua thực hành cá nhân.
- Thi kết thúc học phần: Trọng số điểm: 50%; Hình thức: *Thực hành*

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần		01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-9
4	A2. Thực hành		01	Đáp án, thang điểm	CLO 6, 7, 8, 9
5	A3. Bài kiểm tra định kì		01	Đáp án, thang điểm	CLO 3, 4, 5, 6, 7,8
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A4. Thực hành	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 6, 7,8, 9

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.

Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Hoàng Long Hoàng Lân (2008) Giáo trình thực hành Sư phạm Âm nhạc. NXB ĐHSP Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo: (nếu có)

[2]. Nguyễn Thị Liên (2007) Hướng dẫn thực tập Sư phạm

9.3. Website (nếu có)

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Nắm được nội dung các hoạt động của nhà trường, của giáo viên và học sinh tại cơ sở thực tập
LLO2	Trình bày được kế hoạch cá nhân, kế hoạch giảng dạy Âm nhạc và kế hoạch dự giờ Âm nhạc
LLO3	Trình bày cách soạn giáo án Âm nhạc, sổ sách, cách đánh giá cho điểm, xếp loại học lực, hạnh kiểm của học sinh
LLO4	Trình bày được công tác chủ nhiệm, hướng dẫn sinh hoạt lớp, Đoàn, Đội, Sao đỏ và văn thể
LLO5	Trình bày được các hoạt động phong trào ngoại khoá ở trường phổ thông.
LLO6	Sinh viên thực hiện kế hoạch dự giờ Âm nhạc ở trường phổ thông
LLO7	Cảm nhận ý nghĩa và tầm quan trọng của việc thực tập tại trường phổ thông
LLO8	Thực hiện được những yêu cầu cần thiết khi thực tập ở các trường phổ thông
LLO9	Thực hiện nhiệm vụ viết báo cáo thu hoạch thực tập đợt 1

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)										
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
LLO1	x										
LLO2		x			x	x					
LLO3		x									
LLO4			x								
LLO5		x	x	x	x		x				
LLO6					x		x				
LLO7								x	x		
LLO8	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)										
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
LLO9	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Tuần 1: Một số vấn đề chung về thực tập Sư phạm				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp * Nội dung lí thuyết: 1.1. Nghiên cứu mục tiêu của đợt thực tập Sư phạm 1.2. Tìm hiểu biên chế đoàn thực tập, thời gian thực tập 1.3. Tìm hiểu vai trò, nhiệm vụ của các thành viên trong ban chỉ đạo TTSP	Sinh viên học tập theo kế hoạch đoàn thực tập	[A1]	[1] [2]
LLO1	* Nội dung bài tập:			[1] [2]
LLO1	* Nội dung thực hành/thí nghiệm:			[1] [2]
LLO1	* Nội dung thảo luận:			[1] [2]
LLO1	B. Nội dung tự học:		[A1]	[1] [2]
Tuần 2: Nội dung thực tập Sư phạm				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp * Nội dung lí thuyết: 1.1. Tìm hiểu công việc chuẩn bị của ban chỉ đạo trước khi sinh viên về thực tập 1.2. Tìm hiểu những vấn đề chuẩn bị cho sinh viên trước khi về thực tập 1.3. Tìm hiểu kế hoạch làm việc ở các tuần tại trường thực tập 1.4. Tìm hiểu những vấn đề liên quan đến hồ sơ thực tập Sư phạm	Sinh viên học tập theo kế hoạch đoàn thực tập	[A1] [A2]	[1] [2]
LLO2	* Nội dung bài tập:			[1] [2]
LLO2	* Nội dung thực hành/thí nghiệm:			[1]

				[2]
LLO2	*Nội dung thảo luận:			[1] [2]
LLO2	B. Nội dung tự học:			[1] [2]
Tuần 3: Đánh giá, xếp loại kết quả thực tập				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO3	A. Nội dung thực hiện trên lớp * Nội dung lí thuyết: 1.1. Những nguyên tắc chung của việc đánh giá kết quả thực tập Sư phạm 1.2. Phương pháp đánh giá các nội dung thực tập Sư phạm 1.3. Tìm hiểu việc khen thưởng và kỷ luật	<i>Sinh viên học tập theo kế hoạch đoàn thực tập</i>	[A1] [A2]	[1] [2]
LLO3	* Nội dung bài tập:			[1] [2]
LLO3	* Nội dung thực hành/thí nghiệm:			[1] [2]
LLO3	*Nội dung thảo luận:			[1] [2]
LLO3	B. Nội dung tự học:			[1] [2]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học:
- Phương tiện phục vụ giảng dạy:
- Điều kiện khác:

8.48. Thực tập sư phạm 2 (59TRA332)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	7 tuần ở trường phổ thông	
2	Bài tập		
3	Thực hành		
4	Thảo luận		
5	Thực tế chuyên môn		
Tổng			

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật; Khoa Giáo dục Tiểu học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Th.S Phạm Minh Thuỳ	0338559688	thuypm@tnue.edu.vn
2	TS Nguyễn Thanh Tiến	0988268558	thieunv@tnue.edu.vn
3	Th.S Lương Ngọc Quỳnh	0913967828	quynhln@tnue.edu.vn
4	Th.S Nguyễn Văn Thiều	0988268558	thieunv@tnue.edu.vn
5	Th.S Đỗ Linh Chi	0988808489	chidtl@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng:

* Kiến thức

CO1. Trình bày những hoạt động cần thiết của sinh viên thực tập như công tác xây dựng kế hoạch bài dạy, công tác tập giảng và công tác dự giờ âm theo thời khoá biểu ở các trường phổ thông.

CO2. Trình bày các nội dung hoạt động dạy và học ở các trường phổ thông.

CO3. Nêu được nội dung công tác chủ nhiệm, công tác Đoàn, Đội và các hoạt động ngoại khoá ở các trường phổ thông .

* Kỹ năng

CO4. Thực hiện lên lớp, soạn giáo án và công tác dự giờ ở trường phổ thông.

CO5. Thực hiện nội dung công tác chủ nhiệm, công tác Đoàn, Đội và sinh hoạt lớp ở trường phổ thông.

CO6. Thực hiện tổ chức các phong trào ngoại khoá ở các trường phổ thông.

CO7. Thực hiện nhiệm vụ viết báo cáo thu hoạch thực tập 2

* Năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO8. Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.

CO9. Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Tham gia tích cực vào quá trình học tập học phần khi hoạt động cá nhân, nhóm và có khả năng tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Trình bày được nội dung các hoạt động của nhà trường, giáo viên và học sinh tại cơ sở thực tập	PLO1 PLO3

			PLO8
	CLO2	Trình bày được kế hoạch giảng dạy cá nhân, kế hoạch dự giờ	PLO1 PLO3 PLO8
	CLO3	Trình bày cách soạn giáo án, sổ sách, cách đánh giá cho điểm, xếp loại học lực, hạnh kiểm của học sinh	PLO1 PLO3 PLO8
CO2	CLO4	Trình bày được công tác chủ nhiệm, hướng dẫn sinh hoạt lớp, Đoàn, Đội, Sao đỏ và văn thể	PLO1 PLO3 PLO8
CO3	CLO5	Trình bày được các hoạt động phong trào ngoại khoá ở trường phổ thông.	PLO1 PLO3 PLO8
	Kĩ năng		
CO4	CLO6	Sinh viên thực hiện kế hoạch lên lớp, soạn giáo án và dự giờ ở trường phổ thông.	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO5	CLO7	Thực hiện các nội dung công tác chủ nhiệm, công tác Đoàn, Đội và hoạt động sinh hoạt lớp ở trường phổ thông.	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO6	CLO8	Thực hiện tổ chức các phong trào ngoại khoá ở các trường phổ thông.	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO7	CLO9	Hoàn thành nhiệm vụ viết báo cáo thu hoạch thực tập đợt 2 ở trường phổ thông	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CO8	CLO10	Năng lực tự chủ Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.	PLO14
CO9	CLO11	Năng lực trách nhiệm	PLO15

		Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Hoàn thành đầy đủ bài tập do thầy cô giáo giao. Tham gia các hoạt động âm nhạc tập thể một cách tích cực.	
--	--	--	--

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x		x					x							
CLO2	x		x					x							
CLO3	x		x					x							
CLO4	x		x					x							
CLO5															
CLO6															
CLO7															
CLO8												x			
CLO9				x	x						x				
CLO10		x		x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	
CLO11															x
MĐG	2	1	2	1	1	1	1	2	1	1	1	1	1	1	1

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần thực tập Sư phạm 2 có vị trí quan trọng đối với các trường Sư phạm đào tạo giáo viên phổ thông. Tạo điều kiện cho sinh viên được thực tập áp dụng các kiến thức, kỹ năng đã được học vào thực tế giảng dạy ở trường phổ thông.

Thời gian thực tập là cơ hội để sinh viên rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, tìm hiểu thực tế hoạt động Giáo dục ở trường phổ thông. Tiếp xúc với giáo viên và học sinh, được thường xuyên rèn luyện các kỹ năng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm.

Qua những tuần thực tập, sinh viên được trực tiếp tham gia giảng dạy, dự giờ, soạn giáo án và làm các công tác chủ nhiệm, tham gia các hoạt động ngoại khóa ở các trường phổ thông. Đây là điều kiện tốt để các em chuẩn bị hành trang bước vào nghề sau khi tốt nghiệp ra trường.

The Pedagogical Internship 2 course plays an important role in Pedagogical schools training general teachers. It creates conditions for students to practice applying the knowledge and skills they have learned to teaching practice in general schools.

The internship period is an opportunity for students to practice professional skills, learn about the reality of educational activities in general schools. Contact with teachers and students, regularly practice professional skills and pedagogical skills.

Through the internship weeks, students directly participate in teaching, observing classes, preparing lesson plans and doing the work of homeroom teachers, participating in extracurricular activities in general schools. This is a good condition for them to prepare for their career after graduating from school.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp, 100% giờ học trực tuyến (nếu có), đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành bài thực hành cá nhân.
- Kiểm tra định kỳ: Dự và thực hiện kiểm tra định kì đúng lịch.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- *Đánh giá theo thang 10 điểm.*
- Hình thức đánh giá:
 - A1: Chuyên cần;
 - A2: Thực hành;
 - A3: Kiểm tra định kỳ;
 - A4: Thi kết thúc học phần.
- Đánh giá quá trình:
 - + Trọng số điểm: 50% [*Chuyên cần 10%; Thực hành cá nhân 20%, bài kiểm tra định kỳ 20% (thực hành)*].
 - + Hình thức: Đánh giá qua thực hành cá nhân.
- Thi kết thúc học phần: Trọng số điểm: 50%; Hình thức: *Thực hành*

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần		01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-9
4	A2. Thực hành		01	Đáp án, thang điểm	CLO 6, 7, 8, 9
5	A3. Bài kiểm tra định kì		01	Đáp án, thang điểm	CLO 3, 4, 5, 6, 7,8

Chỉ kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A4. Thực hành	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 6, 7, 8, 9

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Hoàng Long Hoàng Lân (2008) Giáo trình thực hành Sư phạm Âm nhạc. NXB ĐHSP Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo: (nếu có)

[2]. Nguyễn Thị Liên (2007) Hướng dẫn thực tập Sư phạm

9.3. Website (nếu có)

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Nắm được nội dung các hoạt động của nhà trường, của giáo viên và học sinh tại cơ sở thực tập
LLO2	Trình bày được kế hoạch cá nhân, kế hoạch giảng dạy và kế hoạch dự giờ
LLO3	Trình bày cách soạn giáo án, sổ sách, cách đánh giá cho điểm, xếp loại học lực, hạnh kiểm của học sinh
LLO4	Trình bày được công tác chủ nhiệm, hướng dẫn sinh hoạt lớp, Đoàn, Đội, Sao đỏ và văn thể

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO5	Trình bày được các hoạt động phong trào ngoại khoá ở trường phổ thông.
LLO6	Sinh viên thực hiện kế hoạch lên lớp, soạn giáo án Âm nhạc và dự giờ ở trường phổ thông
LLO7	Cảm nhận ý nghĩa và tầm quan trọng của việc thực tập tại trường phổ thông
LLO8	Thực hiện được những yêu cầu cần thiết khi thực tập ở các trường phổ thông
LLO9	Thực hiện nhiệm vụ viết báo cáo thu hoạch thực tập đợt 2

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)										
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
LLO1	x										
LLO2		x			x	x					
LLO3		x									
LLO4			x								
LLO5		x	x	x	x		x				
LLO6					x		x				
LLO7								x	x		
LLO8	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
LLO9	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Tuần 1: Một số vấn đề chung về thực tập Sư phạm				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp * Nội dung lí thuyết: 1.1. Nghiên cứu mục tiêu của đợt thực tập Sư phạm 1.2. Tìm hiểu biên chế đoàn thực tập, thời gian thực tập 1.3. Tìm hiểu vai trò, nhiệm vụ của các thành viên trong ban chỉ đạo TTSP	Sinh viên học tập theo kế hoạch đoàn thực tập	[A1]	[1] [2]
LLO1	* Nội dung bài tập:			[1] [2]
LLO1	* Nội dung thực hành/thí nghiệm:			[1] [2]
LLO1	* Nội dung thảo luận:			[1]

				[2]
LLO1	B. Nội dung tự học:		[A1]	[1] [2]
Tuần 2: Tìm hiểu nội dung thực tập Sư phạm				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp * Nội dung lí thuyết: 1.1. Tìm hiểu công việc chuẩn bị của ban chỉ đạo trước khi sinh viên về thực tập 1.2. Tìm hiểu những vấn đề chuẩn bị cho sinh viên trước khi về thực tập 1.3. Tìm hiểu kế hoạch làm việc ở các tuần tại trường thực tập 1.4. Tìm hiểu những vấn đề liên quan đến hồ sơ thực tập Sư phạm	Sinh viên học tập theo kế hoạch đoàn thực tập	[A1] [A2]	[1] [2]
LLO2	* Nội dung bài tập:			[1] [2]
LLO2	* Nội dung thực hành/thí nghiệm:			[1] [2]
LLO2	* Nội dung thảo luận:			[1] [2]
LLO2	B. Nội dung tự học:			[1] [2]
Tuần 3: Kế hoạch thực tập Sư phạm				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO3	A. Nội dung thực hiện trên lớp * Nội dung lí thuyết: 1.1. Tìm hiểu tình hình địa phương nơi trường đóng 1.2. Tìm hiểu về trường thực tập, công tác chuyên môn ở trường thực tập 1.4. Tìm hiểu về công tác chủ nhiệm, sao Nhi đồng và công tác Đội, Đoàn. 1.5. Thực hiện nội dung dự giờ Âm nhạc, tập dạy học Âm nhạc theo lịch thời khoá biểu	Sinh viên dự giờ, tập giảng theo nhóm tại các lớp học theo thời khoá biểu	[A1] [A2]	[1] [2]
LLO3	* Nội dung bài tập:			[1] [2]

LLO3	* Nội dung thực hành/thí nghiệm:			[1] [2]
LLO3	*Nội dung thảo luận:			[1] [2]
LLO3	B. Nội dung tự học:			[1] [2]
Tuần 4: Thực hiện nội dung thực tập				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO4	A. Nội dung thực hiện trên lớp * Nội dung lí thuyết: 1.1. Soạn giáo án dự giờ Âm nhạc theo thời khoá biểu nhà trường 1.2. Soạn giáo án giảng dạy Âm nhạc theo thời khoá biểu nhà trường	<i>Sinh viên soạn giáo án dự giờ và giáo án lên lớp</i>	[A1] [A2]	[1] [2]
LLO4	* Nội dung bài tập:			[1] [2]
LLO4	* Nội dung thực hành/thí nghiệm:			[1] [2]
LLO4	*Nội dung thảo luận:			[1] [2]
LLO4	B. Nội dung tự học:			[1] [2]
Tuần 5: Thực tập tổ chức các hoạt động ngoại khoá				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO5	A. Nội dung thực hiện trên lớp * Nội dung lí thuyết: 1.1. Xây dựng nội dung hoạt động ngoại khoá 1.2. Tổ chức thực hiện hoạt động ngoại khoá	<i>Sinh viên xây dựng và thực hiện hoạt động ngoại khoá</i>	[A1] [A2]	[1] [2]
LLO5	* Nội dung bài tập:			[1] [2]

LLO5	* Nội dung thực hành/thí nghiệm:			[1] [2]
LLO5	*Nội dung thảo luận:			[1] [2]
LLO5	B. Nội dung tự học:			[1] [2]
Tuần 6: Thực tập công tác Sao Nhi Đồng, Đội, Đoàn.				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO6	A. Nội dung thực hiện trên lớp * Nội dung lí thuyết: 1.1. Thực tập công tác Sao Nhi Đồng 1.2. Thực tập công tác Đội TNTPHCM 1.3. Thực tập công tác Đoàn TNCSHCM	Sinh viên học tập theo kế hoạch đoàn thực tập	[A1] [A2]	[1] [2]
LLO6	* Nội dung bài tập:			[1] [2]
LLO6	* Nội dung thực hành/thí nghiệm:			[1] [2]
LLO6	*Nội dung thảo luận:			[1] [2]
LLO6	B. Nội dung tự học:			[1] [2]
Tuần 7: Đánh giá, xếp loại kết quả thực tập				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO7	A. Nội dung thực hiện trên lớp * Nội dung lí thuyết: 1.1. Những nguyên tắc chung của việc đánh giá kết quả thực tập Sư phạm 1.2. Phương pháp đánh giá các nội dung thực tập Sư phạm 1.3. Tìm hiểu việc khen thưởng và kỷ luật	Sinh viên học tập theo kế hoạch đoàn thực tập	[A1] [A2]	[1] [2]
LLO7	* Nội dung bài tập:			[1]

				[2]
LLO7	* Nội dung thực hành/thí nghiệm:			[1] [2]
LLO7	*Nội dung thảo luận:			[1] [2]
LLO7	B. Nội dung tự học:			[1] [2]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học:
- Phương tiện phục vụ giảng dạy:
- Điều kiện khác:

8.49. Học phần nhạc cụ dân tộc (59FMI331)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	30	60
2	Bài tập	10	15
3	Thực hành	15	22,5
4	Thảo luận	05	05
5	Thực tế chuyên môn	00	00
Tổng		60	102,5

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành:
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật; Khoa Giáo dục Tiểu học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Th.S Phạm Minh Thủy	0338559688	thuypm@tnue.edu.vn
2	TS Nguyễn Thanh Tiến	0988268558	thieunv@tnue.edu.vn
3	Th.S Lương Ngọc Quỳnh	0913967828	quynhln@tnue.edu.vn
4	Th.S Nguyễn Văn Thiều	0988268558	thieunv@tnue.edu.vn
5	Th.S Đỗ Linh Chi	0988808489	chidtl@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng:

* Kiến thức

CO1. Sinh viên nắm vững kiến thức về lịch sử, nguồn gốc, cấu tạo, phân loại, kỹ

thuật chơi của hạc cụ dân tộc Việt Nam.

CO2. Trình bày được những kiến thức cơ bản về nghệ thuật Then và chức năng cũng như tính năng của Tính tẩu. Phân tích được các điệu Then cổ của người Tày và những bài hát mang âm hưởng Then.

CO3. Trình bày được những kỹ thuật chơi Tính tẩu cơ bản như: ngón, luôn ngón, tư thế cầm Tính Tẩu.

CO4. Trình bày được nội dung phương pháp đệm cho hát Then.

* **Kĩ năng**

CO5. Sinh viên chơi được một số nhạc cụ dân tộc cơ bản, khả năng phân tích, đánh giá âm thanh, và kỹ năng sư phạm để truyền đạt kiến thức cho học sinh.

CO6. Hát được những điệu Then của người Tày kết hợp với đệm Tính tẩu. Thực hiện tốt các bài tập ngón, trường độ nốt (nốt móc đơn, nốt đen), kỹ thuật vuốt, kỹ thuật luyến, trượt của Tính tẩu trên thế I và thế II.

CO7. Cảm thụ âm nhạc thông qua việc nghe và biểu diễn những bài hát Then kết hợp đệm Tính tẩu

CO8. Biểu diễn những bài hát Then kết hợp đệm Tính tẩu một cách trọn vẹn, truyền cảm và có phương pháp tổ chức các hoạt động sinh hoạt hát Then ở các địa phương.

* **Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO9. Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.

CO10. Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Tham gia tích cực vào quá trình học tập học phần khi hoạt động cá nhân, nhóm và có khả năng tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần	CDR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Trình bày được khái quát về một số nhạc cụ dân tộc tiêu biểu.	PLO1 PLO3 PLO8
	CLO2	Phân tích được tính năng của một số nhạc cụ dân tộc tiêu biểu.	PLO1 PLO3
	CLO3	Trình bày được những kỹ thuật chơi Tính tẩu cơ bản như: ngón, luôn ngón, tư thế cầm Tính tẩu và cách lên dây.	PLO1 PLO3
CO2	CLO4	Trình bày được những kỹ thuật hát Then	PLO1 PLO3
CO3	CLO5	Trình bày được Phương pháp đệm Tính tẩu kết hợp hát Then	PLO1 PLO3

	Kĩ năng		
CO4	CLO6	Hát được những điệu Then của người Tày kết hợp với đệm Tính tẩu.	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO5	CLO7	Thực hiện tốt các bài tập ngón, trường độ móc (nốt đơn, nốt đen), kỹ thuật vuốt, kỹ thuật luyến, trượt của Tính tẩu trên thế I và thế II.	PLO3 PLO8 PLO10
CO6	CLO8	Cảm thụ âm nhạc thông qua việc nghe và biểu diễn những bài hát Then kết hợp đệm Tính tẩu	PLO3 PLO8 PLO15
CO7	CLO9	Biểu diễn những bài hát Then kết hợp đệm Tính tẩu một cách trọn vẹn, truyền cảm và có phương pháp tổ chức các hoạt động sinh hoạt hát Then ở các địa phương.	PLO3 PLO8 PLO10
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CO8	CLO10	Năng lực tự chủ Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.	PLO14
CO9	CLO11	Năng lực trách nhiệm Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Hoàn thành đầy đủ bài tập do thầy cô giáo giao. Tham gia các hoạt động âm nhạc tập thể một cách tích cực.	PLO15

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x		x					x							
CLO2	x		x					x							
CLO3	x		x					x							
CLO4	x		x					x							
CLO5	x		x					x							
CLO6			x					x		x			x		x
CLO7			x					x		x			x		x
CLO8			x					x		x			x		x
CLO9			x					x		x			x		x
CLO10														x	
CLO11		x		x	x	x	x		x		x	x			x
MĐG	3	1	3	1	1	1	1	3	1	2	1	1	2	1	3

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn nhạc cụ dân tộc mang nội dung giới thiệu âm nhạc dân gian Việt Nam, giúp cho sinh viên có thêm kiến thức về âm nhạc dân gian của một số dân tộc thiểu số. Nhằm bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá phi vật thể của đất nước thông qua việc đưa môn âm nhạc dân gian vào các trường học phổ thông.

Môn học giúp sinh viên có kỹ năng cơ bản khi hát những bài Then kết hợp đệm Tính Tẩu. Biểu diễn những tác phẩm Then của một số nghệ nhân hát Then ở mức độ đơn giản. Làm phong phú cho chương trình Giáo dục âm nhạc phổ thông, đáp ứng việc bảo tồn giá trị văn hoá dân gian Việt Nam.

The subject of traditional musical instruments introduces Vietnamese folk music, helping students gain more knowledge about the folk music of some ethnic minorities. Aiming to preserve and promote the intangible cultural values of the country through the introduction of folk music into general schools.

The subject helps students have basic skills when singing Then songs combined with Tinh Tau accompaniment. Perform Then works by some Then singers at a simple level. Enrich the general music education program, responding to the need to preserve Vietnamese folk cultural values.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp,

100% giờ học trực tuyến (nếu có), đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành bài thực hành cá nhân.
- Kiểm tra định kỳ: Dự và thực hiện kiểm tra định kì đúng lịch.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- *Đánh giá theo thang 10 điểm.*
- Hình thức đánh giá:
 - A1: Chuyên cần;
 - A2: Thực hành;
 - A3: Kiểm tra định kỳ;
 - A4: Thi kết thúc học phần.
- Đánh giá quá trình:
 - + Trọng số điểm: 50% [*Chuyên cần 10%; Thực hành cá nhân 20%, bài kiểm tra định kỳ 20% (thực hành)*].
 - + Hình thức: Đánh giá qua thực hành cá nhân.
- Thi kết thúc học phần: Trọng số điểm: 50%; Hình thức: *Thực hành*

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần		01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-9
4	A2. Thực hành		01	Đáp án, thang điểm	CLO 6, 7, 8, 9
5	A3. Bài kiểm tra định kì		01	Đáp án, thang điểm	CLO 3, 4, 5, 6, 7,8
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A4. Thực hành	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 6, 7,8, 9

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học

động trong giờ học				giao.	Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5 Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	2,5 đến < 3,3 Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	3,3 đến < 4,0 Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	4,0 đến 5,0 Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Dương Thị Lâm (chủ biên 2007) Giáo trình đàn hát Then

9.2. Tài liệu tham khảo: (nếu có)

[2] Lịch sử âm nhạc Việt Nam (Thụy Loan – NXB Âm nhạc 1993)

[3] Truyền thống âm nhạc Việt Nam (Nguyễn Viêm)

[4] Dân ca Việt Nam (NXB Hà Nội)

9.3. Website (nếu có)

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Trình bày được lịch sử hình thành và phát triển cũng như đặc trưng, vai trò của nhạc cụ dân tộc trong đời sống văn hóa Việt Nam. Cấu tạo và nguyên lý hoạt động của một số nhạc cụ dân tộc tiêu biểu.
LLO2	Giới thiệu được một số nhạc cụ dây: tính tẩu, đàn bầu, đàn tranh, đàn nguyệt, đàn tỳ bà... Nhạc cụ hơi: sáo trúc, kèn bầu... Nhạc cụ gõ: đàn đá, đàn môi, trống cái, trống cơm... Nhạc cụ bộ gõ: chũm chọe, mâm trâu...
LLO3	Trình bày nguồn gốc phát triển của nghệ thuật hát Then – Tính Tẩu Thực hiện được những bài tập tư thế cầm và cách lên dây Tính Tẩu. Các bài tập dây buông, bấm các vị trí cao độ trên cần Tính Tẩu. Thực hiện các bài kỹ thuật vuốt, trượt của Tính Tẩu trên thế I và thế II.
LLO4	Thực hiện hát một số bài hát Then kết hợp với đệm Tính Tẩu, phương pháp đệm hát kết hợp hát Then một cách hoàn chỉnh.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)										
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
LO1											
LO2											
LO3											
LO4											

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Giới thiệu sơ lược về nhạc cụ dân tộc				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (14 tiết) * Nội dung lí thuyết: (7 tiết) 1.1. Khái niệm, đặc trưng, vai trò của nhạc cụ dân tộc trong đời sống văn hóa Việt Nam. 1.2. Lịch sử hình thành và phát triển một số nhạc cụ dân tộc tiêu biểu 1.3. Cấu tạo và nguyên lý hoạt động của một số nhạc cụ dân tộc tiêu biểu 1.4. Phân loại nhạc cụ dân tộc theo chất liệu, cách thức phát âm.	<i>Giảng giải minh họa.</i>		[1] [2] [3] [4]
LLO1	* Nội dung bài tập: (2 tiết) - So sánh sự giống nhau và khác nhau về nguyên lý tạo ra âm thanh của một số nhạc cụ dân tộc tiêu biểu	<i>Làm bài tập theo nhóm</i>		[1] [2] [3] [4]
LLO1	*Nội dung thực hành/ thí nghiệm: (3 tiết) <i>Thực hành chơi một số nhạc cụ dân tộc tiêu biểu để nhận ra nguyên lý phát ra âm thanh của từng nhạc cụ.</i>	<i>Thực hành theo nhóm</i>		[1] [2] [3] [4]
LLO1	*Nội dung thảo luận: (2tiết) Thảo luận về cấu tạo, đặc trưng và vai trò của một số nhạc cụ dân tộc tiêu biểu trong đời sống văn hoá tinh thần của một số dân tộc tiêu biểu.	<i>Thảo luận nhóm</i>		[1] [2] [3] [4]
	B. Nội dung tự học: (26 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và trả lời câu hỏi	<i>Sinh viên tự học</i>	[A1]	[1] [2] [3] [4]
Chương 2: Giới thiệu một số nhạc cụ dân tộc tiêu biểu				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (14 tiết) * Nội dung lí thuyết: (7tiết) 2.1. Nhạc cụ dây: tính tẩu, đàn bầu, đàn tranh, đàn nguyệt, đàn tỳ bà... 2.2. Nhạc cụ hơi: sáo trúc, kèn bầu.....	<i>Giảng giải minh họa.</i>	[A1]	[1] [2]

	2.3. Nhạc cụ gõ: đàn đá, trống cái, trống cơm...			[3] [4]
LLO2	* Nội dung bài tập: (2tiết) - So sánh sự giống nhau và khác nhau về nguyên lý tạo ra âm thanh của các nhạc cụ dây, nhạc cụ hơi và nhạc cụ gõ	Làm bài tập nhóm		[1] [2] [3] [4]
LLO2	*Nội dung thực hành/ thí nghiệm: (3tiết) Thực hành đọc bản nhạc và chơi theo bản nhạc một số bài tập đơn giản trên Tính Tẩu.	Thực hành	[A2]	[1] [2] [3] [4]
LLO2	*Nội dung thảo luận: (1 tiết) Thảo luận về cấu tạo, đặc trưng và vai trò của một số nhạc cụ thuộc bộ dây, bộ hơi và bộ gõ.	Thảo luận		[1] [2] [3] [4]
	B. Nội dung tự học: (20 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và thực hành đọc bản nhạc, chơi theo bản nhạc một số bài tập đơn giản trên Tính Tẩu.	Thực hành	[A1]	[1] [2] [3] [4]
Chương 3: Giới thiệu về nhạc cụ Tính Tẩu				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO3	A. Nội dung thực hiện trên lớp (16 tiết) * Nội dung lí thuyết: (8 tiết) 3.1. Sơ lược về hát Then – Tính Tẩu 3.2. Chức năng của Tính Tẩu trong nghệ thuật hát Then	Giảng giải minh họa. Thực hành	[A1] [A2]	[1] [2] [3] [4]
LLO3	* Nội dung bài tập: (3tiết) Hãy nêu chức năng của Tính Tẩu trong nghệ thuật hát Then.	Làm bài tập nhóm		[1] [2] [3] [4]
LLO3	*Nội dung thực hành/ thí nghiệm: (4tiết) Thực hành các kỹ thuật hát những bài Then đơn giản kết hợp đệm Tính Tẩu.	Thực hành	[A2]	[1] [2] [3] [4]
LLO3	*Nội dung thảo luận: (1tiết)	Thảo luận		[1]

	Thảo luận về đặc trưng và vai trò của hát Then của Người Tày Thái Nguyên, Tuyên Quang....	Theo nhóm		[2] [3] [4]
	B. Nội dung tự học: (26 tiết) Đọc tài liệu và thực hành các kỹ hát Then và đệm Tính Tầu.	Thực hành theo nhóm	[A1]	[1] [2] [3] [4]
Chương 4: Phương pháp đệm hát Then – Tính tầu				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (16tiết) * Nội dung lý thuyết: (8tiết) 4.1. Kỹ thuật chơi Tính tầu 4.2. Phương pháp đệm các bài hát Then	Giảng giải minh họa.	[A3]	[1] [2] [3] [4]
LLO4	* Nội dung bài tập: (3 tiết) Tập hát kết hợp đệm Tính tầu một số bài Then đơn giản.	Làm bài tập theo nhóm		[1] [2] [3] [4]
LLO4	*Nội dung thực hành/ thí nghiệm: (4 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và thực hành đọc bản nhạc, chơi theo bản nhạc một số bài tập đơn giản trên Tính tầu.	Thực hành Theo nhóm		[1] [2] [3] [4]
LLO4	*Nội dung thảo luận: (1tiết) Thảo luận về phương pháp hát Then và đệm Tính tầu của Người Tày Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang....	Thảo luận		[1] [2] [3] [4]
	B. Nội dung tự học: (26 tiết) Thực hành các kỹ thuật chơi Tính tầu ở các vị trí cao độ trên đàn, tập dạo đầu và hát hoàn chỉnh bài Then.	Thực hành	[A1]	[1] [2] [3] [4]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành có Tính tầu và đạo cụ
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, loa, đài
- Điều kiện khác: Phòng cách âm

8.50. Phương pháp tổ chức ngoại khoá (59NCD431)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 60
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	20	40
2	Bài tập	05	7.5
3	Thực hành	30	60
4	Thảo luận	15	15
Tổng		60	107.5

- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Âm nhạc cơ bản; Thanh nhạc; Nhạc cụ; Hát dân ca; Múa và Biên đạo múa; Vũ đạo
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Nghệ thuật; Khoa Giáo dục Tiểu học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
18.	Th.S. Lương Ngọc Quỳnh	0913967828	quynhln@tnue.edu.vn
19.	Th.S. Đỗ Linh Chi	0988808489	Chidtl@tnue.edu.vn
20.	Th.S, Nguyễn Văn Thiệu	0988268558	Thieunv@tnue.edu.vn
21.	TS. Phạm Minh Thuỳ	0338559688	Thuypm@tnue.edu.vn
22.	TS. Nguyễn Thanh Tiến	0971954333	Tiennt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức:

CO1.

- Trình bày được khái niệm chương trình ngoại khoá, thấy được vai trò của chương trình ngoại khoá đối với học sinh, nhà trường và xã hội.

- Phân loại được chương trình ngoại khoá

- Trình bày được vai trò của chương trình ngoại khoá

CO2. Nắm vững những nguyên tắc và hiểu biết về các hình thức tổ chức ngoại khoá.

CO3. Nắm vững quy trình tổ chức chương trình ngoại khoá. Biết cách đánh giá hiệu quả chương trình ngoại khoá

* Về kỹ năng

CO4. Có kỹ năng lập kế hoạch

CO5. Có kỹ năng tổ chức một chương trình ngoại khoá

CO6. Kỹ năng lãnh đạo.

CO7. Kỹ năng quản lý, đánh giá

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO8. Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc trong và ngoài sách vở, ngoài giờ lên lớp.

CO9. Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Hoàn thành đầy đủ bài tập do thầy cô giáo. Tham gia các hoạt động ngoại

khoá một cách tích cực.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Trình bày được khái niệm chương trình ngoại khoá, thấy được vai trò của chương trình ngoại khoá đối với học sinh, nhà trường và xã hội.	PLO1 PLO3 PLO8
	CLO2	Phân loại được chương trình ngoại khoá: Chương trình ngoại khoá âm nhạc và chương trình ngoại khoá gắn với công tác Đoàn, Đội	PLO1 PLO3 PLO8
	CLO3	Trình bày được vai trò của chương trình ngoại khoá	PLO1 PLO3 PLO8
CO2	CLO4	Nắm vững những nguyên tắc và hiểu biết về các hình thức tổ chức ngoại khoá	PLO1 PLO3 PLO8
CO3	CLO5	Nắm vững quy trình tổ chức chương trình ngoại khoá. Biết cách đánh giá hiệu quả chương trình ngoại khoá	PLO1 PLO3 PLO8
Kĩ năng			
CO4	CLO6	Có kỹ năng lập kế hoạch: Xác định mục tiêu rõ ràng cho mỗi hoạt động, lên kế hoạch chi tiết, phân công công việc hiệu quả cho từng thành viên, xây dựng kịch bản chi tiết cho các hoạt động.	PLO3 PLO8 PLO11 PLO13
CO5	CLO7	Có kỹ năng tổ chức một chương trình ngoại khoá: Quản lý thời gian hiệu quả. khả năng xử lý các tình huống phát sinh, phối hợp làm việc nhóm, đảm bảo sự thành công của hoạt động theo đúng kế hoạch.	PLO3 PLO8 PLO10 PLO12
CO6	CLO8	Kỹ năng lãnh đạo: Có khả năng truyền cảm hứng và động viên mọi người. Đưa ra quyết định nhanh chóng và chính	PLO3 PLO8

		xác. Có khả năng chịu trách nhiệm về kết quả của hoạt động.	PLO10 PLO13
CO7	CLO9	Kỹ năng quản lý, đánh giá: Có khả năng quản lý tài chính, vật chất cho hoạt động. Đánh giá hiệu quả của hoạt động và rút ra bài học kinh nghiệm.	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO8	CLO10	Năng lực tự chủ Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.	PLO14
CO9	CLO11	Năng lực trách nhiệm Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Hoàn thành đầy đủ bài tập. Tham gia các hoạt động âm nhạc tập thể một cách tích cực.	PLO15

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x	x	x	x				x							
CLO2	x		x	x				x							
CLO3	x		x					x							
CLO4	x		x	x		x		x							
CLO5	x		x					x							
CLO6			x					x			x		x		
CLO7			x					x		x		x	x		
CLO8			x					x		x			x		
CLO9			x					x		x			x	x	
CLO10														x	x
CLO11															x
MDG	2	1	3	2	0	1	0	3	0	2	1	1	2	1	1

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

“*Phương pháp tổ chức ngoại khóa*” là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo hệ ĐHSP Âm nhạc. Mục đích, yêu cầu của học phần “*Phương pháp tổ chức ngoại khóa*” là trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết để lên kế hoạch, tổ chức và đánh giá hiệu quả các hoạt động ngoại khóa. Những nội dung chính sẽ được thể hiện qua học phần này như: *Khái quát chung về chương trình ngoại khóa để thấy được mục đích, yêu cầu cũng như vai trò của hoạt động ngoại khóa. Các nguyên tắc tổ chức hoạt động ngoại khóa. Quy trình tổ chức một hoạt động ngoại khóa. Sự đa dạng về hình thức hoạt động ngoại khóa. Những kỹ năng cần thiết cho người tổ chức hoạt động ngoại khóa. Các phương pháp đánh giá hiệu quả hoạt động ngoại khóa.*

Với mong muốn đáp ứng được nhu cầu thực tiễn đời sống cũng như góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Đáp ứng mục tiêu của môn học, nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành đào tạo hệ Đại học Sư phạm Âm nhạc, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên theo chương trình khung của Bộ giáo dục & Đào tạo.

"The method of organizing extracurricular activities" is a mandatory subject in the training program for the Bachelor's degree in Music Education. The purpose and requirements of the "Method of Organizing Extracurricular Activities" course will equip students with the necessary knowledge and skills to plan, organize, and evaluate the effectiveness of extracurricular activities. The main content covered in this course includes: an overview of extracurricular programs to understand their purpose, requirements, and the role of extracurricular activities; principles for organizing extracurricular activities; the process of organizing an extracurricular activity; the diversity of forms of extracurricular activities; essential skills for those organizing extracurricular activities; and methods for evaluating the effectiveness of extracurricular activities.

With the desire to meet the practical needs of life as well as contribute to improving the quality of training. Meet the objectives of the subject, to meet the

output standards of the Music Pedagogy University training program, Thai Nguyen University of Education according to the framework program of the Ministry of Education & Training.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp, 100% giờ học trực tuyến (nếu có). Tìm hiểu và nghiên cứu tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên. Tích cực tham gia các hoạt động âm nhạc.

- Thực hành: Hoàn thành bài thực hành cá nhân (Thực hiện các bài tập thiết kế, xây dựng chương trình ngoại khoá cho từng đối tượng cụ thể).

- Kiểm tra định kỳ: Dự và thực hiện kiểm tra định kì đúng lịch.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- *Đánh giá theo thang 10 điểm.*

- Hình thức đánh giá:

A1: Chuyên cần;

A2: Thực hành;

A3: Kiểm tra định kỳ;

A4: Thi kết thúc học phần.

- Đánh giá quá trình:

- + Trọng số điểm: 50% [*Chuyên cần 10%; Thực hành cá nhân 20%, bài kiểm tra định kỳ 20% (thực hành)*].

- + Hình thức: Đánh giá qua thực hành cá nhân.

- Thi kết thúc học phần: Trọng số điểm: 50%; Hình thức: *Thực hành*

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần		01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-9

2	A2. Thực hành		01	Đáp án, thang điểm	CLO 5, 6, 7
3	A3. Bài kiểm tra định kì		01	Đáp án, thang điểm	CLO 2,4, 5, 6, 7
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
4	A4. Thực hành	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp, thực hành	CLO 2,4,5,6, 7,8, 9

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập

Lương Ngọc Quỳnh, (2025) *Đề cương bài giảng Phương pháp tổ chức ngoại khoá*, Trường ĐHSP TN

9.2. TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] **Trần Như Tinh Chủ biên** *Lý luận và phương pháp công tác Đội*, Nxb ĐHSP Hà Nội

[2] **Phạm Đình Nghiệp Chủ biên** (2005) *Công tác Đoàn - Hội*, Nxb Thanh niên

[3] **Nguyễn Dục Quang (Chủ biên), Ngô Quang Quế** (2007), *Giáo trình Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, Sách dùng cho CĐSP*. Nxb ĐHSP.

[4] **Nguyễn Đăng Hòe - Đức Bằng** (1982), *Ca hát và biểu diễn*, Nxb Văn hóa;

[5] **Đào Ngọc Dung** (1997), *Những bài hát tập thể đồng ca hợp xướng I-II-III*,

Trường CDSP Nhạc Họa Trung Ương

[6] Lê Thế Hào, Nguyễn Thiết (1985), *Chỉ huy dàn dựng các tác phẩm âm nhạc*, Nxb Giáo dục

[7] Nguyễn Thụy Kha sưu tầm, tuyển chọn (2003), *100 bài hát thiếu nhi*, Nxb Hà Nội

[8] Nguyễn Thế Vinh biên tập (2001), *50 bài hát hay nhất*. Nxb Văn Hoá – Thông Tin

[9] Hà Nhật Thăng (chủ biên), 2004, *Tổ chức giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường phổ thông* Nxb Giáo dục, Hà Nội.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Mô tả khái quát chung về môn học: Khái niệm chung về chương trình ngoại khoá, phân loại và vai trò của chương trình ngoại khoá.
LLO2	Nắm vững những nguyên tắc và hình thức tổ chức chương trình ngoại khoá.
LLO3	Vận dụng được các kỹ năng và thực hiện đúng quy trình tổ chức các loại chương trình ngoại khoá. Thực hành thiết kế, xây dựng được một chương trình ngoại khoá
LLO4	Có phương pháp đánh giá hiệu quả chương trình ngoại khoá

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)										
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
LLO1	x	x	x								
LLO2				x						x	
LLO3					x	x	x	x	x		x
LLO4					x		x	x	x		

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Khái quát chung về hoạt động ngoại khoá				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (4 tiết) * Nội dung lí thuyết: (4 tiết) 1.1. Khái niệm chương trình ngoại khoá.	<i>Thuyết trình</i>	[A1]	[2] [12]
LLO1	1.2. Phân loại chương trình ngoại khoá	<i>Thuyết trình</i>	[A1]	[2]
LLO1	1.3. Vai trò của chương trình ngoại khoá * Nội dung thảo luận: (2 tiết) – Tự học: (2 tiết)	<i>Thuyết trình</i>	[A1]	[2]

	B. Nội dung tự học: (6 tiết) Sinh viên nghiên cứu tài liệu		[A1]	[2]
Chương 2: Nguyên tắc và hình thức tổ chức hoạt động ngoại khoá				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (1 tiết) * Nội dung lý thuyết: (1 tiết) 2.1. Nguyên tắc tổ chức ngoại khoá * Nội dung thảo luận: (1 tiết) – Tự học: (1 tiết)	<i>Thuyết trình</i>	[A1]	[2]
	B. Nội dung tự học: (3 tiết) Sinh viên nghiên cứu tài liệu, giáo trình	<i>Thực hành</i>	[A1]	[2]
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (5 tiết) * Nội dung lý thuyết: (3 tiết) 2.2. Hình thức tổ chức chương trình ngoại khoá (Ở Tiểu học, Trung học Cơ sở, Trung học phổ thông) * Nội dung thảo luận: (2 tiết) – Tự học: (2 tiết)	<i>Thực hành</i>	[A1]	[2] [5] [6]
	B. Nội dung tự học: (8 tiết) Sinh viên nghiên cứu tài liệu, giáo trình.	<i>Thực hành</i>	[A1]	[5] [6]
Chương III – Quy trình tổ chức chương trình ngoại khoá				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO3	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung lý thuyết: (5 tiết) 3.1. Quy trình tổ chức ngoại khoá 3.1.1. Chương trình ngoại khoá âm nhạc * Nội dung thảo luận: (3 tiết) – Tự học: (3 tiết) * Bài tập: (1 tiết) – Tự học: (1,5 tiết)	<i>Thuyết trình</i>	[A1] [A2]	[2] [2]
	B. Nội dung tự học: (10 tiết) Sinh viên nghiên cứu tài liệu	<i>Thực hành</i>	[A2]	[2]
LLO3	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung lý thuyết: (5 tiết) 3.1.2. Chương trình ngoại khoá gắn với công tác Đội ở trường TH và THCS 3.1.3. Chương trình ngoại khoá gắn với công tác	<i>Thực hành</i>	[A2]	[2] [5] [6]

	Đoàn ở trường THPT * Nội dung thảo luận: (3 tiết) – Tự học: (3 tiết) * Bài tập: (1 tiết) – Tự học: (1,5 tiết)			
	B. Nội dung tự học: (10 tiết) Sinh viên nghiên cứu tài liệu và làm bài tập.	<i>Thực hành</i>	[A1]	[5] [6]
	A. Nội dung thực hiện trên lớp (36 tiết) 3.2. Thực hành thiết kế và báo cáo chương trình ngoại khoá * Bài tập: (3 tiết) – Tự học: (4,5 tiết) * Thực hành: (30 tiết) – Tự học: (45 tiết) * Nội dung thảo luận: (3 tiết) – Tự học: (2 tiết) B. Nội dung tự học: (10 tiết) Sinh viên nghiên cứu tài liệu và làm bài tập.	<i>Thực hành</i>	[A2]	
Chương IV – Đánh giá hiệu quả chương trình ngoại khoá				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (3 tiết) * Nội dung lý thuyết: (2 tiết) – Tự học: (4 tiết) 4.1. Các tiêu chí đánh giá 4.2. Các phương pháp đánh giá * Nội dung thảo luận: (1 tiết) – Tự học: (1 tiết)	<i>Thuyết trình</i>	[A1]	[2] [2]
	B. Nội dung tự học: (5 tiết) Sinh viên nghiên cứu tài liệu	<i>Thực hành</i>	[A1]	[2]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học chức năng đảm bảo ánh sáng và không gian
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, loa mic, đài, đàn phím điện tử.
- Điều kiện khác: Phòng cách âm

8.51. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục âm nhạc (59SMR321)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	30	60
2	Bài tập	10	15
3	Thực hành	15	22,5

4	Thảo luận	5	5
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		60	102,5

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành:
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật; Khoa Giáo dục Tiểu học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
23.	TS. Nguyễn Thanh Tiến	0971954333	tiennt@tnue.edu.vn
24.	ThS. Nguyễn Văn Thiều	0988268558	thieunv@tnue.edu.vn
25.	ThS. Đỗ Thị Linh Chi	0988808489	chidtl@tnue.edu.vn
26.	TS. Phạm Minh Thuỳ	0338559688	thuypm@tnue.edu.vn
27.	ThS. Lương Ngọc Quỳnh	0913967828	quynhln@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức:

- CO1. Trình bày được khái quát về môn học
- CO2. Trình bày được các khái niệm liên quan đến môn học
- CO3. Trình bày được các phương pháp và quy trình nghiên cứu khoa học

* Về kĩ năng

- CO4. Kỹ năng phân tích, xác định được vấn đề nghiên cứu.
- CO5. Kỹ năng thu thập, xử lý tài liệu, bảng biểu
- CO6. Kỹ năng tổng hợp vấn đề nghiên cứu
- CO7. Kỹ năng xử lý các quy trình trong nghiên cứu

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO8. Thực hiện đúng nội quy của lớp, trường và quy định về đạo đức nhà giáo ở trường tiểu học.
- CO9. Vận dụng được các kiến thức về âm nhạc để hoạt động cá nhân, nhóm và có khả năng tự học và sáng tạo.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Trình bày được khái quát về môn học	PLO1 PLO2 PLO3
	CLO2	Trình bày được các khái niệm về khoa học và nghiên cứu khoa học.	PLO1 PLO2

			PLO3
	CLO3	Trình bày được quá trình hình thành và xây dựng vấn đề nghiên cứu, tầm quan trọng của tài liệu tham khảo.	PLO1 PLO2 PLO3
CO2	CLO4	Trình bày được phương pháp định tính, phương pháp định lượng, phương pháp hỗn hợp...	PLO1 PLO2 PLO3
CO3	CLO5	Trình bày được quy trình nghiên cứu khoa học và phân tích được các bước trong quy trình đó.	PLO1 PLO2 PLO3
Kĩ năng			
CO4	CLO6	Sinh viên có kỹ năng phân tích, xác định được vấn đề nghiên cứu.	PLO10 PLO11 PLO12
CO5	CLO7	Sinh viên có kỹ năng thu thập, xử lý tài liệu, bảng biểu	PLO10 PLO11 PLO12
CO6	CLO8	Sinh viên có kỹ năng tổng hợp vấn đề nghiên cứu	PLO10 PLO11 PLO12
CO7	CLO9	Sinh viên có kỹ năng xử lý các quy trình trong nghiên cứu	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO8	CLO10	Năng lực tự chủ Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.	PLO4 PLO5 PLO14
CO9	CLO11	Năng lực trách nhiệm Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Hoàn thành đầy đủ bài tập. Tham gia các hoạt động âm nhạc tập thể một cách tích cực.	PLO6 PLO13 PLO15

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x	x	x												
CLO2	x	x	x												
CLO3	x	x	x												
CLO4	x	x	x												
CLO5	x	x	x												

CLO6										x	x	x			
CLO7										x	x	x			
CLO8										x	x	x			
CLO9										x	x	x			
CLO10				x	x									x	
CLO11						x							x		x
MDG	2	2	2	1	1	1	0	0	0	2	2	2	1	1	1

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

* Tiếng Việt

Cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản liên quan đến phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục và phân tích dữ liệu, trình bày kết quả nghiên cứu để làm nền tảng cho việc học các môn học khác, thực hiện đề tài nghiên cứu, viết và bảo vệ luận văn tốt nghiệp...

* Tiếng Anh

Providing students with basic knowledge related to educational scientific research methods and data analysis, presenting research results as a foundation for learning other subjects, and conducting research projects , write and defend graduation thesis...

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp, 100% giờ học trực tuyến (nếu có), đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành bài thực hành cá nhân.
- Kiểm tra định kỳ: Dự và thực hiện kiểm tra định kì đúng lịch.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- Đánh giá theo thang 10 điểm.

- Hình thức đánh giá:

A1: Chuyên cần;

A2: Thực hành;

A3: Kiểm tra định kỳ;

A4: Thi kết thúc học phần.

- Đánh giá quá trình:

+ Trọng số điểm: 50% [Chuyên cần 10%; Thực hành cá nhân 20%, bài kiểm tra định kỳ 20% (thực hành)].

+ Hình thức: Đánh giá qua thực hành cá nhân.

- Thi kết thúc học phần: Trọng số điểm: 50%; Hình thức: *Tự luận*

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần		01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-9
4	A2. Thực hành		01	Đáp án, thang điểm	CLO 6, 7, 8, 9
5	A3. Bài kiểm tra định kì		02	Đáp án, thang điểm	CLO 3, 4, 5, 6, 7,8
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A4. Tự luận	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 6, 7,8, 9

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Vũ Cao Đàm (2008). *Giáo trình Phương luận nghiên cứu khoa học*. NXB Giáo Dục.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Thị Cánh (2004). *Giáo trình Phương pháp Nghiên cứu Khoa học Kinh*

tế. NXB Đại học Quốc Gia TP. HCM

[3]. Phạm Văn Quyết và Nguyễn Quý Thanh (2001). *Phương pháp nghiên cứu xã hội học*. NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Mô tả khái quát chung về vai trò của môn học, các khái niệm liên quan đến môn học, hệ thống lý luận về nghiên cứu khoa học.
LLO2	Nắm vững các phương pháp nghiên cứu khoa học
LLO3	Hiểu và phân tích được các quy trình nghiên cứu khoa học
LLO4	Có kỹ năng và sự nhạy bén trong nghiên cứu khoa học, mô tả và xây dựng được đề cương, đề tài nghiên cứu khoa học.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)										
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
LLO1	x										
LLO2		x		x							
LLO3							x		x		
LLO4							x	x	x		

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Một số vấn đề chung về nghiên cứu khoa học giáo dục				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung lý thuyết: (6 tiết) 1.1. Định nghĩa nghiên cứu khoa học 1.2. Tầm quan trọng của phương pháp nghiên cứu.	<i>Thuyết trình giảng giải</i>	[A1] [A3] [A4]	[1]
LLO1	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) - Các khái niệm, vai trò của phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục.	<i>Thuyết trình giảng giải</i>	[A1]	[1] [2] [3]
LLO1 LLO2	B. Nội dung tự học: (12,5 tiết) Sinh viên học tập theo hướng dẫn và giáo trình môn học.	<i>Thuyết trình giảng giải</i>	[A1]	[1] [2] [3]
Chương 2: Các loại phương pháp nghiên cứu				
LLOs	Nội dung	Hình thức/		

		phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO2 LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung lý thuyết: (8 tiết) 2.1. Phương pháp định tính 2.2. Phương pháp định lượng 2.3. Phương pháp hỗn hợp	<i>Thuyết trình giảng giải</i>	[A1] [A3] [A4]	[1]
LLO1 LLO2	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) - Phân tích các phương pháp nghiên cứu khoa học.	<i>Thuyết trình giảng giải</i>	[A1]	[1]
LLO1 LLO2	B. Nội dung tự học: (30 tiết) Sinh viên học tập theo hướng dẫn và giáo trình môn học.	<i>Thuyết trình giảng giải</i>	[A1]	[1] [2] [3]
Chương 3: Quy trình nghiên cứu khoa học				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO2 LLO3	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung lý thuyết: (12 tiết) 3.1. Xác định vấn đề nghiên cứu 3.2. Nghiên cứu tài liệu 3.3. Xây dựng giả thuyết 3.4. Thiết kế nghiên cứu 3.5. Thu thập dữ liệu 3.6. Phân tích dữ liệu 3.7. Kết luận và đề xuất	<i>Thuyết trình giảng giải</i>	[A1] [A3] [A4]	[1]
LLO2 LLO3	* Nội dung bài tập: (10 tiết) - Bài tập về xây dựng giả thuyết, thiết kế nghiên cứu.	<i>Thuyết trình giảng giải</i>	[A1] [A3] [A4]	[1]
LLO3	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (15 tiết) - Thu thập dữ liệu, phân tích dữ liệu	<i>Thực hành.</i>	[A2]	[1]
LLO3	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) - Phương pháp nối tiếp hợp âm ba, hợp âm sáu	<i>Thuyết trình giảng giải</i>	[A1]	[1]
LLO2 LLO3	B. Nội dung tự học: (30 tiết) - Sinh viên học tập theo hướng dẫn và giáo trình môn học.	<i>Thuyết trình giảng giải</i>	[A1]	[1] [2] [3]
Chương 4: Các yếu tố lưu ý trong nghiên cứu				

LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO2 LLO3	A. Nội dung thực hiện trên lớp (4 tiết) * Nội dung lý thuyết: (3 tiết) 4.1. Đạo đức trong nghiên cứu 4.2. Tính chính xác và đáng tin cậy 4.3. Tính khả thi	<i>Thuyết trình giảng giải</i>	[A1] [A3] [A4]	[1]
LLO3	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) - Xác định độ tin cậy, tính chính xác của nghiên cứu khoa học.	<i>Thuyết trình giảng giải</i>	[A1]	[1] [2]
LLO3	B. Nội dung tự học: (30 tiết) - Sinh viên học tập theo hướng dẫn và giáo trình môn học.	<i>Thuyết trình giảng giải</i>	[A1]	[1] [2] [3]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học lý thuyết
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu

8.52. Mã thuật cơ bản. 59BFA331

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	30	60
2	Bài tập	10	10
3	Thực hành	15	15
4	Thảo luận	5	5
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		60	90

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật; Khoa Giáo dục Tiểu học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
28.	Th.S Dương Thu Trang	0965110607	trangdt@tnue.edu.vn
29.	Th.S Đỗ Mạnh Hải	0918285983	haidm@tnue.edu.vn
30.	Th.S Đào Huyền Trang	0395308076	trangdh@tnue.edu.vn
31.	Th.S Dương Thị Lê	0915213602	ledt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng:

* Kiến thức

CO1. Trình bày được lý luận cơ bản về đặc trưng ngôn ngữ nghệ thuật tạo hình trong mỹ thuật. Mối quan hệ giữa các ngôn ngữ của các loại hình nghệ thuật khác nhau.

CO2. Vận dụng được kiến thức, phương pháp tiến hành bài vẽ trang trí cơ bản, vẽ tranh theo

đề tài và kết hợp một số nội dung kiến thức khác.

*** Kỹ năng**

CO3. Kết hợp các ngôn ngữ của nghệ thuật tạo hình để tạo thành tác phẩm hoàn chỉnh.

CO4. Sắp đặt về bố cục trang trí, bố cục tranh và ứng dụng được bố cục trong cuộc sống.

*** Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

Năng lực tự chủ

CO5. Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức môn học ngoài sách giáo khoa.

Năng lực trách nhiệm

CO6. Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Tham gia tích cực vào quá trình học tập học phần khi hoạt động cá nhân, nhóm và có khả năng tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Trình bày được lý luận cơ bản về đặc trưng ngôn ngữ nghệ thuật tạo hình trong mỹ thuật.	PLO2 PLO3
	CLO2	Mô tả được mối quan hệ giữa các ngôn ngữ của các loại hình nghệ thuật khác nhau.	PLO2 PLO3
CO2	CLO3	Vận dụng được các kiến thức, phương pháp để tiến hành bài vẽ trang trí cơ bản, vẽ tranh theo đề tài và kết hợp một số nội dung kiến thức khác.	PLO3 PLO11 PLO12
Kỹ năng			
CO3	CLO4	Hình thành kỹ năng sử dụng màu sắc và các ngôn ngữ của nghệ thuật tạo hình(đường nét, hình mảng, chất liệu...)	PLO3 PLO8
CO4	CLO5	Sắp đặt về bố cục trang trí, bố cục tranh và ứng dụng được trong cuộc sống.	PLO3 PLO8 PLO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO5	CLO6	Năng lực tự chủ Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.	PLO14 PLO15
CO6	CLO7	Năng lực trách nhiệm Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Hoàn thành đầy đủ bài tập. Tham gia các hoạt động âm nhạc tập thể một cách tích cực.	PLO14 PLO15

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1		x	x												
CLO2		x	x												
CLO3			x								x	x			
CLO4			x					x							
CLO5			x					x					x		
CLO6														x	x
CLO7														x	x
MDG	0	2	3	0	0	0	0	2	0	0	1	1	1	2	2

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Mỹ thuật cơ bản giới thiệu những kiến thức cơ bản nhất về nghệ thuật tạo hình; Vận dụng kiến thức như luật xa gần, giải phẫu tạo hình, ký họa, kiến thức về màu sắc, bố cục... để biểu hiện không gian ba chiều lên mặt phẳng hai chiều thông qua các bài tập. Học phần góp phần nâng cao khả năng nhận thức thẩm mỹ cho sinh viên, giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về nghệ thuật của cái đẹp, biết đánh giá và sáng tạo ra cái đẹp từ đó biết vận dụng trong cuộc sống.

Basic art curriculum introduces the most basic knowledge of visual arts, applying knowledge such as near and far laws, plastic surgery, sketching, color knowledge ... to express three-dimensional space onto a two-dimensional plane. Basic art curriculum contributes to improving the aesthetic awareness for students, helping students have the basic knowledge of the art of beauty in general and applying it in life and process later work.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp, 100% giờ học trực tuyến (nếu có), đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành bài thực hành cá nhân.
- Kiểm tra định kỳ: Dự và thực hiện kiểm tra định kì đúng lịch.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- Đánh giá theo thang 10 điểm.
- Hình thức đánh giá:
 - A1: Chuyên cần;
 - A2: Thực hành;
 - A3: Kiểm tra định kỳ;
 - A4: Thi kết thúc học phần.
- Đánh giá quá trình:
 - + Trọng số điểm: 50% [Chuyên cần 10%; Thực hành cá nhân 20%, bài kiểm tra định kỳ 20%
 - + Hình thức: Đánh giá qua thực hành cá nhân.
- Thi kết thúc học phần: Trọng số điểm: 50%; Hình thức: Tự luận

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-7
2	A2. Thực hành	20	01	Đáp án, thang điểm	CLO 3,4,5
3	A3. Bài kiểm tra định kì	20	02	Đáp án, thang điểm	CLO 1-7
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
4	A4. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-7

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1] Ngô Bá Công (2014), *Giáo trình Mỹ thuật cơ bản*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Chu Quang Trứ (1998), *Lược sử mỹ thuật và mỹ thuật học*, Nhà xuất bản Giáo dục.

[3] Lê Đức Lai (2014), *Vẽ mỹ thuật*, Nhà xuất bản Xây dựng.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Trình bày được lý luận cơ bản về ngôn ngữ nghệ thuật tạo hình trong mỹ thuật, giải thích được mối quan hệ giữa các ngôn ngữ của các loại hình nghệ thuật
LLO2	Phân tích được quy luật về màu sắc từ đó vận dụng vào các bài tập.
LLO3	Phân tích được những quy tắc luật xa gần, tỉ lệ người.
LLO4	Trình bày được nội dung, bước tiến hành các bài vẽ.
LLO5	Áp dụng được luật xa gần trong các bài vẽ tranh đề tài, tranh bố cục
LLO6	Sử dụng các kỹ năng tạo hình một cách có hiệu quả trong các bài vẽ trang trí, vẽ tranh đề tài, bố cục.
LLO7	Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức ngoài sách giáo khoa.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO8	Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Hoàn thành đầy đủ bài tập do thầy cô giáo. Tham gia các hoạt động tập thể một cách tích cực.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)						
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
LLO1	x						
LLO2	x	x					
LLO3		x					
LLO4			x	x	x		
LLO5				x	x		
LLO6				x	x		
LLO7	x	x	x	x	x	x	x
LLO8	x	x	x	x	x	x	x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Một số vấn đề chung về nghệ thuật tạo hình				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 LLO7 LLO8	A. Nội dung thực hiện trên lớp (14 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (9 tiết) 1.1.Khái niệm về nghệ thuật tạo hình 1.2.Ngôn ngữ của nghệ thuật tạo hình 1.3.Ngôn ngữ của nghệ thuật Hội họa, Đồ họa, Điêu khắc. 1.4.Đối tượng phản ánh của nghệ thuật tạo hình	Thuyết trình, minh họa.	[A1]	[1] [2]
LLO1 LLO7 LLO8	* Nội dung thảo luận: (5 tiết) 1. Tìm hiểu đặc trưng ngôn ngữ của nghệ thuật hội họa, đồ họa, điêu khắc. 2. Phân tích mối quan hệ giữa các loại hình nghệ thuật.	Thuyết trình, minh họa.	[A1]	[1] [2]
LLO1 LLO7 LLO8	B. Nội dung tự học: (23 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và trả lời câu hỏi		[A1]	[1] [2]
Chương 2: Nghệ thuật tạo hình				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO2 LLO3 LLO4 LLO5 LLO6	A. Nội dung thực hiện trên lớp (46 tiết) * Nội dung lý thuyết: (21 tiết) 2.1. Luật xa gần 2.2. Giới thiệu tỷ lệ người, ký họa 2.3. Màu sắc 2.4. Trang trí cơ bản 2.5. Bố cục tranh	Thuyết trình, minh họa.	[A1]	[1] [2] [3]
LLO2	*Nội dung bài tập (10 tiết) Vẽ vòng tròn màu sắc	Bài tập	[A1]	[1] [2] [3]

LLO6	* Nội dung thực hành (15 tiết) Thực hành vẽ tranh đề tài	Thực hành	[A2]	[1] [2], [3]
LLO5 LLO6	B. Nội dung tự học: (67 tiết) Thực hành màu sắc, vẽ trang trí, tranh đề tài.	Thực hành	[A1]	[1] [2], [3]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành mỹ thuật
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, loa, đài.
- Điều kiện khác:

8.53. Hoà tấu nhạc cụ (59INQ231)

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 60
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	10	20
2	Bài tập	20	30
3	Thực hành	40	60
4	Thảo luận	10	10
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		80	120

- Loại học phần: Bắt buộc/Tự chọn
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Nhạc cụ 1, Nhạc cụ 2, Nhạc cụ 3, Đệm hát
- Học phần học song hành: Lý thuyết âm nhạc cơ bản
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật; Khoa Giáo dục Tiểu học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS Nguyễn Thanh Tiến	0971954333	tiennt@tnue.edu.vn
2	ThS Nguyễn Văn Thiệu	0988268558	thieunv@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức:

CO1. Nắm vững những kiến thức cơ bản về hoà tấu nhạc cụ.

CO2. Phân tích được các loại ký hiệu âm nhạc viết cho đàn Piano và đàn Phím điện tử

CO3. Vận dụng được những thủ pháp như: Xếp lớp và tạo nhóm nhạc cụ trong ban nhạc, Xây dựng vòng công năng hòa âm, Thủ pháp tăng dần số lượng âm sắc nhạc cụ, Âm hưởng ban nhạc trong mở đầu, dạo giữa và kết... để xây dựng các tác phẩm hoà tấu nhạc cụ.

* Về kỹ năng

CO4. Kỹ năng đọc bản nhạc với khóa Son, khóa Pha và phối hợp cùng các loại nhạc cụ khác.

CO5. Kỹ năng chơi hoà tấu một số tác phẩm phù hợp trong chương trình.

CO6. Kỹ năng cảm thụ âm nhạc thông qua việc thay đổi các âm sắc trong tác phẩm trên đàn phím điện tử.

CO7. Kỹ năng biểu diễn hoà tấu tác phẩm âm nhạc một cách trọn vẹn, truyền cảm.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO8. Thực hiện đúng nội quy của lớp, trường và quy định về đạo đức nhà giáo ở trường tiểu học.

CO9. Vận dụng được các kiến thức về âm nhạc, mỹ thuật để hoạt động cá nhân, nhóm và có khả năng tự học và sáng tạo.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Sinh viên hiểu và trình bày được những kiến thức cơ bản về câu đạo, hoà âm, tiết điệu, âm sắc, cầu nối.	PLO3
	CLO2	Sinh viên hiểu và trình bày được các loại ký hiệu âm nhạc, cách đọc bản nhạc viết cho nhạc cụ hoà tấu.	PLO3
	CLO3	Sinh viên hiểu và vận dụng được những kỹ thuật chơi đàn cơ bản để chơi hoà tấu các tác phẩm âm nhạc.	PLO3
CO2	CLO4	Sinh viên hiểu và trình bày được cao độ, cách đọc bản nhạc và hệ thống âm thanh trên khoá Son và khoá Pha.	PLO3
CO3	CLO5	Sinh viên vận dụng được những thủ pháp xây dựng tác phẩm hoà tấu cơ bản để xây dựng các tác phẩm hoà tấu nhạc cụ.	PLO3
	Kỹ năng		
CO4	CLO6	Sinh viên có kỹ năng đọc bản nhạc với khóa Son, khóa Pha và phối hợp cùng các loại nhạc cụ khác.	
CO5	CLO7	Sinh viên có kỹ năng chơi hoà tấu một số tác phẩm phù hợp trong chương trình.	PLO13
CO6	CLO8	Kỹ năng cảm thụ âm nhạc thông qua việc thay đổi các âm sắc trong tác phẩm trên đàn phím điện tử.	PLO13
CO7	CLO9	Kỹ năng biểu diễn hoà tấu tác phẩm âm nhạc một cách trọn vẹn, truyền cảm.	PLO13
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CO8	CLO10	Năng lực tự chủ Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.	PLO14
CO9	CLO11	Năng lực trách nhiệm Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập	PLO15

		để đạt được mục tiêu đề ra. Hoàn thành đầy đủ bài tập. Tham gia các hoạt động âm nhạc tập thể một cách tích cực.	
--	--	---	--

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1					x										
CLO2			x					x				x			
CLO3			x								x				
CLO4			x									x			
CLO5			x					x		x					
CLO6					x			x				x			
CLO7										x					
CLO8			x												
CLO9		x													
CLO10														x	
CLO11															x
MDG	0	1	3	0	1	0	0	1	0	1	0	1	0	1	1

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

* Tiếng Việt

Môn học giúp sinh viên thực hành các kỹ thuật chơi nhạc cụ riêng của mình, từ cách điều chỉnh âm thanh, đến cách sử dụng các phương pháp biểu diễn. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ tìm hiểu được cách kết hợp các nhạc cụ khác nhau để tạo ra một bản nhạc hài hòa và học cách viết và sắp xếp bản nhạc cho nhiều nhạc cụ. Từ đó thực hành làm việc cùng nhau trong các buổi tập nhóm, rèn luyện khả năng lắng nghe và tương tác với các nhạc công khác.

* Tiếng Anh

The course helps students practice the techniques of playing their own musical instrument, from how to tune sounds, to how to use performance methods. In addition, students will learn how to combine different instruments to create

harmonious music and learn how to write and arrange music for multiple instruments. From there, practice working together in group rehearsals, practicing your ability to listen and interact with other musicians.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp, 100% giờ học trực tuyến (nếu có), đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành bài thực hành cá nhân.
- Kiểm tra định kỳ: Dự và thực hiện kiểm tra định kì đúng lịch.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- *Đánh giá theo thang 10 điểm.*
- Hình thức đánh giá:
 - A1: Chuyên cần;
 - A2: Thực hành;
 - A3: Kiểm tra định kỳ;
 - A4: Thi kết thúc học phần.
- Đánh giá quá trình:
 - + Trọng số điểm: 50% (*Chuyên cần 10%; Thực hành cá nhân 20%, bài kiểm tra định kỳ 20%*).
 - + Hình thức: Đánh giá qua thực hành cá nhân.
- Thi kết thúc học phần: Trọng số điểm: 50%; Hình thức: *Thực hành*

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần		01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-9
4	A2. Thực hành		01	Đáp án, thang điểm	CLO 6, 7, 8, 9
5	A3. Bài kiểm tra định kì		01	Đáp án, thang điểm	CLO 3, 4, 5, 6, 7,8
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A4. Thực hành	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 6, 7,8, 9

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%

Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

- [1]. Nhiều tác giả (1990) Jazz?, Rock?, Pop?, Nxb Âm nhạc, H.
 [2]. Nguyễn Xuân Tứ (2005), *Phương pháp dạy và học Đàn phím điện tử* (Electronic keyboard) học phần I, II, Nhà xuất bản Đại học sư phạm

9.2. Tài liệu tham khảo: (nếu có)

- [3]. Minh Tiến (1995), Những nhạc phẩm chọn lọc soạn cho đàn Piano và Organ tập 2, Nhà xuất bản Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh.
 [4]. Nguyễn Bách (2003), Hòa âm truyền thống (từ Cổ điển đến Hiện đại), Nhà xuất bản Âm nhạc.

9.3. Website (nếu có)

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Mô tả được khái quát về môn học, các loại hình hoà tấu, đội hình hoà tấu
LLO2	Phân tích được các ký hiệu và cách đọc bản nhạc trên khoá Son và khoá Pha
LLO3	Kết hợp nhuần nhuyễn giữa các bè hoà tấu
LLO4	Chơi được một số bài hoà tấu qua một số tác phẩm trong chương trình và cảm xúc qua tác phẩm.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)										
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
LLO1	x										
LLO2		x		x							

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)										
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
LLO3							x		x		
LLO4							x	x	x		

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Giới thiệu về nhạc cụ trong dàn nhạc hoà tấu				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết) * Nội dung lí thuyết: (2 tiết) 1.1. Nhạc cụ phương Tây 1.2. Nhạc cụ dân tộc.	<i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i>	[A1]	[1] [2]
	* Nội dung bài tập: (2 tiết) - Kể tên các loại nhạc cụ phương Tây thường sử dụng trong dàn nhạc. - Kể tên các loại nhạc cụ dân tộc	<i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i>		[1] [2]
LLO2	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (2 tiết) - Thực hành nghe âm sắc của các loại nhạc cụ phương Tây và nhạc cụ dân tộc.	<i>Thực hành</i>	[A2]	[1] [2]
	B. Nội dung tự học: (20 tiết) - Sinh viên tự học theo hướng dẫn của Giảng viên và giáo trình.	<i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i>	[A1]	[1] [2] [3] [4]
Chương 2: Một số tác phẩm hoà tấu				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO3	A. Nội dung thực hiện trên lớp (68 tiết) * Nội dung lí thuyết: (8 tiết) 1.1. Tác phẩm nước ngoài 1.2. tác phẩm Việt Nam	<i>- Thuyết trình kết hợp với thị phạm.</i>	[A1] [A2]	[1]
	* Nội dung bài tập: (18 tiết) - Bài tập dành cho các dàn nhạc hoà tấu từ mức độ đơn giản rồi nâng cao dần.	<i>- Thuyết trình kết hợp với thị phạm.</i>		
LLO3	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (38 tiết) - Luyện tập các tác phẩm hoà tấu cho dàn nhạc với nhiều hình thức khác nhau.	<i>Thực hành</i>	[A2]	[1] [2]
	B. Nội dung tự học: (100 tiết) - Sinh viên tự học theo hướng dẫn của Giảng	<i>- Thuyết trình kết</i>	[A1]	[1] [2]

	viên và giáo trình.	hợp với thị		[3]
		phạm.		[4]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học thực hành
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, loa, đài, nhạc cụ.
- Điều kiện khác: Phòng cách âm

8.54. Khóa luận tốt nghiệp (59PED971)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 07; Tổng số giờ quy chuẩn: 120
- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☒
- Đơn vị phụ trách: Khoa Giáo dục Tiểu học

2. Thông tin về giảng viên

Tất cả các giảng viên của Khoa, của Trường đủ điều kiện hướng dẫn khóa luận theo quy định.

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1. Trình bày được những vấn đề cơ bản về tính tích cực và phương pháp dạy học tích cực; Quan niệm, những ưu điểm và hạn chế, cách thức tiến hành của một số kỹ thuật dạy học tích cực.

CO2. Vận dụng hiệu quả các kỹ thuật dạy học trong thiết kế bài dạy và thực hiện kế hoạch bài dạy.

CO3. Phân tích bản chất của phương pháp dạy học tích cực, vai trò của năng lực và cán bộ quản lý trong thực hiện đổi mới phương pháp dạy học các môn học âm nhạc.

* Về kỹ năng

CO4. Giao tiếp hiệu quả trong hoạt động học tập, hoạt động dạy học các môn trong chương trình.

CO5. Khai thác các ứng dụng công nghệ thông tin trong nghiên cứu khoa học

CO6. Xây dựng kế hoạch bài dạy các môn học ở tiểu học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực.

CO7. Vận dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học.

CO8. Rèn luyện và phát triển kỹ năng vận dụng phương pháp, hình thức, kỹ thuật kiểm tra đánh giá kết quả học tập và sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện ở trường phổ thông.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO9. Thực hiện đúng nội quy của lớp, trường và quy định về đạo đức nhà giáo ở trường tiểu học.

CO10. Vận dụng được các kiến thức về lý luận dạy học ở tiểu học vào quá trình

học tập học phần khi hoạt động cá nhân, nhóm và có khả năng tự học suốt đời.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức và các kỹ năng, phương pháp nghiên cứu khoa học, vận dụng các kiến thức pháp luật thương mại quốc tế đã học để hoàn thành đề tài nghiên cứu đã chọn.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Tự học: Tìm hiểu tài liệu có liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Có ý thức chủ động trong quá trình thực hiện đề tài.
- Đảm bảo tỉ lệ trùng lặp dưới 30%.
- Hoàn thành khảo luận đúng thời gian quy định.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

- *Đánh giá theo thang 10 điểm.*

Theo quyết định số 200/QĐ ngày 3/2/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm

8. Học liệu

Theo đề tài khóa luận của sinh viên

8.55. Biểu diễn thanh nhạc (59VOP941)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 04; Tổng số giờ quy chuẩn: 60
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	10	20
2	Bài tập		
3	Thực hành	100	150
4	Thảo luận		
5	Thực tế chuyên môn	0	
Tổng		110	170

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Thanh nhạc 1(VOC221); Thanh nhạc 2(VOC222); Thanh nhạc 3(VOC223)

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật; Khoa Giáo dục Tiểu học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS Đỗ Thị Linh Chi	0988808489	chidtl@tnue.edu.vn

2	ThS Lương Ngọc Quỳnh	0974286700	quynhln@tnue.edu.vn
---	----------------------	------------	---------------------

3. Mục tiêu của học phần (CO)

Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng:

Phân tích, thực hiện được các kỹ thuật biểu diễn thanh nhạc. Vận dụng những kỹ năng tổng hợp để thể hiện được yếu tố biểu diễn tác phẩm.

Thể hiện được những kỹ năng về biểu diễn nghệ thuật cho từng phong cách chất giọng.

Phát huy thể mạnh bản thân để biểu diễn hết chất liệu nghệ thuật sân khấu.

* Kiến thức

CO1. Trình bày được phương pháp lý luận cơ bản về đặc biểu diễn nghệ thuật thanh nhạc (sân khấu, cơ mặt, khẩu hình, động tác, di chuyển...);

CO2. Trình bày được mối quan hệ giữa ngôn ngữ thanh nhạc với các loại hình nghệ thuật khác nhau.

CO3. Phân tích được kỹ thuật cơ bản thanh nhạc kết hợp với biểu diễn cử chỉ điệu bộ nét mặt sắc thái vào các bài hát.

CO4. Vận dụng được kỹ năng thực hành hát theo kỹ thuật nhạc thính phòng, dân gian, nhạc nhẹ.... và một số kỹ thuật khác.

* Kỹ năng

CO5. Luyện tập để hình thành được các kỹ năng hát, vũ đạo, múa, tiết tấu cơ thể...

CO6. Khai thác được thông tin trong tìm kiếm tài liệu tự học, nghiên cứu tài liệu các bài tập hát theo phong cách, hát theo khả năng của mỗi người.

CO7. Phát triển các kỹ năng thực hành hát ca khúc nước ngoài và Việt Nam theo nhiều dòng nhạc

CO8. Vận dụng được các kỹ năng một cách linh hoạt để kiểm tra đánh giá kết quả học tập và sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện kỹ năng hát và thể hiện bài hát.

* Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Năng lực tự chủ

CO9. Nhận thức đúng tầm quan trọng của biểu diễn Thanh nhạc và vai trò của giáo viên và người học trong phát triển chương trình Sư phạm âm.

+ Thực hiện đúng các quy định đối với người học, tích cực, chủ động trong nghiên cứu ứng dụng các kiến thức được học vào trong đời sống sinh hoạt.

Năng lực trách nhiệm

CO10. Nhận thức đúng tầm quan trọng của biểu diễn Thanh nhạc và vai trò của giáo viên và người học trong phát triển chương trình Sư phạm âm nhạc.

+ Thực hiện đúng các quy định đối với người học, tích cực, chủ động trong nghiên cứu ứng dụng các kiến thức được học vào trong đời sống sinh hoạt.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
-------------	------------	---------------------------	--------------

Kiến thức			
CO1	CLO1	Trình bày được phương pháp lý luận cơ bản về đặc biểu diễn nghệ thuật thanh nhạc (sân khấu, cơ mặt, khẩu hình, động tác, di chuyển...); Mối quan hệ giữa ngôn ngữ thanh nhạc với các loại hình nghệ thuật khác nhau. Phát triển được những vấn đề chung về hát và các kỹ năng thể hiện tác phẩm.	PLO2, 3
	CLO2	Phân tích được kỹ thuật cơ bản thanh nhạc kết hợp với biểu diễn cử chỉ điệu bộ nét mặt sắc thái vào các bài hát. Có năng lực biểu diễn, biểu cảm thể hiện tác phẩm, theo nội dung tác phẩm.	PLO2, 3
	CLO3	Vận dụng các kỹ thuật hát một cách liên hoàn của các cơ quan phát thanh, các xoang cộng minh, xác định được âm khu của giọng và lựa chọn bài hát phù hợp với chất giọng của mình.	PLO2, 3
CO2	CLO4	Thể hiện được những kỹ năng hát và xử lý tác phẩm trong khi hát	PLO2, 3,11,12, 13
	CLO5	Vận dụng được kỹ năng thực hành hát theo kỹ thuật nhạc thính phòng, dân gian, nhạc nhẹ.... và một số kỹ thuật khác. Thể hiện được đa dạng màu sắc giọng khác nhau, và nhiều phong cách biểu diễn khác nhau.	PLO2, 3,11,12, 13
	CLO6	Xử lý tốt âm khu trên và âm khu dưới của giọng hát khi ghép nhạc.	PLO2, 3,11,12, 13
CO3	CLO6	Phân tích và giải mã được từng mạch nội dung trong chương trình kể trên; Vận dụng được các nội dung đã học vào thực hành dạy học môn âm nhạc ở phổ thông.	PLO2,3, 11,12, 13
Kỹ năng			
CO4	CLO7	Giao tiếp và hợp tác có hiệu quả trong quá trình học tập biểu diễn Thanh nhạc. Lựa chọn những ca khúc phù hợp với chất giọng, thể hiện đúng tính chất bài hát.	PLO7
CO5	CLO 8	Sử dụng được các ứng dụng của công nghệ thông tin trong quá trình học tập Biểu diễn Thanh nhạc.	PLO8
CO7	CLO 9	Biểu diễn diễn cảm. Âm khu đạt tới độ vang, êm nhẹ. Vị trí âm thanh đẹp, liền mạch. Khẩu hình tươi, tròn. Phát âm rõ lời.	PLO12
CO8	CLO10	Áp dụng được các phương pháp, kỹ thuật kiểm tra đánh giá thực hành biểu diễn Thanh nhạc.	PLO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			

CO9	CLO11	Có khả năng thực hiện đúng nội quy của lớp, trường, quy định của phần biểu diễn Thanh nhạc và quy định về đạo đức nhà giáo.	PLO14
CO10	CLO12	Áp dụng được các kiến thức, kỹ năng của biểu diễn Thanh nhạc cơ bản vào quá trình hoạt động và dạy học ở trường phổ thông.	PLO15

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1		x	x												
CLO2		x	x												
CLO3		x	x												
CLO4		x	x								X	X	X		
CLO5		x	x								X	X	X		
CLO6							X								
CLO7								X							
CLO8											X				
CLO9												X			
CLO10													X		
CLO11														x	
CLO12															x
MĐG	0	3	3	0	0	0	1	1	0	0	2	2	2	1	1

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Biểu diễn Thanh nhạc cơ bản giúp người học có kiến thức tổng quan về hát và khả năng biểu diễn. Vận dụng được vũ đạo, múa, tiết tấu, di chuyển nhịp nhàng và làm chủ sân khấu biểu diễn. Thực hành luyện tập một số bài hát phù hợp với chất giọng và khả năng của mỗi người, tiếp cận và hát ca khúc nước ngoài phong cách mới.

Provides vocal knowledge and technique of Chamber music, Folk music, Light music for learners. Identify vocal and directional learning methods for

learners. Extends, develops vocal tone, ventricular and resonant spacing in the frontal cortical sinuses, the head on a certain sound position. Developing vocal abilities, applying vocal technique to suit learners.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp, 100% giờ học trực tuyến (nếu có), đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành bài thực hành cá nhân.
- Kiểm tra định kỳ: Dự và thực hiện kiểm tra định kì đúng lịch.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- *Đánh giá theo thang 10 điểm.*
- Hình thức đánh giá:
 - A1: Chuyên cần;
 - A2: Thực hành;
 - A3: Kiểm tra định kỳ;
 - A4: Thi kết thúc học phần.
- Đánh giá quá trình:
 - + Trọng số điểm: 50% [*Chuyên cần 10%; Thực hành cá nhân 20%, bài kiểm tra định kỳ 20% (thực hành)*].
 - + Hình thức: Đánh giá qua thực hành cá nhân.
- Thi kết thúc học phần: Trọng số điểm: 50%; Hình thức: *Thực hành Bài tập lớn*

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần		01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-9
4	A2. Thực hành		01	Đáp án, thang điểm	CLO 6, 7, 8, 9
5	A3. Bài kiểm tra định kì		01	Đáp án, thang điểm	CLO 3, 4, 5, 6, 7,8
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A4. Thực hành Bài tập lớn	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 6, 7,8, 9

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5 Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	2,5 đến < 3,3 Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	3,3 đến < 4,0 Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	4,0 đến 5,0 Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5 Dự < 80% số giờ lên lớp thực hành	2,5 đến < 3,3 Dự 80%-89% số giờ lên lớp thực hành	3,3 đến < 4,0 Dự 90% - 94% số giờ lên lớp thực hành	4,0 đến 5,0 Dự 95% -100% số giờ lên lớp thực hành

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1] Đỗ Thị Linh Chi, *Đề cương bài giảng Biểu diễn thanh nhạc*, 2024, ĐHSP Thái Nguyên

[2] Trung Kiên, *Phương pháp học ca hát*, NXB Văn Hóa

9.2. Tài liệu tham khảo: (nếu có)

[3] Ngô Thị Nam, *Hát*, NXB Giáo dục

[4] Nguyễn Trung Kiên, *Giáo trình thanh nhạc*, (Hệ trung học 4 năm), 2001, Bộ VHTT

[5] Chương trình thanh nhạc hệ ĐHSP 4 năm, *Những ca khúc Việt Nam* (Dành cho năm thứ 1,2)

[6] Chương trình thanh nhạc hệ ĐHSP 4 năm, *Những ca khúc Việt Nam* (Dành cho năm thứ 3,4)

[7] Vương Tâm – Nguyễn Thanh Bình tuyển chọn, *Hà Nội trái tim hồng*, Nxb Thanh niên

[8] Vũ Tự Lân biên soạn, *Triệu triệu bông hồng*, Nxb Thanh niên

[9] Trần Bảo Lân, Đỗ Thị Linh Chi, *Thanh nhạc 1*, NXB Công Thương, 2021

9.3. Website (nếu có)

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Trình bày được phương pháp lý luận cơ bản về đặc biểu diễn nghệ thuật thanh nhạc (sân khấu, cơ mặt, khẩu hình, động tác, di chuyển...); Mối quan hệ giữa ngôn ngữ thanh nhạc với các loại hình nghệ thuật khác nhau.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO2	Phân tích được kỹ thuật cơ bản thanh nhạc kết hợp với biểu diễn cử chỉ điệu bộ nét mặt sắc thái vào các bài hát. Có năng lực biểu diễn, biểu cảm thể hiện tác phẩm, theo nội dung tác phẩm.
LLO3	Vận dụng các kỹ thuật hát một cách liên hoàn của các cơ quan phát thanh, các xoang cộng minh, xác định được âm khu của giọng và lựa chọn bài hát phù hợp với chất giọng của mình.
LLO4	Thể hiện được những kỹ năng hát và xử lý tác phẩm trong khi hát
LLO5	Vận dụng được kỹ năng thực hành hát theo kỹ thuật nhạc thính phòng, dân gian, nhạc nhẹ.... và một số kỹ thuật khác. Thể hiện được đa dạng màu sắc giọng khác nhau, và nhiều phong cách biểu diễn khác nhau.
LLO6	Xử lý tốt âm khu trên và âm khu dưới của giọng hát khi ghép nhạc.
LLO7	Phân tích và giải mã được từng mạch nội dung trong chương trình kể trên; Vận dụng được các nội dung đã học vào thực hành dạy học môn âm nhạc ở phổ thông.
LLO8	Phát triển được những vấn đề chung về hát và các kỹ năng thể hiện tác phẩm.
LLO9	Biểu diễn diễn cảm. Âm khu đạt tới độ vang, êm nhẹ. Vị trí âm thanh đẹp, liên mạch. Khẩu hình tươi, tròn. Phát âm rõ lời.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)										
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
LLO1	x										
LLO2		x			x	x					
LLO3		x									
LLO4			x								
LLO5		x	x	x	x		x				
LLO6					x		x				
LLO7								x	x		
LLO8	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
LLO9	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Tổng quan về nghệ thuật biểu diễn thanh nhạc				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (30 tiết) * Nội dung lý thuyết: (3 tiết) 1.1 Giới thiệu về nghệ thuật biểu diễn và	<i>Giảng giải minh họa.</i>		[7]

	<i>vai trò của biểu diễn thanh nhạc</i> 1.1.1 Khái quát về nghệ thuật biểu diễn thanh nhạc. 1.1.2 Vai trò của biểu diễn trong việc kết nối âm nhạc và khán giả. 1.1.3 Phân tích các yếu tố làm nên một màn biểu diễn thành công. <i>1.2 Lựa chọn và phân tích bài hát</i> <i>1.2.1 Lựa chọn bài hát biểu diễn</i> 1.2.1.1 Lựa chọn bài hát phù hợp với chất giọng 1.2.1.2 Lựa chọn kỹ thuật xử lý giọng hát 1.2.1.3 Lựa chọn dòng nhạc và phong cách biểu diễn <i>1.2.2 Phân tích bài hát biểu diễn</i> 1.2.2.1 Phân tích nội dung và thông điệp của bài hát 1.2.2.2 Xác định điểm nhấn và ý nghĩa của từng đoạn nhạc 1.2.2.3 Xây dựng cảm xúc của bài hát trước khi biểu diễn.			
	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (30 tiết) Thực hành hát và biểu diễn tác phẩm thanh nhạc			
	B. Nội dung tự học: 30 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và trả thực hành luyện tập			
Chương 2: Một số kỹ năng biểu diễn thanh nhạc				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (40 tiết) * Nội dung lý thuyết: (4 tiết) 2.1 Xử lý âm thanh và micro 2.1.1 Cách phát âm nhả chữ khi hát với micro 2.1.2 Sử dụng luồng hơi thở phù hợp trong khi hát	<i>Giảng giải minh họa.</i>		[7]

	2.1.3 Cách cầm micro và điều khiển micro 2.2 Xử lý sân khấu 2.2.1 Kiểm soát giọng hát khi biểu diễn 2.2.2 Di chuyển, động tác điệu bộ khi hát trên sân khấu 2.2.3 Xử lý âm sắc và âm lượng khi biểu diễn			
	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (40 tiết) Thực hành hát và biểu diễn tác phẩm thanh nhạc		[A1]	[4]
	B. Nội dung tự học: (40 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và trả thực hành luyện tập			
Chương 3: Vận dụng sáng tạo trong biểu diễn thanh nhạc				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (40 tiết) * Nội dung lý thuyết: (4 tiết) 3.1. Vũ đạo cho bài hát 3.2. Xử lý ngôn ngữ cơ thể, động tác, khuôn mặt 3.3. Tạo hình và trang phục biểu diễn 3.4 Tạo cấu trúc mới cho bài hát(Mushup,bố cục mới cho bài hát)	<i>Giảng giải minh họa.</i>	[A1]	[5] [4]
LLO2	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (40 tiết) Thực hành hát và biểu diễn tác phẩm thanh nhạc		[A2]	[4]
	B. Nội dung tự học: (40 tiết) Sinh viên luyện tập thanh nhạc và vũ đạo, làm mới tác phẩm	<i>Thực hành</i>	[A1]	[5] [4]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành thanh nhạc
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Ti vi, loa, đài, đàn phím piano.
- Điều kiện khác: Phòng cách âm

8.56. Ký – Xướng âm (59COS943)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 04; Tổng số giờ quy chuẩn: 60
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	15	30
2	Bài tập	20	30

3	Thực hành	60	90
4	Thảo luận	10	10
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		105	160

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Ký – xướng âm 1, Ký – xướng âm 2, Ký – xướng âm 3
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật; Khoa Giáo dục Tiểu học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
32.	TS. Nguyễn Thanh Tiến	0971954333	tiennt@tnue.edu.vn
33.	ThS. Nguyễn Văn Thiệu	0988268558	thieunv@tnue.edu.vn
34.	ThS. Đỗ Thị Linh Chi	0988808489	chidtl@tnue.edu.vn
35.	TS. Phạm Minh Thuỳ	0338559688	thuypm@tnue.edu.vn
36.	ThS. Lương Ngọc Quỳnh	0913967828	quynhln@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức:

CO1. Trình bày được những kiến thức về môn học Ký – Xướng âm

CO2. Trình bày được cấu tạo và phương pháp đọc, ghi các giọng với 3 – 4 dấu hoá và gam 5 âm.

CO3. Vận dụng được những phương pháp luyện tập để đọc và ghi âm.

* Về kĩ năng

CO4. Kỹ năng đọc các âm cơ bản trong phạm vi 1 quãng tám, đọc và nghe các quãng 2, quãng 3, quãng 4, quãng 5..., A-dur, E – dur. fis – moll, c – moll, gam 5 âm.

CO5. Kỹ năng đọc các bài xướng âm và giải mã được các ký hiệu trong bài, đọc chuyển điệu, y điệu.

CO6. Kỹ năng cảm thụ âm nhạc thông qua việc đọc và ghi nhạc

CO7. Kỹ năng ghi một số bài ở phạm vi 02 dấu hoá.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO8. Thực hiện đúng nội quy của lớp, trường và quy định về đạo đức nhà giáo ở trường tiểu học.

CO9. Vận dụng được các kiến thức về âm nhạc, mỹ thuật để hoạt động cá nhân, nhóm và có khả năng tự học và sáng tạo.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		

CO1	CLO1	Sinh viên hiểu và trình bày được những kiến thức cơ bản về môn học Ký – Xướng âm 3	PLO1 PLO2 PLO3
	CLO2	Sinh viên hiểu và trình bày được cách đọc các bậc, các bài xướng âm có ly điệu, chuyển điệu.	PLO1 PLO2 PLO3
	CLO3	Sinh viên hiểu và trình bày được những phương pháp luyện tập đọc Ký – Xướng âm như: Đọc và ghi các nốt, các quãng, chuyển điệu, ly điệu; đọc gam A-dur, E – dur. fis – moll, c – moll, gam 5 âm.	PLO1 PLO2 PLO3
CO2	CLO4	Sinh viên hiểu và phân tích được các loại ký hiệu âm nhạc trên bản nhạc.	PLO1 PLO2 PLO3
CO3	CLO5	Sinh viên trình bày được những phương pháp luyện tập đọc Ký – Xướng âm như: Đọc và ghi các nốt, các quãng cơ bản, chuyển điệu, dịch giọng; đọc gam A-dur, E – dur. fis – moll, c – moll, gam 5 âm.	PLO1 PLO2 PLO3
Kĩ năng			
CO4	CLO6	Sinh viên có kỹ năng đọc các âm cơ bản trong phạm vi 1 quãng tám, đọc và nghe các quãng 2, quãng 3, quãng 4, quãng 5..., A-dur, E – dur. fis – moll, c – moll, gam 5 âm.	PLO10 PLO11 PLO12 PLO13
CO5	CLO7	Sinh viên có kỹ năng đọc các bài xướng âm và giải mã được các ký hiệu trong bài, đọc chuyển điệu, y điệu.	PLO10 PLO11 PLO12 PLO13
CO6	CLO8	Kỹ năng cảm thụ âm nhạc thông qua việc đọc và ghi nhạc	PLO10 PLO11 PLO12 PLO13
CO7	CLO9	Kỹ năng ghi một số bài ở phạm vi 02 dấu hoá.	PLO10 PLO11 PLO12 PLO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO8	CLO10	Năng lực tự chủ Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.	PLO4 PLO5 PLO14

CO9	CLO11	Năng lực trách nhiệm Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Hoàn thành đầy đủ bài tập. Tham gia các hoạt động âm nhạc tập thể một cách tích cực.	PLO6 PLO15
-----	-------	--	---------------

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x	x	x												
CLO2	x	x	x												
CLO3	x	x	x												
CLO4	x	x	x												
CLO5	x	x	x												
CLO6										x	x	x	x		
CLO7										x	x	x	x		
CLO8										x	x	x	x		
CLO9										x	x	x	x		
CLO10				x	x									x	
CLO11						x									x
MĐG	2	2	2	1	1	1	0	0	0	2	2	2	2	1	1

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

* Tiếng Việt

.- Học phần này hướng dẫn phương pháp đọc cao độ, trường độ của các bài tập âm nhạc, các tác phẩm âm nhạc một bè, hai bè

- Học phần rèn luyện kỹ năng nghe để ký âm được những bài tập âm nhạc, ký âm tiết tấu.

* Tiếng Anh

This module guides the method of reading the pitch and duration of musical exercises, one-part and two-part musical works.

Learn the listening skills training module to notate musical exercises and

rhythm notes.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp, 100% giờ học trực tuyến (nếu có), đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành bài thực hành cá nhân.
- Kiểm tra định kỳ: Dự và thực hiện kiểm tra định kì đúng lịch.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- *Đánh giá theo thang 10 điểm.*
- Hình thức đánh giá:
 - A1: Chuyên cần;
 - A2: Thực hành;
 - A3: Kiểm tra định kỳ;
 - A4: Thi kết thúc học phần.
- Đánh giá quá trình:
 - + Trọng số điểm: 50% [*Chuyên cần 10%; Thực hành cá nhân 20%, bài kiểm tra định kỳ 20% (thực hành)*].
 - + Hình thức: Đánh giá qua thực hành cá nhân.
- Thi kết thúc học phần: Trọng số điểm: 50%; Hình thức: *Vấn đáp*

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần		01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-9
4	A2. Thực hành		01	Đáp án, thang điểm	CLO 6, 7, 8, 9
5	A3. Bài kiểm tra định kì		02	Đáp án, thang điểm	CLO 3, 4, 5, 6, 7,8
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A4. Vấn đáp	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 6, 7,8, 9

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động	Chủ động	Chủ động	Chủ động, tích

độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học		thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5 Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	2,5 đến < 3,3 Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	3,3 đến < 4,0 Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	4,0 đến 5,0 Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1] *Giáo trình xướng âm Tập 3, trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung Ương-2003- Đắk Quỳnh*

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2] *Bộ giáo trình xướng âm dùng cho hệ trung cấp chính quy của Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam*

[3] *Giáo trình xướng âm hệ Trung Cấp 10 năm (Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam)*

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Mô tả khái quát chung về vai trò của môn học, phương pháp đọc, ghi nhạc với các giọng trong phạm vi 3-4 dấu hoá
LLO2	Phân tích và giải mã được các ký hiệu và cách đọc bản nhạc
LLO3	Đọc và ghi được các âm, quãng cơ bản, đọc gam A-dur, E – dur. fis – moll, c - moll.
LLO4	Đọc và ghi được hoàn chỉnh các tác phẩm ở mức độ đơn giản trên giọng A-dur, E – dur. fis – moll, c – moll, gam 5 âm.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)										
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
LLO1	x										
LLO2		x		x							
LLO3							x		x		
LLO4							x	x	x		

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Phương pháp luyện đọc các bài xướng âm các giọng La trưởng, Pha thăng thứ				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 LLO2 LLO3 LLO4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (35 tiết) * Nội dung lý thuyết: (5 tiết) 1.1. Gam La trưởng tự nhiên, hòa thanh, giai điệu 1.2. Phương pháp đọc các bậc I, III, V và các bậc II, IV, VII của gam La trưởng 1.3. Ghi âm hai bè với trường độ các nốt đen, trắng 1.4. Cách đọc gam Pha thăng thứ tự nhiên, hòa thanh, giai điệu 1.5. Phân tích và thực hành bài xướng âm gam La trưởng và gam Pha thăng thứ 1.6. Ghi âm hai bè với các nốt đen, trắng và nốt móc đơn; Ghi âm tiết tấu	<i>Thuyết trình kết hợp thị phạm.</i>	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2] [3]
LLO3 LLO4	* Nội dung bài tập: (6 tiết) - Bài tập đọc gam La trưởng và gam Pha thăng thứ - Bài tập nghe và ghi âm - Bài tập đọc tác phẩm	<i>Thuyết trình kết hợp thị phạm.</i>	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1]
LLO3 LLO4	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (20 tiết) - Luyện đọc các tác phẩm giọng La trưởng và gam Pha thăng thứ. - Luyện ghi âm	<i>Thị phạm, thực hành.</i>	[A2]	[1]
LLO1 LLO2	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) - Nắm được cấu tạo và phương pháp luyện tập các bài xướng âm trong phạm vi 3-4 dấu hoá. - Phương pháp luyện nghe ghi âm nhận biết điệu thức.	<i>Thuyết trình</i>	[A1]	[1] [2] [3]
LLO1 LLO2 LLO3 LLO4	B. Nội dung tự học: (50 tiết) Sinh viên luyện tập theo hướng dẫn và giáo trình môn học.	<i>Thuyết trình</i>	[A1]	[1] [2]

				[3]
Chương 2: Phương pháp luyện đọc các bài xướng âm giọng Mi trưởng và Đô thăng thứ				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 LLO2 LLO3 LLO4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (35 tiết) * Nội dung lý thuyết: (5 tiết) 2.1. Cách đọc gam Mi trưởng tự nhiên, hòa thanh, giai điệu 2.2. Cách đọc gam Đô thăng thứ tự nhiên hòa thanh, giai điệu 2.3. Ghi âm hai bè với trường độ các nốt đen, trắng, móc đơn có chấm dôi, móc kép (giọng 2 hóa biểu) 2.4. Luyện đọc các gam Crô-ma-tích 2.5. Ghi âm hai bè có ly điệu	<i>Thuyết trình kết hợp thị phạm.</i>	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1] [2] [3]
LLO3 LLO4	* Nội dung bài tập: (6 tiết) - Bài tập đọc gam Mi trưởng và gam Đô thăng thứ, gam cromatic. - Bài tập nghe và ghi âm - Bài tập đọc tác phẩm	<i>Thuyết trình kết hợp thị phạm.</i>	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1]
LLO3 LLO4	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (20 tiết) - Luyện đọc các tác phẩm giọng Mi trưởng và Đô thăng thứ, gam cromatic. - Luyện ghi âm	<i>Thị phạm, thực hành.</i>	[A2]	[1]
LLO1 LLO2	* Nội dung thảo luận: (4 tiết) - Nắm được cấu tạo và phương pháp luyện tập các bài xướng âm trong phạm vi 3-4 dấu hoá. - Phương pháp luyện nghe ghi âm nhận biết điệu thức.	<i>Thuyết trình</i>	[A1]	[1] [2] [3]
LLO1 LLO2 LLO3 LLO4	B. Nội dung tự học: (50 tiết) Đọc tài liệu và thực hành đọc bản nhạc, luyện tập tai nghe các nốt cơ bản.	<i>Thuyết trình</i>	[A1]	[1] [2] [3]
Chương 3: Luyện đọc các gam 5 âm				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (35 tiết) * Nội dung lý thuyết: (5 tiết)	<i>Thuyết</i>	[A1]	[1]

LLO2 LLO3 LLO4	3.1. Phân tích một số bài cấu tạo theo gam 5 âm vùng đồng bằng Bắc Bộ 3.2. Luyện tập xướng âm theo gam 5 âm vùng đồng bằng Bắc Bộ 3.3. Ghi âm theo gam 5 âm 3.4. Phân tích sự biến đổi quãng khi đi xuống của gam 5 âm Nam Bộ 3.5. Phân tích bài xướng âm gam 5 âm nhạc cung đình Huế 3.6. Luyện bài xướng âm gam 5 âm với các quãng đặc trưng của nhạc cung đình Huế 3.7. Luyện các bài xướng âm với tính chất âm nhạc vùng Tây Bắc, Việt Bắc 3.8. Ghi âm một bè gam 5 âm 3.9. Ghi âm hai bè có ly điệu	trình hợp phạm.	kết thị [A2] [A3] [A4]	[2] [3]
LLO3 LLO4	* Nội dung bài tập: (8 tiết) - Bài tập gam 5 âm - Bài tập ghi âm gam 5 âm	Thuyết trình hợp phạm.	[A1] [A2] [A3] [A4]	[1]
LLO3 LLO4	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (20 tiết) - Đọc các bài xướng âm gam 5 âm - Luyện ghi âm	Thị phạm, thực hành.	[A2]	[1]
LLO1 LLO2	* Nội dung thảo luận: (4 tiết) - Phương pháp luyện đọc các bài xướng âm gam 5 âm - Phương pháp ghi âm gam 5 âm	Thuyết trình	[A1]	[1] [2] [3]
LLO1 LLO2 LLO3 LLO4	B. Nội dung tự học: (60 tiết) Luyện tập theo hướng dẫn và giáo trình	Thuyết trình	[A1]	[1] [2] [3]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học thực hành có đàn piano hoặc đàn phím điện tử, Bảng viết có kẻ các khuông nhạc.

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, loa, đài.
- Điều kiện khác:

8.57. Biểu diễn nhạc cụ (59MIP931)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
----	------------------	---------------------------	---------------

1	Lý thuyết	20	40
2	Bài tập	0	0
3	Thực hành	40	60
4	Thảo luận	10	10
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		70	110

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Nhạc cụ 3
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật; Khoa Giáo dục Tiểu học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS Nguyễn Văn Thiều	0988268558	thieunv@tnue.edu.vn
2	TS Nguyễn Thanh Tiến	0971954333	tiennt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng:

* Kiến thức

- + Trình bày được những lý thuyết về biểu diễn nhạc cụ
- + Phân tích được các kỹ thuật biểu diễn.
- + So sánh các thể loại âm nhạc và các yếu tố ảnh hưởng đến biểu diễn

* Kỹ năng

- + Rèn luyện các kỹ năng biểu diễn nhạc cụ cơ bản và nâng cao.
- + Phân tích tác phẩm
- + Ứng biến trên sân khấu.
- + Làm việc nhóm.

* Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Năng lực tự chủ

- + Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.

Năng lực trách nhiệm

- + Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Tham gia tích cực vào quá trình học tập học phần khi hoạt động cá nhân, nhóm và có khả năng tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		

CO1	CLO1	Trình bày được các kỹ thuật biểu diễn nhạc cụ từ cơ bản đến nâng cao.	PLO1 PLO3 PLO8
	CLO2	Phân tích được các thể loại âm nhạc	PLO1 PLO3 PLO8
	CLO3	Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến biểu diễn	PLO1 PLO3 PLO8
CO2	CLO4	Nêu và phân tích được hình thức, phong cách, kỹ năng biểu diễn solo và biểu diễn nhóm.	PLO1 PLO3 PLO8
CO3	CLO5	Khuyến khích sinh viên tìm tòi, sáng tạo trong việc thể hiện tác phẩm.	PLO1 PLO3 PLO8
Kĩ năng			
CO4	CLO6	Kỹ năng biểu diễn nhạc cụ cơ bản và nâng cao.	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO5	CLO7	Kỹ năng phân tích tác phẩm	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO6	CLO8	Kỹ năng ứng biến trên sân khấu và ứng dụng công nghệ âm thanh và ánh sáng trong biểu diễn nhạc cụ.	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
CO7	CLO9	Kỹ năng làm việc nhóm (song tấu, tam tấu, hòa tấu)	PLO3 PLO8 PLO10 PLO13 PLO15
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO8	CLO10	Năng lực tự chủ Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài sách giáo khoa.	PLO14

CO9	CLO11	Năng lực trách nhiệm Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Hoàn thành đầy đủ bài tập. Tham gia các hoạt động âm nhạc tập thể một cách tích cực.	PLO15
-----	-------	--	-------

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x		x		x			x			x				
CLO2	x		x		x			x			x				
CLO3	x		x		x			x						x	
CLO4					x		x	x						x	
CLO5							x								
CLO6		x	x			x			x	x			x		
CLO7			x			x		x	x	x			x		
CLO8			x	x		x		x		x			x		x
CLO9		x	x		x	x		x		x	x	x	x		x
CLO10		x		x			x					x		x	
CLO11		x		x								x		x	x
MĐG	2	2	3	2	3	2	2	3	1	2	2	2	2	2	2

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học Biểu diễn nhạc cụ cho sinh viên ngành Sư phạm Âm nhạc trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản cũng như nâng cao nhằm phát triển kỹ năng biểu diễn chuyên sâu với nhạc cụ của từng cá nhân. Sinh viên không chỉ học cách biểu diễn độc lập mà còn thực hành hòa tấu và tổ chức biểu diễn trong các chương trình thực tế đáp ứng nhu cầu cấp thiết của việc đổi mới giáo dục toàn diện.

The Instrumental Performance course for Music Education students equips them with basic and advanced knowledge and skills to develop in-depth performance skills with each individual's instrument. Students not only learn how to perform independently but also practice ensembles and organize performances in

real-life programs to meet the urgent needs of comprehensive educational innovation.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp, 100% giờ học trực tuyến (nếu có), đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành bài thực hành cá nhân.
- Kiểm tra định kỳ: Dự và thực hiện kiểm tra định kì đúng lịch.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- *Đánh giá theo thang 10 điểm.*
- Hình thức đánh giá:
 - A1: Chuyên cần;
 - A2: Thực hành;
 - A3: Kiểm tra định kỳ;
 - A4: Thi kết thúc học phần.
- Đánh giá quá trình:
 - + Trọng số điểm: 50% (*Chuyên cần 10%; Thực hành cá nhân 20%, bài kiểm tra định kỳ 20%*).
 - + Hình thức: Đánh giá qua thực hành cá nhân.
- Thi kết thúc học phần: Trọng số điểm: 50%; Hình thức: *Thực hành*

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần		01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-9
4	A2. Thực hành		01	Đáp án, thang điểm	CLO 6, 7, 8, 9
5	A3. Bài kiểm tra định kì		01	Đáp án, thang điểm	CLO 3, 4, 5, 6, 7,8
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A4. Thực hành	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 6, 7,8, 9

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5 Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	2,5 đến < 3,3 Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	3,3 đến < 4,0 Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	4,0 đến 5,0 Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

- [1]. Nguyễn Văn Thiều (2021), *Giáo trình đệm hát*, Nxb Công Thương.
[2]. Ngô Ngọc Thắng (1997), *Nhạc lý nâng cao thực hành*, Nxb Âm nhạc.

9.2. Tài liệu tham khảo: (nếu có)

- [3]. Cù Minh Nhật (2010), *Organ thực hành cho học sinh trung học cơ sở*, Nxb Âm nhạc.
[4]. Patrick Muolou Art Mickaelian (2003), *1000 hợp âm cho đàn Organ & Piano*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.

9.3. Website

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Khái niệm và vai trò của biểu diễn nhạc cụ.
LLO2	Các yếu tố cơ bản trong biểu diễn nhạc cụ
LLO3	Giới thiệu các phong cách biểu diễn nhạc cụ: cổ điển, dân gian, hiện đại.
LLO4	Kỹ thuật ngón tay, điều chỉnh tốc độ, cường độ, sắc thái.
LLO5	Xử lý các tác phẩm phức tạp: bản sonata, tác phẩm dân gian, nhạc đương đại
LLO6	Tìm hiểu về cách chọn bài phù hợp với trình độ và phong cách biểu diễn cá nhân.
LLO7	Kỹ năng hòa tấu trong các nhóm nhỏ (song tấu, tam tấu).
LLO8	Vai trò và trách nhiệm của từng nhạc cụ trong hòa tấu.
LLO9	Luyện tập phối hợp nhóm, giữ nhịp và xử lý tình huống trong biểu diễn.
LLO10	Sử dụng micro và thiết bị âm thanh cho nhạc cụ
LLO11	Phối hợp âm thanh và ánh sáng để tăng hiệu quả biểu diễn

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO12	Quay, ghi âm và đánh giá lại phần biểu diễn.
LLO13	Lập kế hoạch biểu diễn: chọn tác phẩm, phân công vai trò, lên lịch trình
LLO14	Xử lý các tác phẩm phức tạp: bản sonata, tác phẩm dân gian, nhạc đương đại
LLO15	Tìm hiểu về cách chọn bài phù hợp với trình độ và phong cách biểu diễn cá nhân.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)										
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
LLO1	x									x	x
LLO2			x							x	x
LLO3				x						x	x
LLO4						x				x	x
LLO5								x		x	x
LLO6				x						x	x
LLO7				x						x	x
LLO8			x							x	x
LLO9									x	x	x
LLO10								x		x	x
LLO11								x		x	x
LLO12								x		x	x
LLO13							x			x	x
LLO14			x					x		x	x
LLO15				x						x	x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Tổng quan về biểu diễn nhạc cụ				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 LLO2 LLO3	A. Nội dung thực hiện trên lớp (5 tiết) * Nội dung lí thuyết: (5 tiết) 1.1. Khái niệm và vai trò của biểu diễn nhạc cụ. 1.2. Các yếu tố cơ bản trong biểu diễn nhạc cụ kỹ thuật, cảm xúc, tương tác với khán giả. 1.3. Giới thiệu các phong cách biểu diễn nhạc cụ: cổ điển, dân gian, hiện đại.	Giảng giải minh họa.		[1]- [2]

	B. Nội dung tự học: (10 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và trả lời câu hỏi		[A1]	[1]-[2] [3]-[4]
Chương 2: Kỹ thuật biểu diễn nâng cao				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO4 LLO5 LLO6	A. Nội dung thực hiện trên lớp (5 tiết) * Nội dung lý thuyết: (5 tiết) 2.1. Kỹ thuật ngón tay, điều chỉnh tốc độ, cường độ, sắc thái. 2.2. Xử lý các tác phẩm phức tạp: bản sonata, tác phẩm dân gian, nhạc đương đại. 2.3. Tìm hiểu về cách chọn bài phù hợp với trình độ và phong cách biểu diễn cá nhân.	<i>Giảng giải minh họa.</i>	[A1]	[1]-[2] [3]-[4]
	* Nội dung thảo luận: (5 tiết) 2.4. Sinh viên thảo luận theo vấn đề đặt ra của giáo viên	<i>Thảo luận, giải quyết vấn đề</i>		
	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (10 tiết) 2.5. Thực hành các kỹ thuật và xử lý tác phẩm.	<i>Thực hành</i>	[A2]	[1]-[2] [3]-[4]
	B. Nội dung tự học: (30 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và thực hành các kỹ thuật và xử lý tác phẩm.	<i>Thực hành</i>	[A1]	[1]-[2] [3]-[4]
Chương 3: Hòa tấu và phối hợp nhóm				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO7 LLO8 LLO9	A. Nội dung thực hiện trên lớp (3 tiết) * Nội dung lý thuyết: (3 tiết) 3.1. Kỹ năng hòa tấu trong các nhóm nhỏ (song tấu, tam tấu). 3.2. Vai trò và trách nhiệm của từng nhạc cụ trong hòa tấu. 3.3. Luyện tập phối hợp nhóm, giữ nhịp và xử lý tình huống trong biểu diễn.	<i>Giảng giải minh họa. Thực hành</i>	[A1] [A2]	[1]-[2] [3]-[4]
	* Nội dung thảo luận: (5 tiết) 3.4. Sinh viên thảo luận theo vấn đề đặt ra của giáo viên	<i>Thảo luận, giải quyết vấn đề</i>		
	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (4 tiết) 3.5. Thực hành tập luyện hòa tấu và xử lý tình huống trong khi biểu diễn	<i>Thực hành</i>	[A2]	[1] [3]-[4]
	B. Nội dung tự học: (17 tiết) <i>Đọc tài liệu và thực hành tập luyện hòa tấu, xử lý tình huống trong khi biểu diễn</i>	<i>Thực hành</i>	[A1]	[1]-[2] [3]-[4]
Chương 4: Ứng dụng công nghệ xử lý âm thanh, ánh sáng				

LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO10 LLO11 LLO12	A. Nội dung thực hiện trên lớp (2 tiết) * Nội dung lí thuyết: (2 tiết) 4.1. Sử dụng micro và thiết bị âm thanh cho nhạc cụ. 4.2. Phối hợp âm thanh và ánh sáng để tăng hiệu quả biểu diễn. 4.3. Quay, ghi âm và đánh giá lại phần biểu diễn.	<i>Giảng giải minh họa. Thực hành</i>	[A1] [A2]	[1] [3]-[4]
	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (10 tiết) 3.3. Thực hành xử lý âm thanh, ánh sáng, quay phim trên sân khấu giả định.	<i>Thực hành</i>	[A2]	[1] [3]-[4]
	B. Nội dung tự học: (19 tiết) <i>Đọc tài liệu và thực hành thực hành xử lý âm thanh, ánh sáng, quay phim trên sân khấu giả định</i>	<i>Thực hành</i>	[A1]	[1]-[2] [3]-[4]
Chương 5: Tổ chức chương trình biểu diễn				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO13 LLO14 LLO15	A. Nội dung thực hiện trên lớp (5 tiết) * Nội dung lí thuyết: (5 tiết) 5.1. Lập kế hoạch biểu diễn: chọn tác phẩm, phân công vai trò, lên lịch trình. 5.2. Tổng duyệt chương trình biểu diễn: chỉnh sửa và hoàn thiện. 5.3. Thực hiện chương trình biểu diễn trước khán giả.	<i>Giảng giải minh họa. Thực hành</i>	[A1] [A2]	[1]-[2] [3]-[4]
	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (20 tiết) 5.4. Thực hành biểu diễn và hoàn thiện chỉnh sửa.	<i>Thực hành</i>	[A2]	[1]-[2] [3]-[4]
	B. Nội dung tự học: (40 tiết) <i>Đọc tài liệu và thực hành đệm các loại ca khúc trong chương trình</i>	<i>Thực hành</i>	[A1]	[1]-[2] [3]-[4]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành đàn phím điện tử
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, loa, đài, đàn phím điện tử.
- Điều kiện khác: Phòng cách âm

8.58. Biểu diễn nghệ thuật tổng hợp (59PGA931)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	10	20
2	Bài tập	10	15
3	Thực hành	50	75
4	Thảo luận	10	10
Tổng		80	120

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Thanh nhạc; Nhạc cụ; PPDD chương trình NTTH
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Nghệ thuật; Khoa Giáo dục Tiểu học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
37.	Th.S. Lương Ngọc Quỳnh	0913967828	quynhln@tnue.edu.vn
38.	Th.S. Đỗ Linh Chi	0988808489	Chidtl@tnue.edu.vn
39.	Th.S, Nguyễn Văn Thiệu	0988268558	Thieunv@tnue.edu.vn
40.	TS. Phạm Minh Thuỳ	0338559688	Thuypm@tnue.edu.vn
41.	TS. Nguyễn Thanh Tiến	0971954333	Tiennt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức:

CO1.

- Trình bày được phương pháp lý luận cơ bản về biểu diễn nghệ thuật tổng hợp (sân khấu, biểu cảm...); Mối quan hệ giữa các loại hình nghệ thuật khác nhau (ca, múa, nhạc).

- Phát triển được những vấn đề chung về ca, múa, nhạc và các kỹ năng thể hiện tác phẩm.

- Phân tích được kỹ thuật cơ bản của ca/múa/nhạc kết hợp với phong cách biểu diễn vào các tiết mục. Có năng lực biểu diễn, biểu cảm thể hiện tác phẩm, theo nội dung tác phẩm.

- Vận dụng các kỹ thuật của hát/múa/đàn một cách hiệu quả và lựa chọn những tác phẩm phù hợp với năng lực của mình.

CO2.

- Thể hiện được những kỹ năng hát/múa/đàn và xử lý tác phẩm trong biểu diễn

- Vận dụng được các kỹ năng một cách linh hoạt để kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học trong học tập và rèn luyện kỹ năng thể hiện các loại hình nghệ thuật.

- Thể hiện được đa dạng năng lực khác nhau, và nhiều phong cách biểu diễn khác nhau.

- Xử lý tốt kỹ thuật biểu diễn của mỗi loại hình ca/múa/nhạc khi ghép

chương trình.

CO3. Thực hành dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp theo quy trình

*** Về kĩ năng**

CO4. Giao tiếp và hợp tác có hiệu quả trong quá trình học tập biểu diễn chương trình nghệ thuật tổng hợp. Lựa chọn những thể loại phù hợp với năng lực và sở trường.

CO5. Ứng dụng được công nghệ thông tin trong quá trình học tập và biểu diễn.

CO6. Thể hiện biểu cảm, cảm xúc khi biểu diễn mỗi thể loại

CO7. Áp dụng được các phương pháp, kĩ thuật kiểm tra đánh giá thực hành biểu diễn nghệ thuật tổng hợp.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO8, Tự giác học tập, hoàn thành bài tập đầy đủ, lên kế hoạch học tập cụ thể, khoa học. Tự tìm tòi, khám phá kiến thức âm nhạc ngoài giờ lên lớp. Có khả năng thực hiện đúng nội quy của trường, lớp, quy định của nội dung biểu diễn và quy định về đạo đức nhà giáo.

CO9. Ý thức được tầm quan trọng của môn học, nỗ lực học tập để đạt được mục tiêu đề ra. Hoàn thành đầy đủ bài tập do thầy cô giáo. Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng của biểu diễn ca/múa/nhạc vào quá trình hoạt động và dạy học ở trường phổ thông.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần	CDR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Trình bày được phương pháp lý luận cơ bản về biểu diễn nghệ thuật tổng hợp (sân khấu, biểu cảm...); Mối quan hệ giữa các loại hình nghệ thuật khác nhau (ca, múa, nhạc). Phát triển được những vấn đề chung về ca, múa, nhạc và các kĩ năng thể hiện tác phẩm.	PLO2, 3
	CLO2	Phân tích được kĩ thuật cơ bản của ca/múa/nhạc kết hợp với phong cách biểu diễn vào các tiết mục. Có năng lực biểu diễn, biểu cảm thể hiện tác phẩm, theo nội dung tác phẩm.	PLO2, 3,8
	CLO3	Vận dụng các kĩ thuật của hát/múa/đàn một cách hiệu quả và lựa chọn những tác phẩm phù hợp với năng lực của mình.	PLO2, 3
CO2	CLO4	Thể hiện được những kĩ năng hát/múa/đàn và xử lý tác phẩm trong biểu diễn	PLO2, 3,8, 11,12, 13
	CLO5	Vận dụng được các kĩ năng một cách linh hoạt để	PLO2,

		kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học trong học tập và rèn luyện kỹ năng thể hiện các loại hình nghệ thuật. Thể hiện được đa dạng năng lực khác nhau, và nhiều phong cách biểu diễn khác nhau.	3,11,12, 13
	CLO6	Xử lý tốt kỹ thuật biểu diễn của mỗi loại hình ca/múa/nhạc khi ghép chương trình.	PLO2, 3,8,11,12, 13
CO3	CLO6	Phân tích, vận dụng được các nội dung đã học vào thực hành dạy học môn âm nhạc ở phổ thông.	PLO2,3, 11,12, 13
Kĩ năng			
CO4	CLO7	Giao tiếp và hợp tác có hiệu quả trong quá trình học tập biểu diễn chương trình nghệ thuật tổng hợp. Lựa chọn những thể loại phù hợp với năng lực và sở trường.	PLO4,7
CO5	CLO 8	Ứng dụng được công nghệ thông tin trong quá trình học tập và biểu diễn.	PLO8
CO6	CLO 9	Thể hiện biểu cảm, cảm xúc khi biểu diễn mỗi thể loại	PLO12
CO7	CLO10	Áp dụng được các phương pháp, kỹ thuật kiểm tra đánh giá thực hành biểu diễn nghệ thuật tổng hợp.	PLO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO8,9	CLO11	Có khả năng thực hiện đúng nội quy của trường, lớp, quy định của nội dung biểu diễn và quy định về đạo đức nhà giáo. Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng của biểu diễn ca/múa/nhạc vào quá trình hoạt động và dạy học ở trường phổ thông.	PLO14 PLO15

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1		x	x												
CLO2		x	x					x							
CLO3		x	x												
CLO4		x	x					x			x	x	x		
CLO5		x	x					x			x	x	x		
CLO6		x	x								x	x	x		
CLO7							x								

CLO8								x							
CLO9															
CLO10													x		
CLO11														x	x
MĐG	0	3	3	0	0	0	1	2	0	0	2	2	2	1	1

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Biểu diễn nghệ thuật tổng hợp giúp người học có kiến thức tổng quan về hát, múa, đàn và khả năng biểu diễn. Vận dụng được vũ đạo, múa, tiết tấu, di chuyển nhịp nhàng và làm chủ sân khấu biểu diễn. Thực hành luyện tập một số thể loại bài hát, múa, đàn phù hợp với khả năng của mỗi người, tiếp cận và làm quen với nhiều phong cách biểu diễn mới.

Comprehensive performing arts helps learners gain general knowledge about singing, dancing, playing instruments and performance skills. Apply choreography, dance, rhythm, move smoothly and master the performance stage. Practice practicing some genres of songs, dances, and instruments suitable for each person's ability, approach and get acquainted with many new performance styles.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp, 100% giờ học trực tuyến (nếu có), đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành bài thực hành cá nhân.
- Kiểm tra định kỳ: Dự và thực hiện kiểm tra định kì đúng lịch.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- Đánh giá theo thang 10 điểm.
- Hình thức đánh giá:
 - A1: Chuyên cần;
 - A2: Thực hành;
 - A3: Kiểm tra định kỳ;
 - A4: Thi kết thúc học phần.
- Đánh giá quá trình:
 - + Trọng số điểm: 50% [Chuyên cần 10%; Thực hành cá nhân 20%, bài kiểm tra định kỳ 20% (thực hành)].
 - + Hình thức: Đánh giá qua thực hành nhóm.
- Thi kết thúc học phần: Trọng số điểm: 50%; Hình thức: Thực hành Bài tập lớn

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần		01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-9
4	A2. Thực hành		01	Đáp án, thang điểm	CLO 6, 7, 8, 9
5	A3. Bài kiểm tra định kì		01	Đáp án, thang điểm	CLO 3, 4, 5, 6, 7,8
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A4. Thực hành Bài tập lớn	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 6, 7,8, 9

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp thực hành	Dự 80%-89% số giờ lên lớp thực hành	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp thực hành	Dự 95% -100% số giờ lên lớp thực hành

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

- [1] Lương Ngọc Quỳnh, *Đề cương bài giảng Biểu diễn nghệ thuật tổng hợp*, 2024, ĐHSP Thái Nguyên
- [2] Nguyễn Văn Thiều (2019), *Đề cương bài giảng Dàn dựng chương trình tổng hợp*, Tài liệu lưu hành nội bộ trường Đại học Sư Phạm.
- [3] Lê Anh Tuấn (2007), *Giáo trình dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp*, Nxb

Đại học Sư phạm.

9.2. Tài liệu tham khảo: (nếu có)

[3] Ngô Thị Nam, Hát, NXB Giáo dục

[4] Nguyễn Trung Kiên, *Giáo trình thanh nhạc*, (Hệ trung học 4 năm), 2001, Bộ VHTT

[5] Chương trình thanh nhạc hệ ĐHSP 4 năm, Những ca khúc Việt Nam (Dành cho năm thứ 1,2,3,4).

[6]. Dương Viết Á, Đức Trịnh (2000), *Tổ chức và dàn dựng chương trình biểu diễn ở cơ sở*, Trường CDVHNT Quân đội.

[7]. Lê Ngọc Canh (2009), *Phương pháp đạo diễn chương trình nghệ thuật tổng hợp*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

[8]. Lê Ngọc Canh (2001), *100 điệu múa truyền thống Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin – TT Nghệ thuật múa UNESCO Hà Nội.

[9]. Đào Ngọc Dung (1997), *Những bài hát tập thể đồng ca, hợp xướng I-II-III*, Nxb Trường CDSP Nhạc họa TW.

[10]. Nguyễn Thị Hiền (2006), *Nghệ thuật biên đạo múa*, Nxb Văn hóa Hà Nội.

[11]. Lê Ngọc Khanh (2006), *Đạo diễn các chương trình nghệ thuật*, Nxb giáo dục.

[12]. Lưu Văn Nghiêm (2007), *Tổ chức sự kiện*, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân

9.3. Website (nếu có)

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Trình bày được phương pháp lý luận cơ bản về biểu diễn nghệ thuật tổng hợp (sân khấu, biểu cảm...); Mối quan hệ giữa các loại hình nghệ thuật khác nhau (ca, múa, nhạc). Phát triển được những vấn đề chung về ca, múa, nhạc và các kỹ năng thể hiện tác phẩm.
LLO2	Phân tích được kỹ thuật cơ bản của ca/múa/nhạc kết hợp với phong cách biểu diễn vào các tiết mục. Có năng lực biểu diễn, biểu cảm thể hiện tác phẩm, theo nội dung tác phẩm.
LLO3	Vận dụng các kỹ thuật của hát/múa/đàn một cách hiệu quả và lựa chọn những tác phẩm phù hợp với năng lực của mình.
LLO4	Thể hiện được những kỹ năng hát/múa/đàn và xử lý tác phẩm trong biểu diễn
LLO5	Vận dụng được các kỹ năng một cách linh hoạt để kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học trong học tập và rèn luyện kỹ năng thể hiện các loại hình nghệ thuật. Thể hiện được đa dạng năng lực khác nhau, và nhiều phong cách biểu diễn khác nhau.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO6	Xử lý tốt kỹ thuật biểu diễn của mỗi loại hình ca/múa/nhạc khi ghép chương trình.
LLO7	Phân tích, vận dụng được các nội dung đã học vào thực hành dạy học môn âm nhạc ở phổ thông.
LLO8	Phát triển được những vấn đề chung về biểu diễn nghệ thuật tổng hợp và các kỹ năng thể hiện tác phẩm.
LLO9	Thể hiện được sắc thái, biểu cảm, đạt được những kỹ năng biểu diễn

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)										
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
LLO1	x										
LLO2		x			x	x					
LLO3		x	x								
LLO4			x	x							
LLO5		x	x	x	x		x				
LLO6					x		x				
LLO7								x	x		
LLO8	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
LLO9	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Khái quát về biểu diễn nghệ thuật tổng hợp				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (20 tiết) * Nội dung lí thuyết: (4 tiết) 1.1. Khái quát chung 1.1.1. Khái niệm, đặc trưng và vai trò của biểu diễn nghệ thuật tổng hợp. 1.1.2. Phân biệt biểu diễn nghệ thuật tổng hợp với các loại hình nghệ thuật khác. 1.1.3. Các loại hình biểu diễn nghệ thuật tổng hợp 1.1.4. Phân tích các yếu tố làm nên một màn biểu diễn thành công (kịch bản, âm nhạc, ánh sáng, sân khấu). 1.2. Lựa chọn và phân tích thể loại 1.2.1. Lựa chọn tác phẩm biểu diễn 1.2.1.1. Lựa chọn tác phẩm phù hợp với	Giảng giải minh họa.		[1] [2] [3]

	<i>khả năng</i> <i>1.2.1.2. Lựa chọn và vận dụng kỹ thuật xử lý tác phẩm</i> <i>1.2.1.3. Lựa chọn phong cách biểu diễn</i> <i>1.2.2. Phân tích tác phẩm biểu diễn</i> <i>1.2.2.1. Phân tích nội dung và thông điệp của tác phẩm</i> <i>1.2.2.2. Xác định điểm nhấn và ý nghĩa của từng tiết mục trong chương trình biểu diễn</i> <i>1.2.2.3 Xây dựng cảm xúc của từng tiết mục trước khi biểu diễn.</i>			
	* Nội dung thảo luận: (03 tiết) Thực hành biểu diễn các tác phẩm đã xây dựng và tập luyện			[1] [2] [3]
	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (10 tiết) Thực hành biểu diễn các tác phẩm đã xây dựng và tập luyện			[1] [2] [3]
	B. Nội dung tự học: 40 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và trả thực hành luyện tập			[1] [2] [3]
Chương 2: Một số kỹ năng cần thiết cho người biểu diễn				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (20 tiết) * Nội dung lý thuyết: (3 tiết) 2.1. Kỹ năng diễn xuất 2.2. Kỹ năng ca hát 2.3. Kỹ năng nhảy, múa 2.4. Kỹ năng sử dụng nhạc cụ 2.5. Xử lý sân khấu 2.6. Kỹ năng làm việc nhóm	<i>Giảng giải</i> <i>minh họa.</i>		[1] [2] [3]
	* Nội dung thảo luận: (03 tiết)			[1] [2]
	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (10 tiết) Thực hành luyện tập các kỹ năng biểu diễn		[A1]	[1] [2] [3]
	B. Nội dung tự học: (40 tiết) Sinh viên nghiên cứu tài liệu và thực hành luyện tập			[1] [2] [3]

Chương 3: Vận dụng sáng tạo và dàn dựng một chương trình biểu diễn				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (40 tiết) * Nội dung lí thuyết: (3 tiết) 3.1. Các bước xây dựng một chương trình biểu diễn 3.1.1. Xác định mục tiêu và đối tượng 3.1.2. Chọn chủ đề 3.1.3. Xây dựng kịch bản 3.1.4. Tuyển chọn diễn viên và đội ngũ (êkip) thực hiện 3.1.5. Chuẩn bị sân khấu và thiết bị 3.1.6. Quảng bá chương trình hiệu quả 3.1.7. Tổ chức biểu diễn 3.1.8. Đánh giá và rút kinh nghiệm 3.2. Một vài lưu ý cho sự thành công 3.2.1. Tính sáng tạo 3.2.2. Kỷ luật 3.2.3. Linh hoạt 3.2.4. Làm việc nhóm 3.2.5. Kinh phí tổ chức	<i>Giảng giải minh họa.</i>	[A1]	[1] [2] [3]
	* Nội dung thảo luận: (04 tiết)			
LLO2	* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (30 tiết) Thực hành tham gia vào các buổi tập luyện, biểu diễn		[A2]	[1] [2] [3]
	B. Nội dung tự học: (40 tiết) Sinh viên tích cực, chủ động luyện tập các nội dung ca/ múa/ nhạc, vũ đạo,...	<i>Thực hành</i>	[A1]	[1] [2] [3]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, phòng thực hành múa, sân khấu hội trường
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Ti vi, Ampli, loa, đài, đàn phím piano.
- Điều kiện khác: Phòng cách âm

9. Hướng dẫn thực hiện

Chương trình được biên soạn theo hướng cập nhật với những kiến thức mới và hướng tới chương trình cải cách giáo dục đang tiến hành ở các trường phổ thông trung học trong cả nước. Yêu cầu của chương trình là thực hiện đầy đủ và đúng nội dung cũng như thời gian được phân bổ trong chương trình.

Nhìn chung chương trình thiết kế theo đường hướng lấy người học làm

trung tâm. Nên dành nhiều thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu và thảo luận. Việc lên lớp là bắt buộc theo quy chế, song việc tự học cần phải được phát huy tối đa, kết hợp với việc cung cấp các nguồn lực như giáo viên có năng lực, cơ sở vật chất, tài liệu...

Hàng năm, trên cơ sở các khoa/đơn vị đề nghị điều chỉnh các học phần trong chương trình đào tạo, Hiệu trưởng xem xét và ra quyết định điều chỉnh các học phần trong chương trình đào tạo.

Về đánh giá kết quả đào tạo: Việc đánh giá cần đảm bảo khách quan, đa dạng các hình thức đánh giá người học. Kết quả học tập của người học được đánh giá theo Quy chế đào tạo trình độ đại học Ban hành theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo.